BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**BÙI THỊ TUYẾT MAI**

# GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

**Ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục**
**Mã số: 62.14.01.02**

## LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. PHAN THANH LONG**

**HÀ NỘI – 2016**

# LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì một công trình nào khác.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

**Tác giả luận án**

**Bùi Thị Tuyết Mai**

# LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Phan Thanh Long, người Thầy đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học, giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Phòng Sau Đại học và Khoa Tâm lý – Giáo dục học đã thường xuyên chỉ bảo, hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành luận án Tiến sĩ đúng thời hạn.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình đã tạo điều kiện về thời gian và số liệu để tôi hoàn thành luận án Tiến sĩ.

**Tác giả luận án**

**Bùi Thị Tuyết Mai**

# MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan ..... i
Lời cảm ơn ..... ii
Mục lục ..... iii
Danh mục bảng ..... ix
Danh mục biểu đồ ..... x
**MỞ ĐẦU** ..... 1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu ..... 1
2. Mục đích nghiên cứu ..... 3
3. Khách thể và Đối tượng nghiên cứu ..... 3
4. Giả thuyết khoa học ..... 4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu ..... 4
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu ..... 4
7. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu ..... 5
8. Luận điểm bảo vệ ..... 6
9. Những đóng góp mới của luận án ..... 7
10. Cấu trúc luận án ..... 8
**Chương 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC** ..... 9
**1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề** ..... 9
*1.1.1. Hướng nghiên cứu về đạo đức và giáo dục đạo đức* ..... 9
*1.1.2. Hướng nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp và giáo dục đạo đức nghề nghiệp người giáo viên* ..... 15
**1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài** ..... 27
*1.2.1. Đạo đức và giáo dục đạo đức* ..... 27
*1.2.2. Đạo đức nghề nghiệp* ..... 30
*1.2.3. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp* ..... 31

*1.2.4. Đạo đức nghề dạy học* ..... 32
*1.2.5. Giáo dục đạo đức nghề dạy học* ..... 33
**1.3. Đặc điểm của nghề dạy hoc** ..... 34
**1.4. Mối quan hệ giữa đạo đức nghề dạy học với đạo đức người thầy giáo** ..... 35
**1.5. Đặc điểm tâm lý của sinh viên sư phạm** ..... 37
**1.6. Yêu cầu của bối cảnh hiện nay đối với việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm** ..... 38
*1.6.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam* ..... 38
*1.6.2. Những yêu cầu của bối cảnh đối với giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm* ..... 41
**1.7. Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm** ..... 45
*1.7.1. Mục đích, ý nghĩa của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm* ..... 45
*1.7.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm* ..... 47
*1.7.3. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường sư phạm hiện nay* ..... 53
*1.7.4. Các lực lượng giáo dục* ..... 54
*1.7.5. Đối tượng giáo dục* ..... 55
*1.7.6. Môi trường giáo dục* ..... 56
*1.7.7. Kết quả giáo dục* ..... 56
**1.8. Những con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm** ..... 57
*1.8.1. Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm* ..... 57
*1.8.2. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp* ..... 58
*1.8.3. Thông qua hoạt động tự quản của tập thể* ..... 59
*1.8.4.Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân sinhviên* ..... 59

*1.8.5. Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*..... 61
**1.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.** ..... 62
*1.9.1. Các yếu tố khách quan (môi trường kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, thông tin, các văn bản có tính pháp quy…)* ..... 62
*1.9.2. Các yếu tố chủ quan (nội dung, chương trình, lực lượng giáo dục, bản thân mỗi SV, việc kiểm tra, đánh giá…)* ..... 65
**Kết luận chương 1** ..... 69
**Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC** ..... 71
**2.1. Khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục** ..... 71
*2.1.1. Mục đích khảo sát thực trạng* ..... 71
*2.1.2. Nội dung khảo sát* ..... 71
*2.1.3.Đối tượng khảo sát* ..... 71
*2.1.4. Phương pháp khảo sát và xử lí kết quả* ..... 71
**2.2. Thực trạng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng sư phạm** ..... 72
*2.2.1. Nhận thức của sinh viên cao đẳng sư phạm về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp* ..... 72
*2.2.2. Tầm quan trọng của những phẩm chất, năng lực mà người giáo viên cần có* ..... 75
*2.2.3. Phương pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp* ..... 77
*2.2.4. Thái độ của giáo viên, cán bộ quản lý và sinh viên với những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp* ..... 80
*2.2.5. Hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm* ..... 82
*2.2.6. Mức độ tham gia các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng sư phạm* ..... 83

**2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm** ..... 85
*2.3.1.Nhận thức của giáo viên, cán bộ quản lý về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm* ..... 85
*2.3.2. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm* ..... 89
*2.3.3. Hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm* ..... 91
**2.4. Hiệu quả các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm** ..... 92
**2.5. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường cao đẳng sư phạm** ..... 94
**2.6. Nhận xét chung về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục** ..... 96
*2.6.1. Ưu điểm* ..... 96
*2.6.2. Nguyên nhân* ..... 96
*2.6.3. Hạn chế* ..... 97
*2.6.4. Nguyên nhân* ..... 98
**Kết luận chương 2** ..... 99
**Chương 3: BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC** ..... 101
**3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp** ..... 101
*3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục đào tạo* ..... 101
*3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa ý thức và hành vi* ..... 101
*3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn* ..... 102
*3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính thường xuyên, liên tục* ..... 102
**3.2. Các biện pháp đề xuất** ..... 103
*3.2.1. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào giảng dạy một số môn học cho sinh viên sư phạm.* ..... 103

*3.2.2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thông qua các ngày lễ, ngày hội lớn của đất nước.* ..... 108
*3.2.3. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để bồi dưỡng thái độ, niềm tin đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên* ..... 111
*3.2.4. Nêu gương sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gương sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo* ..... 114
*3.2.5. Tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để rèn luyện các hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở trường cao đẳng sư phạm* ..... 117
*3.2.6. Phát huy vai trò tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân trong suốt quá trình đào tạo tại trường sư phạm* ..... 122
*3.2.7. Xây dựng một số hoạt động tư vấn về nghề dạy học cho sinh viên tại các trường cao đẳng sư phạm* ..... 126
*3.2.8. Phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên cao đẳng sư phạm với các giáo viên phổ thông trong công tác thực tập sư phạm cho sinh viên* ..... 128
**3.3. Thực nghiệm sư phạm** ..... 131
*3.3.1. Mục đích thực nghiệm* ..... 131
*3.3.2. Mẫu khách thể thực nghiệm, địa bàn và thời gian thực nghiệm* ..... 131
*3.3.3. Nội dung thực nghiệm* ..... 132
*3.3.4. Tiêu chí đo, thang đo kết quả thực nghiệm* ..... 132
*3.3.5. Phân tích kết quả thực nghiệm* ..... 133
**Kết luận chương 3** ..... 143
**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ** ..... 145
**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ** ..... 151
**TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... 152
**PHỤ LỤC**

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

| | |
|---|---|
| CĐSP | : Cao đẳng Sư phạm |
| CNH – HĐH | : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa. |
| CB QLGD | : Cán bộ quản lí giáo dục |
| ĐC | : Đối chứng |
| GDĐĐ | : Giáo dục đạo đức |
| ĐĐNN | : Đạo đức nghề nghiệp |
| GDĐĐNN | : Giáo dục đạo đức nghề nghiệp |
| LLGD | : Lực lượng giáo dục |
| NN | : Nghề nghiệp |
| RLNVSP | : Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm |
| TN | : Thực nghiệm sư phạm |
| THCS | : Trung học cơ sở |
| SVSP | : Sinh viên sư phạm |

# DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 2.1: Nhận thức của sinh viên sư phạm về mục đích rèn luyện ĐĐNN ..... 72
Bảng 2.2: Động cơ thi vào trường sư phạm của sinh viên ..... 73
Bảng 2.3: Đánh giá của SV về tính phù hợp của các nội dung rèn luyện ĐĐNN .. 74
Bảng 2.4: Mức độ quan trọng của những phẩm chất, năng lực người giáo viên ..... 76
Bảng 2.5: Phương pháp rènluyện ĐĐNN của SV khi học ở trường sư phạm .. 78
Bảng 2.6: Thái độ của GV, CBQL và SV với những biểu hiện vi phạm ĐĐNN ..... 80
Bảng 2.7: Mức độ vi phạm đạo đức của SV CĐSP trong học tập 82
Bảng 2.8: Mức độ tham gia các hoạt động RLĐĐNN của sinh viên CĐSP ... 83
Bảng 2.9: Nhận thức của GV, CBQL về mục đích giáo dục ĐĐNN cho SVCĐSP ..... 85
Bảng 2.10: Nhận thức của GV, CBQL về các ND GDĐĐNN cho SVSP ..... 86
Bảng 2.11: Đánh giá của GV, CBQL về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục ..... 87
Bảng 2.12: Đánh giá của GV, CBQL và SV về lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP ..... 89
Bảng 2.13: Đánh giá của GV, CBQL và SV về hiệu quả GDĐĐNN cho SVSP .. 91
Bảng 2.14: Hiệu quảcác con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên CĐSP ..... 93
Bảng 2.15: Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của sinh viên ..... 94
Bảng 3.1: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN ..... 134
Bảng 3.2: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 1 ..... 136
Bảng 3.3: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 2 ..... 139

# DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC trước TN ..... 134
Biểu đồ 3.2: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trước TN ..... 135
Biểu đồ 3.3: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN ..... 136
Biểu đồ 3.4: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1..... 137
Biểu đồ 3.5: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1..... 137
Biểu đồ 3.6: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1.....138
Biểu đồ 3.7: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 ..... 139
Biểu đồ 3.8: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 ..... 140
Biểu đồ 3.9: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 ..... 140

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Trong bài phát biểu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội (10/1964) chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa cộng sản. Người thầy giáo tốt, người thầy giáo xứng đáng là người thầy vẻ vang nhất, dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương song những người thầy giáo tốt là những người anh hùng vô danh"[68,tr.339]. Câu nói rất đỗi giản dị nhưng càng suy ngẫm chúng ta càng thấy giá trị, tầm quan trọng của người thầy.

Trong xu thế đổi mới giáo dục đã làm thay đổi quan niệm về vị trí, vai trò, sứ mạng của người thầy giáo. Những đặc điểm của xã hội hiện đại mang đến cho giáo dục những thời cơ để phát triển nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều thách thức.

Một bộ phận lớn sinh viên sư phạm đã nhận thức đúng đắn việc học tập và tu dưỡng đạo đức. Họ năng động, tích cực, tự tin, thực tế và có tính cạnh tranh hơn, khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề, hợp tác với nhau cao hơn. Phương pháp giáo dục trong nhà trường chuyển từ phương pháp áp đặt, truyền thụ một chiều, lấy người dạy làm trung tâm sang phương pháp giáo dục tích cực, tôn trọng cá tính nhân cách, dạy phương pháp học và tự học. Việc đào tạo một thế hệ thầy cô giáo có tri thức khoa học, công nghệ hiện đại, có khả năng, năng lực chuyên môn là mục tiêu của trường sư phạm giai đoạn hiện nay chứ không phải đạt được bằng cấp hư danh.

Hệ thống các trường sư phạm là nơi đào tạo ra những thế hệ thầy cô giáo, những người sẽ quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo trong tương lai. Vì thế, để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước, đáp ứng yêu cầu của thời đại, mỗi sinh viên (SV) sư phạm phải được giáo dục trong một môi trường hiệu quả, hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng khâu rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Hiện nay việc thực hiện chuẩn đạo đức nghề nghiệp và cấu trúc đạo đức nghề nghiệp trong các nhà trường chưa có sự thống nhất. Trong Luật giáo dục ghi rõ: "Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây: phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ, đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng" [63, tr.54]. Tuy nhiên thực tế đạo đức nghề nghiệp ở một số giáo viên cũng như trong đội ngũ sinh viên đang đào tạo tại các trường sư phạm vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

Chất lượng giáo viên không đồng đều, còn hạn chế trong cả kiến thức, trình độ và đặc biệt là năng lực. Đổi mới theo tinh thần phát triển năng lực và phẩm chất đòi hỏi giáo viên, cán bộ quản lí cần tự thay đổi một cách căn bản và mạnh mẽ, nhất là về năng lực khoa học và sư phạm.

Bên cạnh những giá trị đạo đức của người Thầy trong truyền thống được giữ vững và phát huy thì không ít những giá trị đó đang biến đổi, có ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức người thầy: sự phân hóa giàu nghèo, hiện tượng tuyệt đối hóa lợi ích vật chất, lối sống thực dụng, các tệ nạn xã hội khác đã và đang có những tác động tiêu cực đến tình cảm, nguyện vọng của những người làm nghề sư phạm, khiến một bộ phận nhà giáo có biểu hiện sa sút, thậm chí suy thoái đạo đức, lối sống. Những hiện tượng liên quan đến suy thoái đạo đức nhà giáo đã tác động không nhỏ tới đời sống xã hội, làm hoen ố hình ảnh một nghề cao quí được cả xã hội tôn vinh, làm chi phối quan hệ đạo đức vốn được coi là thiêng liêng như quan hệ thầy trò.

Thực tế cho thấy ở các trường sư phạm nói chung và các trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) nói riêng, không ít sinh viên còn chưa xác định rõ mục tiêu, lý tưởng, động cơ nghề nghiệp của mình, vì thế các em gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Nhiều em còn băn khoăn hoang mang với sự lựa chọn nghề của mình. Sinh viên đa số là những người tuổi đời còn trẻ, độ tuổi mà ở họ có nhiều mặt tích cực song cũng còn tồn tại không ít những hạn chế nhất định của tuổi trẻ: Sự bồng bột, chủ quan, nóng vội, nhẹ dạ cả tin, dễ hoang mang trước những khó khăn của cuộc sống, dễ sa ngã, dễ bị kích động, kinh nghiệm sống còn thiếu.

Quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm còn nặng về trang bị, cung cấp kiến thức khoa học chưa chú ý rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp và những phẩm chất đạo đức của người giáo viên.Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mặc dù đã được chú ý nhưng chưa đổi mới thường xuyên, nội dung nghèo nàn, thực hiện chưa đồng bộ.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, các trường sư phạm cần quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các môn học. Muốn dạy học tốt trước hết phải có tâm hồn đẹp. Tu dưỡng về nghề căn bản nhất và cũng gian khổ là luyện tâm hồn. Không có tâm hồn đẹp, khó dạy học sinh thành công. Quá trình luyện tâm hồn đi song song với quá trình luyện tay nghề. Nói cách khác‘‘hồng thắm’’phải tiến hành cùng lúc với‘‘chuyên sâu’’.

Từ những lí do trên, có thể khẳng định việc lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục”*** là rất cần thiết, có ý nghĩa lí luận và thực tiễn cao, góp phần đào tạo ra những giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có nhân cách hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm, đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

**3. Khách thể và Đối tượng nghiên cứu**

***3.1. Khách thể nghiên cứu***

Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm.

***3.2. Đối tượng nghiên cứu***

Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

**4. Giả thuyết khoa học**

Hiện nay bối cảnh đổi mới giáo dục đang đòi hỏi người giáo viên phải có những phẩm chất và năng lực để có thể đáp ứng được các yêu cầu đó. Một số trường cao đẳng sư phạm đã có những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nhưng những biện pháp đó có thể còn chưa mang lại hiệu quả. Nếu xây dựng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở các trường cao đẳng sư phạm có tính hệ thống theo hướng tiếp cận hoạt động nhân cách và tiếp cận phát triển để phù hợp với thực tiễn đào tạo trong giai đoạn hiện nay sẽ nâng cao được chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

**5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

**5.1.** Nghiên cứu cơ sở lí luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

**5.2.** Khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm.

**5.3.** Đề xuất biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

**5.4.** Thực nghiệm một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm.

**6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

- ***Giới hạn địa bàn nghiên cứu:***

Chỉ tập trung nghiên cứu sinh viên cao đẳng sư phạm (những người đang trong tiến trình đào tạo 3 năm để trở thành giáo viên tương lai) và cán bộ quản lí, giáo viên, các lực lượng liên quan ở 4 trường: Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Cao đẳng Sư phạm Trung Ương, Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên.

- ***Giới hạn nội dung nghiên cứu:***

+ Đề tài nghiên cứu một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

+ Thực nghiệm khoa học được thực hiện với sinh viên khoa giáo dục mầm non tại trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình.

**7. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

***7.1. Phương pháp luận***

Trong quá trình nghiên cứu tác giả dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử chủ nghĩa Mác – Lênin, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về giáo dục đào tạo, dựa trên các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở phương pháp luận, từ đó định hướng cho việc tiếp cận đối tượng theo quá trình giáo dục để nghiên cứu, luận giải các nhiệm vụ của đề tài.

***7.2. Phương pháp nghiên cứu***

*7.2.1.Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết:*

Phương pháp phân tích, tổng hợp lí thuyết, phân loại hệ thống hóa lí thuyết, mô hình hóa và phương pháp giả thuyết để rút ra những vấn đề liên quan trực tiếp đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

*7.2.2.Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn:*

***+ Phương pháp quan sát:***

Chúng tôi tiến hành quan sát các hoạt động của giáo viên, SVSP để đánh giá những biểu hiện về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên, SVSP, và kết quả thực hiện các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP.

***+ Phương pháp điều tra (anket):***

Điều tra trưng cầu ý kiến bằng phiếu anket với các đối tượng: Sinh viên sư phạm, cán bộ quản lí giáo dục, giáo viên, các lực lượng giáo dục khác để tìm hiểu và khẳng định tính khách quan của vấn đề nghiên cứu. Cụ thể: Trưng cầu ý kiến của 429 sinh viên, và 141 giảng viên, cán bộ quản lí.

***+ Phương pháp phỏng vấn sâu:***

Phỏng vấn sâu giáo viên và sinh viên nhằm có thêm thông tin định tính, đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV và nguyên nhân của thực trạng đó ở một số trường CĐSP hiện nay.

***+ Nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm:***

Nghiên cứu báo cáo tổng kết của một số trường cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo sinh viên sư phạm, báo cáo phân tích chất lượng các mặt hoạt động của sinh viên, giáo án của giảng viên, vở ghi và giáo án tập giảng của sinh viên. Từ đó bổ sung thông tin đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm và đề xuất các biện pháp thích hợp.

***+ Phương pháp tổng kết kinh nghiệm:***

Chúng tôi trực tiếp đến một số trường cao đẳng sư phạm để tìm hiểu, tổng kết kinh nghiệm về công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

***+ Phương pháp thực nghiệm sư phạm:*** Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm tại trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 5 năm 2015 để rút ra kết luận về việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, và kiểm chứng giả thuyết khoa học

*7.2.3.Nhóm các phương pháp bổ trợ*

***+ Phương pháp chuyên gia:***

Chúng tôi thu thập ý kiến của các nhà giáo dục, cán bộ giảng dạy có thâm niên và kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm về các vấn đề: Các khái niệm khoa học, những luận cứ khoa học, thực trạng sử dụng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp, cách thức tổ chức thực nghiệm khoa học, cách xử lý số liệu.

***+ Phương pháp xử lí số liệu bằng toán thống kê:***

Chúng tôi sử dụng phương pháp toán xác suất thống kê để xử lí các số liệu thông qua cách lập bảng, vẽ đồ thị hoặc tính tham số đặc trưng (trung bình mẫu, trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn, T- test, hệ số tương quan trên cơ sở sử dụng phần mềm SPSS). Qua đó tiến hành so sánh các giá trị thu được giữa các nhóm thực nghiệm và đối chứng, đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã thực nghiệm.

**8. Luận điểm bảo vệ**

**8.1**. Trước yêu cầu đổi mới giáo dục, các trường sư phạm cần phải xác định lại mục tiêu đào tạo theo hướng coi trọng hơn nữa mặt giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện các phẩm chất cơ bản của người giáo viên, mặt khác nâng

cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, tăng cường hiệu quả nghiệp vụ, thực sự là dạy nghề, nâng cao tay nghề và tiềm lực nghề cho sinh viên, chuẩn bị những yếu tố cần thiết của nhân cách nhà giáo tương lai.

**8.2.** Để thực hiện hiệu quả công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm cần phải có những biện pháp giáo dục cụ thể, phù hợp với các trường cao đẳng sư phạm, bao gồm các nhóm biện pháp: (Nhóm biện pháp tác động vào nhận thức. Nhóm biện pháp tác động vào thái độ, niềm tin. Nhóm biện pháp tác động vào hành vi, thói quen. Nhóm biện pháp bổ trợ)

- Việc xây dựng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường cao đẳng sư phạm cần phải xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu của nhà trường, đặc biệt phải gắn liền với chủ trương đổi mới giáo dục Việt Nam.

**8.3**. Cần quan tâm khích lệ vai trò chủ thể, phát huy tính tự giác của sinh viên trong quá trình giáo dục để thúc đẩy quá trình chuyển hóa yêu cầu bên ngoài thành nhu cầu tự tu dưỡng, rèn luyện, đặc biệt chú trọng đến các hoạt động trải nghiệm cho sinh viên trong quá trình đào tạo ở nhà trường.

**9. Những đóng góp mới của luận án**

***9.1. Về mặt lí luận***

- Xác định được hệ thống khung lí luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Khái niệm, quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp, nhiệm vụ, nội dung, các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

- Đề tài góp phần khẳng định giá trị của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp nói chung, nghề thầy giáo nói riêng trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

- Luận án là tài liệu mới góp phần làm phong phú thêm lý luận giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người học trong nhà trường.

***9.2. Về mặt thực tiễn***

- Phát hiện được một số vấn đề về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm hiện nay, khái quát được nguyên nhân của thực trạng đó.

- Xây dựng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường cao đẳng sư phạm.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có khả năng ứng dụng trong xây dựng chuẩn đánh giá đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm. Đặc biệt, luận án cung cấp thêm tư liệu để các trường cao đẳng sư phạm tổ chức tốt hơn công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Nội dung luận án có thể sử dụng làm tài liệu trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục nhằm nâng cao thành tích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Luận án là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, giáo viên ở các trường cao đẳng sư phạm, là cơ sở khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

**10. Cấu trúc luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm.

Chương 2: Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Chương 3: Đề xuất một số biện pháp và thực nghiệm sư phạm.

# Chương 1
# CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

## 1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Trong những năm gần đây, vấn đề giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thế hệ trẻ trở thành mối quan tâm của toàn xã hội. Đã có nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước đề cập đến lĩnh vực giáo dục đạo đức, nhưng nghiên cứu về đạo đức và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì rất ít. Thực tế hiện nay đang tồn tại những giá trị đạo đức đối lập nhau, những giá trị đạo đức tốt đang có xu hướng khẳng định, được xã hội thừa nhận, những biểu hiện tiêu cực về đạo đức đang tồn tại và trở nên phức tạp. Vì vậy, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các thế hệ sinh viên sư phạm là một trong những biện pháp then chốt của nhà trường sư phạm nhằm tạo ra những giáo viên có năng lực sáng tạo và phẩm chất đạo đức tốt góp phần thực hiện việc đổi mới giáo dục.

### *1.1.1. Hướng nghiên cứu về đạo đức và giáo dục đạo đức*

**** Trên thế giới***

**- Khổng Tử (551- 479 TrCN)**

Khổng Tử là một học giả lớn, một nhà tư tưởng, nhà giáo dục lớn của Trung Quốc thời cổ đại. Học thuyết của ông đã có ảnh hưởng không chỉ trong suốt chiều dài lịch sử Trung Quốc mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia phương Đông khác như Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam.

Khổng Tử có nhiều quan niệm giáo dục rất tiến bộ so với đương thời, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm giáo dục phong phú, trong đó có nhiều kinh nghiệm giá trị lịch sử và giá trị thực tiễn cho đến ngày nay.

+ Khổng Tử đánh giá cao vai trò của giáo dục

+ Coi trọng giáo dục đạo đức trong nhân cách con người [44, tr.47].

**- Sôcrát (469 – 399 TrCN)**

Ở phương Tây, trước công nguyên có nhiều nhà triết học quan tâm đến vấn đề đạo đức. Nhà triết học Sôcrát hướng triết học vào việc giáo dục con người sống có đạo đức. Ông cho rằng: "Nguyên nhân sâu xa của hành vi có hay không có đạo đức là do nhận thức" [44, tr.55]. Ông không lưu lại một tác phẩm nào nhưng ngày nay người ta biết được quan điểm triết học của ông là nhờ vào những ghi chép của học trò như Platon, Arixtophan. Sôcrat rất quan tâm đến vấn đề giáo dục đạo đức và lí luận nhận thức. Theo ông mục đích của triết học là giảng về đạo đức, thông qua các tri thức triết học mà con người nhận thức chân lí và hành động đúng.

**- J.A. Cômenxki (1592- 1670)**

Sau này trên thế giới có nhiều triết gia, nhiều nhà giáo dục khác bàn về vấn đề đạo đức, trong đó phải kể đến nhà sư phạm lỗi lạc người Tiệp Khắc J.A. Cômenxki. Cả cuộc đời ông hiến dâng cho sự nghiệp giáo dục, ông đã để lại cho nhân loại 100 tác phẩm giáo dục, trong đó có những tác phẩm kiệt xuất đóng góp vào kho tàng giáo dục những kinh nghiệm quí báu.

Theo J.A. Cômenxki, nội dung giáo dục đạo đức cần tập trung vào hai điểm:

+ Giáo dục lòng tin vào thượng đế, vào chúa Trời

+ Nhận thức vào bản thân mình và nhận thức được thế giới xung quanh, biết xây dựng đời sống thực tế, tham gia tích cực vào cuộc sống [44, tr.92]

Các phương tiện giáo dục đạo đức:

+ Giáo dục đạo đức thông qua dạy học

+ Thông qua thực tiễn đời sống, hoạt động của con người

+ Bằng sự gương mẫu

+ Bằng qui tắc của cuộc sống, bằng kỉ luật [44, tr 93].

**- John Dewey (1859 – 1952)**

Tư tưởng giáo dục của nhà triết học, nhà tâm lí, giáo dục học John Dewey có ý nghĩa lớn lao đối với việc khởi xướng phong trào giáo dục tiến bộ của nước Mỹ từ những năm đầu thế kỉ XX.

Dewey xác định ba yếu tố độc lập nhưng có quan hệ chặt chẽ không tách rời đối với mỗi quyết định liên quan đến đạo đức con người là: giá trị vật chất, quyền lợi và lương tâm. Điều này được Dewey phân tích rõ trong tác phẩm: " Ba nhân tố độc lập của đạo đức" viết năm 1930. Ông cho rằng: Yếu tố bản sắc văn hóa và đạo đức luôn sống mạnh mẽ trong mỗi cá nhân, dù là thành viên yếu ớt nhất trong xã hội. Cho nên có thể nhận thấy rõ rằng các yếu tố văn hóa và đạo đức được hình thành trong quá trình sống, chứ không phải bẩm sinh có từ trước, nó luôn được bảo tồn, nuôi dưỡng và phát triển trong từng cá nhân. Do đó, đánh giá đạo đức phải là nhiệm vụ của từng thế hệ, quyết định những quy phạm đạo đức cần được xét trong trường hợp cụ thể, trong những điều kiện chính trị, xã hội khác nhau [44,tr.167].

Bên cạnh đó còn kể đến cuốn: "Bách khoa Toàn thư Triết học Stanford" xem đạo đức là các quy tắc hành xử được xã hội thống nhất, chấp nhận và đóng vai trò hướng dẫn hành vi cho tất cả thành viên trong xã hội đó.

Trong tác phẩm: " Nguồn gốc của đạo đức trong giáo dục Nhật Bản" của tác giả F. N. Kerlinger cho rằng tu thân chính là luân thường đạo đức hay những tiêu chuẩn về đạo đức. Tu thân chính là trọng tâm của chương trình giáo dục tại Nhật Bản, và cũng là trọng tâm trong cuộc sống người Nhật Bản [108]

Trong kế hoạch hiện tại Nhật Bản đã xây dựng xong bộ sách giáo khoa về giáo dục đạo đức và tiến hành đưa vào giảng dạy từ năm 2017 đối với bậc tiểu học, và từ năm 2018 đối với bậc THCS. Điều này đánh dấu một sự thay đổi lớn về vị trí của môn đạo đức trong giáo dục tại Nhật Bản. Bộ giáo dục Nhật Bản cũng đã hoàn thành việc kiểm định sách giáo khoa giảng dạy môn đạo đức trong nhà trường và từ năm 2016 mô hình giảng dạy đạo đức trên sách giáo khoa chuyên biệt được đưa vào áp dụng.

Trong tập san : "Giáo dục đạo đức" của Bộ Giáo dục quốc gia Nhật Bản năm 1958 có đưa ra những chi tiết của từng chủ đề giáo dục đạo đức giúp cho thầy cô giáo noi theo trong việc thực hành giảng dạy bao gồm: Tập quán lễ nghi, quý trọng sự sống và sức khỏe, hoà nhập, ý thức trách

nhiệm và sáng tạo, tâm hồn trong sáng và hướng thiện, tinh thần "hoà hiếu hạnh" trong gia đình, can đảm khi hành động và phục vụ chính nghĩa, lòng yêu nước và cộng đồng quốc tế.

Giáo sư Lanying Zhang, Dezhou University China, trong nghiên cứu về giáo dục đạo đức ở các trường cao đẳng trong thời kỳ mới đã có những nhận định và phân tích sâu sắc về vị trí, vai trò của giáo dục đạo đức ở các trường cao đẳng và đại học, qua đó ông đưa ra định hướng và biện pháp kết hợp giáo dục đạo đức trong thời kỳ mới [105].

Tác giả Edward J. Caropreso của Đại học Bắc Carolina ở Wilmington và Aaron W.Weese ở Trường Charlotte- Mecklenberg trong nghiên cứu: ''Giáo dục đạo đức - Bài học cho các chương trình chuẩn bị giáo viên'' đã khái quát: Chúng tôi cho rằng vai trò của "giáo dục đạo đức" dạy và học về thực hành đạo đức là một trong những yếu tố chưa được khai thác đầy đủ, khả năng cần thiết và có ảnh hưởng của kinh nghiệm giáo dục, dành cho học sinh và giáo viên. Bài viết này khám phá một số tài liệu liên quan, trích dẫn ví dụ về sự cần thiết phải giáo dục đạo đức và trình bày một khuôn khổ dự kiến để đưa giáo dục đạo đức trong chương trình đào tạo giáo viên.

Tác phẩm: ''Triết lý giáo dục quốc dân và ảnh hưởng đến sự phát triển quốc gia'' của Bassey Ubong (2011) cho rằng: "Đạo đức còn có nghĩa là ý thức tuân thủ kỷ luật phản ánh qua quan niệm xem giáo dục là con đường dẫn đến cuộc sống tốt đẹp hơn. Chính vì vậy mà thanh niên tích cực học tập, tuân theo các chuẩn mực về tôn trọng mọi người xung quanh và nhờ vậy giảm tỉ lệ thất nghiệp, mọi người đều tốt nghiệp và có việc làm" [104].

**** Ở Việt Nam***

Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc của các học thuyết về đạo đức của tam giáo (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo) và chọn lọc cái tinh túy nhất, cốt lõi nhất để noi theo. Hay ông cha ta còn quan niệm, rèn luyện đức độ còn có lợi cho con cháu sau này: "Cây xanh thì lá cũng xanh. Cha mẹ hiền lành để đức cho con", đồng thời khuyên nhủ, dạy bảo con cháu về đức hiếu kính:

"hiếu tự giả bách hạnh chi tiên" nghĩa là hiếu, là nết đứng đầu trăm nết. Hoặc khuyên dạy: "Đạo làm con chớ hững hờ, phải đem hiếu kính mà thờ mẹ cha", hay " tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha, kính mẹ mới là chân tu".

Giá trị của "đạo làm thầy" đã được hun đúc từ rất sớm trong lịch sử, gắn liền với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "tôn sư trọng đạo", đã trở thành giá trị văn hóa của dân tộc. Danh tiếng của thầy giáo Chu Văn An, nhà giáo dục tài đức vẹn toàn, nhất mực thương yêu học trò như con đẻ, song ông lại rất nghiêm khắc, đòi hỏi rất cao ở học trò cũng như ở chính mình. Bên cạnh việc trau dồi kiến thức, Chu Văn An đặc biệt quan tâm đến việc rèn luyện đạo đức cho học trò.

Chúng ta sinh ra và lớn lên trong thời đại Hồ Chí Minh, từ tấm bé đã thuộc lòng : "5 điều Bác Hồ dạy", tư tưởng và đạo đức của Người đã ăn sâu vào đời sống, biểu hiện trong ứng xử hàng ngày và đã được vận dụng vào các công trình, bài giảng. Người đã dày công xây dựng nên những giá trị, chuẩn mực đạo đức mới một cách toàn diện và sâu sắc trên các lĩnh vực hoạt động, cho mọi đối tượng, nghề nghiệp, cương vị công tác, đồng thời Người là tấm gương sáng về rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cách mạng. Tư tưởng đạo đức của Người cụ thể và gần gũi với nhiều đối tượng:

+ Đối với trẻ thơ, Bác chỉ mong các cháu"…*biết ăn biết ngủ, biết học hành là ngoan*".

+ Với thiếu niên, nhi đồng, Bác dạy thành 5 điều Bác dạy mỗi công dân nói chung phải tuân theo pháp luật, kỉ luật lao động, giữ gìn trật tự, hăng hái lao động sản xuất, tiết kiệm …

+ Đối với các chiến sĩ trong quân đội, Bác dạy phải "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

+ Đối với lực lượng công an, Bác dạy thành 6 điều theo 6 mối quan hệ với bản thân, với đồng sự, với chính phủ, với nhân dân, với công việc và với cả kẻ địch.

+ Đối với người Đảng viên, cán bộ, Bác dạy phải "*cần, kiệm, liêm, chính, chí, công, vô tư* ". Tư tưởng đạo đức của Bác Hồ thật gần gũi, dễ hiểu, dễ thực hiện nhưng cũng rất chặt chẽ, toàn diện và sâu sắc.

Bên cạnh đó cũng có một số tác giả khác nghiên cứu về đạo đức trong mối quan hệ với văn hoá, giá trị truyền thống, lối sống…như Vũ Khiêu, Trần Ngọc Thêm, Trần Văn Giàu…

Đặc biệt gần đây nhất, trước tình trạng báo động về sự suy thoái đạo đức của học sinh, sinh viên, Hội khoa học Tâm lý – Giáo dục đã tổ chức một hội thảo khoa học về "Giáo dục đạo đức học sinh – sinh viên ở nước ta – Thực trạng và giải pháp". Hội thảo đã thu hút nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục tham gia với hàng trăm báo cáo, tất cả đều xoay quanh vấn đề làm thế nào để giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên có hiệu quả.

Trong những năm gần đây, vấn đề đạo đức trong xã hội hiện đại và vấn đề giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thế hệ trẻ trở thành mối quan tâm của xã hội. Nhiều nhóm tác giả đã đi sâu nghiên cứu theo các đề tài khoa học cấp nhà nước về định hướng giá trị, lối sống, đạo đức…Có thể kể đến một số công trình sau:

- "Về phát triển toàn diện con người thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa " thuộc đề tài khoa học cấp Nhà nước do Giáo sư - Viện sĩ Phạm Minh Hạc chủ trì, mã số KHXH 04-04(2001). Trong đó dành hẳn một chương (chương 7) nói về định hướng chiến lược xây dựng đạo đức con người Việt Nam, các tác giả trình bày thực trạng đạo đức, nêu rõ mục tiêu giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay cũng như việc đề ra các giải pháp giáo dục đạo đức cho con người Việt Nam thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa phải có các chuẩn mực đạo đức sau:

+ Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện nhận thức tư tưởng chính trị

+ Nhóm chuẩn mực đạo đức hướng vào sự tự hoàn thiện bản thân

+ Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ với mọi người và dân tộc

+ Nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ đối với công việc

+ Nhóm chuẩn mực đạo đức liên quan đến môi trường sống [26, tr158-159].

Nhóm tác giả Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Phạm Viết Vượng, Nguyễn Văn Diện, Lê Tràng Định cho rằng để thực hiện mục tiêu giáo dục đào tạo thì nhà trường phải tổ chức tốt các nội dung giáo dục một cách toàn diện. Nhiệm vụ của giáo dục đạo đức là hình thành cho người học thế giới quan khoa học, ý thức, nghĩa vụ, trách nhiệm của người công dân, năng lực phán đoán, đánh giá đạo đức, hình thành niềm tin đạo đức, sự thấm nhuần các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức do xã hội qui định, biết tiếp thu văn minh nhân loại kết hợp với đạo đức truyền thống của dân tộc. Như vậy vừa khẳng định trách nhiệm của nhà trường đối với quá trình giáo dục đạo đức, các tác giả vừa chỉ ra nhiệm vụ, nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên hiện nay [103].

Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Thị Hoàng Anh với đề tài: "Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học trong giai đoạn hiện nay" đã chỉ ra được thực trạng về đạo đức, công tác giáo dục đạo đức, mô hình quản lí công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay, từ đó phân tích, so sánh đặc trưng của mô hình hiện nay với mô hình trước đây.

Đây chính là những cơ sở để chúng tôi kế thừa, nghiên cứu vận dụng xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh mới.

### *1.1.2. Hướng nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp và giáo dục đạo đức nghề nghiệp người giáo viên*

**** Trên thế giới***

**- Khổng Tử**

Khổng Tử là người mở ra trường tư sớm nhất trong lịch sử phát triển giáo dục Trung Hoa. Gần nửa đời người ông chuyên vào việc giảng dạy nên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quí báu về phương pháp sư phạm, trong đó có nhiều kinh nghiệm còn nguyên giá trị lịch sử và giá trị thực tiễn cho đến ngày nay. Đặc biệt là vấn đề đạo đức của người thầy, theo ông cần phải:

+ Trau dồi đạo đức cho ông thầy để người thầy luôn là tấm gương sáng cho học trò noi theo.

+ Khổng Tử đánh giá cao vai trò đạo đức của người thầy giáo trong nghề dạy học, trong đó coi trọng bậc nhất là thái độ, quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh [44,tr.48].

Tuy vậy quan điểm giáo dục của Khổng Tử vẫn còn những hạn chế do lập trường giai cấp và thời đại qui định. Đó là ông coi giáo dục chỉ dành cho người quân tử còn phụ nữ và tiểu nhân bị loại ra khỏi giáo dục. Ông cũng coi khinh giáo dục chân tay, loại người lao động sản xuất ra khỏi giáo dục. Tóm lại, Khổng Tử là một nhà đại giáo dục đã để lại trong kho tàng văn hóa nhân loại nói chung, lí luận giáo dục nói riêng nhiều kiến giải tích cực. Học thuyết của ông được nhiều học giả phương Đông và phương Tây quan tâm nghiên cứu.

**- J.A Cômenxki**

Xuất phát từ chỗ đề cao vai trò của giáo dục đối với con người, J.A Cômenxki đặc biệt đề cao vai trò của người thầy giáo. Ông cho rằng nghề dạy học là nghề vinh quang nhất, "dưới ánh sáng mặt trời, không có nghề nào vinh quang và ưu việt hơn nghề dạy học" [44, tr 94]. Ông yêu cầu:

+ Người thầy giáo phải là người mẫu mực về mọi mặt, trong sáng về đạo đức và tác phong, có lòng nhân ái với học trò.

+ Phải thường xuyên trau dồi nâng cao trình độ nghề nghiệp

+ Phải có những đức tính: gương mẫu, ân cần, hòa nhã, thân thiện, kiên trì, thành thực, tích cực dạy cho học sinh, "nếu anh không thể làm như một người cha thì anh không thể làm như một người thầy" bởi "trẻ em học bắt chước trước khi chúng học biết" [14]. Có thể thấy trong nội dung giáo dục của ông còn có những hạn chế nhất định song J.A.Cômenxki vẫn xứng đáng là một nhà giáo dục vĩ đại đã đạt tới đỉnh cao nhất về tư tưởng giáo dục từ thời cổ đại cho đến thế kỉ XVII.

**- Usinxki (1824-1870)**

Ông được coi là nhà giáo dục nhân dân chân chính của nước Nga. Những tư tưởng giáo dục của ông đã có ảnh hưởng sâu rộng không những ở nước Nga mà cả Đông Âu trong những giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Usinxki có quan điểm tương đồng với Cômenxki khi đánh giá rất cao lao động sư phạm và ý nghĩa xã hội của nghề thầy giáo. Usinxki viết: "Người thầy giáo nên theo kịp bước tiến của nền giáo dục hiện đại. Sự nghiệp người thầy giáo tuy bề ngoài bình thường, nhưng đó là một sự nghiệp vĩ đại nhất trong lịch sử" [44, tr 121].

Ông đưa ra những yêu cầu đối với người thầy giáo: Phải dạy tốt môn của mình, phải là nhà giáo dục yêu nghề, có tri thức chuyên  môn sâu rộng, có hiểu biết về tâm lí học và giáo dục học, có kĩ năng giáo dục học sinh, nêu cao tấm gương mẫu mực trong công tác giáo dục. Usinxki là người đầu tiên tự lập dự án về xây dựng trường sư phạm đào tạo giáo viên . Năm 1861, Usinxki viết tài liệu: ''Dự án về trường sư phạm". Ông đã nêu ra một cách tỉ mỉ kế hoạch đào tạo giáo viên tiểu học:

+ Trường nên đặt ở nông thôn để tránh ảnh hưởng không tốt của đô thị;

+ Đối tượng vào học là con em nông dân, học sinh được ăn ở nội trú;

+ Trong trường dạy tri thức toàn diện (ngoài những tri thức khoa học cơ bản còn phải học những tri thức về tâm lí và giáo dục học, giáo học pháp).

+ Trong thời gian học được đi thực tập ở nhiều trường lân cận, xung quanh.

+ Sau khi tốt nghiệp phải ở lại trường một năm để kiến tập, dưới sự chỉ đạo của thầy giáo sư phạm [44, tr 121].

Do những hạn chế của hoàn cảnh lịch sử nên tư tưởng về đạo đức nhà giáo của Usinxki chưa được hiện thực hóa trong nhà trường sư phạm.

**- A.S Makarencô (1888-1939)**

A.S Makarencô là nhà giáo dục Xô Viết xuất sắc, một nhà nhân đạo chân chính, một nhà văn, một nghệ sĩ đầy sức sáng tạo của đất nước Xô Viết những năm sau Cách mạng tháng Mười. Cho đến ngày nay người ta vẫn tìm thấy

những giá trị thực tiễn trong hệ thống quan điểm về người thầy giáo của ông. Makarencô đòi hỏi nhà giáo phải có phẩm chất đạo đức, phải yêu trẻ, yêu nghề, mẫu mực trong lời nói, ăn mặc, cử chỉ, có lí tưởng, hoài bão, ước mơ, sống lạc quan. Muốn vậy nhà giáo phải rèn luyện và học tập không chỉ về phẩm chất, tư cách mà cả về tri thức, năng lực nghệ thuật, giáo dục, dạy học.

Ông đã dành phần lớn thời gian của cuộc đời cho việc giáo dục trẻ em đặc biệt là những trẻ em hư. Bằng lòng nhân ái sâu sắc, bằng những kinh nghiệm giáo dục và tài nghệ sư phạm tuyệt vời ông đã giáo dục thành công trả lại cho xã hội gần 3000 con người từ chỗ là những đứa trẻ lưu manh tội lỗi trở thành những người công dân chân chính của đất nước Xô Viết [44, tr.140].

Khi nói đến phương pháp giáo dục của Makarencô, các nhà nghiên cứu thường nâng lên thành nghệ thuật sư phạm. Hệ thống phương pháp phong phú, đa dạng song tiêu biểu là:

+ Giáo dục bằng phương pháp tác động song song

+ Giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh

+ Giáo dục bằng ‘‘bùng nổ sư phạm’’[44. tr.152].

Tư tưởng sư phạm của Makarencô là những tài sản tuyệt vời của giáo dục học xã hội chủ nghĩa. Tài sản đó nếu chúng ta biết vận dụng sẽ góp phần giải quyết được nhiều nhiệm vụ quan trọng đặt ra trong nhà trường và xã hội ở giai đoạn hiện nay.

Có thể thấy rằng đạo đức nhà giáo luôn được xác định là yếu tố có vai trò rất quan trọng đối với quá trình giáo dục, đòi hỏi mỗi thầy cô giáo phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp. Công tác bồi dưỡng, đào tạo giáo viên được hình thành từ rất sớm trong lịch sử, là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển giáo dục của mọi quốc gia. Mục đích chính là tạo điều kiện để đội ngũ giáo viên nâng cao trình độ kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, đạo đức của người thầy giáo đáp ứng với những thay đổi về kinh tế- xã hội của đất nước.

**- John Dewey**

Dewey đề cập đến một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với những người làm công tác sư phạm đó là: "Trách nhiệm của lực lượng giáo viên không chỉ đào tạo nhân lực mà còn chính là việc định hình lối sống xã hội đúng đắn. Mỗi giáo viên cần nhận thức đúng về vai trò của mình – vừa là người phục vụ, duy trì trật tự xã hội vừa là người đảm bảo cho xã hội phát triển đúng hướng" [44, tr.183].

Với vị trí quan trọng của người giáo viên, Dewey đề ra những yêu cầu cụ thể đối với họ:

+ Giáo viên phải hiểu sâu sắc sự phát triển các mặt tâm lí và cấu trúc nhân cách của cá nhân trẻ em.

+ Giáo viên phải hiểu thấu các qui luật phát triển cá nhân

+ Giáo viên cần nắm bắt sự tiến bộ của khoa học và sự mở rộng của tri thức nhân loại [44, tr.183].

Ngoài ra trong cuốn "Đào tạo và đánh giá dựa trên năng lực" của Viện Đại học Douglas Mason-Bang Adelaie-Nam Úc, các tác giả cho rằng đạo đức nghề nghiệp là một yêu cầu không thể thiếu của bất kỳ công việc nào, mỗi loại nghề nghiệp đòi hỏi người hoạt động ở lĩnh vực đó ba thành tố: Tri thức (knowledgement), thái độ (attitue) và kỹ năng (skills).

Tác giả Burant và Chubbuck đã đưa ra khuyến nghị khẩn cấp tổ chức việc bồi dưỡng nâng cao đạo đức nghề nghiệp thông qua các chương trình đào tạo giáo viên: Tác giả cho rằng việc đào tạo giáo viên không chỉ hình thành kiến thức và kỹ năng mà là tình cảm đạo đức làm nền tảng. Giảng dạy và giáo dục đạo đức không thể tách nó ra một cách biệt lập. Đạo đức luôn luôn là kịch bản được thể hiện trong các lớp học, trong hành động của giáo viên

Tại bang Victoria-Úc, các quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học bao gồm: Sự tôn trọng người khác, lòng nhân hậu, sự nghiêm minh và công bằng, tính lương thiện và ngay thẳng. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp này là cơ sở để cụ thể hóa các hành vi đạo đức mà giáo

viên phải tuân theo. Các hành vi này có mục đích chủ yếu làm căn cứ để giáo viên soi mình, xem xét, điều chỉnh và hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp trước người học, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

Trong cuốn "Về đạo đức học" của Giáo sư Oshima Yasumasa (Doutoku) đã viết: Thầy cô giáo về đạo đức phải là một khuôn mẫu cho học sinh noi theo. Bề ngoài phải là người có lời nói, cử chỉ đoan chính, bên trong phải là người có lòng bác ái, công minh không thiên vị. Cuộc sống phải lấy sự đơn giản đạm bạc, tránh sự xa hoa, phung phí. Phải có những đức tính sáng suốt, cương nghị, tính dân chủ biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Phải làm cho học trò tin tưởng, dễ gần và nương cậy khi cần thiết [101].

- Quy định về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội Tham vấn tâm lý Hoa Kỳ ACA (ACA Code of Ethics, 2005) nhằm phục vụ cho 5 mục đích chính về đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể:

+ Giúp hiệp hội (ACA) làm sáng tỏ bản chất trách nhiệm đạo đức chung nhất

+ Giúp duy trì sứ mệnh của hiệp hội.

+ Chính thức hóa những nguyên tắc dùng để xác định những hành vi đạo đức và việc hành nghề một cách tốt nhất của những hội viên

+ Cung cấp sự hướng dẫn về đạo đức để hỗ trợ hội viên

+ Làm căn bản cho việc khiếu kiện và hướng dẫn để phản đối những hội viên của hiệp hội trong những vấn đề đạo đức. Do đó, ĐĐNN cần phải được thể hiện, định hướng qua hiệu quả làm việc và những đóng góp của người giáo viên.

Nhìn chung, tại các quốc gia phát triển, đang phát triển và nghèo, các nhà khoa học đều đánh giá rất cao vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong nhân cách sư phạm của người giáo viên. Họ đều khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong quy trình đào tạo giáo viên. Chúng ta có thể thấy Nhật Bản từ một nước nhỏ về địa lý, nghèo về kinh tế nhưng do có chính sách giáo dục đúng đắn mà họ trở thành

một trong những nước châu Á hiện đại sớm nhất và nhanh nhất. Bí quyết của thành công một phần quan trọng là họ luôn coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, trong đó "rất chú ý giáo dục đạo đức, nhân cách, tính kỷ luật" [78]. Thời gian đào tạo trong nhà trường sư phạm được coi là giai đoạn quan trọng đối với giáo sinh vì vậy đội ngũ giáo viên ở Nhật Bản có chất lượng rất cao cả về phẩm chất nhân cách và năng lực công tác.

Như vậy đạo đức nghề nghiệp là bộ phận quan trọng của nghề dạy học và đạo đức nghề nghiệp là thành tố tạo nên năng lực của giáo viên. Năng lực người giáo viên được đánh giá cụ thể và đánh giá thông qua hiệu quả công việc. Do đó, đạo đức nghề nghiệp cũng phải được thể hiện, đánh giá qua hiệu quả làm việc và những đóng góp của người giáo viên.

**** Ở Việt Nam***

Cố Thủ Tướng Phạm Văn Đồng là người luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho sự nghiệp của dân tộc ta. Đối với người thầy giáo và nghề dạy học ông cho rằng: Nghề dạy học là nghề cao quí nhất trong những nghề cao quí, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đóng vai trò chủ đạo, tổ chức điều khiển quá trình hình thành nhân cách con người ở học sinh, giúp học sinh lĩnh hội kiến thức, kĩ năng, hình thành thái độ, rèn luyện hành vi thói quen đạo đức, phát triển hoạt động trí tuệ. Nhà giáo phải luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình, tích cực học hỏi, nâng cao trình độ [16 ].

Tác giả Hà Nhật Thăng khi nghiên cứu về những giá trị đạo đức của nhà giáo Việt Nam đã rút ra kết luận: ở mỗi giai đoạn, tuy có những đặc thù riêng, biểu hiện ở những mức độ khác nhau, nhưng các tầng lớp thầy giáo ở các vùng, các dân tộc khác nhau trên đất nước Việt Nam đều có chung những đặc trưng cơ bản là:

+ Có lòng nhân ái, vị tha, có tình cảm dân tộc sâu sắc và tự trọng cao.

+ Trung thực, thẳng thắn, lao động hết mình vì sự tiến bộ của xã hội, vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ cho mai sau.

+ Ít tham vọng chính trị, ít đòi hỏi đãi ngộ về vật chất.

+ Sống lạc quan, giàu hoài bão, ước mơ nghị lực.

+ Thông minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, trong cuộc sống [10, tr.110].

Tác giả Trần Trọng Thuỷ đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu vấn đề giáo dục đạo đức. Trong bài viết đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục tháng 1/1993, tác giả đã chỉ ra một số phẩm chất đạo đức mà sinh viên mới ra trường phải có lòng yêu nghề, lòng mến trẻ và nhất là phải có lý tưởng. Lý tưởng ở đây chính là lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Lý tưởng này là sự cụ thể hoá của lý tưởng cộng sản.

Việc chỉ ra những hạn chế trong lý tưởng của sinh viên sư phạm sau khi ra trường là điều kiện quan trọng để các trường sư phạm, các cấp quản lý giáo dục, giảng viên sư phạm thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá khách quan hơn về kết quả đào tạo giáo viên. Trên cơ sở đó, các trường sư phạm, các cấp quản lý giáo dục, giảng viên sư phạm có thể đề xuất và thực hiện những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm hợp lý, khoa học, phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục.

Tác giả Nguyễn Ngọc Bảo với nghiên cứu về "Tâm lí học đại học" đã chỉ ra những vấn đề liên quan trực tiếp tới nhân cách của người hành nghề sư phạm. Trình độ đào tạo và trình độ giáo dục toàn diện của họ đặc biệt quan trọng, vì như V.A Xukhômlinxki đã nói: "Trí tuệ được giáo dục bằng trí tuệ, lương tâm được giáo dục bằng lương tâm, lòng trung thành đối với Tổ quốc được giáo dục bằng sự phục vụ có hiệu lực cho Tổ quốc" [2].

Tác giả Bùi Văn Huệ thì khẳng định: Sự nghiệp giáo dục sư phạm là một sự nghiệp lớn, trồng người đã khó, đào tạo người đi trồng người còn khó gấp bội phần. Vì vậy, trường sư phạm ngoài nhiệm vụ dạy học cho sinh viên các môn khoa học cơ bản và khoa học sư phạm còn phải chăm lo rèn luyện nhân cách cho sinh viên và định hướng nghề nghiệp cho họ [38].

Đồng thời tác giả cho rằng có ba con đường hình thành những phẩm chất của người giáo viên, đó là:

+ Công tác hướng nghiệp: Công tác hướng nghiệp để các em học sinh có nguyện vọng là nghề dạy học, có những hiểu biết sơ đẳng về lao động sư phạm.

+ Trường sư phạm: Có nhiệm vụ quan trọng trong việc hình thành các phẩm chất cho người giáo viên tương lai.

+ Quá trình công tác: Phẩm chất của người giáo viên được hình thành và hoàn thiện trong quá trình hành nghề. Trường sư phạm dù quy trình đào tạo tốt đến đâu cũng chỉ tạo cho giáo viên những kiến thức, kĩ năng tối thiểu, những tiềm lực để họ bước vào nghề dạy học [39].

Nghiên cứu về đạo đức nhà giáo, tác giả Trịnh Quang Từ đánh giá: "Lâu nay vấn đề giáo dục đạo đức người thầy chưa được quan tâm đúng mức, cả trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm cũng như trong công tác quản lí giáo viên ở các nhà trường. Người ta đã quan tâm đến chuyên môn giảng dạy mà sao nhãng giáo dục đạo đức. Hình thức giáo dục đạo đức cho giáo viên quá nghèo nàn, nặng về thuyết giảng" [42]. Điều đó cho thấy công tác đào tạo giáo viên trong các nhà trường sư phạm hiện nay còn nhiều hạn chế. Vì thế nhiệm vụ quan trọng hiện nay là cần phải xây dựng các tiêu chuẩn đạo đức nhà giáo, cụ thể hóa cho từng cấp học, từng loại hình giáo viên để lấy đó làm tiêu chí giáo dục trong quá trình đào tạo giáo viên và là cơ sở để các thầy cô giáo phấn đấu rèn luyện bản thân.

Một cuốn sách có tính chất định hướng nghề sư phạm cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được đánh giá rất cao là "Nghề sư phạm" của Nhà xuất bản Kim Đồng. Trong cuốn sách này các tác giả đã chỉ ra một số vấn đề:

+ Những công việc của một người giáo viên, những lý do lựa chọn nghề sư phạm, những vất vả mà người giáo viên phải vượt qua, những câu chuyện lý thú về nghề sư phạm.

+ Đặc biệt, các tác giả đã liệt kê và khẳng định những phẩm chất giúp người giáo viên thành đạt trong sự nghiệp: Bạn giàu tình yêu thương, đặc biệt

là yêu lớp người trẻ tuổi, bạn thích giúp người khác hiểu biết, biết cách truyền đạt, bạn biết cách tạo không khí thoải mái, dễ chịu, bạn giàu lòng bao dung, độ lượng, bạn ham học hỏi, bạn biết nghĩ như học trò.

Cũng nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp nhà giáo, nhóm tác giả Bùi Minh Hiền – Đặng Quốc Bảo khẳng định đội ngũ giáo viên có vai trò rất quan trọng cho sự thành bại của sự nghiệp giáo dục. Do vậy, giáo viên cần phải đạt ‘‘chuẩn về đạo đức tư cách người thầy”, một trong những biện pháp đó là luôn làm sạch sẽ đội ngũ, tăng cường tính kỉ cương sư phạm để mọi người trong đội ngũ đều có phẩm chất tốt, là tấm gương sáng cho học sinh” [42, tr.275 - 276]. Trong nghiên cứu này, các tác giả chủ yếu đi sâu vào xác định biện pháp quản lí giáo viên dưới góc độ của khoa học quản lí giáo dục, chưa đi sâu nghiên cứu về hệ thống chuẩn mực đạo đức của nhà giáo và biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên đang đào tạo trong nhà trường.

Nghiên cứu về: ‘‘Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra trong việc đào tạo giáo viên ở nước ta”, tác giả Nghiêm Đình Vỳ chỉ rõ: Trước sự bùng nổ thông tin và đổi mới công nghệ, lượng tri thức ngày càng tăng nhanh thì cần phải đổi mới về mô hình đào tạo giáo viên. Cùng với việc đưa vào giảng dạy công nghệ, thông tin, ngoại ngữ, đặc biệt việc đào tạo giáo viên phải bảo đảm giữ vững và phát huy được những giá trị tốt đẹp của con người, trung thực, nhân ái, có trách nhiệm với xã hội, với mọi người và duy trì mỗi đức tính ấy trong mọi hành động [99, tr.8-9].

Tác giả Phan Ngọc Liên khi nghiên cứu về: ‘‘Đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm theo định hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững” đã chỉ ra những hạn chế của quan điểm: ‘‘Hiện nay không ít người cho rằng người thầy giáo giỏi, lí tưởng là người dạy uyên bác, cho nên trong đào tạo giáo viên chỉ cần đào tạo có kiến thức nhiều và sâu’’ [64, tr.6]. Tuy nhiên để thực hiện chức năng của mình, nhà giáo không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn là người hỗ trợ, hướng dẫn việc học tập, rèn luyện đạo đức, chính trị cho người học. Sinh viên sư phạm phải được đào tạo có hệ thống, liên tục các mặt khoa

học cơ bản, nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện đạo đức, phẩm chất của người giáo viên ngay từ trong nhà trường sư phạm.

Tác giả Nguyễn Thanh Bình đã chủ trì đề tài nghiên cứu: " Xác định các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên Việt Nam hiện nay" (2010) trên cơ sở những quan niệm của phương Đông, phương Tây, tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức và đạo đức công dân. Bên cạnh đó, tác giả đã phác họa đạo đức người giáo viên như sau: " Giáo viên trước hết là một người giàu lòng yêu thương con người, một công dân, công chức mẫu mực và tích cực, một giáo viên yêu nghề có lương tâm và trách nhiệm trong dạy học, giáo dục và phát triển người học, tự giác học tập và phát triển năng lực nghề nghiệp liên tục để không ngừng tự hoàn thiện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với người giáo viên trong thời đại ngày nay" [7].

Mới đây trên tạp chí giáo dục xuất hiện bài viết rất đáng lưu tâm của tác giả Nguyễn Thanh Hoàn về "đạo đức giáo viên qua bộ luật đạo đức nghề nghiệp của một số nước", trong đó tác giả cũng nêu rõ những "Bộ luật ứng xử cho giáo viên", "Chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho giáo viên", hay "Bộ luật đạo đức nghề nghiệp". Tác giả đã cho thấy các bộ luật này qui định những tiêu chuẩn nhỏ nhất về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên: "Ở các nước đã ban hành luật này, trừ khi được miễn theo luật, bất cứ giáo viên nào vi phạm những tiêu chuẩn nghề nghiệp, đều bị xem là chưa đạt được đạo đức nghề nghiệp. Tùy theo từng quốc gia, bộ luật đạo đức giáo viên thường được xây dựng dựa trên những nguyên tắc, hay cam kết đạo đức hoặc cả hai" [27].

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành qui định về đạo đức nhà giáo, ban hành theo quyết định số 16-2008/ QĐ – BTBGDĐT, chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông - Ban hành theo thông tư số 30/TT- BGDĐT. Đây chính là những cơ sở pháp lí quan trọng để chúng ta tiến hành công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

Bên cạnh đó còn phải kể đến: "Một số giải pháp bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới nền giáo dục" của tác giả Nguyễn Đức Vũ đăng trên kỉ

yếu hội thảo kỉ niệm 60 năm ngành sư phạm Việt Nam. Tác giả đã chỉ ra một số kĩ năng giáo viên cần phải có và những giải pháp để nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh giáo dục thay đổi.

Khi nghiên cứu về: "Giáo dục đạo đức sinh viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam", dựa trên kết quả nghiên cứu giáo dục đạo đức của Hiệp Hội giáo dục học Hoa Kỳ, tác giả Nguyễn Hữu Thụ đã đưa ra ba quan niệm cơ bản về chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức như sau:

+ Thứ nhất: Đạo đức được thể hiện trong các hoạt động

+ Thứ hai: Đạo đức được thể hiện trong giáo dục công dân

+ Thứ ba: Các nguyên tắc đạo đức và nguyên tắc ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp [47].

Với quan niệm này, theo tác giả, đối với bậc cao đẳng, đại học, cần tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng tri thức, năng lực và thái độ đối với hành vi xã hội và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Ngoài những tác giả trên, chúng ta có thể kể đến rất nhiều tên tuổi khác có nghiên cứu về vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức người thầy giáo như các tác giả : Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Thị Yến Phương (Đạo đức học, NXBĐHSP, 2005). Mỗi tác giả đều có cách tiếp cận riêng, đem lại những cách nhìn khác nhau về vấn đề ĐĐNN và GDĐĐNN trong nhà trường sư phạm.

Luận án Tiến sĩ giáo dục học của tác giả Nguyễn Anh Tuấn: " Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường" đề cập đến hệ thống cơ sở lí luận về đạo đức nghề nghiệp và thực trạng đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm dưới những tác động to lớn của nền kinh tế thị trường. Từ đó có những biện pháp tác động phù hợp trong giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm [94 ].

Bên cạnh đó luận án Tiến sĩ quản lí giáo dục của tác giả Nguyễn Thanh Phú: ''Quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Cao đẳng

Sư phạm miền Đông Nam Bộ" đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ các vấn đề lí luận liên quan đến quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, phân tích đánh giá thực trạng qua đó đề xuất biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong tình hình hiện nay.

Tóm lại, đã có nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức, nhưng nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì rất ít. Đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hoá, thế giới có nhiều biến động, sự hội nhập của các nền văn hoá trên thế giới, một số hiện tượng tiêu cực đang xuất hiện ngày càng nhiều trong ngành giáo dục đã có ảnh hưởng không nhỏ tới một bộ phận sinh viên. Chính vì thế việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm là hết sức cần thiết, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong giai đoạn mới.

## 1.2.Các khái niệm cơ bản của đề tài

### *1.2.1. Đạo đức và giáo dục đạo đức*

Đạo đức tồn tại trong mọi lĩnh vực của đời sống con người. Nó có thể tồn tại ở dạng ý thức xã hội bao gồm các tri thức, khái niệm, chuẩn mực, phẩm chất đạo đức, các xúc cảm, tình cảm, các đánh giá đạo đức. Nó cũng có thể tồn tại với tư cách là một mặt hoạt động xã hội, đạo đức bao gồm các hành vi, đó là những hành động do động cơ đạo đức thúc đẩy như làm từ thiện, giúp đỡ người khác… Kết quả của hành vi đạo đức được đánh giá theo các phạm trù đạo đức xã hội như tốt, xấu, thiện, ác…Dù đạo đức tồn tại dưới hình thái nào, nếu được cá nhân ý thức đầy đủ và có định hướng đúng, biết thể hiện, vận dụng vào các quan hệ đạo đức đều có tác động đến sự hình thành mặt đạo đức của con người.

C.Mác cho rằng*:" Đạo đức chính là lực lượng bản chất của con người trong sự phát triển của nó theo hướng ngày càng đạt tới giá trị đích thực của cái thiện".*

Theo ông, bất luận trong mối quan hệ xã hội nào thì đạo đức cũng là quan hệ thực sự người, là sự phản ánh tồn tại xã hội cho nên mỗi hình thái

kinh tế - xã hội hay mỗi giai đoạn lịch sử đều định hình những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức tương ứng. Trong đó, ngoài những giá trị chung, nó còn hàm chứa các nét đặc thù. Đó là cơ sở hình thành các thang bậc đạo đức của mỗi giai đoạn lịch sử hoặc mỗi hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Đạo đức theo nghĩa hẹp là luân lí, là những chuẩn mực ứng xử trong quan hệ của con người. Theo nghĩa rộng, khái niệm đạo đức liên quan chặt chẽ với phạm trù chính trị, pháp luật, lối sống. Có rất nhiều khái niệm về đạo đức, có thể kể đến các khái niệm sau:

- Từ điển xã hội học NXB thế giới Hà Nội 1993 - Nguyễn Khắc Viện (chủ biên): *"Đạo đức bao gồm những chuẩn mực hành vi đạo đức của con người theo hướng thiện, tránh hướng ác. Mỗi một xã hội, mỗi một nhóm xã hội và mỗi cá nhân có thể lí giải cái thiện (đạo đức) và cái ác (vô đạo đức) theo những cách khác nhau, tuỳ thuộc vào quan niệm sống và lợi ích của mình".*

- *"Đạo đức là tổng hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình vì lợi ích xã hội, hạnh phúc của con người trong mối quan hệ giữa con người và con người, giữa cá nhân và tập thể hay toàn xã hội"* [50, tr 7].

- Gần đây trong cuốn : "Về phát triển toàn diện con người thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa" – nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội 2001, các tác giả đưa ra khái niệm đạo đức theo nghĩa rộng: *"Đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của một cá nhân đã được xã hội hoá".*

Như vậy trong các định nghĩa về đạo đức nêu trên, mỗi định nghĩa đều đề cập đến một khía cạnh cụ thể:

- Đạo đức là hình thái ý thức xã hội phản ánh quan hệ giữa cá nhân với xã hội, với người khác và chính mình.

- Đạo đức bao gồm hệ thống các giá trị, quy tắc, chuẩn mực xã hội quy định, điều chỉnh hành vi của cá nhân.

- Đạo đức là một bộ phận quan trọng của nhân cách cá nhân, một thuộc tính chủ yếu của nhân cách, phản ánh bộ mặt xã hội của con người.

Tóm lại, đạo đức được xem xét ở các góc độ khác nhau nhưng đều có tác dụng điều chỉnh hành vi cá nhân. Trong luận án này chúng tôi chỉ xem xét đạo đức ở hai góc độ. Một là, đạo đức là hệ thống các quy tắc, các chuẩn mực của xã hội, có tác dụng quy định và điều chỉnh hành vi cá nhân. Hai là, đạo đức là một bộ phận, một thuộc tính của nhân cách cá nhân.

Giáo dục đạo đức là sự chuyển hóa ý thức xã hội có liên quan thành phẩm chất đạo đức, tư tưởng cá nhân. Nội dung phẩm chất đạo đức, tư tưởng của con người bao gồm lập trường chính trị, thế giới quan, phẩm chất đạo đức. Do đó giáo dục đạo đức bao gồm giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan chủ nghĩa cộng sản, giáo dục tư tưởng chính trị (đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước...) và giáo dục các phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người mới cho sinh viên.

Quá trình giáo dục đạo đức căn cứ vào yêu cầu xã hội nhất định, căn cứ vào qui luật hình thành phẩm chất tư tưởng, đạo đức để tiến hành chuyển tải các chuẩn mực xã hội đến người được giáo dục một cách có mục đích, có kế hoạch qua việc phát huy tính năng động chủ quan của người được giáo dục để hình thành những phẩm chất tư tưởng đạo đức mà nhà giáo dục mong muốn.

Giáo dục đạo đức vừa là quá trình nhà giáo dục tác động tới người được giáo dục, vừa là quá trình người được giáo dục chủ động, tự giác tiếp thu các tác động, ảnh hưởng đó. Quá trình hình thành phẩm chất đạo đức, tư tưởng lại là quá trình nảy sinh và phát triển từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất của phẩm chất đạo đức và tư tưởng cá nhân. Con người dưới ảnh hưởng của nhà trường, gia đình và xã hội, thông qua hoạt động tích cực của chủ thể sẽ tiếp thu tư tưởng chính trị, quy phạm đạo đức xã hội rồi chuyển hóa thành đặc trưng cá tính ổn định của bản thân.

Như vậy từ sự phân tích ở trên có thể hiểu: ***Giáo dục đạo đức là những tác động sư phạm một cách có mục đích, có hệ thống, có kế hoạch của nhà***

***giáo dục tới người được giáo dục để bồi dưỡng cho họ những phẩm chất đạo đức (chuẩn mực hành vi đạo đức) phù hợp với yêu cầu của xã hội.***

***1.2.2. Đạo đức nghề nghiệp***

Nói tới khái niệm đạo đức nghề nghiệp là người ta muốn thu hẹp phạm vi của khái niệm đạo đức nói chung nhưng nó được cụ thể hoá và đặc trưng hoá cho từng nghề nghiệp nhất định.

Đạo đức nghề nghiệp cũng có những nguyên tắc, chuẩn mực được dư luận xã hội thừa nhận và quy định những hành vi ứng xử trong mối quan hệ nghề nghiệp. Bản thân nó lại có những nét đặc thù riêng, phản ánh đầy đủ phẩm chất cần có của một ngành, một nghề cụ thể. Đó là những qui tắc, chuẩn mực của một nghề nghiệp hoặc một nhóm nghề nghiệp nào đó, nó qui định những hành vi ứng xử của những cá nhân khi hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó. Khi những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức đó không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng nó sẽ ảnh hưởng đến chất luợng và hiệu quả trong hoạt động của chính hoạt động đó. Mỗi một lĩnh vực nghề nghiệp đều có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chung. Đạo đức nghề nghiệp cũng thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với công việc và môi trường làm việc.

Ví dụ khi nói đến đạo đức của ngành y thì vấn đề "lương y như từ mẫu" được coi là một chuẩn mực đạo đức của ngành này.

Trong thời kì chiến tranh, phẩm chất đạo đức "yêu xe như con, quí xăng như máu" là phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người bộ đội lái xe thời kì đó.

Với những người làm công tác dịch vụ xã hội thì: "Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi" là biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của họ.

Với lực lượng công an nhân dân thì phẩm chất đạo đức của họ phải đạt chuẩn theo 6 điều Bác Hồ dạy:

"Với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính

Với đồng sự phải thân ái giúp đỡ

Với chính phủ phải tuyệt đối trung thành

Với nhân dân phải kính trọng lễ phép

Với công việc phải tận tuỵ

Đối với địch phải cương quyết khôn khéo."

Đối với người Đảng viên, cán bộ, Bác dạy phải "cần, kiệm, liêm, chính, chí, công, vô tư". Đối với ngành giáo dục, một khẩu hiệu chung cho các cấp học là: "Tất cả vì học sinh thân yêu". Đó chính là đạo đức nghề nghiệp của người thầy giáo.

Tóm lại, từ nội hàm của khái niệm đạo đức nói chung và qua phân tích một số đặc trưng về đạo đức của một vài nghề nghiệp, ta có thể hiểu:

***Đạo đức nghề nghiệp là tổng hợp những nguyên tắc, qui tắc, những chuẩn mực đạo đức mang tính đặc thù của một bộ phận xã hội nhất định nhằm định hướng, điều chỉnh hành vi ứng xử, giải quyết những mối quan hệ giữa các thành viên và quan hệ với công việc trong một nghề nghiệp nhất định.***

Vì vậy, đạo đức nghề nghiệp được xem như là một nội dung quan trọng của công tác giáo dục đạo đức nói riêng và công tác giáo dục đào tạo nói chung.

### *1.2.3. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp*

Để người học nghề có khả năng lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó thì trường đào tạo nghề phải tiến hành 3 nhiệm vụ sau:

- Trang bị về những kiến thức nghề nghiệp cần thiết
- Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo mà nghề nghiệp đòi hỏi
- Giáo dục để người học nghề có những phẩm chất nghề nghiệp, nhất là các phẩm chất đạo đức đặc thù của lĩnh vực nghề nghiệp.

Trường dạy nghề phải tiến hành 3 nhiệm vụ trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau: Nhiệm vụ này là tiền đề, cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ kia. Nếu bỏ hoặc thực hiện không tốt bất cứ một nhiệm vụ nào cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả của quá trình đào tạo nghề. Trong thực tiễn đào tạo nghề hiện nay có một thực trạng là các trường đào tạo nghề quá chú trọng tới việc thực hiện hai

nhiệm vụ đầu mà chưa hoặc ít quan tâm đến nhiệm vụ thứ ba - nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Như vậy có thể xem: ***Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là sự tác động qua lại giữa nhà giáo dục và người học nghề thông qua các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhằm hình thành ở người học nghề những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết.***

Nếu xem xét dưới góc độ lý thuyết hệ thống thì giáo dục đạo đức nghề nghiệp bao gồm nhiều thành tố: Mục đích và yêu cầu, nội dung, phương pháp, biện pháp, phương tiện, các lực lượng tham gia, người dạy nghề, người học nghề và kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Các thành tố này vận động và phát triển trong mối quan hệ biện chứng với nhau, thành tố này qui định và ảnh hưởng đến thành tố khác và tạo nên sự vận động chung của cả hệ thống giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Cụ thể: Mục đích và yêu cầu giáo dục đạo đức nghề nghiệp sau khi được xây dựng, nó quy định những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cụ thể cần hình thành ở người học nghề. Sau khi xác định nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nó sẽ quy định phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Trong mối quan hệ giữa lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp và người học nghề thì lực lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp tham gia giữ vai trò chủ đạo tổ chức, điều khiển hoạt động của người học nghề. Dưới các tác động giáo dục đó, người học nghề phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của mình trong quá trình tự rèn luyện, tự bồi dưỡng các phẩm chất nghề nghiệp.

Sự vận động của tất cả các thành tố nêu trên tạo nên kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Kết quả này phản ánh sự vận động đúng hay không đúng quy luật khách quan của các thành tố và cả hệ thống.

Tuy nhiên giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống mở vì các thành tố cấu thành của nó còn có mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội: Chính trị, đạo đức, pháp luật, văn hoá.

### *1.2.4. Đạo đức nghề dạy học*

Nghề dạy học là lĩnh vực hoạt động lao động của người giáo viên khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục.

Nghề dạy học ra đời từ rất sớm trong lịch sử xã hội và lịch sử giáo dục. Cũng như các lĩnh vực nghề nghiệp khác, nghề dạy học đòi hỏi những người hành nghề phải có đạo đức.

Đạo đức nghề dạy học thể hiện ở đạo đức người thầy giáo và tồn tại với tư cách là phẩm chất của nhân cách người thầy giáo. Đạo đức nghề dạy học không tự nhiên mà có, cần phải được hình thành, phát triển thông qua quá trình đào tạo trong nhà trường sư phạm và quá trình rèn luyện tích cực, tự giác của nhà giáo trong thực tiễn dạy học và trong cuộc sống

Với quan điểm hệ thống, tổng hợp chúng tôi cho rằng:

***Đạo đức nghề dạy học là các khuôn phép, qui tắc, chuẩn mực phản ánh tính đặc thù của hoạt động sư phạm nhằm đánh giá, điều chỉnh thái độ, hành vi của nhà sư phạm cho phù hợp với yêu cầu của nghề dạy học.***

***1.2.5. Giáo dục đạo đức nghề dạy học***

Bác Hồ đã khẳng định: ‘‘Không có thầy giáo thì không có giáo dục. Nhiệm vụ của thầy cô giáo là rất quan trọng và rất vẻ vang” [68]. Các thầy cô giáo không những dạy chữ mà còn dạy người, họ như cây thông trên sườn núi, cây quế giữa rừng sâu, thầm lặng tỏa hương dâng hiến trí tuệ, sức lực cho đời.

Giáo dục đạo đức nghề dạy học là một bộ phận quan trọng trong nhân cách sư phạm. Nó có ý nghĩa đặc biệt cần thiết đối với hoạt động nghề nghiệp. Nó là thước đo phẩm chất, phản ánh năng lực, tạo ra nội lực bên trong, điều chỉnh sự hoàn thiện nhân cách của người thầy.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay đang tồn tại những giá trị đạo đức đối lập nhau, những giá trị đạo đức tốt đang có xu hướng khẳng định, được xã hội thừa nhận, những biểu hiện tiêu cực về đạo đức đang tồn tại và trở nên phức tạp. Vì vậy, giáo dục đạo đức nghề dạy học là một trong những biện pháp then chốt hiện nay nhằm tạo ra những giáo viên có năng lực sáng tạo và phẩm chất đạo đức tốt góp phần thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Như vậy có thể thấy: ***Giáo dục đạo đức nghề dạy học chính là làm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của nhà giáo trong quá trình hành nghề sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.***

**1.3. Đặc điểm của nghề dạy hoc**

- Trong hoạt động sư phạm, người giáo viên dùng nhân cách của mình để tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách của sinh viên. Đó là phẩm chất chính trị, đạo đức, là sự giác ngộ về lí tưởng đào tạo thế hệ trẻ, là lòng yêu mến con người, yêu mến công việc, là lối sống, đạo đức của người giáo viên...

Bằng sự lao động miệt mài, căng thẳng và vất vả... người giáo viên tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần rất to lớn cho sinh viên, tạo nên những phẩm chất nhân cách cần thiết của người sinh viên sư phạm.

- Công cụ lao động chủ yếu của người giáo viên chính là nhân cách của thầy, cho nên nghề dạy học đòi hỏi người giáo viên những yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp.

- Mặt khác, sản phẩm nghề dạy học tạo ra là con người với đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội. Yếu tố quan trọng bậc nhất trong cấu trúc nhân cách là trí tuệ, thể hiện ở trình độ tư duy, trình độ học vấn, năng lực giải quyết những vấn đề lí thuyết hay thực tiễn một cách sáng tạo.

- Là nghề tái sản xuất lao động xã hội: Để tồn tại và phát triển xã hội loài người phải sản xuất của cải vật chất và tinh thần. Cho nên chức năng của giáo dục chính là bồi dưỡng và phát huy sức mạnh đó ở con người và thầy giáo là lực lượng chủ yếu tạo ra sức lao động đó.

- Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo cao: Ai có trong nghề thầy giáo, ai có làm việc với đầy đủ tinh thần, trách nhiệm, với lương tâm nghề nghiệp thì mới thấy hoạt động lao động sư phạm là hoạt động không đóng khung trong một giờ giảng, một hoạt động nhà trường. Dạy học sinh biết giải một bài toán, đặt câu đúng ngữ pháp, làm một thí nghiệm… không phải khó nhưng dạy sao cho học sinh có con đường đi đến chân lí, nắm được phương pháp, phát triển trí tuệ… mới là công việc đích thực của một người thầy giáo. Nhà sư phạm học Đức A.F Distecvec đã nhấn mạnh: "người thầy giáo tồi là người mang chân lí đến sẵn, còn người thầy giáo giỏi là người biết dạy học sinh đi tìm chân lí". Thực hiện công việc dạy học theo tinh thần đó, rõ ràng đòi hỏi

người thầy giáo phải dựa trên nền tảng khoa học giáo dục và có kỹ năng sử dụng chúng vào từng tình huống sư phạm cụ thể để thích ứng với từng cá nhân.

- Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp: Công việc của người thầy giáo không hẳn đóng khung trong không gian lớp học mà ở khối lượng và tính sáng tạo của công việc, có thể là tìm tòi một luận chứng, cách giải một bài toán, xác định một biện pháp sư phạm trong một hoàn cảnh nào đó.

Như vậy có thể thấy những đặc điểm của nghề dạy học trên đây đặt ra nhiều đòi hỏi về phẩm chất và năng lực của người giáo viên bởi đây là một nghề rất đặc biệt, không chỉ học sinh mà cha mẹ học sinh và cả nhân dân cũng gọi thầy bằng một từ thể hiện lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc "Thầy giáo".

### 1.4. Mối quan hệ giữa đạo đức nghề dạy học với đạo đức người thầy giáo

Trong mọi giai đoạn lịch sử, người thầy bao giờ cũng được xã hội tôn vinh và kính trọng. Nghề giáo được coi là một trong những nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý. Một nhà giáo giỏi không đòi hỏi phải tinh thông tất cả mọi lĩnh vực, hiểu hết tri thức của nhân loại, nhưng do yêu cầu của nghề nghiệp nên nhà giáo phải không ngừng trau dồi kiến thức, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để là tấm gương sáng cho học trò noi theo, đặc biệt phải thành thạo lĩnh vực chuyên môn của mình, đáp ứng ngày càng tốt hơn sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Đạo đức nhà giáo: Chính là thể hiện ở tình yêu thương học trò và yêu nghề. Đối với nhà giáo, phẩm chất đạo đức thương yêu học trò và yêu nghề có mối quan hệ mật thiết, tác động hỗ trợ nhau. Thương yêu học trò sẽ dẫn đến yêu nghề và ngược lại: ''Càng yêu người bao nhiêu, càng yêu nghề bấy nhiêu (Lê Duẩn).

Đạo đức nghề dạy học: Chính là cái "tâm", ''tài", ''đức" của người thầy giáo. Người thầy phải có tâm huyết với nghề mới có hứng thú, say mê chăm chút từng bài giảng, từng nội dung tiết giảng, mới thường xuyên tìm tòi, nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung nội dung và phương pháp giảng dạy để đem lại hiệu quả cao nhất cho người học.

L.N.Tônxtôi đã nói: Để đạt được thành tích trong công tác, người thầy giáo phải có một phẩm chất - đó là tình yêu. Người thầy giáo có tình yêu trong công việc là đủ cho họ trở thành người giáo viên tốt.

- Cái "tâm" người thầy giáo tốt không phải chỉ có lòng yêu ngành, yêu nghề mà phải được biểu hiện thành những hành động cụ thể:

*Thứ nhất,* phải biết hiến thân cho nghề dạy học, biết hi sinh vì lợi ích tương lai, vì học sinh thân yêu.

*Thứ hai,* luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp. Phải cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi được đứng lớp. Không có thái độ miễn cưỡng khi được phân công lên lớp.

*Thứ ba,* luôn tìm tòi, học hỏi, sáng tạo để đem lại chất lượng cao nhất khi giảng dạy, thầy giáo không bị giới hạn trong không gian (lớp học) và thời gian (08 giờ vàng ngọc), không phải bước ra khỏi lớp học là chấm dứt hoạt động sư phạm mà vẫn tiếp tục suy nghĩ về nội dung, phương pháp giảng, về thái độ tiếp nhận bài học của học sinh để tự đổi mới.

*Thứ tư,* nhiệt tình trong xây dựng đơn vị, chân thành trong giúp đỡ đồng nghiệp.

- Về cái "tài" của người thầy: "tài" ở đây thể hiện tài năng về trí tuệ và tài năng nghiệp vụ sư phạm. Tài năng sẽ giúp cho người dạy nắm vững và nhuần nhuyễn nội dung hệ thống các kiến thức cơ bản của môn học, khả năng phát hiện vấn đề bổ sung vào nội dung bài giảng, tài năng nghiệp vụ sư phạm thể hiện ở việc áp dụng các phương pháp giảng dạy, khả năng trình bày và khả năng xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy. Kết hợp được giữa nội dung và phương pháp sẽ làm cho bài giảng thêm phong phú, sinh động, hấp dẫn và có hiệu quả cao, làm cho người học hứng thú, say mê, tránh nhàm chán, từ đó chủ động, tích cực nghiên cứu, tìm hiểu trong học tập.

- Ngoài ra, mối quan hệ giữa đạo đức nghề dạy học với đạo đức nhà giáo còn thể hiện ở cái "đức" của người Thầy. "Đức" là yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi giáo viên. Có "tâm", có "tài" cũng chưa là người thầy tốt. Để tạo

ra nhân cách người học thì trước hết người thầy phải biết thuyết phục học sinh bằng chính nhân cách của mình.

Muốn xây dựng được nhân cách cho người học, người thầy trước hết phải có "đức", thể hiện ở thái độ, tác phong chuẩn mực khi thực hiện giảng dạy và trong lối sống, trở thành tấm gương, vừa là người thầy, vừa là người cán bộ ưu tú, chuẩn mực cho người học noi theo. Phải làm sao để mỗi người thầy không những là nhà sư phạm mà còn là nhà mô phạm.

Cái "đức" của người thầy thể hiện ở sự hi sinh vô tư "tất cả vì học sinh thân yêu", giúp đỡ người học một cách chân thành, không vì vụ lợi, không phân biệt đối xử, giúp đỡ trong hỗ trợ kiến thức. Giúp đỡ không có nghĩa là cho điểm cao, dễ dãi đối với người học trong học tập. Cái "đức" ấy còn được biểu hiện ở sự kiên quyết đấu tranh chống những cái xấu, cái sai trong xã hội, trong chính bản thân mình.

Ngày nay, những tình cảm tốt đẹp có tính truyền thống đó của người thầy vẫn được duy trì. Sứ mệnh "trồng người" hết sức thiêng liêng, cao quí của nghề dạy học được đặt lên vai người thầy rất nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang.

### 1.5. Đặc điểm tâm lý của sinh viên sư phạm

Trong bối cảnh hiện nay, sinh viên sư phạm cần phải có khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp, năng động sáng tạo trong công việc, tự tìm kiếm việc làm. Biết sử dụng ngoại ngữ, vi tính, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sống có ước mơ, hoài bão, lí tưởng, nhiệt tình trong công việc, dám nghĩ, dám làm... Sự nhiệt tình, năng động và sáng tạo chính là những sức mạnh to lớn giúp họ làm chủ kiến thức, kỹ năng cơ bản và hình thành thái độ tích cực với nghề dạy học.

Bên cạnh đó sinh viên sư phạm luôn có một tinh thần học tập rất cao. Hoạt động học tập của họ được thúc đẩy bởi một số động cơ: Khao khát tri thức, lòng yêu nghề, yêu trẻ, thỏa mãn ý nguyện của cha mẹ, muốn trở thành giáo viên giỏi, sự tôn vinh của xã hội, thu nhập cao… Thực tế, động cơ học tập của sinh viên sư phạm bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố chủ quan, khách quan, trong đó vai trò của giảng viên sư phạm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Trong công việc họ rất độc lập, tự chủ, quyết đoán nhưng cũng rất nhạy bén trước cuộc sống để vươn lên khẳng định bản thân.

Có thể thấy quá trình phát triển nhân cách của sinh viên sư phạm diễn ra theo xu hướng cơ bản là xây dựng, hoàn thiện, phát triển nghề nghiệp, niềm tin và năng lực cần thiết của một giáo viên tương lai, các quá trình nhận thức được nghề nghiệp hóa, tình cảm, nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm và tính tự chủ, độc lập, sáng tạo trong học tập được nâng cao… Xu hướng nghề nghiệp cùng với những yêu cầu về phẩm chất và năng lực người thầy giáo định hướng cho hoạt động tự giáo dục ở sinh viên cao đẳng sư phạm.

## 1.6. Yêu cầu của bối cảnh hiện nay đối với việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm

### *1.6.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam*

**** Về những thời cơ thuận lợi:***

Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, được coi là thời cơ lớn, bước ngoặt quan trọng, mở ra một thời kì mới cho sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Những quan điểm lớn của Nghị quyết cùng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp không chỉ là định hướng cho nền giáo dục hiện nay, còn là nhiệm vụ bắt buộc toàn Đảng, toàn dân phải thực hiện, tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội, là cơ sở để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục nước nhà**.** So với các lần cải cách giáo dục và thay đổi chương trình trước đây, lần đổi mới này có nhiều điều kiện thuận lợi hơn:

+ Đất nước ổn định về chính trị, phát huy được những thành tựu của kinh tế - xã hội trong những năm qua.

+ Nhân dân ta với truyền thống hiếu học, hết sức chăm lo và sẵn sàng đầu tư cho giáo dục, ngày càng quan tâm đến việc dạy và học trong nhà trường là những tiền đề cơ bản để thực hiện đổi mới giáo dục Việt Nam.

+ Đảng, Nhà nước đã thường xuyên quan tâm để đưa ra các định hướng và quyết sách nhằm đổi mới giáo dục. Chưa bao giờ sự nghiệp giáo dục, đào tạo lại được toàn xã hội chăm lo phát triển như hiện nay, với mong muốn tận

dụng cơ hội phát triển đất nước trong giai đoạn "cơ cấu dân số vàng" và hội nhập quốc tế mạnh mẽ.

+ Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức phát triển mạnh, làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới giáo dục.

+ Công nghệ thông tin được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình dạy học, đem lại những khả năng mới, giúp giáo viên dễ dàng đưa những phần việc vốn chỉ thực hiện được ở ngoài lớp vào trong tiết học, cung cấp một khối lượng lớn thông tin trong thời gian ngắn, xử lí nhanh những chuỗi số liệu phức tạp, làm giảm nhẹ lao động chấm bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Giáo viên phải làm chủ được các phương tiện công nghệ thông tin mới vận dụng được vào quá trình dạy học. Nếu không muốn bị tụt hậu, giáo viên phải sớm tìm hiểu tin học cơ sở, học hỏi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

+ Đổi mới quản lí giáo dục và xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại, đáp ứng nhu cầu của xã hội và cá nhân người học.

+ Bước sang thế kỉ XXI, mỗi dân tộc càng nhận thức chính xác và cụ thể hơn vai trò, sức mạnh to lớn của giáo dục, đã khơi dậy và tạo tiềm năng vô tận trong mỗi con người. Trong các tài liệu về khoa học giáo dục, các nhà nghiên cứu trên thế giới đều xác định rõ vai trò, vị trí của giáo dục đối với sự phát triển của loài người nói chung, đặc biệt là đối với sự phát triển nền kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Giáo dục được coi là quốc sách hàng đầu, là chiếc chìa khóa cuối cùng mở cánh cửa đưa xã hội loài người đi vào tương lai.

+ Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục ở quy mô toàn cầu, tạo cơ hội thuận lợi để nước ta tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình định hướng năng lực, tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn quốc tế, xây dựng xã hội học tập, cùng với các điều kiện đảm bảo học tập suốt đời, đại chúng hóa, đa dạng hóa, toàn cầu hóa, hội nhập và hợp tác cùng cạnh tranh quốc tế về giáo dục.

**** Về những khó khăn, thách thức:***

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục như hiện nay, bên cạnh những mặt tích cực của nó cũng làm đảo lộn các giá trị tinh thần của con người mà điểm nổi bật là vấn đề đạo đức.

+ Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi có nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều đó có ý nghĩa là phải đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tất cả các thành tố của quá trình giáo dục, hội nhập được nền giáo dục phát triển, trong khi nguồn nhân lực nhà nước và khả năng của phần đông gia đình đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nhất là về tài chính còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Nhiều giáo viên không được chuẩn bị để đối phó với nhiệm vụ mới, bối cảnh mới với sự tiến bộ của giáo dục nói riêng, xã hội nói chung. Và ngay cả khi họ đã được chuẩn bị trong quá khứ thì mọi sự chuẩn bị đó khó có thể đáp ứng được nhu cầu cho một nền giáo dục tiến bộ, phát triển sôi động như hiện nay.

+ Sự đa dạng và khác biệt giữa các đối tượng người học, khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, không chỉ là nguyên nhân của sự bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục mà còn là thách thức đối với việc xây dựng mục tiêu và phát triển chương trình đào tạo.

+ Tâm lí bằng cấp của xã hội, sự kỳ vọng quá cao của nhiều phụ huynh vào khả năng và thành tích học tập của con em mình, đang vô tình làm gia tăng các tiêu cực về dạy thêm, kiểm tra đánh giá, gây áp lực cho cả học sinh và nhà trường, làm "méo mó" cả chương trình giáo dục và các biện pháp triển khai, quản lí chương trình giáo dục.

+ Bên cạnh đó, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy những biểu hiện của nếp sống xa lạ, hoàn toàn trái với chuẩn mực đạo đức xã hội trong một bộ phận học sinh, sinh viên hiện nay: cờ bạc, ma túy, mại dâm, sống thử, sống gấp… Số sinh viên vi phạm pháp luật, thiếu lễ độ với người lớn, nói tục, gây gổ đánh nhau,

không trung thực, ích kỉ, ham chơi, đua đòi ngày càng nhiều. Có thể nói hình ảnh về những người học trò ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô đang dần bị phai nhạt.

Thực hiện đổi mới giáo dục thực chất là một cuộc cải cách sâu rộng giáo dục Việt Nam, gắn liền với đổi mới tư duy của Đảng về giáo dục, từ tư duy đổi mới từng phần sang tư duy đổi mới tổng thể, đồng bộ, nhất quán, hướng tới một mô hình mới phát triển giáo dục với những đặc trưng cơ bản sau đây:

- Chuyển phát triển giáo dục từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng, đồng thời đáp ứng nhu cầu số lượng.

- Chuyển trọng tâm giáo dục từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học

- Chuyển hệ thống giáo dục từ khép kín sang mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường đi đôi với việc đảm bảo định hướng XHCN trong phát triển giáo dục.

- Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học – công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo sự hợp lí về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, mở rộng quy mô trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả, kết hợp giữa đào tạo và sử dụng.

- Thế giới hiện đại đã khẳng định vai trò lớn lao của giáo dục. Giáo dục được coi là chiếc chìa khóa tiến tới một thế giới tốt đẹp hơn, vai trò của giáo dục là phát triển tiềm năng của con người, giáo dục là đòn bẩy mạnh mẽ nhất để tiến vào tương lai, giáo dục cũng là điều kiện cơ bản nhất để thực hiện nhân quyền, hợp tác, dân chủ, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.

### *1.6.2. Những yêu cầu của bối cảnh đối với giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*

Dân tộc ta vốn có truyền thống "tôn sư trọng đạo", vị trí, vai trò của người thầy luôn được xã hội tôn vinh với sự kính trọng, tin tưởng. Để nhắc nhở trách nhiệm cao cả, đáng trân trọng của người thầy, Người căn dặn: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người" [5].

Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng thì nói: ‘‘Nghề của anh chị em gắn liền với những cái cao quý nhất của Tổ quốc. Tất nhiên nghề nào cũng cao quý cả, nhưng nghề của anh chị em là nghề đáng yêu quý nhất”[16]. Những tấm gương thầy giáo tiêu biểu, những người thầy rạng danh lịch sử : Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Đặng Thai Mai... họ đều là những người coi trọng việc ‘‘dạy chữ” là phương tiện để ‘‘dạy người”, rất chú trọng rèn luyện đạo đức, xây dựng nhân phẩm cho học trò, khơi dậy ở người học những phẩm chất quý báu. Những tấm gương của các nhà giáo dục nổi tiếng nước nhà và những phẩm chất cao đẹp của họ là những bài học không bao giờ cũ cho những người chọn nghiệp làm thầy hôm nay và mai sau. Truyền thống đó đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới việc chọn nghề, tu dưỡng rèn luyện ĐĐNN của SVSP.

Theo khung chuẩn nghề nghiệp giáo viên, người sinh viên sư phạm cần phải có 8 tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn được cụ thể hóa thành một số tiêu chí là những yêu cầu phẩm chất, năng lực cụ thể. Tổng cộng có 38 tiêu chí. Mỗi tiêu chí được cụ thể hóa thành những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng hoặc thái độ hành vi, (các tiêu chí có trong phần  phụ lục).

8 tiêu chuẩn bao gồm:

*Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức*

*Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục*

*Tiêu chuẩn 3: Năng lực giáo dục*

*Tiêu chuẩn 4: Năng lực dạy học*

*Tiêu chuẩn 5: Năng lực giao tiếp*

*Tiêu chuẩn 6: Năng lực đánh giá trong giáo dục*

*Tiêu chuẩn 7: Năng lực hoạt động xã hội*

*Tiêu chuẩn 8: Năng lực phát triển nghề nghiệp*

Trong xu thế đổi mới giáo dục như hiện nay, ngoài 8 tiêu chuẩn trên, người giáo viên còn cần năng lực trí tuệ, sự tinh thông nghề nghiệp và bản lĩnh chính trị, cụ thể:

*Thứ nhất: Cần hướng cho SVSP biết sống có lý tưởng, ước mơ và hoài bão lớn lao.*

Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất có ý nghĩa chiến lược trong việc GDĐĐNN, đóng vai trò điều khiển hoạt động, hành vi hàng ngày của mỗi sinh viên và là một trong những yếu tố cơ bản của cấu trúc nhân cách.

C.Mác đã từng nói: nhà giáo dục phải là người được giáo dục. Do đó, giáo dục lý tưởng cho SVSP là giúp họ hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. Trong giai đoạn hiện nay, lý tưởng của thanh niên sinh viên là độc lập dân tộc và CNXH, là học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đối với SVSP trong bất cứ lĩnh vực nào của giáo dục ở nhà trường cũng đều có cơ hội tốt để tiến hành giáo dục lý tưởng.

Có thể nói thế giới quan, lý tưởng, niềm tin, đạo đức cách mạng của SVSP đang trong quá trình hình thành. Họ khát khao lý tưởng và hành động thực hiện lý tưởng, hướng tới các chuẩn mực đạo đức. Tuy nhiên dưới tác động của nền kinh tế thị trường cùng môi trường sống xung quanh nhiều lúc làm sinh viên dễ nhận thức sai lệch, không đúng, hoặc không rõ ràng các chân giá trị, từ đó, làm cho mục tiêu, lý tưởng dễ trở thành hình thức, giả tạo, nói và làm không nhất quán với nhau trong một bộ phận sinh viên. Bằng việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, bằng việc lôi cuốn SVSP vào những phong trào thi đua sôi nổi, họ sẽ xây dựng cho mình ý thức đạo đức, sự kiên trì và niềm say mê nghề nghiệp.

*Thứ hai: Cần hướng cho SVSP vào những giá trị nhân cách của người thầy giáo.*

Thế giới quan là yếu tố quan trọng trong cấu trúc nhân cách, nó không những quyết định niềm tin chính trị mà còn cả toàn bộ hành vi cũng như ảnh hưởng của người thầy giáo đối với học sinh. Thế giới quan chi phối các hoạt động cũng như thái độ người thầy giáo trong việc lựa chọn nội dung và phương pháp giảng dạy, việc kết hợp nhiệm vụ giáo dục và nhiệm vụ chính trị - xã hội, gắn nội dung và phương pháp giảng dạy với thực tiễn. Có một thế giới quan khoa học sẽ là cơ sở giúp người thầy xây dựng ý thức chính trị, lý tưởng, niềm tin cho mình và cho thế hệ trẻ.

Giá trị nhân cách người thầy giáo còn thể hiện ở lý tưởng nghề nghiệp, biểu hiện ra ngoài ở sự say mê nghề nghiệp, sự hứng thú, sự tận tụy với công việc, ở lòng yêu nghề mến trẻ, ở lương tâm và ý thức trách nhiệm, ở tác phong và lối sống của người thầy giáo.

*Thứ ba: Cần hướng cho SVSP vào những giá trị của nghề dạy học.*

Trước đây trong cơ chế cũ, những giá trị tinh thần, giá trị nhân cách luôn được người SVSP đề cao. Hình ảnh các nhà giáo mô phạm, mẫu mực, coi trọng các giá trị tinh thần truyền thống, vị tha, giàu lòng nhân ái với cuộc sống thanh đạm, giản dị luôn là niềm tự hào và là hình mẫu lý tưởng để SVSP hướng tới. Tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay đã đánh thức tính năng động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể lao động, trong đó có đội ngũ những nhà giáo tương lai. Họ không cam chịu cuộc sống nghèo khổ, không bằng lòng với những điều kiện học tập khó khăn và mức sống quá thấp, không thoả mãn với trình độ của mình. Nhu cầu việc làm, nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội đã kích thích, thúc đẩy các nhà giáo tương lai không ngừng học tập, tiếp cận những tri thức khoa học hiện đại, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và tay nghề sư phạm, đồng thời mở ra khả năng để họ có thể tăng thu nhập của bản thân bằng chính lao động dạy học của mình.

Khác với các nghề khác, tính nhân văn thể hiện đậm nét trong nghề dạy học. Qua sự nhận thức của SVSP về đạo đức nghề nghiệp nói chung, nghề dạy học nói riêng, từ động cơ, thái độ, tình cảm của họ với nghề đã chọn, giáo dục sinh viên thấm nhuần được ý nghĩa thiêng liêng của nghề dạy học, hướng họ vươn tới các giá trị của nghề dạy học, đó là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề giúp phát triển đạo đức nhân cách, nghề giúp ích cho mọi người, nghề phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới.

*Thứ tư: Cần phải chú trọng cho SVSP các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

Người thầy giáo ngày nay không chỉ cần có một trình độ học vấn, nghiệp vụ sư phạm, những hiểu biết sâu về lĩnh vực chuyên môn mình

giảng dạy mà phải được chú ý đào tạo cả về khoa học xã hội và nhân văn. Người thầy giáo phải lĩnh hội được tinh hoa văn hoá của nhân loại nhưng đồng thời phải biết giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Mặt khác, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cần chú trọng phát triển đạo đức nhân cách của người thầy giáo, như truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng học vấn, trọng hiền tài...

Việc xác định những yêu cầu của bối cảnh nêu trên sẽ là cơ sở giúp chúng ta lựa chọn những phương pháp phù hợp để công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các nhà giáo tương lai hôm nay mang lại hiệu quả cao nhất.

## 1.7. Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm

### *1.7.1. Mục đích, ý nghĩa của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm*

Trường sư phạm, nơi đào tạo các thầy cô giáo tương lai chuẩn bị bước vào nghề sư phạm, nghề mà theo nhà giáo dục K.D.Usinxki đã nhận định: Dùng nhân cách để giáo dục nhân cách, thì việc giáo dục đạo đức là một trong những nội dung quan trọng. Bởi đạo đức là cái gốc quan trọng giúp người thầy giáo đứng vững được với nghề, là cái nâng nghề sư phạm trở nên cao quí, là cái khiến người thầy giáo được đặt vào vị trí cao trong xã hội và được xã hội tôn kính.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là một hoạt động mang tính xã hội phức tạp từ nhiều phía: Gia đình, nhà trường, xã hội, được thực hiện đồng bộ trên các mặt (giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục hành vi, lối sống, nếp sống, truyền thống…). Kết quả đều phục vụ mục tiêu chung là hình thành ở họ những tri thức đạo đức, tình cảm, hành vi đạo đức lành mạnh. Từ nhận thức về các giá trị và chuẩn mực đạo đức dần hình thành các nhu cầu, động cơ bên trong thúc đẩy các em có hành vi, hành động thể nghiệm chúng trong cuộc sống hàng ngày.

Trước xu thế hội nhập của xã hội hiện đại, giáo dục đạo đức nghề nghiệp có vai trò định hướng cuộc sống, lựa chọn giá trị cho thế hệ trẻ.

Định hướng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cần phải giúp cho họ phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung... Bên cạnh đó, những tiêu chuẩn của con người Việt Nam trong giai đoạn mới cũng được nghị quyết hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương khóa VIII [20] chỉ rõ:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỉ cương phép nước, qui ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kĩ thuật, sáng tạo, năng suất cao, vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể xã hội.

- Thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mĩ và thể lực.

Ngoài ra mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên còn nhằm:

+ Giúp SV định hướng và phát triển các hành vi đạo đức nghề nghiệp.

+ Có lối sống trung thực giản dị

+ Có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng

+ Có thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ

+ Xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm

+ Định hướng giá trị học tập cho SV trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Mục đích của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp chính là giúp cho mỗi cá nhân nhận thức đúng đắn các giá trị đạo đức, biến hành động theo lẽ phải, công bằng và nhân đạo, biết sống vì mọi người, vì gia đình, vì sự tiến bộ của

xã hội. Trong đó mục đích quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp chính là tạo lập được những thói quen hành vi đạo đức đúng đắn.

***1.7.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm***

**** Thế giới quan khoa học***

Thế giới quan khoa học không phải là bản tính tự nhiên của nhà giáo, mà nó được hình thành trong quá trình học tập của họ dưới nhiều ảnh hưởng khác nhau. Đó là quá trình học tập trong trường phổ thông, trường sư phạm và tự học suốt đời, trong quá trình học các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là triết học. Thế giới quan của giáo viên tương lai là thế giới quan của chủ nghĩa Mác-Lênin, tính tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, lòng trung thành với sự nghiệp xây dựng CNXH.

Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, xu thế đổi mới giáo dục đặt ra những thách thức mới với giáo dục. Người giáo viên tương lai phải được đào tạo, đáp ứng những thay đổi đó, góp phần vào sự nghiệp giáo dục của Đảng, nhà nước và của toàn dân

Nói đến sự học của thế hệ trẻ cũng có nghĩa là nói đến nhà trường, nói đến thầy giáo, mà nói đến trường học là nói đến tri thức, nói đến văn minh, văn hoá. Điều 16 Luật Giáo dục qui định: "Không truyền bá tôn giáo, không tiến hành các nghi thức tôn giáo trong các trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân". Điều này đòi hỏi nhà giáo phải có thế giới quan khoa học, có quan điểm duy vật biện chứng về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Có thể nói lý tưởng nghề dạy học chính là biểu hiện xu hướng hoạt động sư phạm của người thầy giáo, là điều kiện bên trong để hình thành lòng yêu nghề, yêu trẻ, nhờ đó mà thầy giáo có thái độ say mê công việc giảng dạy và giáo dục trẻ em. Khuynh hướng này ngày càng mở rộng, càng sâu sắc khi từng bước người chọn nghề thầy giáo đi sâu vào nghiệp vụ sư phạm.

**** Lí tưởng nghề nghiệp***

Lí tưởng nghề nghiệp của người thầy giáo thể hiện ở niềm tin sư phạm, niềm say mê nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, tận tâm với học sinh, với công việc, lối sống giản dị lành mạnh…Điều đó tạo nên sức mạnh, động lực bên trong giúp người thầy vượt qua được những khó khăn trở ngại hoàn thành nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ.

Trong những năm đất nước ta bước vào thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, một bộ phận giáo viên vì không xác định được lí tưởng nghề nghiệp nên đã không gắn bó được với sự nghiệp giáo dục, chạy theo lợi ích trước mắt xa rời vị trí cao quý mà xã hội đã dành cho. Bên cạnh đó cũng có những nhà giáo đã hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục ở vùng cao, vùng sâu vùng xa, có một số ít người là anh hùng lao động, nhiều người khác là anh hùng vô danh.

Có thể nói lý tưởng nghề dạy học chính là biểu hiện xu hướng hoạt động sư phạm của người thầy giáo, là điều kiện bên trong để hình thành lòng yêu nghề, yêu trẻ, nhờ đó mà thầy giáo có thái độ say mê công việc giảng dạy và giáo dục trẻ em. Khuynh hướng này ngày càng mở rộng, càng sâu sắc khi từng bước người chọn nghề thầy giáo đi sâu vào nghiệp vụ sư phạm.

**** Lòng yêu nghề, yêu trẻ***

Lòng yêu nghề của người thầy giáo thường gắn chặt với lòng yêu trẻ. Trong bài nói chuyện tại trường ĐHSP Hà Nội, ngày 29/6/1962 đồng chí Lê Duẩn đã nói: "*Những thầy giáo không yêu nghề cũng có nghĩa là đồng chí đó không yêu người. Càng yêu người bao nhiêu thì càng yêu nghề bấy nhiêu"*. Lòng yêu trẻ là một phẩm chất đặc trưng của người giáo viên. Lòng yêu thương người, tình yêu trẻ là động lực mạnh mẽ giúp người giáo viên vượt qua khó khăn thử thách để thực hiện chức năng *người kĩ sư tâm hồn.* Lòng yêu trẻ của người thầy giáo được thể hiện ở thái độ quan tâm thiện ý với trẻ, thấu hiểu và đồng cảm với trẻ, luôn tôn trọng và nghiêm khắc với các em.

Trong mọi loại hình lao động nghề nghiệp, người lao động đều phải yêu nghề mới mang lại hiệu quả lao động cao. Yêu nghề ở lao động sư phạm lại

càng cần thiết hơn bất cứ nghề nào khác. Đó là một trong những phẩm chất đạo đức hàng đầu đặt ra cho mỗi người thầy. Chỉ có những người thầy say sưa, tận tụy, yêu nghề dạy học mới có thể thành công trong sự nghiệp. Yêu nghề giúp cho người thầy có nghị lực, tạo được sự tâm huyết với nghề, tìm thấy niềm vui, nguồn hạnh phúc trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

Đó là những người thầy luôn nghĩ đến công việc, trong giảng dạy cũng như trong giáo dục, họ luôn luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, không thoả mãn với chính mình, cố gắng phấn đấu để không ngừng vươn lên trong sự nghiệp trồng người. Yêu nghề khiến cho người thầy gắn bó cuộc đời với sự nghiệp giáo dục, cống hiến toàn bộ tài năng và sức lực cho thế hệ trẻ, cho những nhân cách đang được hình thành. Họ say sưa làm việc hết mình, khi cần sẵn sàng hi sinh cả lợi ích cá nhân cho công việc giáo dục học sinh. Lòng yêu nghề gắn liền với tình cảm nghĩa vụ và ý thức trách nhiệm của người thầy giáo, nó là biểu hiện của tình cảm nghề nghiệp.

***Lòng nhân ái***

Người thầy có lòng nhân ái, vị tha còn thể hiện trong việc nhìn nhận đánh giá học sinh, luôn nhìn vào điều tốt trong các em, tin tưởng vào cái các em có thể đạt tới. Điều này chứng tỏ niềm tin sư phạm trong cấu trúc nhân cách của thầy. Nhà giáo dục vĩ đại A.X.Macarencô đã giáo dục học sinh bằng chính lòng nhân ái, bao dung của mình. Nếu người thầy giáo luôn giữ ấn tượng xấu về một học sinh vô kỉ luật, coi đó là học sinh cá biệt thì đó là một sự giáo dục sai lầm.

Trong cấu trúc đạo đức của một con người không thể không kể đến lòng nhân ái, đó là cái gốc của đạo đức, là cơ sở để con người làm điều thiện. Hơn bất cứ nghề nào khác, nghề dạy học càng đòi hỏi người thầy giáo lòng nhân ái, bao dung rộng mở đối với học sinh. Vì nhân cách học sinh đang được hình thành, trong quá trình đó có thể có những nhận thức chưa đúng, thái độ hành vi chưa phù hợp cần chúng ta uốn nắn điều chỉnh.

Lòng nhân ái sẽ giúp thầy giáo khoan dung, độ lượng với các em, tránh được sự định kiến nặng nề trong quan hệ thầy trò, điều mà không giáo viên

nào muốn có. Để có được tinh thần vị tha, lòng nhân ái cao cả, người thầy giáo phải tìm hiểu học sinh, thực sự quan tâm đến đối tượng của mình, luôn tôn trọng và thiện cảm với các em, không nên thiếu công bằng, định kiến, dồn các em vào ngõ cụt. Có như vậy người thầy giáo mới thực sự là chỗ dựa tin cậy của các em.

***Tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ của người giáo viên***

Người thầy giáo phải là tấm gương tự học với quan niệm *"Sự học không bao giờ cùng"* để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thời đại trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước trước tình hình mới. Đặc biệt là trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay thì tấm gương tự học của người thầy càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Hình ảnh người thầy giáo luôn được xã hội xem là biểu tượng của văn hóa, là đại diện cho văn minh thời đại.

Người thầy giáo nào trước khi tham gia lao động sư phạm đều có cái vốn ban đầu được hình thành trong nhà trường sư phạm. Hành trang ban đầu ấy không thể đủ để lao động sư phạm suốt đời mà vừa tham gia hoạt động sư phạm mỗi giáo viên phải có ý thức học hỏi thông qua đồng nghiệp, qua sách báo để ngày càng nâng cao tay nghề. Bằng lòng thoả mãn với những cái đã có, không có nhu cầu học hỏi vươn lên là tự đào thải chính mình.

Điều đó, đòi hỏi người thầy phải luôn giữ vững chữ đạo và phải dồi dào chữ tâm, có tâm mới giữ được đạo. Bởi trò học từ thầy là học ở cốt cách, lối sống và những phẩm chất cao đẹp của thầy. Đối với mỗi người chúng ta, sẽ thật hạnh phúc và tự hào nếu trong cuộc đời may mắn có được người thầy tài cao đức cả dạy dỗ, chỉ bảo chúng ta nên người, để suốt cuộc đời luôn nghĩ về thầy với lòng biết ơn, tôn kính.

Cách học nhanh nhất của người học là học từ bản thân thầy, từ tấm gương của thầy - "thầy nào trò nấy". Sẽ rất phản cảm nếu trong giờ giảng, thầy lại sử dụng qúa nhiều thời gian để "quảng cáo" về mình. Cũng có khi để bớt nặng nề, căng thẳng thầy kể chuyện "tiếu lâm" cho học trò nghe. Sẽ thật

"có duyên" nếu như đó là những câu chuyện nhẹ nhàng, dí dỏm, mang tính chất giáo dục làm thư giãn đầu óc vài phút, nhưng cũng thật "dở khóc, dở cười" nếu đó là những câu chuyện không đâu vào đâu chỉ nên kể ở nơi "trà dư, tửu hậu", và cũng thật đáng buồn bởi trong thực tế xã hội vẫn còn đây đó những biểu hiện hách dịch, vòi vĩnh, "mua - bán", "xin - cho", những hành động trái với đạo đức, lương tâm của một bộ phận nhà giáo.

Sứ mệnh, nhiệm vụ của những nhà giáo hơn lúc nào hết rất nặng nề và người thầy hơn ai hết hiểu rõ cần phải tạo dựng những phẩm chất và năng lực để tự khẳng định mình nhằm cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp giáó dục đào tạo.

Để thực sự là một nhà giáo mẫu mực, bên cạnh ngọn lửa yêu nghề, tình yêu với trẻ, sinh viên sư phạm phải trang bị cho mình đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất và quan trọng hơn là phải trau dồi kiến thức, chuyên môn để trở thành một tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Bản thân mỗi sinh viên phải sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để học tốt, có động cơ học tập đúng đắn, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm học tập với mọi người.

Bồi dưỡng ý chí, khát vọng và chí hướng vươn lên, hoàn thiện văn hóa sư phạm, biết tự kiềm chế, tự học để có hiểu biết sâu rộng về chuyên môn nghiệp vụ, thuần thục kĩ năng sư phạm, có phẩm chất đạo đức nhà giáo để cống hiến cho xã hội và có thu nhập cao. Có khả năng tiếp thu một cách chọn lọc tinh hoa giáo dục nhân loại và hội nhập nhanh nền giáo dục hiện đại của thế giới, có tinh thần đổi mới và kiên định trong điều kiện hội nhập quốc tế. Quyết tâm vượt qua khó khăn để vươn lên, độc lập tự chủ trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, thông minh sáng tạo trong hoạt động sư phạm và trong cuộc sống hàng ngày như Hồ Chí Minh từng căn dặn: "Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, tự mình đào thải mình trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình" [62].

**** Giáo dục tác phong mẫu mực, quan hệ ứng xử tốt***

Bác đã nhiều lần căn dặn giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội. Vì vậy, để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, trước hết những người làm công tác giáo dục phải luôn nêu gương về đạo đức, tức là tự mình phải chính trước mới giúp người khác chính.

Nhiệm vụ của người thầy giáo không chỉ là sự truyền bá tri thức, phương pháp, tay nghề cho người học mà thầy giáo cũng như học trò, tất cả đều phải tham gia vào các công việc xã hội một cách thật tích cực. Là người "dùng nhân cách để giáo dục nhân cách", người thầy phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức, tác phong, có lối sống giản dị trong sạch. Hiểu được những chuẩn mực trong hoạt động sư phạm, từ đó người giáo viên mới có ý thức rèn luyện phong cách sư phạm phù hợp, mẫu mực từ lời nói đến hành vi cử chỉ. Phải làm sao để mỗi người thầy không những là nhà sư phạm mà còn là nhà mô phạm, nỗ lực rèn luyện và hoàn thiện nhân cách, thực hiện tốt "nói đi đôi với làm" theo tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh.

**** Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự***

Không bao giờ thoả mãn với những gì đang có, không khoe khoang về bản thân, luôn có ý thức học hỏi tất cả mọi người, lịch sự trong giao tiếp và cuộc sống, mẫu mực trong lối sống, biết lên án những thái độ thiếu khiêm tốn, mất lịch sự.

Phẩm chất khiêm tốn, lịch sự là một phẩm chất quan trọng trong nhân cách của người giáo viên và SVSP. Nhờ có phẩm chất này, giáo viên và SVSP có khả năng ứng xử đúng mực, tác phong mô phạm. Vì vậy, giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự là nội dung giáo dục không thể thiếu trong giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

Trong bối cảnh hiện nay, thanh niên nói chung, SVSP nói riêng có xu thế muốn khẳng định mình. Tuy nhiên, sự khẳng định đó trong nhiều trường hợp là thái quá, không đúng với thực tế. Một số thanh niên, SVSP thường có thói

xấu như huyênh hoang, bốc đồng, ba hoa, khoác lác về bản thân, những biểu hiện này là tối kị đối với nghề dạy học. Chính vì vậy ngay khi còn học tập, SVSP cần được giáo dục những phẩm chất đạo đức của nghề dạy học.

Để thực hiện tốt những nội dung trên, quá trình đào tạo sinh viên trong nhà trường sư phạm hiện nay cần nắm chắc và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc giáo dục đạo đức mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra: trước hết và quan trọng nhất là phải làm cho người học có sự hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ra trong thực tiễn hàng ngày. Bên cạnh đó cần cụ thể hóa các giá trị, chuẩn mực đạo đức nhà giáo vào chương trình, nội dung giảng dạy. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục để sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo của mình.

Các nội dung này cần được thực hiện đồng bộ và lồng ghép trong tất cả các hoạt động của trường sư phạm: Học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm. Hơn thế nữa, việc thực hiện các nội dung này là cả một quá trình khó khăn và rất phức tạp. Nó cần được thực hiện một cách thường xuyên, có hệ thống và liên tục thông qua việc tổ chức các hoạt động phong phú cho SVSP.

### *1.7.3. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường sư phạm hiện nay*

Phương pháp giáo dục là một hệ thống những tác động của nhà giáo dục đến các đối tượng giáo dục thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giúp họ hình thành ý thức, thái độ, hành vi văn hóa phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Một phương pháp giáo dục không phải bao giờ cũng thành công đối với mọi đối tượng, mọi tình huống giáo dục. Phương pháp giáo dục muôn hình, vạn trạng, không có "khuôn mẫu chung" cho mọi trường hợp. Có thể kể ra một số phương pháp giáo dục như:

- Phương pháp khen thưởng: Là phương pháp biểu thị sự đánh giá tích cực, sự hài lòng, sự ủng hộ của nhà giáo dục, của tập thể, của xã hội đối với những hành vi tốt đẹp của cá nhân hay tập thể học sinh. Từ đó tạo cho người

được khen trạng thái phấn khởi, tự hào với những đóng góp của họ để họ phấn đấu nhiều hơn, ngày càng có thành tích cao hơn. Việc khen thưởng sẽ góp phần quan trọng để tạo ra động cơ phấn đấu cho cá nhân, tạo nên nội lực thúc đẩy quá trình giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao.

- Trách phạt: Là cách thức tác động vào nhân cách học sinh bằng cách biểu thị sự không đồng tình, phê phán và lên án những hành động, hành vi trái với các chuẩn mực đạo đức của xã hội hoặc đi chệch khỏi những qui tắc tập thể.

- Phương pháp trải nghiệm: Là phương pháp trong đó người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phân tích, đánh giá, xác định cái gì là cần thiết, quan trọng, từ đó tạo ra tri thức mới, phát triển kĩ năng, khai thác tiềm năng của bản thân.

Học qua trải nghiệm có thể tiến hành dưới nhiều hình thức như: thảo luận (chung/ nhóm), nghiên cứu tình huống, đóng vai, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trò chơi, trò chơi mô phỏng vv… Tùy tính chất của môn học và quy mô của lớp học mà chúng ta có thể sử dụng các kĩ thuật nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả.

Nhà khoa học thiên tài Albert Einstein cũng khẳng định: "Chỉ có trải nghiệm mới là hiểu biết, còn tất cả các thứ khác chỉ là thông tin."[82]. Ngày nay, ngành giáo dục nước nhà đang đổi mới theo hướng đào tạo theo năng lực thực hiện với triết lí cơ bản là "học để thành thạo". Vì thế, dạy học qua trải nghiệm là lựa chọn tối ưu vừa đáp ứng được xu hướng đổi mới công tác đào tạo nguồn nhân lực, vừa phù hợp với mục tiêu cơ bản của RLNVSP - chú trọng rèn luyện và nâng cao kĩ năng nghề cho sinh viên.

### *1.7.4. Các lực lượng giáo dục*

Họ là những người lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, hướng dẫn quá trình giáo dục sinh viên, đồng thời là người kiểm tra, đánh giá và giúp sinh viên tự kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, lực lượng giáo dục còn giúp định hướng sự phát triển nhân cách sinh viên theo đúng mục đích giáo dục của Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Trình độ văn hóa, tầm hiểu biết, kinh nghiệm sư phạm, uy tín của nhà giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đối với thế hệ trẻ và quyết định sự thành bại của quá trình giáo dục. Chính vì vậy, nhà giáo dục luôn phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi nghiệp vụ sư phạm, luôn là tấm gương cho thế hệ trẻ noi theo.

Cần thường xuyên phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên đối với quá trình GDĐĐNN cho sinh viên bằng cách tăng cường uy tín, tính mô phạm đối với người học. Để phát huy sức mạnh trong GDĐĐNN cho sinh viên, mỗi giảng viên cần phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện tài năng và tấm lòng đức độ của mình. Mỗi cử chỉ, lời nói, cho đến tinh thần lao động, lí tưởng nghề nghiệp...của giảng viên đều là những bài học để sinh viên học tập, noi theo.

Trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV, cần có sự phối hợp thống nhất cao giữa cán bộ quản lí với giảng viên và các lực lượng giáo dục khác. Hơn thế nữa, các lực lượng giáo dục cần nâng cao ý thức trách nhiệm ‘‘rèn nghề’’cho sinh viên, coi đây không chỉ là công việc của một số người mà là trách nhiệm của đông đảo các cán bộ, cơ quan quản lí giáo dục.

***1.7.5. Đối tượng giáo dục***

Chất lượng của quá trình giáo dục đều phụ thuộc vào trình độ nhận thức, ý thức tự giác, thói quen hành vi văn hóa đã có của các đối tượng giáo dục. Tích cực, tự giác, tính năng động sáng tạo trong học tập và tu dưỡng của các đối tượng giáo dục quyết định sự trưởng thành của chính bản thân họ.

Trường nào, lớp nào có nhiều học sinh chăm ngoan, có ý thức học tập tự giác, có truyền thống tốt, nơi đó rất thuận lợi cho công tác giáo dục và ngược lại nơi nào có học sinh yếu kém về học tập và đạo đức, nơi đó công tác giáo dục sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển, với hệ thống thông tin đa dạng, nhiều chiều, hàng ngày, hàng giờ tác động đến thế hệ trẻ và chính các em cũng bằng nhiều phương thức khác nhau tìm tòi, chọn lọc, tiếp thu

các thông tin đa dạng đó, nhiều sinh viên có xu hướng vượt khỏi chương trình giới hạn của nhà trường đi tìm tri thức mới, giá trị mới. Giáo dục hiện đại đòi hỏi các nhà giáo dục đóng vai trò là người hướng dẫn, biết cách tổ chức, tạo điều kiện cho các em tham gia vào các hoạt động để họ vươn lên và tự khẳng định mình.

***1.7.6. Môi trường giáo dục***

Tác động của môi trường đối với sự phát triển của cá nhân là vô cùng mạnh mẽ, phức tạp, có thể rất tốt hoặc rất xấu, có thể cùng chiều hay ngược chiều, chủ yếu là theo con đường tự phát. Nó có mức độ ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực như thế nào, có được chấp nhận hay không trong quá trình phát triển nhân cách tùy thuộc phần lớn vào trình độ được giáo dục, đó là ý thức, niềm tin, quan điểm, ý chí và xu hướng, năng lực hoạt động, giao lưu góp phần cải biến môi trường của cá nhân.

Môi trường giáo dục trong xã hội hiện đại không phải là bốn bức tường khép kín hay trong một gia đình, một nhà trường, một địa phương, mà là cả một xã hội sôi động với nền kinh tế thị trường đang tác động hàng ngày, hàng giờ vào giới trẻ, trong các tác động đó có cả những yếu tố kiểm soát được và không kiểm soát được.

Quá trình giáo dục trẻ em rất cần có một môi trường lành mạnh, do đó xã hội, nhà trường và gia đình phải quan tâm đúng mức, khai thác những yếu tố tích cực của môi trường xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ.

***1.7.7. Kết quả giáo dục***

Kết quả giáo dục là sản phẩm của những tác động giáo dục tổng thể và của cả quá trình giáo dục. Sản phẩm của giai đoạn này là tiền đề cho giai đoạn sau và chúng nối tiếp nhau để đạt mục đích giáo dục tổng thể.

Trong nhà trường cần thường xuyên đánh giá các hoạt động giáo dục, nhằm cung cấp thông tin cho công tác quản lý và tổ chức giáo dục. Học sinh phải biết tự đánh giá mình để có phương hướng phấn đấu vươn lên.

Đánh giá giáo dục là hoạt động cần có tiêu chí và thang đo chính xác. Đánh giá giáo dục thường xuyên sẽ tạo nên những tác động mạnh mẽ đến quá trình tu dưỡng của học sinh và của tập thể.

Tóm lại, quá trình giáo dục là một chỉnh thể gồm nhiều thành tố, mỗi thành tố có vai trò và chức năng riêng, nhưng chúng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau, tạo nên một chỉnh thể có tính hệ thống. Chất lượng giáo dục phụ thuộc vào chất lượng của từng thành tố, do đó muốn nâng cao chất lượng giáo dục phải nâng cao chất lượng của từng thành tố, cần khai thác tính ưu việt của từng thành tố để tổ chức quá trình giáo dục đạt được hiệu quả cao nhất. Nhà giáo dục cần có quan điểm phức hợp trong tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

## 1.8. Những con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường cao đẳng sư phạm

### *1.8.1. Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm*

Hoạt động dạy và học ở trên lớp nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức học vấn chuyên ngành đã được đúc kết thành khái niệm, định luật, qui tắc, phạm trù, phản ánh bản chất của sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan. Nhờ được võ trang những tri thức văn hoá đó mà sinh viên ngày nay càng mở mang trí tuệ, giúp cho quá trình phát triển tư duy ngày một sâu sắc hơn .

Bên cạnh việc trang bị tri thức đạo đức, việc dạy dọc ở trên lớp còn là con đường cơ bản ngắn nhất, hiệu quả nhất để hình thành niềm tin và giáo dục đạo đức cho sinh viên. Đặc biệt qua một số môn học như Tâm lí học, Giáo dục học, Xã hội học, các môn khoa học xã hội... trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về những khái niệm, phạm trù, quy tắc, chuẩn mực đạo đức, nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân theo yêu cầu của xã hội và của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Mỗi môn học không ngừng khai sáng tri thức mà còn hướng dẫn các hành vi, hành động, cách ứng xử

trong nhiều mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, cộng đồng, môi trường, phù hợp với quy tắc, chuẩn mực chung, định hướng cho con người phát triển và hoàn thiện nhân cách.

***1.8.2. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp***

Con đường dạy trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu dạy trên lớp là khai sáng, định hướng, phát triển đạo đức thì hoạt động ngoài giờ lên lớp bổ sung, củng cố những kiến thức đã học trên lớp. Hoạt động ngoài giờ lên lớp có ưu thế là rèn luyện, thể hiện bằng hành vi, thái độ, hành động đạo đức trong các mối quan hệ chứ không chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức lí luận. Khi được tiếp xúc với người thật việc thật, với chủ thể của hành vi đạo đức sống động sẽ có sức thuyết phục lớn trong việc giáo dục đạo đức.

Hoạt động ngoài giờ lên lớp rất đa dạng và phong phú bao gồm các hoạt động như:

- Sinh hoạt của tổ chức đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: Hoạt động này nhằm rèn luyện những hành vi ứng xử, giao tiếp lịch sự, có văn hoá nhằm góp phần cải tạo những phong tục, thói quen lạc hậu trong đời sống của thế hệ trẻ. Thông qua các hoạt động văn nghệ, thể thao, tham quan, du lịch, tìm hiểu danh lam thắng cảnh của địa phương, của đất nước, qua việc tổ chức các ngày hội, ngày lễ như ngày quốc khánh 2- 9, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22-12…Các phong trào phòng chống tệ nạn xã hội, xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa có ý nghĩa rất lớn để giáo dục đạo đức, rèn luyện tư tưởng chính trị cho sinh viên trong nhà trường sư phạm.

- Hoạt động thực tế, thực tập sư phạm là một hoạt động đặc thù đối với sinh viên sư phạm. Nó không chỉ là một hoạt động rèn luyện nghiệp vụ đơn thuần chuẩn bị cho nội dung bài dạy trên lớp mà qua đó sẽ giáo dục cho sinh viên tình cảm yêu nghề, yêu trẻ. Thực hành, thực tập sư phạm là con đường cơ bản, đặc thù để giáo dục tư tưởng chính trị, là con đường dạy nghề có hiệu quả nhất cho sinh viên sư phạm.Vì thế mà nhà giáo dục J.A.Cômenxki (1592-

1670) đã có tư tưởng: Trong nhà trường sư phạm phải có nhà trường thực hành, để cho giáo sinh thường xuyên được rèn luyện [44].

- Thông qua hoạt động thực tiễn giúp sinh viên nắm được thực tiễn giáo dục của địa phương, hiểu rõ hơn chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, của ngành học đối với giáo dục, nhằm mục đích là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thấm nhuần phương châm của ngành là "xã hội hoá giáo dục".

***1.8.3. Thông qua hoạt động tự quản của tập thể***

Lớp học là tập thể được tổ chức khá chặt chẽ, có tính mục đích, có tính giáo dục. Chính vì vậy mà việc xây dựng tổ chức lớp học lành mạnh, có tính sư phạm và tính giáo dục là một trong những nhiệm vụ của mỗi giáo viên. Để có tập thể sinh viên lành mạnh, trước hết người giáo viên cần phải có uy tín, có kĩ năng xây dựng tập thể sinh viên theo mục tiêu và kế hoạch xác định. Một tập thể sinh viên tốt là tập thể có một số đặc điểm như: Có mục đích thống nhất, có tinh thần trách nhiệm trước trường, trước xã hội, có yêu cầu chặt chẽ đối với mọi thành viên, đồng thời mọi thành viên phải phục tùng ý chí của tập thể, phải tuân theo sự lãnh đạo thống nhất và được bình đẳng trước tập thể.

Từ thực tế về sự thống nhất trong đa dạng của tập thể sinh viên đòi hỏi người giáo viên phải có khả năng làm cho dư luận của những tập thể khác nhau có sự thống nhất cơ bản về cùng một vấn đề như nhau, vì chỉ có như vậy thì dư luận mới có tác dụng giáo dục đạo đức cho sinh viên. Hơn nữa giáo viên phải biết hướng dư luận của tập thể sinh viên một cách có chủ định và phải biết dẹp đi những dư luận thất thiệt không có lợi cho giáo dục đạo đức.

***1.8.4. Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân sinhviên***

Sự tự tu dưỡng về đạo đức là một hành động tự giác, có hệ thống mà mỗi cá nhân thực hiện với chính mình nhằm khắc phục những hành vi trái đạo đức, bồi dưỡng, củng cố hành vi đạo đức. Sự tự tu dưỡng là yêu cầu tự nhiên

ở mỗi cá nhân, ở trình độ ý thức đã phát triển, mọi cá nhân đều cần làm cho mình tốt hơn lên, bồi dưỡng tình cảm ý chí của chính mình, khắc phục những thói hư tật xấu. Đối với sinh viên sư phạm thì việc nhận thức được bản thân mình, đánh giá đúng mình, luôn có thái độ phê phán nghiêm túc những hành vi thiếu đạo đức như : thái độ tự mãn, tự kiêu, hay tự ti là rất cần thiết.

Bên cạnh con đường tự tu dưỡng, tự rèn luyện thì việc dạy học qua trải nghiệm là rất cần thiết, quan trọng, từ đó tạo ra tri thức mới, phát triển kĩ năng, khai thác tiềm năng của bản thân. Đây chính là cách học thông qua làm, thường được cho là đối ngược với cách học hàn lâm, cách học thông qua nghiên cứu một vấn đề mà không cần kinh nghiệm thực tiễn.

Dạy học trải nghiệm không làm chúng ta ngạc nhiên bởi ngay từ hơn 2000 năm trước, Khổng Tử (551 - 479 TCN) đã đúc kết: *nghe thì quên, nhìn mới nhớ, làm thì hiểu* [44].

Dạy học qua trải nghiệm không phải là tiến hành công việc hướng tới người học thông qua thực thi hàng loạt kĩ thuật, nó là công việc mà người dạy làm cùng với người học trong ngữ cảnh giao tiếp đầy ý nghĩa và chia sẻ kinh nghiệm. Người dạy ở đây có thể là giáo viên, tình nguyện viên, huấn luyện viên, trợ giảng… Nói một cách đơn giản, học qua trải nghiệm xảy ra sau khi người dạy và người học cùng làm, cùng nhìn lại và đánh giá, xác định cái gì là hữu ích, quan trọng và người học sử dụng những kinh nghiệm này để thực hiện các hành động khác trong tương lai.

Dạy học qua trải nghiệm có nhiều ưu điểm:

- Môi trường dạy học tương tác, thoải mái, không hình thức, khuyến khích sự tham gia của mọi thành viên.

- Sinh viên: Sử dụng toàn diện trí tuệ, cảm xúc, thể chất, kĩ năng và các quan hệ xã hội. Tối đa hóa khả năng sáng tạo, tính năng động, tính thích ứng, phát triển năng lực thực hiện, sự tự tin, học hỏi được nhiều điều, việc học trở nên thú vị, tích cực, chủ động…

- Giáo viên: Với vai trò người hỗ trợ, chuyên gia bộ môn, huấn luyện viên, người đánh giá đã thực hiện chức năng cao nhất của người thầy: khơi

dậy tư duy, khuyến khích sinh viên yêu kiến thức và chủ động mưu cầu kiến thức.

Để việc học qua trải nghiệm thực sự là một con đường rèn luyện, giáo dục tốt cho sinh viên, cần có những điều kiện sau:

- Phương tiện dạy học tiên tiến, nối mạng internet.

- Quy mô lớp học hợp lí, không quá nhiều sinh viên (tối đa là 30 SV/ lớp) để mọi sinh viên đều được tham gia trải nghiệm và giáo viên có thể theo dõi được năng lực cũng như sự tích cực của từng sinh viên.

- Sinh viên cần có sự thay đổi về ý thức học tập, tránh thụ động, dựa dẫm, lười nhác.

- Quan trọng hơn cả, giáo viên dạy cần có chuyên môn giỏi, kĩ năng sư phạm tốt, có tinh thần tự học và phải luôn cập nhật kiến thức mới. Giáo viên cũng cần có tính sáng tạo cao, có tính kiên nhẫn và cái nhìn cởi mở tích cực khi xem xét, đánh giá các sản phẩm thực hành của sinh viên.

Chúng tôi rất tâm đắc với ý kiến của nhà thiên văn học Galileo Galilei từng nói: “Ta không thể dạy người khác bất cứ cái gì. Ta chỉ có thể giúp họ khám phá những gì đã có sẵn trong họ” [82]. Có thể khẳng định đây là một trong những con đường tốt nhất giúp SV phát huy nền tảng kiến thức, kĩ năng vốn có của họ vào hoạt động thực tiễn.

***1.8.5. Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên***

NVSP là nội dung học đặc trưng của ngành sư phạm, là một trong những tiêu chí quyết định hiệu quả và chất lượng đào tạo ở trường sư phạm. Quyết định về "Chương trình rèn luyện NVSP thường xuyên" do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1985 được xem là hành lang pháp lý để thiết lập một mô hình đào tạo NVSP có hệ thống. Trong quá trình phát triển, hoạt động này ở các trường sư phạm cũng luôn có sự thay đổi để đáp ứng những yêu cầu mới của nhiệm vụ đào tạo giáo viên. Việc tổ chức cho SV tham gia hiệu quả vào các hoạt động RLNVSPTX (tập giảng, thi NVSP, học môn RLNVSP thường xuyên, tham gia TTSP) có ý nghĩa đặc

biệt quan trọng đối với việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của SV. Cho nên, rèn luyện NVSP thường xuyên chính là con đường cơ bản nhằm giúp SV sẽ trưởng thành hơn, tự tin hơn trong quá trình hành nghề sau này.

**1.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.**

***1.9.1. Các yếu tố khách quan (môi trường kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, thông tin, các văn bản có tính pháp quy…)***

**** Môi trường kinh tế xã hội***

Ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường xã hội tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên theo hai chiều hướng khác nhau: tích cực và tiêu cực. Thông qua môi trường xã hội có thể đánh giá được sinh viên, vì vậy có thể khẳng định môi trường xã hội là nhân tố quan trọng đối với sự hình thành, phát triển nhân cách sư phạm.

Môi trường sư phạm là một bộ phận của môi trường xã hội, phản ánh trình độ phát triển của môi trường xã hội. Môi trường sư phạm được xem như môi trường xã hội thu nhỏ. Trong đó, các tác động tích cực được phát huy cao độ, mang "bản sắc sư phạm", các tác động tiêu cực được hạn chế một cách tối đa. Như vậy, môi trường sư phạm, về mặt lý thuyết, sẽ là "lý tưởng" đối với sự hình thành và phát triển nhân cách nói chung, nhân cách sư phạm nói riêng.

Bên cạnh đó môi trường của gia đình cũng là yếu tố rất quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách nói chung, nhân cách sư phạm nói riêng. Đối với những sinh viên sư phạm sinh ra và lớn lên trong gia đình với những người thân tham gia nghề dạy học, thì quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐNN của nghề dạy học diễn ra rất thuận lợi, thậm chí sự định hướng nghề dạy học của những sinh viên sư phạm này cũng có thể do các thành viên trong gia đình thực hiện. Gia đình thực sự là một nhân tố điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của SVSP.

Như vậy, môi trường xã hội, môi trường sư phạm và gia đình là những nhân tố quan trọng đối với sự hình thành các phẩm chất ĐĐNN của nghề dạy

học. Các phẩm chất ĐĐNN của nghề dạy học ở mỗi người giáo viên và sinh viên sư phạm cũng phản ánh trong đó trình độ phát triển của môi trường xã hội, môi trường sư phạm, phương thức giáo dục của gia đình.

**** Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán***

Quá trình hội nhập quốc tế đã có những tác động nhất định, làm thay đổi phương thức tư duy, lối sống của sinh viên theo hướng hiện đại và tích cực, chủ động hơn. Sinh viên nước ta biết thêm nhiều hơn về phong tục, tập quán, văn hóa và con người của các quốc gia trên thế giới. Có điều kiện khám phá thế giới, tiếp thu và làm chủ các tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại, tri thức mới... Hội nhập tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu văn minh của nhân loại, trở nên tự tin hơn với một tầm nhìn xa hơn hướng ra thế giới.

Tuy nhiên một bộ phận giới trẻ nói chung và sinh viên sư phạm nói riêng đã bị ảnh hưởng những luồng văn hóa tiêu cực, không phù hợp thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Không ít sinh viên đang ngày đêm cuốn vào các trò chơi điện tử, online mang nặng tính bạo lực, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, thời gian học tập. Có những người say mê với các ấn phẩm, văn hóa phẩm không lành mạnh, độc hại, dẫn đến những hành động suy đồi đạo đức, vi phạm pháp luật. Một bộ phận sinh viên đang bị ảnh hưởng bởi lối sống ngoại lai, buông thả, quay lưng với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Cuộc sống dư giả về vật chất khiến một bộ phận giới trẻ chấp nhận lối sống hưởng thụ, ích kỉ, đặt cái riêng trên cái chung, đặt lợi ích cá nhân trước lợi ích tập thể, chối bỏ trách nhiệm với cộng đồng, sống không có lí tưởng và ước mơ. Không ít sinh viên chạy theo những giá trị vật chất đơn thuần, có tư tưởng sùng bái nước ngoài, coi thường hoặc lãng quên những giá trị truyền thống của dân tộc.

Để giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống cho sinh viên cần khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa để khi ra trường họ thực hiện công việc chuyên môn một cách có văn hóa, có đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xã hội. Họ không chỉ trở thành

những nhân tố đại diện cho văn hóa ứng xử mà còn có vai trò giáo dục, nêu gương, xây dựng một xã hội lành mạnh.

**** Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...)***

Tuy không phải là yếu tố cơ bản, song các phương tiện thông tin đại chúng cũng ảnh hưởng nhất định tới rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của SV sư phạm. Những thông tin khác nhau, những tấm gương tốt hay các phản ánh tiêu cực về các thầy cô giáo, những quan điểm, chính sách đối với ngành sư phạm được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hứng thú nghề nghiệp, niềm tin, lý tưởng nghề nghiệp và từ đó ảnh hưởng đến mức độ tích cực trong quá trình rèn luyện nghề, làm quen và thích ứng với nghề của sinh viên sư phạm.

**** Các văn bản có tính pháp quy***

***- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên***

Hiện nay, để cụ thể hoá những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người thầy giáo, phù hợp với các cấp học, bậc học, Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên. Đó là hệ thống các yêu cầu về những lĩnh vực mà người giáo viên cần phải đạt để đáp ứng mục tiêu của bậc học. Tuy nhiên, chuẩn nghề nghiệp không phải là một quy định cứng nhắc mà có thể được điều chỉnh tùy theo những thiết chế kinh tế xã hội, mục tiêu giáo dục, theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

***- Qui định về đạo đức nhà giáo***

*(Ban hành kèm theo quyết định số 16/2008 QĐ – BGDĐT ngày 16-4 năm 2008 của Bộ trưởng BGDĐT)*

+ Giáo viên tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm của nhà giáo, có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác, có lòng nhân ái, bao dung độ lượng, đối xử hòa nhã với người học, đồng nghiệp, sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

+ Tận tụy với công việc, thực hiện đúng điều lệ, qui chế, nội qui của đơn vị, nhà trường, của ngành. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá

đúng thực chất, năng lực của người học, thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

+ Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ tin học để hoàn thành nhiệm vụ được giao, đáp ứng sự nghiệp giáo dục.

***1.9.2. Các yếu tố chủ quan (nội dung, chương trình, lực lượng giáo dục, bản thân mỗi SV, việc kiểm tra, đánh giá…)***

**** Nội dung, chương trình***

- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm không được dạy trong nhà trường sư phạm như một môn học độc lập mà nó là một tổ hợp các hoạt động được thực hiện lồng ghép và tích hợp với tất cả các hoạt động khác. Do đó không có chương trình và tài liệu cụ thể cho công tác GDĐĐNN. Các môn học đề cập đến ĐĐNN chủ yếu tập trung vào nội dung các môn nghiệp vụ như: Chính trị, Tâm lí học, Giáo dục học hoặc có thể được lồng ghép vào một số môn khoa học xã hội (văn học, lịch sử…) Chương trình học trong suốt thời gian sinh viên học ở trường cao đẳng cũng không có môn học nào đề cập đến đạo đức nghề nghiệp đối với giáo viên để sinh viên hiểu hơn về nghề của mình. Hơn nữa hiện nay nhà trường cũng không có một tài liệu hướng dẫn nào về công tác GDĐĐNN, do đó các lực lượng giáo dục và ngay cả bản thân sinh viên cũng khó hoặc không thể định hướng nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho bản thân.

Việc lồng ghép những nội dung liên quan đến GDĐĐNN trong xu thế đổi mới giáo dục nhằm làm cho các môn học phong phú không xa rời thực tiễn. SVSP sẽ nắm được mặt tích cực và tiêu cực của xã hội, có ý thức rèn luyện khả năng sáng tạo, chủ động phòng tránh những tác động tiêu cực đối với quá trình tự giáo dục, rèn luyện của sinh viên.

Hệ thống môn học trong trường sư phạm được chia thành: những môn học chuyên ngành, những môn nghiệp vụ, lí luận giảng dạy các bộ môn. Việc

giảng dạy các môn học này có ý nghĩa khác nhau trong việc hình thành các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Vấn đề đặt ra không phải là môn học này quan trọng hơn môn học kia mà điều quan trọng là giáo viên cần ý thức đúng đắn tính chất của môn học, có ý thức tự giáo dục, hình thành cho các em những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần có của người giáo viên. Bên cạnh đó gắn nội dung giảng dạy các môn học với thực tiễn giảng dạy ở nhà trường phổ thông. Các khối kiến thức của chương trình đào tạo cho sinh viên vừa phải đạt mặt bằng của nhóm ngành, vừa đảm bảo tri thức chuyên sâu của chuyên ngành, tạo điều kiện cơ hội cho các em thể hiện sự sáng tạo trong rèn luyện nghề, giúp SV dễ dàng thích nghi với các điều kiện học tập từ đó phát triển kĩ năng nghề.

*Ví dụ: Môn Rèn luyện NVSP thường xuyên*

Trong trường CĐSP, các môn học đều có ý nghĩa nhất định trong rèn luyện nghề nghiệp của sinh viên sư phạm, nhưng môn Rèn luyện NVSP thường xuyên là môn học có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát triển tay nghề cho sinh viên. Rèn luyện NVSP thường xuyên cung cấp cho sinh viên một hệ thống những kiến thức và kĩ năng, những yêu cầu về phẩm chất năng lực người thầy giáo, những kiến thức nhất định về văn hoá sư phạm và nghề sư phạm. Đây được coi là môn nghiệp vụ không thể thiếu và có tính chất đặc thù đối với sinh viên sư phạm. Do vậy, hiệu quả của môn học này có ý nghĩa rất lớn đối với sinh viên sư phạm. Vì thế đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên đổi mới chương trình, nội dung đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

*Ví dụ: Quá trình thực tập, thực tế và thực hành ở trường phổ thông*

Nhờ việc tham gia vào các hoạt động TTSP, thực hành, thực tế SV được sáng tỏ lý thuyết, có cơ hội so sánh và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, sự linh hoạt trong tư duy khi vận dụng những điều đã học trên giảng đường vào thực tế phổ thông phong phú đa dạng. Điều này giúp cho quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trở nên dễ dàng hơn.

**** Lực lượng giáo dục***

Sự hình thành phát triển đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm luôn chịu sự tác động của lực lượng giáo dục, đó là sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự tác động trực tiếp của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục các cấp trong quá trình tổ chức học tập, rèn luyện phát triển phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Nếu các lực lượng giáo dục đó phối hợp với nhau một cách chặt chẽ thường xuyên, phát huy được vai trò sức mạnh trong giáo dục sẽ nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Quá trình GDĐĐNN cho sinh viên sư phạm còn chịu sự tác động của chính nhân cách nhà giáo dục. Nhân cách cao đẹp của nhà giáo, mà trực tiếp là đội ngũ giáo viên là những biểu tượng, hình mẫu mà người học noi theo và hướng tới. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "…Thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu, cho nên phải chú ý giáo dục ý thức chính trị tư tưởng trước… Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu"[62]. Mỗi thầy cô giáo phải không ngừng tự đổi mới, hoàn thiện bản thân, có ý thức nắm bắt khoa học kĩ thuật, nhất là khoa học sư phạm để làm công tác dạy chữ, dạy nghề, dạy người, không chỉ là nhà sư phạm mà còn là nhà mô phạm. Phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong thực hiện các chuẩn mực đạo đức của nhà giáo, luôn tự hoàn thiện nhân cách, là tấm gương về nhân cách cho sinh viên. Thực hiện tốt cuộc vận động : " Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về đạo đức và tự học" để sinh viên noi theo. Mặt khác, phải thể hiện sự dân chủ, kỉ cương và trách nhiệm để phát huy tính tự giác, tự chủ, rèn luyện đạo đức cho người học.

**** Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học***

Để hình thành và phát triển đạo đức nghề nghiệp sinh viên cần ý thức sâu sắc về giá trị của nghề. Điều này thể hiện ở nhận thức sâu sắc của sinh viên về những phẩm chất và năng lực của người thầy giáo, có tình cảm với nghề, yêu nghề, có niềm tin với nghề, nỗ lực cố gắng, sẵn sàng thay đổi hành vi ứng xử, thay đổi bản thân để đáp ứng yêu cầu của nghề. Tất cả những yếu

tố này chính là nội lực cơ bản để sinh viên rèn luyện và phát triển đạo đức nghề nghiệp.

**** Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp***

Việc xác định động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có lý tưởng về nghề, có hứng thú với nghề cũng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên CĐSP. Nếu sinh viên sư phạm có động cơ tích cực trong học tập, rèn luyện nghề nghiệp (ví dụ động cơ mong muốn trở thành giáo viên giỏi để phục vụ cho xã hội, động cơ thành đạt,...) sẽ là yếu tố thuận lợi cho quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

**** Kiểm tra, đánh giá***

Việc kiểm tra đánh giá tình hình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm có ý nghĩa lớn vì nó giúp các lực lượng giáo dục thu được các thông tin phản hồi về nhiều vấn đề trong đó có đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm, từ đó có các biện pháp giáo dục hiệu quả hơn, hợp lí hơn. Vì thế cần phải xây dựng các tiêu chí cụ thể để kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng, toàn diện. Bản thân mỗi sinh viên sư phạm phải là một chủ thể tự giác tích cực. Họ phải tự kiểm tra, đánh giá nhận thức, thái độ hành vi của bản thân, tự xếp loại cho mình, từ đó họ mới thực sự tự giác, rèn luyện, phấn đấu.

Tuy nhiên, việc kiểm tra đánh giá phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, được tiến hành thường xuyên liên tục có kế hoạch, khoa học, hợp lí, tránh bệnh hình thức, đối phó, chiếu lệ, phát huy tinh thần tự giác, chủ động của sinh viên sư phạm, biến quá trình kiểm tra đánh giá của các lực lượng giáo dục thành hoạt động tự kiểm tra, đánh giá của sinh viên sư phạm.

## Kết luận chương 1

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm là quá trình diễn ra lâu dài, có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực cao của các lực lượng giáo dục và đối tượng giáo dục. Hiện nay, vấn đề đạo đức nhà giáo đang phải đối diện với nhiều thách thức, một số biểu hiện lệch lạc, bất cập, làm suy giảm truyền thống đang nảy sinh ảnh hưởng tiêu cực đến danh dự, uy tín của người thầy. Vì thế nhà trường, gia đình và xã hội cần có sự nỗ lực, liên kết chặt chẽ với nhau trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, tìm ra được những cách thức, con đường khác nhau giúp sinh viên nhận thức được những giá trị đạo đức thể hiện trong quan hệ ứng xử với cha mẹ, người thân, bạn bè.

Khi nghiên cứu các quan điểm, tư tưởng về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP hầu hết các tác giả đều đánh giá cao vai trò, vị trí của người giáo viên trong việc hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ. Đồng thời một số tác giả đưa ra những yêu cầu phẩm chất người giáo viên cần phải có như lòng yêu nghề, yêu trẻ, thế giới quan, niềm tin, lí tưởng nghề nghiệp... Một số tác giả đi sâu phân tích những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của quá trình đổi mới giáo dục đối với công tác giáo dục ĐĐNN và đào tạo giáo viên.

Tất cả những nghiên cứu đó là cơ sở khoa học rất quan trọng để chúng tôi xây dựng hệ thống khái niệm, đánh giá thực trạng và thực nghiệm khoa học các biện pháp giáo dục. Tuy nhiên các kết quả nghiên cứu của các tác giả chưa đề cập một cách sâu sắc và toàn diện về ĐĐNN của nghề dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục, chưa xác định được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của bối cảnh hiện nay đối với sự hình thành phát triển đạo đức nghề dạy học.

Sản phẩm của nhà trường sư phạm trong thời đại ngày nay là những sinh viên có phẩm chất, năng lực, là những cá nhân hoạt động có trình độ, óc tổ chức sáng tạo, biết dự kiến và tổ chức tốt, có hiệu quả những tình huống mà thực tiễn đặt ra. Vì vậy, trong quá trình đào tạo không nên đưa sinh viên vào những khuôn mẫu có sẵn mà phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, phải rèn luyện cho họ phương pháp tự nghiên cứu, phương

pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tự học suốt đời. Bản thân mỗi sinh viên phải luôn tự giác, tích cực sáng tạo cao trong học tập, ý chí nỗ lực vươn lên khắc phục khó khăn, cải tạo hoàn cảnh, cải tạo bản thân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục.

Để làm được điều đó những người thầy phải luôn tìm tòi, sáng tạo không ngừng tiếp nối một cách xứng đáng thế hệ những người đi trước, hoàn thành tốt vai trò thiêng liêng đối với xã hội. Người thầy không nên tự bằng lòng với những kiến thức đã có mà phải nâng cao, vươn xa hơn về nhận thức, tiếp cận tốt hơn với phương pháp giảng dạy tích cực nhằm tạo ra những "sản phẩm" tốt đáp ứng có hiệu quả nhu cầu của xã hội, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, CNH, HĐH đất nước.

# Chương 2
# THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

## 2.1. Khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục

### *2.1.1. Mục đích khảo sát thực trạng*

Đánh giá thực trạng giáo dục GDĐĐNN về các mặt nhận thức, thái độ, hành vi thông qua việc tìm hiểu mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức và kết quả GDĐĐNN cho sinh viên ở một số trường CĐSP. Việc tiến hành khảo sát, nghiên cứu thực trạng GDĐĐNN cho SVCĐSP trong bối cảnh đổi mới giáo dục giúp chúng tôi xác định cơ sở thực tiễn để xây dựng các biện pháp GDĐĐNN cho SVSP.

### *2.1.2. Nội dung khảo sát*

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát các nội dung sau: Đánh giá những ảnh hưởng của bối cảnh tới đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học và đạo đức của SVSP, nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của sinh viên sư phạm, thực trạng sử dụng các biện pháp GDĐĐNN cho SVCĐSP. Từ đó xác định cơ sở thực tiễn để xây dựng các biện pháp GDĐĐNN cho SVCĐSP.

### *2.1.3. Đối tượng khảo sát*

Để tiến hành khảo sát nhận thức, thái độ và hành vi của SVCĐSP về ĐĐNN chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại 4 trường CĐSP là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên với 429 sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba và 141 CBQLGD, GV.

### *2.1.4. Phương pháp khảo sát và xử lí kết quả*

Đối với sinh viên sư phạm, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phiếu trưng cầu ý kiến, nghiên cứu sản phẩm hoạt động của sinh viên sư phạm, quan sát, thâm nhập vào các hoạt động của sinh viên sư phạm, đàm thoại về các vấn đề điều tra. Bên cạnh đó chúng tôi tìm hiểu thực tiễn cuộc

sống và hoạt động của sinh viên để quan sát, đánh giá về cách ứng xử, lối sống của đối tượng. Có thể nói đây là biện pháp rất hữu hiệu, đem lại những thông tin rất trung thực về sinh viên sư phạm.

Đối với các lực lượng giáo dục, chúng tôi sử dụng phương pháp sau đây: Phiếu trưng cầu ý kiến, nghiên cứu sản phẩm hoạt động của lực lượng giáo dục, quan sát công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm của giảng viên

**2.2. Thực trạng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng sư phạm**

***2.2.1. Nhận thức của sinh viên cao đẳng sư phạm về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp***

*2.2.1.1. Mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp*

***Bảng 2.1: Nhận thức của sinh viên sư phạm về mục đích rèn luyện ĐĐNN***

| STT | Mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp | SL | % |
|---|---|---|---|
| 1.1 | Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề dạy học. | 429 | 100 |
| 1.2 | Giúp SV định hướng và phát triển các hành vi khác | 387 | 90.2 |
| 1.3 | Giúp SV có lối sống trung thực giản dị | 414 | 96.5 |
| 1.4 | Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | 414 | 96.5 |
| 1.5 | Giúp SV có thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ | 409 | 95.3 |
| 1.6 | Góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường Sư phạm | 386 | 90.0 |
| 1.7 | Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập | 412 | 96.0 |
| 1.8 | Định hướng giá trị học tập cho SV trước bối cảnh đổi mới giáo dục | 316 | 73.7 |
| 1.9 | Góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và phát triển nhân cách người giáo viên. | 400 | 93.2 |

Qua bảng số liệu trên cho thấy 100% sinh viên cho rằng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp nhằm không ngừng hoàn thiện phẩm chất, năng lực nghề dạy học. Có 97,4% ý kiến cho rằng mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. 96,5% sinh viên chọn phương án số 3,4. Bên cạnh đó có hơn 95% sinh viên nhận thức mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp nhằm giúp họ có ý thức tự bồi dưỡng, có lòng yêu nghề, yêu trẻ để trong tương lai họ sẽ làm tốt nhiệm vụ của mình.

Kết quả này cho thấy đa số sinh viên có nhận thức đúng đắn về mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong trường sư phạm. Khi xác định được mục đích sẽ thúc đẩy sinh viên thực hiện tốt các hành vi đạo đức theo những chuẩn mực, hiệu quả công tác dạy học sẽ nâng cao, nhất là trong bối cảnh đổi mới giáo dục như hiện nay. Việc xác định được mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp sẽ góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm, định hướng giá trị học tập cho sinh viên.

Như vậy từ việc xác định mục đích rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm chúng tôi tiếp tục tìm hiểu động cơ thi vào trường của sinh viên

***Bảng 2.2: Động cơ thi vào trường sư phạm của sinh viên***

| TT | Lí do | Đồng ý | | Không đồng ý | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % |
| 2.1 | Do bạn bè rủ rê | 145 | 33,8 | 284 | 66,2 |
| 2.2 | Do truyền thống và mong muốn của gia đình | 234 | 54,5 | 185 | 45,5 |
| 2.3 | Do kinh tế và sự thuận lợi khi ra nghề | 274 | 63,9 | 155 | 36,1 |
| 2.4 | Do yêu nghề và khả năng của cá nhân với nghề dạy học | 333 | 77,6 | 96 | 22,4 |
| 2.5 | Do yêu quí trẻ em | 395 | 92 | 34 | 8 |
| 2.6 | Do không đỗ trường khác | 207 | 48,3 | 222 | 51,7 |

Qua kết quả điều tra cùng với việc trò chuyện và tìm hiểu thực tế, chúng tôi nhận thấy sinh viên thi vào trường có nhiều lí do khác nhau. Tuy nhiên tập trung nhiều nhất ở những lí do cơ bản sau đây:

- Do yêu quí trẻ em: 92%
- Do yêu nghề và khả năng của cá nhân với nghề: 77,6%
- Do kinh tế và sự thuận lợi khi ra nghề: 63,9%

Bên cạnh đó còn có những lí do khác như không đỗ các trường đại học, hoặc do hoàn cảnh gia đình, vì trường sư phạm không thu tiền học phí nên các em vào học để giảm bớt khó khăn cho gia đình. Như vậy với những động cơ trên đây phần nào đã phản ánh được thái độ của sinh viên đối với nghề sư phạm.

Từ việc tìm hiểu mục đích, động cơ thi vào trường của sinh viên chúng tôi tiến hành nghiên cứu tính phù hợp của các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

*2.2.1.2. Nội dung rèn luyện đạo đức nghề nghiệp*

Tìm hiểu nhận thức của sinh viên về nội dung rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi tiến hành đánh giá về tính phù hợp của các nội dung giáo dục ở 5 mức độ (câu hỏi 4 – phụ lục 1). Kết quả thể hiện ở bảng 2.3:

***Bảng 2.3: Đánh giá của SV về tính phù hợp của các nội dung rèn luyện ĐĐNN***

| Nội dung RLĐĐNN | Mức độ | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **4.1** | 148 | 34,6 | 275 | 64,3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 1,2 |
| **4.2** | 132 | 30,8 | 250 | 58,4 | 42 | 9,8 | 0 | 0 | 4 | 0,9 |
| **4.3** | 119 | 27,8 | 305 | 71,3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0,9 |
| **4.4** | 157 | 36,7 | 220 | 51,4 | 47 | 11 | 0 | 0 | 5 | 1,2 |
| **4.5** | 160 | 37,4 | 202 | 47,2 | 62 | 14,5 | 0 | 0 | 4 | 0,9 |
| **4.6** | 131 | 30,6 | 249 | 58,2 | 30 | 7 | 4 | 0,9 | 14 | 3,3 |
| **4.7** | 187 | 43,7 | 209 | 48,8 | 17 | 4 | 10 | 2,3 | 5 | 1,2 |
| **4.8** | 136 | 31,8 | 254 | 59,3 | 23 | 5,4 | 11 | 2,6 | 4 | 0,9 |
| **4.9** | 136 | 31,8 | 235 | 54,9 | 52 | 12,1 | 1 | 0,2 | 4 | 0,9 |
| **4.10** | 201 | 47 | 210 | 49,1 | 3 | 0,7 | 2 | 0,5 | 4 | 0,9 |
| **4.11** | 170 | 39,7 | 233 | 54,4 | 8 | 1,9 | 5 | 1,2 | 13 | 3 |
| **4.12** | 247 | 57,7 | 257 | 60 | 11 | 2,6 | 10 | 2,3 | 4 | 0,9 |
| **4.13** | 132 | 30,8 | 202 | 47,2 | 65 | 15,2 | 16 | 3,7 | 14 | 3,3 |
| **4.14** | 110 | 25,7 | 269 | 62,9 | 28 | 6,5 | 6 | 1,4 | 16 | 3,7 |

**Ghi chú:**

*(Rất phù hợp:5 điểm, phù hợp:4 điểm, chưa thực sự phù hợp:3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp: 1điểm)*

*4.1. Giáo dục lòng yêu nghề*

*4.2. Giáo dục lòng yêu trẻ*

*4.3. Giáo dục lòng vị tha nhân ái*

*4.4. Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong học tập*

*4.5. Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị*

*4.6. Giáo dục thế giới quan khoa học*

*4.7. Giáo dục lối sống trung thực giản dị*

*4.8. Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng*

*4.9. Kính trọng, yêu mến thầy cô*

*4.10. Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn*

*4.11. Giáo dục tính kiên trì, chịu khó.*

*4.12. Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt.*

*4.13. Chống thái độ trông chờ, ỷ lại.*

*4.14. Chống lối sống thực dụng giả tạo*

Nhìn vào bảng số liệu cho thấy tất cả các nội dung rèn luyện đạo đức nghề nghiệp đều được đánh giá rất cao, rất phù hợp trong nghề dạy học bởi đây là những phẩm chất cốt lõi của người giáo viên. Có 247 SV cho rằng giáo dục ý thức chấp hành nề nếp, nội qui học tập là rất phù hợp. Đứng thứ 2 là nội dung rèn luyện tính kiên trì, chịu khó với 201 SV đánh giá là rất phù hợp, 210 SV đánh giá là phù hợp, đứng vị trí thứ 3 là nội dung giáo dục lối sống trung thực giản dị. Nội dung SV đánh giá thấp nhất là chống lối sống thực dụng giả tạo.

Chúng tôi nhận thấy có sự phân hóa trong ý kiến đánh giá về mức độ phù hợp của một số nội dung giáo dục là ít phù hợp hoặc không phù hợp khi rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, ví dụ: nội dung chống lối sống thực dụng giả tạo ( 5,1%), giáo dục lòng vị tha nhân ái ( 0,9%).

Có thể thấy rằng những yêu cầu của hoạt động học tập, tính chất của các mối quan hệ giao tiếp có nhiều thay đổi, chịu ảnh hưởng rất lớn của môi trường giáo dục vì vậy việc rèn luyện các nội dung trên cho sinh viên cần quan tâm đến các giá trị trong ứng xử với thầy cô, với bạn bè và với những người xung quanh.

***2.2.2. Tầm quan trọng của những phẩm chất, năng lực mà người giáo viên cần có***

Để có thông tin đánh giá mức độ quan trọng của những phẩm chất, năng lực người giáo viên chúng tôi lấy ý kiến của sinh viên thông qua câu hỏi số 5 – phụ lục 1. Chúng tôi tiến hành cho điểm từ 1 đến 5, tương ứng với các mức

độ khác nhau, sau đó tính điểm trung bình để xét thứ bậc các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Kết quả xử lí số liệu thể hiện ở bảng 2.4:

***Bảng 2.4: Mức độ quan trọng của những phẩm chất, năng lực người giáo viên***

| Các phẩm chất, năng lực | Mức độ | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | TB | X.Thứ |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| **5.1** | 236 | 55,1 | 181 | 42,3 | 3 | 0,7 | 9 | 2,1 | 0 | 0 | 4,55 | 2 |
| **5.2** | 172 | 40,2 | 241 | 56,3 | 7 | 1,6 | 9 | 2,1 | 0 | 0 | 4,39 | 7 |
| **5.3** | 246 | 57,5 | 183 | 42,8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4,56 | 1 |
| **5.4** | 215 | 50,2 | 203 | 47,4 | 11 | 2,6 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4,51 | 3 |
| **5.5** | 180 | 42,1 | 235 | 54,9 | 8 | 1,9 | 6 | 1,4 | 0 | 0 | 4,42 | 5 |
| **5.6** | 192 | 44,9 | 223 | 52,1 | 9 | 2,1 | 5 | 1,2 | 0 | 0 | 4,45 | 4 |
| **5.7** | 130 | 30,4 | 247 | 64 | 16 | 3,7 | 6 | 1,4 | 3 | 0,7 | 4,27 | 16 |
| **5.8** | 153 | 35,7 | 264 | 61,7 | 3 | 0,7 | 6 | 1,4 | 3 | 0,7 | 4,36 | 10 |
| **5.9** | 135 | 31,5 | 283 | 66,1 | 4 | 0,9 | 7 | 1,6 | 0 | 0 | 4,32 | 12 |
| **5.10** | 171 | 40 | 249 | 58,2 | 7 | 1,6 | 2 | 0,5 | 0 | 0 | 4,36 | 10 |
| **5.11** | 130 | 30,4 | 286 | 66,8 | 0 | 0 | 9 | 2,1 | 4 | 0,9 | 4,28 | 15 |
| **5.12** | 141 | 32,9 | 270 | 63,1 | 7 | 1,6 | 7 | 1,6 | 4 | 0,9 | 4,30 | 13 |
| **5.13** | 165 | 38,6 | 231 | 54 | 21 | 4,9 | 9 | 2,1 | 3 | 0,7 | 4,32 | 11 |
| **5.14** | 189 | 44,2 | 209 | 48,8 | 22 | 5,1 | 5 | 1,2 | 4 | 0,9 | 4,37 | 9 |
| **5.15** | 177 | 41,4 | 234 | 54,7 | 8 | 1,9 | 5 | 1,2 | 5 | 1,2 | 4,38 | 8 |
| **5.16** | 166 | 38,8 | 219 | 51,2 | 31 | 7,2 | 9 | 2,1 | 9 | 2,1 | 4,41 | 6 |
| **5.17** | 166 | 38,8 | 219 | 51,2 | 31 | 7,2 | 9 | 2,1 | 4 | 0,9 | 4,29 | 14 |
| **5.18** | 135 | 31,5 | 181 | 42,3 | 100 | 23,4 | 6 | 1,4 | 7 | 1,6 | 4,04 | 18 |
| **5.19** | 100 | 23,4 | 268 | 62,6 | 58 | 13,6 | 0 | 0 | 3 | 0,7 | 4,10 | 17 |

**Ghi chú:**

(*Rất quan trọng: 5 điểm; quan trọng: 4 điểm; chưa thật quan trọng: 3 điểm; ít quan trọng: 2 điểm; không quan trọng: 1 điểm*)

*5.1. Có lòng yêu nghề, mến trẻ*

*5.2. Có trình độ văn hóa cao*

*5.3. Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi*

*5.4. Có lí tưởng nghề nghiệp*

*5.5. Tôn trọng nhân cách học sinh*

*5.6. Có niềm tin sư phạm*

*5.7. Có hiểu biết rộng và sâu*

*5.8. Có tinh thần ham học hỏi*

*5.9. Có năng lực giảng dạy*

*5.10. Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng*

*5.11. Tận tụy với công việc*

*5.12. Có trách nhiệm cao với công việc được giao*

*5.13. Có khả năng giao tiếp tốt*

*5.14. Trung thực, giản dị*

*5.15. Khiêm tốn, lịch sự*

*5.16. Cởi mở dễ hòa nhập với mọi người*

*5.17. Sẵn sàng nhận công tác ở những nơi khó khăn*

*5.18. Biết làm giàu chính đáng*

*5.19. Có uy tín trước học sinh*

Kết quả cho thấy tất cả các phẩm chất, năng lực đều được sinh viên đánh giá rất cao. Xếp thứ nhất với mức độ rất quan trọng là kiến thức chuyên môn nghiệp vụ (246 sinh viên), (183 sinh viên) đánh giá là quan trọng, không có sinh viên nào đánh giá là không quan trọng.

Tiếp theo là lòng yêu nghề, yêu trẻ có (236 sinh viên), xếp thứ 2 với điểm trung bình là 4,55. Lí tưởng nghề nghiệp (215 sinh viên), xếp ở vị trí thứ 3 với điểm trung bình là 4,51. Bên cạnh đó những phẩm chất, năng lực được đánh giá ở mức độ quan trọng chiếm trên 50% bao gồm: Tận tụy với công việc được giao, có năng lực giảng dạy, có hiểu biết rộng và sâu, có khả năng giao tiếp tốt, uy tín trước học sinh. Đây chính là những tiêu chuẩn, phẩm chất mang tính đặc trưng nghề nghiệp. Từ các tiêu chuẩn trên đây cho thấy sinh viên đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của các phẩm chất, năng lực cần thiết đối với nghề dạy học. Sinh viên rất coi trọng phẩm chất đạo đức và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của người thầy giáo. Họ cho rằng đây chính là hai yếu tố cơ bản để đảm bảo cho hoạt động người thầy giáo thành công. Đó cũng là những yêu cầu mà xã hội đặt ra và là cái đích để mỗi thầy cô giáo vươn tới trên hành trang vào nghề của mình.

***2.2.3. Phương pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp***

Để thực hiện nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp có hiệu quả đòi hỏi sinh viên cần phải có những phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp phù hợp. Chúng tôi trưng cầu ý kiến sinh viên bằng câu hỏi số 6, số 7, số 8 – Phụ lục 1 nhằm xác định mức độ thực hiện các phương pháp của sinh viên khi rèn

luyện đạo đức nghề nghiệp. Bằng cách cho điểm từ 1 đến 5 theo mức độ tăng dần việc thực hiện các phương pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tính điểm trung bình cho từng phương pháp, xếp thứ bậc. Kết quả thể hiện ở bảng 2.5:

***Bảng 2.5:Phương pháp rènluyện ĐĐNN của SV khi học ở trường sư phạm***

| Tự tu dưỡng, rèn luyện | Mức độ | | | | | | | | | | TB | X.Thứ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| **6.1** | 116 | 27,1 | 209 | 48,8 | 90 | 21 | 14 | 3,3 | 0 | 0 | 4,04 | 10 |
| **6.2** | 79 | 18,5 | 191 | 44,6 | 144 | 33,6 | 6 | 1,4 | 0 | 0 | 3,82 | 17 |
| **6.3** | 105 | 24,5 | 198 | 24,3 | 61 | 14,3 | 56 | 13,1 | 0 | 0 | 3,84 | 16 |
| **6.4** | 102 | 23,8 | 206 | 48,1 | 71 | 16,6 | 41 | 9,6 | 9 | 2,1 | 3,88 | 15 |
| **6.5** | 165 | 38,6 | 147 | 34,3 | 67 | 15,7 | 28 | 6,5 | 22 | 5,1 | 4,01 | 12 |
| **6.6** | 151 | 35,3 | 198 | 46,3 | 33 | 7,7 | 23 | 5,4 | 24 | 5,6 | 4,04 | 10 |
| **6.7** | 116 | 27,1 | 209 | 48,8 | 90 | 21 | 5 | 1,2 | 9 | 2,1 | 4,01 | 12 |
| **6.8** | 125 | 29,2 | 218 | 50,9 | 73 | 17,1 | 4 | 0,9 | 9 | 2,1 | 4,10 | 7 |
| **6.9** | 132 | 30,8 | 198 | 46,3 | 76 | 17,8 | 23 | 5,4 | 0 | 0 | 4,07 | 8 |
| **6.10** | 149 | 34,8 | 235 | 54,9 | 39 | 9,1 | 0 | 0 | 6 | 1,4 | 4,27 | 3 |
| **6.11** | 173 | 40,4 | 216 | 50,5 | 40 | 9,3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4,34 | 2 |
| **6.12** | 122 | 28,5 | 277 | 64,7 | 16 | 3,7 | 14 | 3,3 | 0 | 0 | 4,23 | 6 |
| **6.13** | 141 | 32,9 | 247 | 57,7 | 30 | 7 | 0 | 0 | 11 | 2,6 | 4,25 | 5 |
| **6.14** | 114 | 26,6 | 204 | 47,7 | 48 | 11,2 | 18 | 4,2 | 45 | 10,5 | 3,79 | 18 |
| **6.15** | 193 | 45,1 | 211 | 49,3 | 3 | 0,7 | 10 | 2,3 | 9 | 2,1 | 4,41 | 1 |
| **6.16** | 120 | 28 | 285 | 66,6 | 12 | 2,8 | 9 | 2,1 | 0 | 0 | 4,26 | 4 |
| **6.17** | 152 | 35,5 | 223 | 52,1 | 37 | 8,6 | 14 | 3,3 | 0 | 0 | 4,25 | 5 |
| **6.18** | 110 | 25,7 | 227 | 53 | 75 | 17,5 | 5 | 1,2 | 9 | 2,1 | 4,06 | 9 |
| **6.19** | 126 | 29,4 | 172 | 40,2 | 107 | 25 | 2 | 0,5 | 19 | 4,4 | 3,96 | 14 |
| **6.20** | 135 | 31,5 | 174 | 40,7 | 98 | 22,9 | 9 | 2,1 | 10 | 2,3 | 4,02 | 11 |
| **6.21** | 110 | 25,7 | 217 | 50,7 | 80 | 18,7 | 19 | 4,4 | 0 | 0 | 4,02 | 11 |
| **6.22** | 120 | 28 | 222 | 51,9 | 48 | 11,2 | 13 | 3 | 23 | 5,4 | 3,99 | 13 |

**Ghi chú:**

*(Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm)*

*6.1. Ham học hỏi, tìm tòi suy nghĩ*

*6.2. Thường xuyên đọc sách báo, tạp chí*

*6.3. Tự học ở mọi lúc mọi nơi*

*6.4. Tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường*

*6.5. Tham gia sinh hoạt đoàn thể*

*6.6. Tham gia các buổi ngoại khoá*

*6.7. Rèn luyện tay nghề thường xuyên*

*6.8. Thực hành đầy đủ ở trường*

*6.9. Nỗ lực phấn đấu thi đua với bạn bè*

*6.10. Chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên*

*6.11. Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt*

*6.12. Thực hiện nội qui kí túc xá .*

*6.13. Giữ gìn trật tự an ninh ở trường.*

*6.14. Không tiếp khách trong giờ tự học.*

*6.15. Có ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh*

*6.16. Nghiêm túc trong giờ kiểm tra, giờ thi*

*6.17. Biết đặt ra mục tiêu, kế hoạch trong học tập*

*6.18. Tích cực tranh luận, thảo luận*

*6.19. Tích cực đi thư viện*

*6.20. Lập kế hoạch học tập cho bản thân.*

*6.21. Học tập gương các thầy cô giáo*

*6.22. Độc lập, chủ động sáng tạo trong công việc.*

Mức độ rèn luyện thường xuyên chiếm tỉ lệ cao đó là: luôn có ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh (chiếm 45,1%), chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt (chiếm 40,4 %), chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên (34,8%).

Khi tham gia thảo luận sinh viên chưa mạnh dạn, chủ động, vẫn còn rụt rè, ít có suy nghĩ độc đáo, không có những chính kiến trong học tập. Đặc biệt vẫn còn tồn tại hiện tượng trông chờ, ỷ lại vào giáo viên. Điều này cho thấy sinh viên chưa có phương pháp học hiệu quả, chưa có ý thức tự giác cao trong học tập. Việc đọc sách báo tạp chí sẽ giúp mở mang kiến thức, tuy nhiên họ chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này. Nhu cầu học thêm, thu nhận thông tin kiến thức ngoài chương trình tài liệu học tập chưa cao.

Mặc dù có sự quản lí của nhà trường, ban quản lí kí túc xá, song không ít sinh viên còn thiếu ý thức trách nhiệm, trốn học, không tự giác học. Phương pháp rèn luyện tay nghề thường xuyên chưa được coi trọng, các nội dung khác như tham gia sinh hoạt đoàn thể, tham gia các buổi ngoại khoá chưa chú trọng vì sinh viên coi đây là hoạt động không chính khoá. Sinh viên rất năng động, nhạy bén trước các vấn đề xã hội nhưng vẫn mang tính thực dụng, các em chỉ quan tâm đến các nội dung học trong chương trình chính khoá. Từ thực trạng trên đòi

hỏi nhà trường cần nâng cao hơn nữa các phương pháp rèn luyện đạo đức giúp sinh viên trang bị tốt hơn những phẩm chất mang tính nghề nghiệp, tự tin khi bước vào nghề.

***2.2.4. Thái độ của giáo viên, cán bộ quản lý và sinh viên với những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp***

Để tìm hiểu thái độ của giáo viên, cán bộ quản lý và sinh viên với những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp chúng tôi sử dụng câu hỏi số 11 – phụ lục 1, phụ lục 2. Kết quả thể hiện ở bảng 2.6:

***Bảng 2.6: Thái độ của GV, CBQL và SV với những biểu hiện vi phạm ĐĐNN***

| TT | Ý kiến của GV, CBQL | | | | | | | | | | Ý kiến của SV | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thái độ | | | | | | | | | | Thái độ | | | | | | | | | |
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **11.1** | 8 | 5,4 | 93 | 62,4 | 39 | 26,2 | 3 | 2 | 6 | 4 | 7 | 1,6 | 173 | 40,4 | 226 | 52,8 | 22 | 5,1 | 1 | 0,2 |
| **11.2** | 13 | 8,7 | 104 | 69,8 | 18 | 12,1 | 14 | 9,4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184 | 43 | 218 | 50,9 | 27 | 6,3 | 0 | 0 |
| **11.3** | 3 | 2 | 124 | 83,2 | 9 | 6 | 0 | 0 | 13 | 8,7 | 3 | 0,7 | 179 | 41,8 | 179 | 41,8 | 68 | 15,9 | 0 | 0 |
| **11.4** | 9 | 6 | 78 | 52,3 | 47 | 31,5 | 15 | 10,1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 116 | 27,1 | 199 | 46,5 | 44 | 10,3 | 70 | 16,4 |
| **11.5** | 1 | 0,7 | 78 | 52,3 | 51 | 34,2 | 0 | 0 | 3 | 2 | 9 | 2,1 | 301 | 70,3 | 95 | 22,2 | 23 | 5,4 | 1 | 0,2 |
| **11.6** | 6 | 4 | 79 | 53 | 50 | 33,6 | 14 | 9,4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 110 | 25,7 | 234 | 54,7 | 81 | 18,9 | 4 | 0,9 |
| **11.7** | 6 | 4 | 45 | 30,2 | 98 | 65,8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0,5 | 99 | 23,1 | 240 | 56,1 | 0 | 0 | 88 | 20,6 |
| **11.8** | 6 | 4 | 63 | 42,3 | 66 | 44,3 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | 0 | 143 | 33,4 | 200 | 46,7 | 60 | 14 | 26 | 6,1 |
| **11.9** | 1 | 0,7 | 95 | 63,8 | 35 | 23,5 | 1 | 0,7 | 2 | 1,3 | 2 | 0,5 | 144 | 33,6 | 168 | 39,3 | 115 | 26,9 | 0 | 0 |
| **11.10** | 4 | 2,7 | 79 | 53 | 49 | 32,9 | 14 | 9,4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 175 | 40,9 | 520 | 58,4 | 4 | 0,9 | 0 | 0 |
| **11.11** | 6 | 4 | 70 | 47 | 59 | 39,6 | 14 | 9,4 | 0 | 0 | 3 | 0,7 | 103 | 24,1 | 252 | 58,9 | 0 | 0 | 71 | 16,6 |
| **11.12** | 1 | 0,7 | 73 | 49 | 61 | 40,9 | 10 | 6,7 | 4 | 2,7 | 1 | 0,2 | 100 | 23,4 | 254 | 59,3 | 0 | 0 | 74 | 17,3 |
| **11.13** | 4 | 2,7 | 31 | 20,8 | 96 | 64,4 | 17 | 11,4 | 0 | 0 | 5 | 1,2 | 206 | 48,1 | 67 | 15,7 | 70 | 16,4 | 81 | 18,9 |

**Ghi chú:**

*(Đồng tình: 5 điểm, lên án: 4 điểm, góp ý nhẹ nhàng: 3 điểm, coi thường: 2 điểm, không quan tâm: 1điểm).*

*11.1. Gian lận trong thi cử*

*11.2. Vô lễ với giáo viên*

*11.3. Trộm cắp, đánh nhau*

*11.4. Đối phó trong học tập*

*11.5. Quan hệ nam nữ bất chính*

*11.6. Trốn học, trốn tiết*

*11.7. Quần áo, đầu tóc không phù hợp*

*11.8. Vi phạm luật giao thông,*

*11.9. Nói tục, chửi thề*

*11.10. Vi phạm nội quy, quy định của trường*

*11.11. Xúc phạm bạn bè*

*11.12. Xả rác bừa bãi*

*11.13. Lãng phí thời gian học tập*

Từ bảng số liệu có thể thấy, hầu hết GV, CBQL và SV không đồng tình, lên án với những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Hành vi bị GV, CBQL, SV lên án cao nhất là :

+ Trộm cắp đánh nhau: Ý kiến của GV, CBQL (83,2%), vô lễ với giáo viên (69,8%), quan hệ nam nữ bất chính : ý kiến của SV (70,3%).

Bên cạnh đó những hành vi bị GV,CBQL lên án cao là: nói tục chửi thề (63,8%), gian lận trong thi cử (62,4%).

Nguyên nhân của thực trạng trên cho thấy hiện nay các trường sư phạm còn nghiêng về quá trình dạy chữ, trang bị tri thức khoa học cho sinh viên, việc dạy người, dạy nghề chưa được đặt ngang tầm, chưa được chú trọng đúng mức, số sinh viên vi phạm chiếm tỉ lệ khá cao. Bên cạnh đó chúng tôi còn trò chuyện, trao đổi trực tiếp với SV và nhận thấy còn một bộ phận sinh viên học đến năm thứ 2, thứ 3 vẫn là sự gượng ép, các em chưa thực sự yêu nghề mình đã chọn. Khi được hỏi em L.T.N lí do học trường CĐSP, em cho rằng: "vào học trường sư phạm là do bố mẹ muốn gần nhà". Còn em P.T.H : "do không đỗ vào trường đại học nào nên đành học trường cao đẳng ở địa phương".

ĐĐNN của người giáo viên tương lai phụ thuộc rất lớn vào lực lượng giáo dục của nhà trường. Về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:
" …thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu cho nên phải chú ý giáo dục ý thức chính trị, tư tưởng trước …Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu" [59, tr. 492]. Vấn đề có ý nghĩa quan trọng khi GDĐĐNN cho SV là cần phát huy vai trò, trách nhiệm của các LLGD để nâng cao nhận thức, hình thành niềm tin, thái độ, rèn luyện thói quen hành vi tốt đẹp cho SV trong quá trình đào tạo. Cần phải xây dựng qui chế, qui định rõ ràng về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho SV, phân công trách nhiệm cụ thể cho GV, CBQL để họ dành nhiều thời gian hơn nữa trong công tác này.

### *2.2.5. Hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm*

Chúng tôi sử dụng câu hỏi số12 (phụ lục 1) để xin ý kiến đánh giá của SV về mức độ vi phạm đạo đức với 5 phương án lựa chọn. Kết quả ở bảng 2.7:

***Bảng 2.7: Mức độ vi phạm đạo đức của SV CĐSP trong học tập***

| TT | Mức độ vi phạm | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **12.1** | 19 | 4,4 | 123 | 28,7 | 150 | 35 | 97 | 22,7 | 40 | 9,3 |
| **12.2** | 98 | 22,9 | 46 | 10,7 | 107 | 25 | 83 | 19,4 | 95 | 15,2 |
| **12.3** | 83 | 19,4 | 85 | 19,9 | 95 | 22,2 | 100 | 23,4 | 65 | 15,2 |
| **12.4** | 27 | 6,3 | 68 | 15,9 | 127 | 29,7 | 128 | 29,9 | 79 | 18,5 |
| **12.5** | 174 | 40,7 | 39 | 9,1 | 71 | 16,6 | 69 | 16,1 | 76 | 17,8 |
| **12.6** | 69 | 16,1 | 54 | 12,6 | 127 | 29,7 | 57 | 13,3 | 122 | 28,5 |
| **12.7** | 45 | 10,5 | 28 | 6,5 | 151 | 35,3 | 140 | 32,7 | 65 | 15,2 |
| **12.8** | 16 | 3,7 | 36 | 8,4 | 133 | 31,1 | 95 | 22,2 | 149 | 34,8 |
| **12.9** | 91 | 21,3 | 47 | 11 | 56 | 13,1 | 104 | 24,3 | 131 | 30,6 |
| **12.10** | 85 | 19,9 | 60 | 14 | 86 | 20,1 | 69 | 16,1 | 129 | 30,1 |

**Ghi chú**

*(Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm*)

*12.1. Trao đổi bài trong phòng thi*

*12.2. Sử dụng tài liệu trong phòng thi*

*12.3. Lãng phí thời gian học tập*

*12.4. Cãi nhau, đánh nhau với bạn bè*

*12.5. Cắm quán, vay nợ tiền*

*12.6. Xin điểm*

*12.7. Nói tục, chửi thề*

*12.8. Thiếu tôn trọng, cãi lời thầy cô giáo*

*12.9. Ăn mặc phản cảm*

*12.10.Giao tiếp thiếu văn hóa với thầy cô và bạn bè*

Khi tìm hiểu mức độ hành vi đạo đức của SV với những hành vi như trao đổi bài trong phòng thi, sử dụng tài liệu, lãng phí thời gian học tập kết quả cho thấy có 149 SV chưa bao giờ vi phạm đạo đức chiếm 34,8%, trong khi vẫn có 40,7% SV cắm quán vay nợ tiền thường xuyên, sử dụng tài liệu trong phòng thi (22,9%).

Điều này cho thấy ý thức học tập, rèn luyện của sinh viên chưa cao. Những hành động, ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, của quá trình toàn cầu hóa đã làm thay đổi một số giá trị, chuẩn mực đạo đức của một bộ phận SV có lối sống thực dụng. Mặc dù SVSP được miễn học phí nhưng khi ra trường các em lại không xin được việc làm, không kí được hợp đồng dài hạn với mức thu nhập không đủ trang trải cuộc sống, chế độ đãi ngộ thấp gây ảnh hưởng tới tâm lý của SV trong quá trình học tập.

Vấn đề xin điểm, thiếu tôn trọng cãi lời thầy cô, giao tiếp thiếu văn hóa với giáo viên và bạn bè chiếm tỉ lệ khá cao. Cụ thể hành vi giao tiếp thiếu ý thức với giáo viên, bạn bè (19,9%), xin điểm (16,1%). Nguyên nhân của hiện tượng này có thể thấy trong xã hội ngày nay một bộ phận giáo viên có những sa sút nghiêm trọng về đạo đức nghề nghiệp khiến cho SVSP mờ nhạt về lý tưởng, mất dần niềm tin, ý thức phấn đấu để trở thành giáo viên mẫu mực trong tương lai.

***2.2.6. Mức độ tham gia các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng sư phạm***

Để có số liệu đánh giá về mức độ tham gia các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cụ thể, chúng tôi đưa ra 5 mức độ (câu hỏi 17, phụ lục 1). Kết quả thể hiện ở bảng 2.8:

***Bảng 2.8: Mức độ tham gia các hoạt động RLĐĐNN của sinh viên CĐSP***

| TT | Mức độ | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **17.1** | 110 | 25,7 | 222 | 51,9 | 71 | 16,6 | 16 | 3,7 | 10 | 2,3 |
| **17.2** | 96 | 22,4 | 211 | 49,3 | 54 | 12,6 | 43 | 10 | 25 | 5,8 |
| **17.3** | 103 | 24,1 | 221 | 51,6 | 79 | 18,5 | 11 | 2,6 | 15 | 3,5 |
| **17.4** | 57 | 13,3 | 299 | 69,9 | 47 | 11 | 9 | 2,1 | 17 | 4 |
| **17.5** | 120 | 28 | 234 | 54,7 | 51 | 11,9 | 14 | 3,3 | 10 | 2,3 |
| **17.6** | 199 | 46,5 | 164 | 38,3 | 40 | 9,3 | 6 | 1,4 | 20 | 4,7 |

**Ghi chú**

*(Rất tích cực: 5 điểm, tích cực: 4 điểm, ít khi tích cực: 3 điểm, đôi khi: 2 điểm, không bao giờ: 1 điểm)*

*17.1. Thực hiện HĐ RLĐĐNN theo nội qui, qui định của nhà trường*

*17.2. Tham gia HĐ RLĐĐNN do nhà trường, khoa tổ chức*

*17.3. Ủng hộ, khuyến khích những hành vi văn hóa trong nhà trường*

*17.4 . Đấu tranh ngăn chặn phê phán những hành vi thiếu văn hóa*

*17.5. Tự giáo dục, tự rèn luyện để nâng cao nhận thức về ĐĐNN*

*17.6. Tuyên truyền vận động để các bạn khác cùng thực hiện RLĐĐNN*

Kết quả bảng số liệu cho thấy SVSP tham gia các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp ở mức độ trung bình. Xếp ở vị trí cao nhất là hoạt động tuyên truyền vận động để các bạn khác cùng tham gia rèn luyện đạo đức nghề nghiệp (46,5%). Tỉ lệ SV tham gia tích cực xếp ở vị trí thứ 2 là: Tự giáo dục, tự rèn luyện để nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp (28%). Đáng chú ý là tất cả các hoạt động đều được sinh viên tham gia, tuy nhiên số lượng sinh viên có sự khác nhau ở các hoạt động.

Tỉ lệ SV tham gia ở mức độ thấp nhất là hoạt động đấu tranh, ngăn chặn, phê phán những hành vi thiếu văn hóa trong ứng xử, trong học tập (13,3%). Hiện nay nhiều sinh viên thiếu tích cực trong học tập, chạy theo điểm số, không ủng hộ tham gia các hoạt động do giáo viên, nhà trường tổ chức.

Nhìn chung các hoạt động chúng tôi đưa ra đều là những hoạt động có ý nghĩa thiết thực với SV, liên quan chặt chẽ đến những yêu cầu, chuẩn mực cần phải có của người giáo viên tương lai. Tuy nhiên vẫn còn một số SV chưa tham gia tích cực, điều này phần nào nói lên nhận thức của sinh viên chưa sâu sắc, chưa thấy hết vai trò của hoạt động cũng như chưa xác định được thái độ và hành vi phù hợp.

Qua đây, nhà trường sư phạm cần thẳng thắn nhìn nhận việc tổ chức các hoạt động giáo dục chưa thực sự phát huy hết hiệu quả, chưa thu hút được đông đảo SV tham gia một cách tích cực. Để nâng cao hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trước hết các nhà trường sư phạm cần tăng cường các điều kiện như: xây dựng qui chế, qui định rõ ràng về thời gian, điều kiện, phân công trách nhiệm cụ thể giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

## 2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm

### *2.3.1.Nhận thức của giáo viên, cán bộ quản lý về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*

*2.3.1.1.Mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm*

***Bảng 2.9: Nhận thức của GV, CBQL về mục đích giáo dục ĐĐNN cho SVCĐSP***

| STT | Mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp | SL | % |
|---|---|---|---|
| **1.1** | Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề dạy học | 138 | 97,9 |
| **1.2** | Giúp SV định hướng và phát triển các hành vi khác | 106 | 75,2 |
| **1.3** | Giúp SV có lối sống trung thực giản dị | 117 | 83 |
| **1.4** | Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | 110 | 78 |
| **1.5** | Giúp SV có thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ | 138 | 97,9 |
| **1.6** | Góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm | 132 | 93,6 |
| **1.7** | Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập | 123 | 87,2 |
| **1.8** | Định hướng giá trị học tập cho SV trước bối cảnh đổi mới giáo dục. | 138 | 97,9 |
| **1.9** | Góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và phát triển nhân cách người GV | 141 | 100 |

Nội dung bảng số liệu cho thấy có sự đồng thuận rất cao giữa các GV, CBQL khi đánh giá mục đích giáo dục ĐĐNN cho SVSP. 100% ý kiến cho rằng mục đích giáo dục nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và phát triển nhân cách người giáo viên. Bên cạnh đó 97,9% ý kiến cho rằng nhằm giúp SV không ngừng hoàn thiện, yêu nghề, yêu trẻ, định hướng giá trị học tập cho bản thân.

Việc đánh giá cao mục đích giáo dục ĐĐNN trong trường sư phạm là một trong những yếu tố thúc đẩy sinh viên rèn luyện đạo đức theo các chuẩn mực mà nhà trường mong đợi. Đây là điều kiện để sinh viên hưởng ứng tham gia các hoạt động giáo dục mà nhà trường phát động.

*2.3.1.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*

Để tìm hiểu nhận thức của GV, CBQL về mức độ cần thiết của các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, chúng tôi sử dụng câu hỏi 3 – Phụ lục 2. Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 2.10.

***Bảng 2.10: Nhận thức của GV, CBQL về các ND GDĐĐNN cho SVSP***

| TT | Mức độ | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **3.1** | 108 | 75 | 28 | 19,4 | 4 | 2,8 | 0 | 0 | 4 | 2,8 |
| **3.2** | 87 | 62.6 | 32 | 23 | 13 | 9,4 | 3 | 2,2 | 4 | 2,9 |
| **3.3** | 69 | 48,9 | 58 | 41.1 | 8 | 5,7 | 2 | 4,1 | 4 | 2,8 |
| **3.4** | 77 | 53,5 | 45 | 31,3 | 14 | 9,7 | 4 | 2,8 | 4 | 2,8 |
| **3.5** | 77 | 54 | 45 | 31 | 14 | 10 | 4 | 3 | 4 | 3 |
| **3.6** | 54 | 37,5 | 68 | 47,2 | 18 | 12,5 | 0 | 0 | 4 | 2,8 |
| **3.7** | 64 | 45,4 | 65 | 46,1 | 4 | 2,8 | 4 | 2,8 | 4 | 2,8 |
| **3.8** | 90 | 62,5 | 44 | 30,6 | 3 | 2,1 | 2 | 1,4 | 5 | 3,5 |
| **3.9** | 88 | 61,1 | 47 | 32,6 | 4 | 2,8 | 0 | 0 | 5 | 3,5 |
| **3.10** | 75 | 52,1 | 55 | 38,2 | 9 | 6,3 | 0 | 0 | 5 | 3,5 |
| **3.11** | 80 | 55,6 | 48 | 33,3 | 9 | 6,3 | 3 | 2,1 | 4 | 2,8 |
| **3.12** | 79 | 54,9 | 49 | 43 | 9 | 6,3 | 3 | 2,1 | 4 | 2,8 |
| **3.13** | 69 | 49,6 | 49 | 31,7 | 16 | 11,5 | 6 | 4,3 | 4 | 2,9 |
| **3.14** | 87 | 60,4 | 35 | 24,3 | 12 | 8,3 | 6 | 4,2 | 4 | 2,8 |

**Ghi chú:**

*(Hoàn toàn đúng: 5 điểm, phần lớn là đúng: 4 điểm, phần lớn là chưa đúng: 3 điểm, sai: 2 điểm, không trả lời: 1 điểm)*

*3.1. Giáo dục lòng yêu nghề*

*3.2. Giáo dục lòng yêu trẻ*

*3.3. Giáo dục lòng vị tha nhân ái*

*3.4. Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong học tập*

*3.5. Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị*

*3.6. Giáo dục thế giới quan khoa học*

*3.7. Giáo dục lối sống trung thực giản dị*

*3.8. Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng*

*3.9. Kính trọng, yêu mến thầy cô*

*3.10. Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn*

*3.11. Giáo dục tính kiên trì, chịu khó.*

*3.12. Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt.*

*3.13. Chống thái độ trông chờ, ỷ lại.*

*3.14. Chống lối sống thực dụng giả tạo.*

Qua số liệu trên có thể nhận thấy phần lớn GV, CBQL nhận thức tốt về mức độ cần thiết của các nội dung GDĐĐNN. Hầu hết các nội dung đưa ra đều được GV, CBQL đánh giá đúng về ý nghĩa khi rèn luyện đạo đức nghề cho sinh viên: Giáo dục lòng yêu nghề: Được giáo viên trả lời đúng chiếm tỉ lệ cao nhất (75%), giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng (62,5%), giáo dục sinh viên kính trọng yêu mến thầy cô (61,1%).

Những nội dung được giáo viên, CBQL đánh giá đúng về sự cần thiết phải giáo dục chiếm tỉ lệ trên 50% bao gồm nội dung: giáo dục thế giới quan khoa học, giáo dục lòng trung thực, giản dị, lòng vị tha nhân ái, tinh thần dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn. Kết quả này thể hiện sự thống nhất trong nhận thức của giáo viên, CBQL về GDĐĐNN.

Tuy nhiên, một số giáo viên, CBQL có câu trả lời đúng nhưng sơ sài, hoặc chưa đúng về sự cần thiết của các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Có thể nói người giáo viên phải giữ vai trò chủ đạo trong mọi hoạt động của nhà trường, là nhân tố chính điều khiển quá trình hình thành nhân cách người học. Đây là vấn đề then chốt tạo nên sự đoàn kết, nhất trí của tập thể nhà trường.

*2.3.1.3. Hình thức tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*

Chúng tôi sử dụng câu hỏi 9 (phụ lục 2) để lấy ý kiến đánh giá của GV, CBQL về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục cho sinh viên với 5 phương án lựa chọn. Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 2.11:

***Bảng 2.11: Đánh giá của GV, CBQL về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục***

| TT | Mức độ | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **9.1** | 51 | 34,2 | 59 | 39,6 | 24 | 16,1 | 0 | 0 | 2 | 1,3 |
| **9.2** | 37 | 24,8 | 56 | 37,6 | 41 | 27,5 | 2 | 1,3 | 1 | 0,7 |
| **9.3** | 65 | 43,6 | 53 | 35,6 | 16 | 10,7 | 1 | 0,7 | 2 | 1,3 |
| **9.4** | 43 | 28,9 | 63 | 42,3 | 30 | 20,1 | 2 | 1,3 | 1 | 0,7 |
| **9.5** | 34 | 22,8 | 67 | 45 | 26 | 17,4 | 3 | 2 | 3 | 2 |
| **9.6** | 36 | 24,2 | 41 | 27,5 | 30 | 20,1 | 9 | 6 | 11 | 74 |
| **9.7** | 40 | 26,8 | 38 | 25,5 | 52 | 34,4 | 12 | 8,1 | 7 | 4,7 |
| **9.8** | 53 | 35,6 | 57 | 38,3 | 27 | 18,1 | 3 | 2 | 9 | 6 |

**Ghi chú:**

*(Rất cao: 5 điểm, cao: 4 điểm, TB: 3 điểm, thấp: 2 điểm, không có: 1 điểm).*

*9.1. Dạy các môn học chuyên ngành*

*9.2. Hoạt động GDNGLL*

*9.3. Hoạt động rèn luyện NVSP*

*9.4. Tổ chức học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV*

*9.5. Xây dựng môi trường văn hóa học đường trong nhà trường*

*9.6. Tổ chức cho SV tự giáo dục*

*9.7. Tổ chức câu lạc bộ học tập*

*9.8. Biểu dương vinh danh cá nhân, tập thể sinh viên rèn luyện tích cực*

Qua bảng số liệu có thể thấy: GV, CBQL đánh giá cao khả năng tham gia GDĐĐNN của các hình thức tổ chức giáo dục như:

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (43,6%), vinh danh cá nhân tập thể sinh viên rèn luyện tích cực (35,6%), dạy các môn học chuyên ngành (34,2%). Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua môn học là hướng đi đúng đắn của nhà trường sư phạm, nhất là trong điều kiện giáo dục hiện nay.

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giúp sinh viên hình thành những kinh nghiệm ứng xử, có tính ứng dụng cao trong cuộc sống. Đối với những môn này điều kiện lồng ghép giáo dục đạo đức vào bài giảng có nhiều thuận lợi vì ngay trong chương trình qui định đã có những phần về đạo đức, giáo dục đạo đức, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực người giáo viên. Hầu hết các giáo viên ở môn chính trị, tâm lí giáo dục đều cho sinh viên rút ra các kết luận sư phạm, liên hệ thực tế sau mỗi đơn vị tri thức. Điều này có tác dụng rõ nét trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho sinh viên, vì việc giảng dạy chỉ thực sự có ý nghĩa khi qua mỗi giờ giảng sinh viên rút ra được bài học cho bản thân.

Các hình thức: Tổ chức câu lạc bộ học tập, dạy các môn học chuyên ngành, giáo dục NGLL, tổ chức cho SV tự giáo dục được GV, CBQL đánh giá thấp hơn về khả năng tham gia GDĐĐNN. Khi tìm hiểu thực tiễn và trò chuyện với giáo viên chúng tôi nhận thấy một số trường ít được đầu tư về thời gian, nội dung liên quan đến GDĐĐNN.

Cô N.T.S, giảng viên của trường CĐSP nhận xét: "Công tác giáo dục ĐĐNN cho SV hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, việc xây dựng kế

hoạch chưa cụ thể, chưa phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường". Bên cạnh đó ý kiến của cô L.T.H cho rằng: "Các hình thức tổ chức hoạt động GDĐ ĐNN chưa có sự thống nhất và đồng bộ, các lực lượng giáo dục chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, đôi khi mang tính chiếu lệ, qua loa".

Các hình thức chưa đa dạng, phong phú vì thế chưa thu hút được đông đảo sinh viên tham gia. Hầu hết sinh viên có tuổi đời còn rất trẻ, do vậy cần coi trọng, phát huy vai trò lợi thế của tổ chức Đoàn, hoạt động GDNGLL để họ được trải nghiệm và có hứng thú rèn luyện ĐĐNN.

Bên cạnh đó sinh viên chưa xây dựng cho mình kế hoạch tự rèn luyện bản thân. Việc tự giáo dục của sinh viên còn thấp, sinh viên chưa ý thức và tự giác trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Mỗi sinh viên phải tự xem xét đối chiếu thái độ của bản thân với chuẩn mực đạo đức của người giáo viên để phấn đấu tu dưỡng rèn luyện. Việc phát triển, bồi dưỡng ý chí cho sinh viên là nhiệm vụ thường xuyên liên tục của nhà giáo và các lực lượng sư phạm.

***2.3.2. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm***

Đánh giá của GV, CBQL và sinh viên về các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp chúng tôi sử dụng 5 mức độ đánh giá, kết quả thể hiện ở bảng 2.12

***Bảng 2.12: Đánh giá của GV, CBQL và SV về lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP***

| TT | Ý kiến của GV, CBQL | | | | | | | | | | Ý kiến của SV | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hiệu quả | | | | | | | | | | Hiệu quả | | | | | | | | | |
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **14.1** | 110 | 25,7 | 280 | 65,4 | 29 | 6,8 | 8 | 1,9 | 2 | 0,5 | 35 | 23,5 | 81 | 54,4 | 24 | 16,1 | 5 | 3,4 | 4 | 2,7 |
| **14.2** | 124 | 29 | 189 | 44,2 | 65 | 15,2 | 34 | 7,9 | 17 | 4 | 55 | 36,9 | 53 | 35,6 | 75 | 50,3 | 15 | 10,1 | 4 | 2,7 |
| **14.3** | 82 | 19,2 | 193 | 45,1 | 68 | 15,9 | 86 | 20,1 | 0 | 0 | 27 | 18,1 | 44 | 29,5 | 43 | 28,9 | 20 | 13,4 | 5 | 3,4 |
| **14.4** | 95 | 22,2 | 164 | 38,3 | 108 | 25,2 | 62 | 14,5 | 0 | 0 | 29 | 19,5 | 56 | 37,6 | 32 | 21,5 | 17 | 11,4 | 15 | 10,1 |
| **14.5** | 96 | 22,4 | 242 | 65,5 | 47 | 11 | 44 | 10,3 | 0 | 0 | 42 | 28,2 | 59 | 39,6 | 17 | 11,4 | 22 | 14,8 | 9 | 6 |
| **14.6** | 86 | 20,1 | 177 | 41,1 | 118 | 27,6 | 48 | 11,2 | 0 | 0 | 35 | 23,5 | 67 | 45 | 26 | 17,4 | 9 | 6 | 12 | 8,1 |
| **14.7** | 121 | 28,3 | 189 | 44,2 | 97 | 22,7 | 12 | 2,8 | 10 | 2,3 | 55 | 36,9 | 51 | 34,2 | 17 | 11,4 | 28 | 18,8 | 0 | 0 |
| **14.8** | 125 | 29,2 | 146 | 34,1 | 69 | 16,1 | 50 | 11,7 | 39 | 9,1 | 56 | 37,6 | 60 | 40,3 | 22 | 14,8 | 1 | 0,7 | 0 | 0 |
| **14.9** | 95 | 22,2 | 190 | 44,4 | 58 | 13,6 | 49 | 11,4 | 37 | 8,6 | 44 | 29,5 | 64 | 43 | 21 | 14,1 | 19 | 12,8 | 1 | 0,7 |
| **14.10** | 94 | 22 | 206 | 48,1 | 80 | 18,7 | 41 | 9,6 | 8 | 1,9 | 35 | 23,5 | 61 | 40,9 | 43 | 28,9 | 8 | 5,4 | 2 | 1,3 |
| **14.11** | 122 | 28,5 | 244 | 57 | 53 | 12,4 | 2 | 0,5 | 8 | 1,9 | 61 | 40,9 | 34 | 22,8 | 48 | 32,2 | 5 | 3,4 | 1 | 0,7 |
| **14.12** | 125 | 29,2 | 146 | 34,1 | 69 | 16,1 | 50 | 11,7 | 39 | 9,1 | 35 | 23,5 | 81 | 54,4 | 24 | 16,1 | 5 | 3,4 | 4 | 2,7 |

**Ghi chú:**

*(Rất hiệu quả: 5 điểm, hiệu quả:4 điểm, ít hiệu quả:3 điểm, chưa thật hiệu quả:2 điểm, không hiệu quả:1 điểm)*

*14.1. Ban giám hiệu nhà trường*

*14.2. Ban chủ nhiệm khoa*

*14.3. Ban quản lý ký túc xá*

*14.4. Giáo vụ khoa*

*14.5. Đoàn thanh niên*

*14.6. Đảng ủy trường*

*14.7. Giáo viên chủ nhiệm*

*14.8. Phòng công tác chính trị*

*14.9. Tập thể lớp và chi đoàn*

*14.10. Phòng đào tạo*

*14.11. Giáo viên giảng dạy*

*14.12. Hội sinh viên*

Phân tích kết quả ở bảng và qua việc trao đổi, trò chuyện với cán bộ, giáo viên chúng tôi nhận thấy các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể đều rất quan tâm tới giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Theo đánh giá của sinh viên lực lượng thường xuyên tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp có hiệu quả là giáo viên giảng dạy xếp ở vị trí thứ 1, phòng công tác chính trị xếp thứ 2, giáo viên chủ nhiệm xếp ở vị trí thứ 3. Đây là những lực lượng trực tiếp tham gia vào công tác đào tạo, giảng dạy và giáo dục sinh viên trong quá trình học tập. Giáo viên chủ nhiệm vừa là người dạy chuyên ngành và sát sao với lớp, đồng thời là người thay mặt nhà trường quản lí giáo dục sinh viên về nề nếp. Đây là tín hiệu đáng mừng vì các trường cao đẳng sư phạm đã quan tâm đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, thực hiện được mục tiêu đào tạo, góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực của người giáo viên tương lai.

Trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, mỗi lực lượng có vai trò khác nhau nên thứ hạng cũng khác nhau. Tuy nhiên xếp ở vị trí cuối cùng là hội sinh viên, có thể do các lực lượng chưa đánh giá hết vai trò của tổ chức này hoặc do chưa thể hiện được vai trò của mình trong việc quản lí không chỉ hoạt động chuyên môn mà cả trong hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

### *2.3.3. Hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*

Để đánh giá hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên tại các trường cao đẳng sư phạm, chúng tôi sử dụng câu hỏi 13 (phụ lục 1), câu hỏi 14( phụ lục 2) với 5 mức độ đánh giá cho từng nội dung. Kết quả thể hiện ở bảng 2.13:

***Bảng 2.13: Đánh giá của GV, CBQL và SV về hiệu quả GDĐĐNN cho SVSP***

| TT | Ý kiến của GV, CBQL | | | | | | | | | | Ý kiến của SV | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hiệu quả | | | | | | | | | | Hiệu quả | | | | | | | | | |
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 13.1 | 53 | 35,6 | 61 | 40,9 | 35 | 23,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 96 | 22,4 | 136 | 31,8 | 71 | 16,6 | 1 | 0,2 | 70 | 16,4 |
| 13.2 | 55 | 36,9 | 49 | 32,9 | 45 | 30,2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 151 | 35,3 | 217 | 50,7 | 38 | 8,9 | 43 | 10 | 35 | 8,2 |
| 13.3 | 54 | 36,2 | 48 | 32,2 | 46 | 30,9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 108 | 25,2 | 137 | 32 | 98 | 22,9 | 54 | 12,6 | 32 | 7,5 |
| 13.4 | 34 | 22,8 | 76 | 51 | 39 | 26,2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 135 | 31,5 | 137 | 32 | 91 | 21,3 | 19 | 4,4 | 47 | 11 |
| 13.5 | 47 | 31,5 | 57 | 38,3 | 45 | 30,2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 123 | 28,7 | 176 | 41,1 | 44 | 10,3 | 32 | 7,5 | 54 | 12,6 |
| 13.6 | 37 | 24,8 | 74 | 49,7 | 37 | 24,8 | 1 | 0,7 | 0 | 0 | 132 | 30,8 | 122 | 28,5 | 89 | 20,8 | 86 | 20,1 | 0 | 0 |
| 13.7 | 17 | 11,4 | 65 | 43,6 | 48 | 32,2 | 19 | 12,8 | 0 | 0 | 94 | 22 | 182 | 42,5 | 104 | 24,3 | 8 | 1,9 | 41 | 9,6 |
| 13.8 | 49 | 32,9 | 65 | 43,6 | 24 | 16,1 | 8 | 5,4 | 3 | 2 | 138 | 32,2 | 186 | 43,5 | 60 | 14 | 8 | 1,9 | 37 | 8,6 |

**Ghi chú:**

*(Rất hiệu quả:5 điểm, hiệu quả:4 điểm, ít hiệu quả:3 điểm, chưa thật hiệu quả:2 điểm, không hiệu quả:1 điểm)*

*13.1. Nâng cao nhận thức cho SV về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp*

*13.2. Giúp SV yêu quí nghề dạy học hơn*

*13.3. Nâng cao ý thức giữ gìn và xây dựng môi trường sư phạm hơn*

*13.4. Sinh viên gần gũi, thân thiện, yêu mến giảng viên*

*13.5. Tăng cường tình đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập*

*13.6. SV thấy rõ trách nhiệm trong việc GDĐĐ cho HS sau này*

*13.7. Phương tiện, CSVC của trường được bảo vệ, giữ gìn tốt hơn*

*13.8. Bồi dưỡng ý thức học tập cho sinh viên*

Từ kết quả trên có thể thấy hiệu quả công tác GDĐĐNN cho SVSP đạt mức độ trung bình. Công tác GDĐĐNN đạt hiệu quả cao nhất là giúp sinh viên yêu nghề dạy học hơn (GV, CBQL: 51%), (SV: 50,7%), không có ý kiến nào cho rằng không có hiệu quả. Có thể thấy việc nhận thức về nghề nghiệp cũng như ý thức nghề nghiệp của SV được nâng cao, tình cảm niềm tin vào nghề nghiệp được phát triển tạo động cơ thúc đẩy rèn luyện hành vi đạo đức tốt, chuẩn

bị hành trang bước vào nghề. Bên cạnh đó công tác GDĐĐNN còn giúp SV thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc giáo dục cho học sinh sau này.

Qua số liệu cũng cho thấy GV, CBQL và SV đánh giá công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp có hiệu quả thấp ở một số nội dung như: Phương tiện, cơ sở vật chất của nhà trường chưa được bảo vệ, giữ gìn,sinh viên chưa thật sự gần gũi, thân thiện, yêu mến giảng viên.

Để tiến hành các hoạt động giáo dục đạo đức có hiệu quả cần phải có những điều kiện về phương tiện, cơ sở vật chất nhất định như hội trường, phương tiện nghe nhìn, điều này đòi hỏi nhà trường cần có sự chuẩn bị đầy đủ để đáp ứng được yêu cầu đặt ra của giáo dục trong giai đoạn mới.

Kết hợp ý kiến đánh giá của GV, CBQL và SV về hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi nhận thấy: Công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp tại các trường cao đẳng sư phạm đã có ý nghĩa, tác dụng nhất định đối với người học. Tuy nhiên xét về nhiều phương diện hiệu quả giáo dục này vẫn chưa cao. Đồng thời, SV chưa phát huy được tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập. Có thể thấy rằng nhiều hoạt động của SV đều đặt ra mục tiêu tích lũy tri thức lên hàng đầu, có sự ganh đua về điểm số, vì thế trong học tập đôi khi SV còn mang tính cá nhân, chưa có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau. Các thầy cô giáo phải giúp SV nhận thức rõ, xác định được tầm quan trọng của việc đặt mục tiêu tích lũy tri thức với việc rèn luyện nhân cách người thầy giáo.

Quá trình giáo dục đạo đức là quá trình lâu dài phức tạp, chỉ khi bản thân ý thức đầy đủ về quá trình này khi đó giáo dục mới đạt hiệu quả cao. Đồng thời, việc giáo dục đạo đức cho SV có hiệu quả còn phụ thuộc vào ảnh hưởng của nhà trường và chính tấm gương rèn luyện phẩm chất của mỗi thầy cô giáo.

### 2.4. Hiệu quả các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm

Sử dụng câu hỏi 18 (phụ lục 1) và câu hỏi 17(phụ lục 2) để trưng cầu ý kiến của GV, CBQL và SV với 5 mức độ: Rất phù hợp: 5 điểm, phù hợp: 4 điểm, chưa thực sự phù hợp: 3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp:1 điểm. Kết quả thể hiện ở bảng 2.14:

***Bảng 2.14: Hiệu quảcác con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên CĐSP***

| TT | Ý kiến của GV, CBQL | | | | | | | | | | Ý kiến của SV | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hiệu quả | | | | | | | | | | Hiệu quả | | | | | | | | | |
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **18.1** | 118 | 79,2 | 23 | 15,4 | 8 | 54 | 0 | 0 | 0 | 0 | 92 | 21,5 | 250 | 58,4 | 75 | 17,5 | 9 | 2,1 | 3 | 0,7 |
| **18.2** | 30 | 20,1 | 25 | 16,8 | 74 | 49,7 | 15 | 10,1 | 5 | 3,4 | 77 | 18 | 233 | 54,4 | 102 | 23,8 | 13 | 3 | 4 | 0,9 |
| **18.3** | 24 | 16,1 | 34 | 22,8 | 58 | 38,9 | 26 | 17,4 | 7 | 4,7 | 136 | 31,8 | 206 | 48,1 | 70 | 16,4 | 13 | 3 | 4 | 0,9 |
| **18.4** | 29 | 19,5 | 38 | 25,5 | 57 | 38,3 | 21 | 14,1 | 4 | 2,7 | 102 | 23,8 | 216 | 50,5 | 69 | 16,1 | 29 | 6,8 | 13 | 3 |
| **18.5** | 12 | 8,1 | 27 | 18,1 | 66 | 44,3 | 32 | 21,5 | 2 | 1,3 | 129 | 30,1 | 216 | 50,5 | 69 | 16,1 | 11 | 2,6 | 4 | 0,9 |
| **18.6** | 61 | 40,9 | 61 | 40,9 | 25 | 16,8 | 2 | 1,3 | 0 | 0 | 174 | 40,7 | 202 | 47,2 | 19 | 4,4 | 15 | 3,5 | 19 | 4,4 |

**Ghi chú:**

*(Rất phù hợp: 5 điểm , phù hợp: 4 điểm, chưa thực sự phù hợp: 3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp: 1 điểm)*

*18.1. Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình*

*18.2. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*

*18.3.Thông qua hoạt động tự quản của tập thể*

*18.4.Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV*

*18.5.Thông qua hoạt động RLNVSPTX*

*18.6.Thông qua việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục*

Qua việc điều tra hiệu quả của các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi thấy hầu hết các GV,CBQL, SV đều đánh giá rất cao các con đường này. Trong đó con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm được đánh giá cao hơn.

Cụ thể: Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm GV, CBQL (79,2%), SV (21,5%). Thông qua việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội: GV, CBQL (40,9%), SV (40,7%).

Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua con đường dạy và học các môn, thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là hướng đi đúng đắn của nhà trường sư phạm nhất là trong điều kiện giáo dục hiện nay. Các hoạt động này thường do nhà trường phối hợp với Đoàn thanh niên và giáo viên chủ nhiệm tổ chức, được đông đảo sinh viên hưởng ứng tham gia. Đây là những hoạt động

có ý nghĩa giáo dục trực tiếp lòng yêu nghề, yêu trẻ, nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên nội dung của các hoạt động này chưa phong phú, việc tổ chức các hoạt động đòi hỏi phải có thời gian, kinh phí, vì thế ban giám hiệu nhà trường cần có sự quan tâm hơn nữa để có thể phát huy được thế mạnh trong công tác giáo dục đào tạo.

Bên cạnh đó một số con đường khác cũng mang lại hiệu quả giáo dục đạo đức cao đó là: Thông qua hoạt động tự quản của tập thể, thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV

Tuy nhiên GV, SV đều cho rằng các hoạt động này chưa phong phú về nội dung, chưa được thực hiện thường xuyên và thiếu nghiêm túc, vì vậy các hoạt động này cần phải được đầu tư về thời gian nhiều hơn nữa.

**2.5. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường cao đẳng sư phạm**

Để có thông tin đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của sinh viên chúng tôi sử dụng câu hỏi 16 (phụ lục 1) và câu hỏi 16 (phụ lục 2) của GV, CBQL và SV với 5 mức độ đánh giá cho từng nội dung. Qui đổi ra điểm với các mức độ đánh giá: (Rất ảnh hưởng: 5 điểm, ảnh hưởng: 4 điểm, ảnh hưởng nhiều: 3 điểm, ảnh hưởng ít: 2 điểm, không ảnh hưởng: 1 điểm). Kết quả thể hiện ở bảng 2.15:

***Bảng 2.15: Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của sinh viên***

| TT | Ý kiến của SV | | | | | | | | | | Ý kiến của GV | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ảnh hưởng | | | | | | | | | | Ảnh hưởng | | | | | | | | | |
| | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 5 | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **16.1** | 95 | 63,8 | 28 | 18,8 | 7 | 4,7 | 3 | 2 | 16 | 10,7 | 137 | 32 | 255 | 59,6 | 11 | 2,6 | 16 | 3,7 | 10 | 2,3 |
| **16.2** | 60 | 40,3 | 55 | 36,9 | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | 0 | 91 | 21,3 | 246 | 57,5 | 55 | 12,9 | 11 | 2,6 | 26 | 6,1 |
| **16.3** | 67 | 45 | 54 | 36,2 | 25 | 16,8 | 3 | 2 | 0 | 0 | 120 | 28 | 218 | 50,9 | 65 | 12,5 | 15 | 3,5 | 11 | 2,6 |
| **16.4** | 73 | 49 | 51 | 34,2 | 15 | 10,1 | 10 | 6,7 | 0 | 0 | 120 | 28 | 220 | 51,4 | 74 | 17,3 | 9 | 2,1 | 6 | 1.4 |
| **16.5** | 49 | 32,9 | 72 | 48,3 | 19 | 12,8 | 9 | 6 | 0 | 0 | 96 | 22,4 | 247 | 57,7 | 40 | 9,3 | 46 | 10,7 | 0 | 0 |
| **16.6** | 58 | 38,9 | 69 | 46,3 | 10 | 6,7 | 12 | 8,1 | 0 | 0 | 174 | 40,7 | 168 | 39,3 | 61 | 14,3 | 18 | 4,2 | 8 | 1,9 |
| **16.7** | 50 | 33,6 | 69 | 46,3 | 22 | 14,8 | 7 | 4,7 | 0 | 0 | 120 | 28 | 235 | 54,9 | 2 | 0,5 | 51 | 11,9 | 21 | 4,9 |
| **16.8** | 47 | 31,5 | 77 | 51,7 | 25 | 16,8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 91 | 21,3 | 128 | 50,9 | 92 | 21,5 | 24 | 5,6 | 4 | 0,9 |

**Ghi chú:**

*16.1. Lực lượng giáo dục*

*16.2. Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học.*

*16.3. Các văn bản có tính pháp quy*

*16.4. Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp.*

*16.5. Môi trường kinh tế xã hội*

*16.6. Kiểm tra, đánh giá*

*16.7. Nội dung, chương trình*

*16.8. Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...).*

Nội dung bảng trên cho thấy nhận xét của giáo viên, CBQL và SV khá thống nhất về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV.

Yếu tố được GV, CBQL và SV nhận xét ở mức độ ảnh hưởng cao đến quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV là các lực lượng giáo dục. Bên cạnh đó (32%) ý kiến SV cho rằng các lực lượng giáo dục sẽ trở thành chỗ dựa đáng tin cậy cho SV trong quá trình học tập. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số thầy cô đến trường với suy nghĩ làm hết nhiệm vụ lên lớp là xong mà chưa thực sự tâm huyết với nghề và có tâm với SV. Điều này được chúng tôi kiểm chứng thông qua việc trò chuyện với SV, đa số SV mong muốn GV gần gũi, thấu hiểu SV, tâm lý với SV hơn.

Em L.T.H cho rằng: ‘‘Một số thầy cô chưa thực sự nhiệt tình trong các tiết giảng, giờ giảng luôn cảm thấy căng thẳng mệt mỏi, sinh viên không hứng thú khi nghe giảng”.

Em B.H.T nhận xét: ‘‘Trong nhiều tiết giảng, thầy cô giáo chưa gắn với thực tiễn, chưa thâm nhập vào đời sống thực của sinh viên để hiểu và chia sẻ với các em, vì thế bài học vẫn mang tính lí thuyết khó hiểu”

Sự thiếu gương mẫu của một bộ phận giáo viên cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV, vẫn còn một số thầy giáo hút thuốc, uống rượu khi lên lớp làm cho không khí lớp học ồn ào, bàn tán xôn xao.

Ngoài ra các yếu tố như: Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học, động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp cũng ảnh hưởng đến quá trình học tập của sinh viên. Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo

đức nghề nghiệp cho SV là tiền đề quan trọng để xây dựng các biện pháp tác động phù hợp.

**2.6. Nhận xét chung về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục.**

***2.6.1. Ưu điểm***

Qua thực tế nghiên cứu cho thấy hầu hết giáo viên, CBQL, sinh viên có nhận thức đúng đắn về các giá trị, chuẩn mực đạo đức. Phần lớn sinh viên coi nhiệm vụ học tập tu dưỡng là trọng tâm, luôn phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Những sinh viên này có lập trường vững vàng, có lối sống lành mạnh, có lí tưởng sống rõ ràng, không ngừng trau dồi nhân cách.

Trong những năm gần đây, có nhiều hình thức sinh hoạt, giáo dục và giao lưu diễn ra phong phú có tác dụng lớn đối với quá trình giáo dục ĐĐNN. Tổ chức trang trọng các ngày lễ, ngày nhà giáo Việt Nam 20-11, ngày khai giảng, tuyên dương tôn vinh những nhà giáo được tặng thưởng các danh hiệu cao quí, có ý nghĩa giáo dục cao.

Một số chuyên ngành đã tổ chức các buổi tham quan thực tế nhằm giúp sinh viên gắn lí luận với thực tiễn, bồi dưỡng tình yêu nghề nghiệp, tăng cường trách nhiệm của sinh viên đối với việc xây dựng môi trường sư phạm. Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành, phát triển nhân cách nói chung và ĐĐNN của sinh viên nói riêng.

Hiện nay một số trường sư phạm đã xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn rèn luyện để trên cơ sở đó phân loại, đánh giá về rèn luyện ĐĐNN theo từng tháng, học kì, năm học, khóa học, thường xuyên phổ biến, tuyên truyền những tấm gương sinh viên học giỏi, các cá nhân điển hình tiên tiến.

Các trường sư phạm đã bảo đảm ngày càng tốt hơn các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại phục vụ cho việc GDĐĐNN của sinh viên. Điều kiện vật chất đầy đủ sẽ mang lại những thuận lợi to lớn giúp cho điều kiện tinh thần của sinh viên được củng cố phát triển.

***2.6.2. Nguyên nhân***

Ban giám hiệu ở các trường cao đẳng sư phạm là những người có trình độ giáo dục và nhận thức được ý nghĩa, vai trò của giáo dục ĐĐNN trong nhà trường.

Các thầy cô giáo đã từng bước đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo hướng tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các giờ lên lớp. Họ luôn ý thức được trách nhiệm với công việc, vai trò, uy tín xã hội của nghề sư phạm. Luôn đối xử công bằng với người học, không thành kiến, thiên vị, không xúc phạm danh dự, nhân phẩm người học. Có ý thức tập thể, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành nhiệm vụ, có tác phong làm việc nhanh nhẹn, giải quyết công việc khách quan, chu đáo.

Các trường sư phạm có bề dày về truyền thống giáo dục, đã đầu tư kinh phí, thời gian nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

***2.6.3. Hạn chế***

Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO đưa đất nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Trong xu thế toàn cầu hóa, các thế lực thù địch càng lợi dụng đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" để thâm nhập vào tâm lí, chính trị, làm phai nhạt lí tưởng của thế hệ trẻ, ảnh hưởng không nhỏ tới nguyện vọng, động cơ, chí hướng nghề nghiệp của nhà giáo và những người đang được đào tạo để trở thành giáo viên.

Lâu nay, trong quan điểm người Việt, nghề giáo là nghề cao quý, không thể đặt nó ngang hàng với việc tính toán, trục lợi. Do đó, nếu ai tham quyền, tham tiền thì không nên vào nghề giáo dục. Trong thực tế hiện nay các giáo viên chưa thực sự nhiệt tình với công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, chưa thực hiện tốt việc lồng ghép giáo dục đạo đức vào bài giảng, chưa hỗ trợ thường xuyên cho công tác quản lí nề nếp học tập của sinh viên. Nhiều thầy cô chưa ghi chép đầy đủ các thông tin về giờ học như: sĩ số, sinh viên đi muộn, bỏ giờ, không làm bài…khiến cho việc thực hiện nội quy thiếu nghiêm túc, công tác theo dõi đánh giá còn gặp khó khăn.

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến thực tập sư phạm chưa được giáo viên chỉ đạo tích cực. Trong khi biện pháp thưởng phạt bằng điểm đối với kết quả rèn luyện đạo đức cho sinh viên có tác động rất lớn đến ý thức

tự giác của các em thì hoạt động ngoài giờ lên lớp phải tăng cường đầu tư hơn nữa mới phát huy tác dụng đối với giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp nói riêng.

Nhiều hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp được tổ chức nhưng thiếu tính liên tục, nặng về hình thức, ít đầu tư về chiều sâu nên tính hiệu quả chưa cao. Các hoạt động được tổ chức trong phạm vi hẹp, chưa thật sự phù hợp với nhu cầu của sinh viên do đó khả năng tập hợp thu hút sinh viên tham gia thường xuyên thấp. Chương trình đào tạo chưa hoàn thiện và chậm đổi mới, kinh phí cho các hoạt động ngoại khóa còn hạn hẹp và rất khó khăn.

Một bộ phận sinh viên có ý thức học tập và rèn luyện kém, thiếu tính chủ động và nghiêm túc trong học tập ảnh hưởng đến tính tích cực thực hiện các hành vi đạo đức nghề nghiệp. Vai trò giáo dục, tự giáo dục và hứng thú của tập thể sinh viên còn nhiều hạn chế. Quan niệm trọng bằng cấp, học để lấy bằng, học vì điểm số ảnh hưởng đến tâm lí, định hướng giá trị học tập của sinh viên.

Mặc dù cơ sở hạ tầng của nhà trường tương đối tốt nhưng trang thiết bị phục vụ cho điều kiện học tập còn hạn chế. Do kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp vì thế khu nội trú của sinh viên còn gặp nhiều khó khăn, một số sinh viên phải ở ngoại trú không thể có điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động chung của nhà trường, điều đó ảnh hưởng tới mục tiêu giáo dục đạo đức cho sinh viên.

### *2.6.4. Nguyên nhân*

Nền kinh tế thị trường gắn với quan niệm đề cao giá trị vật chất đã phát sinh lối sống thực dụng, hưởng thụ, chạy theo đồng tiền đã làm chi phối các quan hệ đạo đức thầy trò. Những nội dung học trong nhà trường đôi khi khác với thực tế nên dễ làm sinh viên hoang mang. Các nhà trường chủ yếu đặt trọng tâm vào cung cấp kiến thức, rèn luyện kĩ năng tay nghề ít quan tâm rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kĩ năng sống cho sinh viên. Vì thế hoạt động sư phạm chủ yếu nhằm nâng cao kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm, chưa chú trọng kết hợp các hoạt động dạy học với giáo dục để nâng cao nhận thức, phát triển hành vi đạo đức cho sinh viên. Chưa có sự thống nhất về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức giáo dục ĐĐNN.

Bên cạnh đó chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Tập thể sư phạm trong nhà trường chưa thực sự phát huy trí lực và đầu tư nhiều về thời gian cho công tác này.

## Kết luận chương 2

Chúng ta đang bước vào thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở các trường sư phạm hiện nay đòi hỏi người giáo viên những nhiệm vụ ngày càng khó khăn, nặng nề hơn. Hoạt động sư phạm của giáo viên không chỉ dạy kiến thức, kĩ năng, phương pháp mà còn giúp sinh viên hình thành các phẩm chất đạo đức, không chỉ dạy chữ mà còn dạy nghề. Người giáo viên cần phải có phẩm chất trí tuệ cao, luôn thể hiện chí hướng phấn đấu vươn lên và dành tâm sức để thực hiện những yêu cầu đó.

Qua nghiên cứu cho thấy hầu hết phần lớn sinh viên có nhận thức đúng đắn về các giá trị, chuẩn mực đạo đức, yêu cầu của hoạt động lao động sư phạm. Các em đã có ý thức học tập, trau dồi chuyên môn, biết tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất nhân cách người thầy giáo. Bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa thực sự yên tâm, yêu thích với sự lựa chọn của mình, chưa quan tâm rèn luyện đạo đức nghề nghiệp bản thân, dễ bị dao động bởi những ảnh hưởng của xã hội.

Các trường CĐSP đã chú trọng tới việc giáo dục đạo nghề nghiệp cho sinh viên, coi các hoạt động giáo dục đạo đức là những tác động trực tiếp ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển các giá trị đạo đức trong sinh viên. Kết quả giáo dục bước đầu đã có những chuyển biến tích cực, song so với yêu cầu thực tiễn, nhất là so với yêu cầu đào tạo người giáo viên tương lai thì vẫn còn những tồn tại mà các trường CĐSP cần phải nỗ lực để thực hiện mục tiêu đề ra.

Trong các nhà trường còn một bộ phận không nhỏ giáo viên chưa thực sự nhiệt tình với công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, chưa thực hiện tốt việc lồng ghép giáo dục đạo đức vào bài giảng, chưa hỗ trợ thường xuyên cho công tác quản lí nề nếp học tập của sinh viên. Nhiều thầy

cô chưa ghi chép đầy đủ các thông tin về giờ học như : sĩ số, sinh viên đi muộn, bỏ giờ, không làm bài…khiến cho việc thực hiện nội quy thiếu nghiêm túc, công tác theo dõi đánh giá còn gặp khó khăn.

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến thực tập sư phạm chưa được giáo viên chỉ đạo tích cực. Trong khi biện pháp thưởng phạt bằng điểm đối với kết quả rèn luyện đạo đức cho sinh viên có tác động rất lớn đến ý thức tự giác của các em thì hoạt động ngoài giờ lên lớp phải tăng cường đầu tư hơn nữa mới phát huy tác dụng đối với giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp nói riêng.

Mặc dù cơ sở hạ tầng của nhà trường tương đối tốt nhưng trang thiết bị phục vụ cho điều kiện học tập còn hạn chế. Do kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp vì thế khu nội trú của sinh viên còn gặp nhiều khó khăn, một số sinh viên phải ở ngoại trú không thể có điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động chung của nhà trường, điều đó ảnh hưởng tới mục tiêu giáo dục đạo đức cho sinh viên.

Từ thực trạng nêu trên, chúng tôi đưa ra một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm sau đây:

# Chương 3
# BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

## 3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

### *3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục đào tạo*

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, bậc ĐH- CĐ là nơi trực tiếp cung cấp nguồn lực người cho xã hội. Trong giai đoạn hiện nay mục tiêu của bậc học này được quy định trong Luật giáo dục là: " Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[63]. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng ta đã chỉ rõ: "Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm"[24].

Mục tiêu của trường CĐSP nhằm đào tạo và bồi dưỡng những giáo viên có trình độ CĐ, giác ngộ XHCN, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có lí tưởng nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức vững chắc đảm bảo sẵn sàng làm tốt nhiệm vụ đào tạo và giáo dục học sinh trong nhà trường THCS.

### *3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa ý thức và hành vi*

Thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi chính là nhằm giải quyết mối quan hệ giữa quá trình giáo dục ý thức và quá trình hình thành hành vi. Trong thực tiễn giáo dục hai vấn đề này có lúc không thống nhất với nhau hoặc quá coi trọng việc giáo dục ý thức, hoặc giáo dục ý thức nhưng không dẫn đến việc hình thành hành vi.

Nguyên tắc này yêu cầu trong quá trình giáo dục nhân cách người sinh viên, nhất thiết phải coi trọng việc xây dựng ý thức cũng như việc tổ chức tập luyện hành động của người học, phải đảm bảo cho ý thức và hành vi cũng như lời nói và việc làm của mỗi cá nhân đều đạt tới sự thống nhất, phù hợp với những chuẩn mực do xã hội yêu cầu.

Ý thức tạo nên tiềm lực tinh thần của nhân cách. Trong ý thức bao gồm toàn bộ khái niệm, phán đoán, đánh giá, niềm tin của con người, bao gồm cả năng lực suy nghĩ sáng tạo và thể nghiệm của con người. Ý thức nảy sinh, hình thành và biểu hiện trong hành động và hành vi, đồng thời lại hướng dẫn hành động và hành vi. Điều quan trọng không phải là con người nghĩ gì và nói gì về bản thân, về những ý định của họ, mà là điều họ đã hành động, đã đối xử như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, đối với người khác, với lao động, với tài sản xã hội... Nguyên tắc này đòi hỏi khắc phục tình trạng không ăn khớp giữa lời nói và việc làm, giữa việc nên và không nên, giữa động cơ bên trong và hành động bên ngoài trong quá trình phát triển nhân cách của người học.

***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn***

Khi tiến hành các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm phải tính đến đặc điểm tình hình, điều kiện xã hội của đất nước, mục tiêu giáo dục bậc cao đẳng, đại học. Mọi tác động sư phạm đều xuất phát từ thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi và thói quen của người được giáo dục, đồng thời việc tổ chức các hoạt động giáo dục phải căn cứ vào điều kiện hiện có của nhà trường. Chẳng hạn, trong những năm qua đã có không ít trường hợp chạy theo thành tích để học sinh ngồi "nhầm lớp", đã có nhiều giáo viên xử lí tình huống sư phạm không tốt dẫn đến xúc phạm thân thể học sinh phải bị kỉ luật... Đó chính là thực tiễn sống động mà các em soi rọi vào để có hướng rèn luyện nhân cách sư phạm cho mình.

***3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính thường xuyên, liên tục***

Đạo đức nghề nghiệp không phải hình thành trong một sớm một chiều, không tự lóe sáng mà là kết quả rèn luyện thường xuyên, liên tục, kiên trì và có sự hướng dẫn, tổ chức một cách thống nhất khoa học. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, đấy cũng là công việc phải kiên trì, bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn. Người dạy: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển, củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong" [68]. Phải thấy rằng trong điều kiện kinh tế thị trường và sự mở cửa,

hội nhập như hiện nay, mỗi người trong xã hội luôn chịu nhiều tác động từ cuộc sống. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên phải được tiến hành mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoạt động, đồng thời phải tự giáo dục, tự rèn luyện bản thân.

**3.2. Các biện pháp đề xuất**

**Nhóm biện pháp tác động vào nhận thức**

***3.2.1. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào giảng dạy một số môn học cho sinh viên sư phạm.***

**a. Mục đích**

Việc khai thác có hiệu quả sự kết hợp giáo dục đạo đức vào hoạt động giảng dạy một số môn học là cần thiết nhằm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, thái độ đúng đắn đối với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Đồng thời khi tích hợp nội dung giảng dạy các môn học sẽ góp phần làm cho bài học trở nên phong phú, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục như hiện nay.

**b. Nội dung biện pháp**

- Lựa chọn các nội dung thích hợp, có liên quan đến đạo đức nghề dạy học, xác định khả năng lồng ghép của mỗi môn học, tích hợp các môn một cách khéo léo làm cho sinh viên nắm được những vấn đề mới của thực tiễn dạy học, tạo nên mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường sư phạm với các trường phổ thông.

- Lồng ghép vào nội dung bài học với những câu chuyện giáo dục, sự kiện giáo dục để sinh viên có điều kiện trao đổi, phân tích, bày tỏ quan điểm, trên cơ sở giúp đỡ các em định hướng giá trị nghề nghiệp.

- Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào hoạt động rèn luyện NVSP cho SV, trong đó có hoạt động thực hành, thực tập sư phạm, qua các hoạt động giáo dục NGLL như tham quan thực tế.

**c. Tổ chức thực hiện:**

*Bước 1: Chuẩn bị*

- Xác định được nội dung khoa học trong từng phần, từng chương, từng bài để thiết kế nội dung bài học theo hướng tích cực hóa hoạt động của sinh viên, tác động sâu sắc đến đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.

**Ví dụ:** Trong quá trình dạy môn giáo dục học, giáo viên không chỉ nắm chắc kiến thức về môn học mà còn cần có những kiến thức liên quan như tâm lí học, xã hội học...Đó là cơ sở để bài giảng phong phú, hấp dẫn hơn, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, không gò bó.

- Bên cạnh đó phải chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng nội dung, kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp phù hợp với môn học, tích hợp việc giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị thành một tiêu chí đánh giá xếp loại giờ giảng của giáo viên các môn học. Hiện nay trong nội dung đánh giá bài giảng, nhà trường đang áp dụng tiêu chí này chưa cụ thể rõ ràng.

*Bước 2: Triển khai dạy học lồng ghép, tích hợp.*

- Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên vào giảng dạy một số chuyên đề của môn giáo dục học.

| |
|---|
| **Chuyên đề 1: Cơ sở khoa học của giáo dục đạo đức nghề nghiệp (10 tiết)** |
| 1.1. Cơ sở tâm lí học |
| 1.2. Cơ sở lí luận giáo dục |
| *1.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục* |
| *1.2.2. Tính quy luật cơ bản của quá trình giáo dục* |
| *1.2.3. Nguyên tắc tôn trọng và phát huy tính chủ thể của người học* |
| 1.3. Cơ sở thực tiễn |
| *1.3.1. Nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại* |
| *1.3.2. Các văn bản pháp lí về giáo dục đạo đức nghề nghiệp* |
| **Chuyên đề 2: Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp (15 tiết)** |
| 1.1. Khái niệm |
| 1.2. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường |
| *1.2.1. Đối với sự phát triển nhân cách của người học* |
| *1.2.2. Đối với hoạt động học tập* |
| *1.2.3. Đối với môi trường học tập và sự phát triển của nhà trường* |
| 1.3. Đặc điểm của quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp |
| 1.4. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên<br>*1.4.1. Thế giới quan khoa học*<br>*1.4.2. Lí tưởng nghề nghiệp* |

| |
|---|
| *1.4.3. Lòng yêu nghề, yêu trẻ*<br>*1.4.5. Lòng nhân ái*<br>*1.4.6. Tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ của người giáo viên*<br>*1.4.7. Giáo dục tác phong mẫu mực, quan hệ ứng xử tốt*<br>*1.4.8. Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự* |
| 1.5. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên<br>*1.5.1. Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm*<br>*1.5.2. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*<br>*1.5.3. Thông qua hoạt động tự quản của tập thể*<br>*1.5.4. Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân sinh viên*<br>*1.5.5. Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên* |
| 1.6. Yêu cầu đối với nhân cách của người giáo viên trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người học |
| *1.6.1. Yêu cầu về phẩm chất* |
| *1.6.2. Yêu cầu về năng lực* |
| **Chuyên đề 3: Thực hành tổ chức rèn kĩ năng GDĐĐNN cho SVSP (20 T)** |
| 1.1. Hệ thống các kĩ năng cần rèn luyện |
| *1.1. Kĩ năng giao tiếp* |
| *1.2. Kĩ năng ứng phó với căng thẳng* |
| *1.3. Kĩ năng phân tích một tình huống sư phạm* |
| *1.4. Kĩ năng giải quyết một tình huống sư phạm* |
| *1.5. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực* |
| *1.6. Kĩ năng lựa chọn nghề nghiệp* |
| *1.7. Kĩ năng lắng nghe tích cực* |
| *1.8. Kĩ năng chia sẻ, cảm thông* |
| *1.9. Kĩ năng thương lượng* |
| *1.10. Kĩ năng kiềm chế* |

- Bên cạnh đó các môn khoa học xã hội và nhân văn (văn, sử, địa)…có tiềm năng to lớn trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên. Nhiều kiến thức trong các môn học này có liên quan đến giá trị, thái độ và cách cư xử, hành vi đạo đức trong xã hội.

***Ví dụ:*** Trong giờ học văn giáo viên không chỉ truyền tải nội dung bài học đó mà còn khơi dậy tình yêu đất nước, con người Việt Nam, yêu thương đồng loại, thái độ trân trọng cái đẹp, cái thiện và tôn vinh những nhân cách cao cả của con người. Cũng từ các tác phẩm văn học, sinh viên biết thói xấu nào cần phải tránh, phẩm chất nào cần phát huy giữ gìn

***Ví dụ:*** Với môn Lịch sử, qua các bài học giáo viên sẽ giúp sinh viên hiểu rõ lịch sử dân tộc, tự hào với truyền thống của dân tộc, hình thành ý thức tự tôn dân tộc, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Các môn khoa học tự nhiên cũng đóng góp vào việc giáo dục đạo đức. Giúp sinh viên hình thành những phẩm chất xã hội như tư duy hợp lí, thái độ coi trọng nhân quả, ý thức nâng cao kiến thức xã hội.

- Các môn như triết học, tâm lí giáo dục có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về phẩm chất, bổn phận đạo đức của người công dân…Qua môn học này sinh viên sẽ có thái độ tự giác chấp hành những phẩm chất đạo đức, coi chúng như là những chuẩn mực đạo đức mà mỗi công dân cần thực hiện nghiêm túc.

- Các môn nghệ thuật, thể dục thể thao tạo cơ hội để sinh viên phát triển óc sáng tạo, thể hiện được sự xúc động và trải nghiệm của mình.

- Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp có thể lồng ghép khi giảng dạy các môn học dưới hình thức ví dụ liên hệ, so sánh, mở rộng vừa có tác dụng giáo dục, lại vừa tạo hứng thú trong giờ học, giúp người học hiểu bài và ghi nhớ tốt hơn.

- Hoạt động giảng dạy và học tập là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, thông qua việc giảng dạy các môn nhằm thực hiện chức năng dạy chữ để dạy người. Đây chính là điều kiện cần thiết mà mỗi người làm công tác giáo dục phải coi trọng.

- Xác định phương pháp và hình thức tổ chức cho sinh viên tự học tập và tự nghiên cứu, tạo bầu không khí học tập, nghiên cứu tích cực, thu hút toàn bộ sinh viên tập trung vào nhiệm vụ của mình.

- Xây dựng hình thức kiểm tra đánh giá sau từng bài, từng chương, từng phần và sau môn học để thấy được sự chuyển biến về đạo đức nghề nghiệp trong sinh viên.

*Bước 3: Đánh giá hiệu quả của dạy học tích hợp, lồng ghép*

Qua công tác giảng dạy tích hợp, lồng ghép để giảng viên và SV rút kinh nghiệm về những việc đã làm được và chưa làm được, đánh giá những điều kiện đảm bảo cho việc dạy học lồng ghép có hiệu quả hơn.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên phải được thống nhất đồng bộ trong tất cả các môn học ở trường sư phạm, phải được tất cả các giáo viên nhận thức một cách đúng đắn, đặc biệt phải tận dụng khả năng đặc thù của các môn học, như môn giáo dục học, tâm lí học, phương pháp giảng dạy bộ môn…

- Trong công tác dạy học phải thấm nhuần tư tưởng: ‘‘dạy chữ đi đôi với dạy người, dạy và học để làm người’’[21]. Công tác kiểm tra đánh giá cần chú trọng đánh giá cả mặt rèn luyện đạo đức một cách nghiêm túc, không nên chỉ tập trung đánh giá kết quả, kiến thức chuyên môn

- Lồng ghép phải phù hợp với môn học, với tình hình thực tế của đơn vị địa phương.

- Giáo viên có kĩ năng lựa chọn và lồng ghép nội dung giáo dục giá trị đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

- Kết hợp giáo dục đạo đức trong bài giảng phải hài hoà, tế nhị. Sự kết hợp quá gò bó, rập khuôn máy móc, hình thức dễ dẫn đến nhàm chán không mang lại hiệu quả giáo dục.

- Trong quá trình dạy học cần có sự động viên khích lệ kịp thời với sinh viên có thành tích trong các phong trào học tập, rèn luyện về nhiều mặt. Có sự chia sẻ, cảm thông, thấu hiểu với từng hoàn cảnh của sinh viên, tạo chỗ dựa tinh thần tin cậy giúp các em vượt qua khó khăn, trở ngại trong quá trình học tập, rèn luyện, cơ sở hình thành niềm tin sư phạm.

- Thầy cô giáo phải luôn nhắc nhở, uốn nắn, điều chỉnh cho sinh viên về tác phong sư phạm, bởi lối sống hiện đại đang được sinh viên tiếp nhận rất nhanh nếu không được định hướng nhắc nhở kịp thời các em sẽ không có thói quen tốt.

Theo tác giả Bùi Văn Huệ thì: "Hoạt động dạy học ở các trường sư phạm phải mang bản sắc sư phạm. Bản sắc sư phạm ở đây không phải là cung cấp cho sinh viên các thủ thuật trong giảng dạy mà phải thể hiện ở sự giác ngộ sâu sắc của tất cả các cán bộ giảng dạy về trách nhiệm của mình đối với sản phẩm đào tạo"[35].

***3.2.2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thông qua các ngày lễ, ngày hội lớn của đất nước.***

**a. Mục đích**

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay, việc tổ chức ngày hội, ngày lễ sẽ lôi cuốn được SV tham gia tích cực, hình thành tính năng động, sáng tạo, ý thức lập thân, lập nghiệp, thích ứng nhanh chóng và hòa đồng với mọi người xung quanh, hạn chế những tác động tiêu cực, sự ganh đua thái quá, lối sống thực dụng, ích kỉ, hẹp hòi ở một bộ phận SV.

Đồng thời qua hoạt động giúp SVSP có cuộc sống vật chất tinh thần tươi vui, lạc quan, yêu đời, từng bước hình thành niềm tin cho SV, để SV nhận thức đúng các chuẩn mực ĐĐNN, thay đổi những nhận thức không đúng. Bồi dưỡng cho SV lối sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức, sự hợp tác gắn bó, sự trưởng thành và tiến bộ của bản thân trong giai đoạn mới.

**b. Nội dung biện pháp**

- Tổ chức ngày lễ ngày hội sẽ đem lại cho SV những niềm vui, những ấn tượng đẹp, đồng thời là phương tiện giáo dục mạnh mẽ về mọi mặt cho SV. Đó là những hoạt động có liên quan đến những dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn, các mốc thời gian quan trọng, các sự kiện chính trị xã hội được quan tâm.

- Ngày hội, ngày lễ trước hết góp phần mở rộng sự hiểu biết cho SV về ý nghĩa của những ngày hội, ngày lễ đó. Những ngày hội, ngày lễ được tổ chức vui tươi sẽ mang lại những cảm giác mới lạ mà những ấn tượng về ngày hội, ngày lễ đôi khi để lại dấu ấn suốt đời.

- Thôngqua các ngày lễ, ngày hội giúp SV định hướng chính trị - xã hội, có hứng thú, niềm say mê tìm tòi và sáng tạo các nội dung, hình thức hoạt động thích hợp.

- Việc tổ chức ngày hội, ngày lễ còn có vai trò quan trọng trong việc giáo dục những phẩm chất đạo đức cho SV, nâng cao tình cảm đạo đức của SV đối với quê hương đất nước, với con người, với lao động. Khi SV tham gia vào những công việc chuẩn bị cho ngày hội, ngày lễ sẽ là điều kiện giúp họ mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp.

- Các nội dung hoạt động này vừa bao hàm những giá trị truyền thống, đồng thời cả những giá trị hiện đại, cập nhật. Điều đó phản ánh sự gắn kết giữa cái đã có và cái đang có, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cũ và mới.

Nếu biết thường xuyên tổ chức các hoạt động cho SV sẽ có tác dụng giáo dục rất lớn về ý thức, trách nhiệm công dân. Do đặc thù mà mỗi loại hình hoạt động có những yêu cầu về nội dung cũng như cách thức tổ chức khác nhau, chính vì thế SV có thể tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau.

**c. Tổ chức thực hiện:**

*Bước 1:Chuẩn bị*

- Xây dựng kế hoạch tổ chức khoa học, hợp lí phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của SVSP.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong nhà trường sư phạm, có sự tham gia của nhiều tổ chức xã hội.

- Dự kiến các công việc, phân công lực lượng tham gia, dự kiến các tình huống nảy sinh cũng như cách giải quyết sao cho phù hợp với đặc điểm SV.

*Bước 2: Xây dựng nội dung hoạt động*

Trong số những ngày lễ, hội thì ngày hiến chương nhà giáo (20/11) là quan trọng nhất. Qua việc phỏng vấn một số SVSP năm thứ nhất ( sau khi dự lễ kỉ niệm ngày 20/11), các em đều có chung một cảm nhận: Rất tự hào về nghề dạy học, tự hứa với mình sẽ cố gắng phấn đấu để trở thành người giáo viên.

Khi được hỏi lí do vào trường sư phạm, số đông SV cho rằng trước đây đã nhìn nhận chưa công bằng, chưa đúng đắn vì cho rằng do bố mẹ áp đặt,

hoặc vì hoàn cảnh gia đình, hoặc do không đỗ các trường khác nên đành vào sư phạm, nhưng sau thời gian học ở trường các em bày tỏ mong muốn được trở thành người giáo viên. Với tính chất độc đáo của ngày 20/11 ( tôn vinh các thầy cô giáo) như vậy, các trường sư phạm thường rất chú trọng tổ chức ngày này một cách trọng thể.

Bên cạnh đó còn tổ chức rất nhiều những ngày hội, ngày lễ quan trọng, ý nghĩa như ngày 8-3, "Ngày hội của bà, của mẹ" sẽ gợi cho SV những xúc cảm, tình cảm đẹp đẽ, thắm thiết với bà, với mẹ.

Do đó chúng ta có thể xem các hoạt động tổ chức các ngày lễ, hội cũng là biện pháp quan trọng nhằm GDĐĐNN cho SVSP.

*Bước 3: Đánh giá kết quả hoạt động*

- Xem xét lại những việc đã làm được và rút ra bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo. Cần đánh giá về ý thức, thái độ, hành vi đối với hoạt động mang tính tập thể.

- Kết quả đánh giá góp phần động viên SV, kích thích họ phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống hàng ngày.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Cần động viên, khuyến khích SV tham gia hoạt động để họ nhận thức được vai trò chủ thể.

- Giáo viên phải có những biện pháp tích cực nhằm thu hút SV tham gia vào những ngày lễ, ngày hội, đồng thời cùng tham gia với SV vừa là để hiểu biết thêm SV của mình, vừa tạo mối quan hệ thân tình giữa thầy và trò.

- Cần chú ý cân đối thời gian của các hoạt động để chủ động trong quá trình tổ chức

- Việc tổ chức ngày hội, ngày lễ phải đúng theo mục đích, ý nghĩa giáo dục thiết thực của nó, tránh bệnh thành tích trong các hoạt động. Không quá cầu kì hoặc phô trương trong việc tổ chức, tránh gây tốn kém tiền bạc mà không có tác dụng giáo dục.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức những ngày lễ hội để lôi cuốn tất cả SV tham gia với tinh thần nhiệt tình và hào hứng nhất.

**Nhóm biện pháp tác động vào thái độ, niềm tin.**

***3.2.3. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để bồi dưỡng thái độ, niềm tin đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên***

**a. Mục đích**

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giúp SV có được những nhận thức, kĩ năng, kĩ xảo cần thiết cho lao động sư phạm, trên cơ sở đó hình thành những phẩm chất ĐĐNN cần thiết: yêu nghề, yêu trẻ, lòng nhân ái, bao dung và các phẩm chất ý chí khác.

RLNVSP được xem là chiếc cầu nối liền giữa lí luận với thực tiễn, góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển năng lực sư phạm của sinh viên, một yếu tố không thể thiếu để tạo ra sự thành công trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của người thầy giáo. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một trong những biện pháp cơ bản nhằm GDĐĐNN cho SVSP.

**b. Nội dung biện pháp**

Trường CĐSP có chức năng " dạy chữ, dạy nghề, dạy người", như vậy đào tạo nghề là một trong ba chức năng không thể thiếu nhằm khẳng định sự tồn tại của trường CĐSP. Đối với sinh viên, thực hiện RLNVSP vừa là mục đích, vừa là nội dung, vừa là phương tiện của quá trình học tập, rèn luyện trong thời gian đào tạo ở trường CĐSP.

Xây dựng nội dung kế hoạch RLNVSP cụ thể, rõ ràng, đặc biệt là vấn đề kiến tập, thực tập sư phạm cần có sự linh hoạt, phù hợp với thực tiễn giáo dục địa phương, thời gian dành cho RLNVSP hợp lí hơn.

Sinh viên phải có tinh thần, ý thức tự giác, chủ động tìm kiếm các hoạt động hàm chứa nội dung RLNVSP để từng bước gia tăng hành trang nghề nghiệp của mình. Muốn có được điều đó, sinh viên phải biến được các yêu cầu khách quan của nhiệm vụ rèn luyện được giao thành nhu cầu thiết yếu của chính bản thân. Bởi lẽ nhu cầu là động lực đầu tiên thúc đẩy hành động của con người.

**c. Tổ chức thực hiện**

*Bước 1: Chuẩn bị*

- Xây dựng qui trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho cả khoá học và năm học để chủ động trong khâu quản lý và tổ chức, đa dạng hoá các hình

thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tạo ra nhiều hình thức mới để lôi cuốn các em tham gia với tinh thần cao nhất.

- Trong từng chương, từng phần cần thiết kế bài tập thực hành phù hợp, ưu tiên bài tập xử lí tình huống sư phạm. Thực hành xây dựng, chuẩn bị bài giảng, giảng tập là những hình thức dạy học rất quan trọng trong rèn luyện kĩ năng sư phạm cho sinh viên. Thông qua đó để sinh viên tập dượt, tiến tới hoàn thiện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp chuẩn bị tâm thế bước vào thực hiện lao động nghề nghiệp.

*Bước 2: Tiến hành hoạt động RLNVSP.*

+ Tổ chức Câu lạc bộ sư phạm, tăng cường rèn luyện một số kĩ năng nghề nghiệp cho SV: kĩ năng viết chữ đẹp, kĩ năng nói, kĩ năng ứng xử sư phạm, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng soạn giáo án, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học trên lớp, kĩ năng sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học,... dưới sự hướng dẫn của những giáo viên trong bộ môn Tâm lí - Giáo dục, CLB sinh hoạt định kì 3 buổi/ một tuần với các nội dung phong phú, hấp dẫn.

+ Ngoài ra, CLB còn mời những giáo viên dạy giỏi ở trường phổ thông, cùng thiết kế giáo án, xây dựng, thực hiện những giờ lên lớp phổ thông ngay tại giảng đường để làm mẫu cho sinh viên học tập.

+ Mở rộng các hình thức tổ chức Hội thi rèn NVSP để tạo cơ hội cho tất cả SV được tham gia và trải nghiệm.

+ Đa dạng các hình thức tổ chức hội thi có ý nghĩa nhằm góp phần rèn NVSP, giúp SV phát triển hứng thú nghề nghiệp, mở rộng hiểu biết về nghề, như các hội thi tìm hiểu về Văn hóa sư phạm, hội thi nét đẹp giáo sinh sư phạm, thi hùng biện về nghề dạy học, hội thi viết bảng, hội thi soạn giáo án điện tử, hội thi kể chuyện, hội thi xử lý tình huống sư phạm, thi viết tìm hiểu về nghề dạy học, viết về tấm gương người thầy, viết về lý tưởng nghề nghiệp, các sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy, thi sáng tạo phương tiện, phương pháp dạy học, thi tìm hiểu về giáo dục phổ thông,... vào tháng 11 hàng năm.

+ Phối hợp với tổ chức Đoàn, Hội SV mở các lớp rèn kĩ năng cho SV như: Lớp luyện viết chữ đẹp, lớp rèn kĩ năng nói, lớp giáo dục kĩ năng thuyết trình, kĩ năng hợp tác,...

+ Kết hợp với bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Ban chủ nhiệm các khoa, các giảng viên bộ môn,... tổ chức các hội thi rèn NVSP cho SV với các hình thức: Thi giữa các Khoa, giữa các lớp, hay thi giữa các SV trong lớp.

Việc tổ chức các hoạt động rèn luyện NVSP nói trên tạo điều kiện cho sinh viên có thể biến hệ thống tri thức đã học thành những kỹ năng sư phạm, kết hợp thường xuyên, kịp thời lí luận với thực tế, học đi đôi với hành trong quá trình đào tạo. Qua đó các em cũng được tập dượt những thao tác, kỹ năng cơ bản của các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông. Có thể nói rằng đây là giai đoạn đầu, là bước đệm rất quan trọng cho quá trình kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm ở trường phổ thông. Càng rèn luyện nghiệp vụ tốt bao nhiêu, thì "tay nghề" của giáo viên tương lai sẽ tốt bấy nhiêu, mặc dù việc học để phát triển năng lực nghề gắn bó suốt đời với người giáo viên, từ đào tạo ban đầu ở trường sư phạm đến tự bồi dưỡng tại trường làm việc sau này. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần một đội ngũ các bộ giảng dạy phương pháp có chuyên môn sâu, có trình độ, kỹ năng NVSP tinh thông, vững vàng để có thể đảm nhận việc rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên.

*Bước 3: Đánh giá hiệu quả của hoạt động RLNVSP.*

- SV cho rằng hoạt động RLNVSP là vô cùng quan trọng để giúp họ trưởng thành hơn với nghề nghiệp sau này. SV rất tự hào về nghề dạy học, họ cũng xác định rất rõ những khó khăn, vất vả của nghề để từ đó cố gắng phấn đấu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

Nhờ hoạt động RLNVSP mà sinh viên đã có được những bài học, những kinh nghiệm quí báu trong chặng đường nghề nghiệp tiếp theo của mình.

- Việc tổ chức các hoạt động rèn luyện NVSP nói trên giúp sinh viên có thể biến hệ thống tri thức đã học thành những kỹ năng sư phạm, kết hợp thường xuyên, kịp thời lí luận với thực tế, học đi đôi với hành trong quá trình đào tạo. Qua đó các em cũng được tập dượt những thao tác, kỹ năng cơ bản của các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông. Có thể nói rằng đây là giai đoạn đầu, là bước đệm rất quan trọng cho quá trình kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm ở trường phổ thông.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo nhà trường với các GV bộ môn, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để RLNVSP cho SV.

- Nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất và thời gian nhiều hơn nữa cho sinh viên như: thư viện nên bổ sung thêm sách về nghiệp vụ sư phạm, các khoa sắp xếp thời khóa biểu phải khoa học, hợp lý hơn để dần đưa sinh viên vào nề nếp học tập

- Nhanh chóng thành lập trường thực hành bên trong các trường sư phạm vì đây là nơi tốt nhất để SV rèn nghề, lựa chọn các trường thực hành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của trường sư phạm. GV tham gia giảng dạy môn Rèn luyện NVSP thường xuyên sáng tạo trong các thiết kế bài dạy, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động cho SV.

- SV tích cực, chủ động tạo ra thói quen và hứng thú trong rèn luyện NVSP thường xuyên, sẵn sàng và có kĩ năng nhất định tham gia vào hoạt động nghề sau này.

- Trong thời gian kiến tập yêu cầu sinh viên phải thực hiện nghiêm túc các khâu: dự giờ, soạn giáo án, tập giảng, lên lớp để rèn luyện tính kỉ luật, tính tổ chức. Đây là điều kiện thuận lợi để củng cố, rèn luyện kĩ năng, phong cách sư phạm cho sinh viên.

- Lôi cuốn tất cả SVSP tham gia một cách tích cực, tránh bệnh hình thức và thành tích trong việc tổ chức rèn luyện NVSP, với sự tham gia của nhiều giáo viên có kinh nghiệm lâu năm về phương pháp giảng dạy.

- Bên cạnh đó, sinh viên phải nắm vững kiến thức tâm lí học, giáo dục học, phương pháp giảng dạy chuyên ngành. Bản thân sinh viên phải tự tổ chức luyện tập các kỹ năng sư phạm một cách tích cực hơn, đặc biệt là kỹ năng dạy học và giáo dục.

***3.2.4. Nêu gương sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gương sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo***

**a. Mục đích**

Nghề dạy học là nghề lấy nhân cách để giáo dục nhân cách, vì thế để hoàn thành tốt trọng trách của mình, người giáo viên phải trau dồi phẩm chất,

năng lực để đáp ứng được sự kì vọng của xã hội, là tấm gương sáng để sinh viên noi theo. Phải có những người thầy tốt mới có những học sinh tốt. Nghề dạy học vừa là một vinh dự nhưng cũng là một nhiệm vụ nặng nề đầy khó khăn, vất vả đòi hỏi người giáo viên phải luôn nỗ lực, cố gắng để vượt qua.

**b. Nội dung biện pháp**

Nêu gương là thông qua những tấm gương của thầy cô giáo, bằng chính sự gương mẫu của nhà giáo dục để kích thích tính tích cực hoạt động tu dưỡng, rèn luyện của đối tượng giáo dục, động viên khuyến khích họ phấn đấu làm theo những tấm gương đó.

Khi vận dụng biện pháp nêu gương cho SV cần căn cứ vào mục tiêu, nội dung giáo dục mà lựa chọn những tấm gương thật điển hình. Bản thân nhà giáo dục phải là những tấm gương sáng về đạo đức tác phong, về lối sống để SV học tập. Thực tế cho thấy nhiều giảng viên nhờ có quá trình rèn luyện, phấn đấu, mẫu mực trong lối sống đã hình thành được cho bản thân uy tín sư phạm đích thực. Và nhờ có uy tín đó mà họ thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục đạt hiệu quả cao. Trong ánh mắt SVSP họ trở thành biểu tượng của ý chí vươn lên, là hình ảnh mẫu mực có tính chất lý tưởng mà họ kính trọng và noi theo.

Biện pháp nêu gương nhằm hình thành ý thức cho cá nhân sinh viên, giúp các em có những hiểu biết cần thiết về chuẩn mực xã hội, những qui tắc, những giá trị đạo đức, qua đó hình thành tình cảm, niềm tin và động cơ tự giáo dục hoàn thiện bản thân. Con người chỉ có thể hành động đúng khi có nhận thức và tình cảm đúng. Biện pháp này là phương tiện quan trọng nhất giúp cá nhân SV có nhận thức và thái độ đúng.

**c. Tổ chức thực hiện**

*Bước 1: Chuẩn bị*

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các khoa phối hợp với các phòng chức năng để xây dựng kế hoạch, nhân rộng các điển hình, các tấm gương của thầy cô giáo theo chuẩn mực của nhà trường.

- Thống nhất về tiêu chí, hình thức kiểm tra đánh giá, xếp loại đạo đức

*Bước 2: Tổ chức nhân rộng các tấm gương thầy cô giáo điển hình để SV noi theo*

- Những tấm gương điển hình cần nhân rộng trong toàn trường, phải gắn với người thực việc thực, là những giảng viên cụ thể. Các tấm gương thầy cô giáo có thể được đánh giá thông qua các hoạt động như: Hoạt động giảng dạy trên lớp, qua phiếu phản hồi của người học, đánh giá của tập thể sư phạm…

- Nhà trường, các khoa, phòng cần truyền thông làm rõ vai trò, ý nghĩa của việc nhân rộng các tấm gương điển hình của thầy cô giáo để có thể xây dựng được môi trường văn hóa cho SV. Khuyến khích giảng viên nêu gương tốt trong thực hiện các hành vi đạo đức.

- Khen thưởng, động viên những tấm gương tiêu biểu sau mỗi đợt thi đua, sau mỗi hoạt động, mỗi học kì và năm học.

*Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm về việc nhân rộng các tấm gương điển hình*

- Đánh giá hiệu quả của việc nhân rộng các tấm gương điển hình trong giáo viên.

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các giáo viên, các lực lượng trong nhà trường.

- Đưa ra những dự kiến, định hướng mới cho các giai đoạn tiếp theo.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, đang làm xáo trộn rất nhiều vấn đề trong xã hội, người giáo viên phải có "bản lĩnh sư phạm". Đặc biệt, người giảng viên sư phạm là "thầy giáo của thầy giáo", do đó ảnh hưởng nhân cách của họ đến SVSP và thế hệ trẻ rất lớn, đòi hỏi họ phải tự rèn luyện để không ngừng nâng cao năng lực giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thế hệ trẻ.

- Người giáo viên phải có lòng yêu người, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với sự phát triển nhân cách của của sinh viên. Phải có lòng nhân ái, có nhận thức, thái độ, hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội, kế thừa và

phát huy được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xứng đáng là tấm gương sáng trong nhiều hoạt động.

- Người giáo viên phải gương mẫu, chuẩn mực từ lời ăn tiếng nói, lối sống, thế giới quan, các phẩm chất NN đến điều đơn giản nhất như đầu tóc, trang phục khi lên lớp để có thể xây dựng uy tín của mình trước SV.

- Có nghệ thuật sư phạm cao, giải quyết các tình huống sư phạm bằng tri thức khoa học. Có khả năng tự kiềm chế, công bằng, vô tư, khách quan, biết giữ lời hứa, tôn trọng mọi người và SV.

- Có năng lực tích lũy tri thức, người giáo viên phải là cuốn: "từ điển sống" để giúp đỡ sinh viên, đồng thời phải khiêm tốn, cầu thị, luôn học tập bồi dưỡng để tự hoàn thiện mình, nâng cao năng lực công tác.

**Nhóm biện pháp tác động vào hành vi, thói quen**

***3.2.5. Tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để rèn luyện các hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở trường cao đẳng sư phạm***

**a. Mục đích**

- Giá trị đạo đức, nhân cách của con người không chỉ nằm trong nhận thức, thái độ mà còn được biểu hiện thông qua hành vi cụ thể. Chính hành vi là thước đo đạo đức của con người. Điều đó có nghĩa là, những phẩm chất, những nét tính cách của mỗi người suy cho cùng phải được thể hiện bằng hành vi, thói quen. Bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu, vì thế biện pháp giáo dục tốt nhất là đưa sinh viên vào các hoạt động để tập dượt, để rèn luyện các hành vi tương ứng thành thói quen, thành những nét phẩm chất của nhân cách.

- Việc tổ chức các hoạt động giáo dục có ý nghĩa quan trọng với sự hình thành phát triển đạo đức nghề nghiệp cho SVSP. Thông qua việc tổ chức các hoạt động để giáo viên giao những công việc cụ thể, phù hợp cho từng cá nhân rèn luyện. Trong quá trình thực hiện công việc được giao sinh viên sẽ tự mình tích lũy những kinh nghiệm ứng xử xã hội.

**b. Nội dung biện pháp**

- Rèn luyện chính là đưa sinh viên vào cuộc sống xã hội, gắn liền cuộc sống của SV với cuộc sống xã hội, từ đó sinh viên trưởng thành theo yêu

cầu của xã hội. Con người càng được rèn luyện nhiều càng có điều kiện trưởng thành nhanh. Rèn luyện là phương thuốc hữu hiệu để nâng cao bản lĩnh cá nhân.

- Cần phải thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế học tập trong nhà trường: đi học đúng giờ, không bỏ giờ, bỏ tiết, trang phục quần áo gọn gàng, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, học liệu theo yêu cầu của giảng viên và của môn học. Chấp hành kỉ luật học tập trong giờ học như nghiêm túc chú ý nghe giảng, không làm việc riêng, tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp do giáo viên tổ chức, lập kế hoạch học tập cá nhân, đăng kí học phần đúng hạn, đúng quy định

- Rèn luyện cho sinh viên các phẩm chất đạo đức nhà giáo như (công bằng, khách quan, thương yêu học sinh…).

- Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp khi sinh viên giao tiếp với giảng viên, với bạn học trong quá trình học tập như: sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, trong cuộc sống, luôn lắng nghe, tôn trọng, cầu thị, học hỏi.

- Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong học tập, trong quan hệ ứng xử với chính bản thân người học như: trung thực, thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng, cố gắng vươn lên trong học tập, tự phê bình để tiến bộ

- Rèn luyện ĐĐNN trong quan hệ ứng xử với môi trường học tập như giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, phương tiện phục vụ học tập, giữ gìn môi trường học tập xanh - sạch - đẹp.

**c. Tổ chức thực hiện**

*Bước 1: Lựa chọn và xây dựng kế hoạch cho hoạt động giáo dục.*

- Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo phòng quản lí sinh viên, phòng đào tạo, lãnh đạo các khoa, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thực hiện việc lập kế hoạch để tổ chức rèn luyện hành vi đạo đức nghề nghiệp phù hợp cho SV khoa mình.

- Trong kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, sinh viên phải thể hiện được mục đích, thời gian, địa điểm, thành phần, hình thức và nội dung tổ chức hoạt động giáo dục.

- Tư vấn cho sinh viên về các nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục.

- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị cơ sở vật chất, đồ dùng, phương tiện để tiến hành. Việc hướng dẫn cần cụ thể, phù hợp với chủ đề, nội dung và hình thức thể hiện trong đó mở rộng vốn sống, hiểu biết và khả năng cập nhật của sinh viên, gắn liền giữa việc học trên lớp và ngoài giờ lên lớp.

*Bước 2: Triển khai cho SV tổ chức các hoạt động theo kế hoạch*

- Hướng dẫn sinh viên tổ chức hoạt động giáo dục là một trong những con đường hình thành kĩ năng nghề nghiệp và mang lại hiệu quả thiết thực. Tùy theo mục đích, nội dung hoạt động có thể tổ chức dưới các hình thức sau:

- Tổ chức cho sinh viên học tập các môn khoa học cơ bản để nâng cao nhận thức chung, trong đó đẩy mạnh việc: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", chú trọng giáo dục giá trị đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên như: giáo dục truyền thống của trường, của khoa, các ngày lễ lớn của dân tộc, địa phương, toạ đàm thảo luận với những giáo viên lâu năm, có nhiều thành tích đóng góp cho trường, cho khoa.

- Tổ chức cho sinh viên học tập chính trị, nội qui, qui chế của trường, nhất là đối tượng sinh viên năm thứ nhất mới vào trường.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội qui, nề nếp do nhà trường, khoa đề ra.

- Việc tổ chức tốt các bộ môn khoa học chuyên ngành hay cơ bản là việc cung cấp tri thức gắn với nội dung giáo dục đạo đức.

- Tổ chức nghe báo cáo tình hình thời sự, chính trị một năm từ 3- 4 lần.

- Tổ chức học tập Nghị quyết của Đảng.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu truyền thống lịch sử của địa phương, của dân tộc, của nhà trường.

***Ví dụ: Thi tìm hiểu về truyền thống của nhà trường***

- *Mục đích:*

+ Hoạt động này giúp sinh viên củng cố, khắc sâu nhận thức về truyền thống tốt đẹp của trường, những tấm gương dạy tốt của thầy cô giáo và gương học tập tốt của sinh viên.

+ Phấn khởi tự hào và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó.

- *Nội dung và hình thức của hoạt động*

+ Ý nghĩa của tên trường

+ Những truyền thống tốt đẹp của nhà trường

+ Bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường

+ Những tấm gương học tập tốt của trường, lớp mà bạn mến phục

- *Hình thức thi:* + Thi hỏi - đáp kể về truyền thống của trường

+ Thi đố vui và văn nghệ

- Cần phải hướng dẫn sinh viên chuẩn bị về nội dung cho các hoạt động như: sưu tầm, kể chuyện tấm gương nhà giáo qua các thời kì lịch sử, viết câu chuyện giáo dục, trình bày ý tưởng mới trong dạy học và giáo dục học sinh.

- Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống, nói chuyện ngoại khóa về nghề sư phạm, về đạo đức nhà giáo.

- Bằng sinh hoạt chuyên đề giáo dục gia đình, dân số nhằm giáo dục lòng nhân ái, tình yêu gia đình, yêu thương đồng loại cho sinh viên sư phạm.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa với sự đa dạng về hình thức gắn với nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhằm mục đích tạo "sân chơi" lành mạnh, bổ ích cho sinh viên khi tham gia các hoạt động này, SV được tự do đóng góp ý kiến tranh luận, thảo luận dưới nhiều góc độ khác nhau. Qua đó giúp SV mở mang trí tuệ, phát triển thể chất, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên giao tiếp, hình thành, bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất chân thành, cởi mở, hòa nhã, khiêm tốn, lịch sự với mọi người. Đồng thời SV hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực hòa nhập với cộng đồng, giúp phong phú tâm hồn và đời sống tình cảm.

***Ví dụ: Sinh hoạt văn nghệ: ''Hát về thầy cô và mái trường"***

- *Mục đích:*

+ Hiểu thêm nội dung, ý nghĩa các bài hát về thầy cô giáo và nhà trường

+ Giáo dục thái độ, tình cảm yêu quí, biết ơn thầy cô

+ Rèn luyện kĩ năng, phong cách biểu diễn văn nghệ

- *Nội dung và hình thức hoạt động:*

+ Đọc thơ, kể chuyện, hát, đóng tiểu phẩm có nội dung ca ngợi thầy cô, tình cảm thầy trò.

+ Tổ chức giao lưu văn nghệ, biểu diễn cá nhân hoặc tập thể

+ Mời các thầy cô cùng tham gia

- Hoạt động tọa đàm, thảo luận giúp SVSP trình bày vấn đề một cách logic, mạch lạc, tự tin, là nền tảng cho công việc của người giáo viên tương lai. Từ việc tham gia các hoạt động, sinh viên có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, vị trí của đạo đức nghề nghiệp.

- Bên cạnh đó phải lôi cuốn sinh viên tham gia ở nhiều phạm vi: theo đơn vị lớp, theo khóa đào tạo, theo từng chuyên ngành đào tạo, khoa đào tạo. Chú trọng nội dung xử lí tình huống sư phạm, bởi ở đó sinh viên vừa thể hiện năng lực sư phạm vừa thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của mình.

- Tổ chức cho SV rèn luyện ĐĐNN theo chuẩn mực đạo đức thông qua giải quyết các bài tập tình huống giả định: tình huống lý thuyết, tình huống sắm vai. Thông qua giải quyết tình huống, người học hình thành các mẫu hành vi, cách ứng xử tương ứng với yêu cầu các chuẩn mực đạo đức đề ra. Mô hình rèn luyện này có ý nghĩa đặc biệt với việc luyện tập và phát triển hành vi ĐĐNN như: hành vi chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, hành vi trong giao tiếp ứng xử với giáo viên.

*Bước 3: Đánh giá sau hoạt động.*

Sau mỗi hoạt động nhà giáo dục cần tiến hành đánh giá đến cả ba mặt: nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên. Qua các hoạt động sinh viên sư phạm có thể hình thành được những nét tích cực như: tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc, học tập và lao động, ý thức lập thân, lập nghiệp, ý thức phê bình và tự phê bình.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Các lực lượng giáo dục trong nhà trường cần có sự phối hợp, thống nhất chặt chẽ với nhau về mục tiêu, nội dung, hình thức... cần đa dạng về hình thức tổ chức như trong phạm vi lớp học, ngành học, khoa đào tạo, toàn trường.

- Nhà trường cần tuyên truyền phổ biến rộng rãi đến toàn thể học sinh, sinh viên, tạo sức lan tỏa nhằm thu hút đông đảo sinh viên tham gia vào các hoạt động.

- Nhà trường cần định hướng cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thành lập câu lạc bộ chuyên ngành, gia sư, văn hóa nghệ thuật....

- Trong các cuộc thi, các hoạt động cần phải có sự gương mẫu, đi đầu của đội ngũ giáo viên, có sự tổ chức chu đáo chặt chẽ, công tác tuyên truyền tốt tạo sức lan tỏa sâu rộng đến mọi học sinh, sinh viên.

- Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất về nhân lực, tài lực, vật lực cho quá trình tổ chức các hoạt động.

***3.2.6. Phát huy vai trò tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân trong suốt quá trình đào tạo tại trường sư phạm***

**a. Mục đích**

Giáo dục đạo đức phải làm chuyển biến về mọi mặt, giúp họ biến quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân. Việc tự rèn luyện, trải nghiệm là sự thể hiện một trình độ cao về đạo đức của sinh viên sư phạm, nó phát huy tính tự giác cao ở người học trong việc tìm kiếm chân lý và loại bỏ những động cơ cá nhân không phù hợp với chẩn mực của nhà giáo. Nó giúp cho sinh viên vững vàng, tự tin điều khiển và điều chỉnh ý thức, hành vi của mình trong hoạt động thực tiễn để phát triển ĐĐNN của cá nhân. Vì thế có thể nhận thấy rằng tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân là con đường quan trọng nhất để hình thành những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp bền vững, sâu sắc.

**b. Nội dung biện pháp**

- Thực tế cho thấy những sinh viên sư phạm có ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm thường có kết quả học tập cao hơn, sau này khi tham gia vào giảng dạy sẽ có bước trưởng thành nhanh chóng hơn.

- Tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm của SVSP sẽ không thể diễn ra nếu người học không tham gia vào các hoạt động giáo dục. Vì vậy thông qua quá trình dạy học, quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục: hội thảo khoa học, diễn đàn, tổ chức các phong trào thi đua, các buổi giao lưu... nhà giáo dục cần bồi dưỡng cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự giáo dục: bản chất, quy luật, vai trò, phương pháp tự giáo dục... những cách thức, con đường để tự giáo dục có kết quả cao.

Các thầy cô giáo tác động vào quá trình tự giáo dục của sinh viên bằng chính các hoạt động kiểm tra, đôn đốc, nhằm kịp thời biểu dương những tiến bộ, trưởng thành của sinh viên, nhất là những sinh viên luôn tích cực, tự giác rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

**c. Tổ chức thực hiện**

*Bước 1: Xây dựng kế hoạch tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV.*

- Giúp sinh viên lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tự giáo dục ĐĐNN có hiệu quả nhất. Kết quả tự giáo dục phụ thuộc nhiều vào việc sinh viên tìm ra con đường, cách thức, biện pháp tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

Một số phương pháp, kĩ năng tự giáo dục cần được bồi dưỡng cho sinh viên như: tự thuyết phục, tự phê bình, tự rèn luyện và kinh nghiệm vận dụng vào trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Bồi dưỡng những kĩ năng đó cho sinh viên được thực hiện thông qua quá trình học tập, giáo dục tại nhà trường. Quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của bản thân cần bám sát sự chỉ đạo của nhà giáo dục, luôn xác định tâm thế vững vàng và sẵn sàng vượt qua những khó khăn thử thách.

- Cần xây dựng cho sinh viên thế giới quan khoa học, niềm tin cộng sản chủ nghĩa, sự nỗ lực, ý chí, lòng kiên định... làm điểm tựa vững chắc cho tự giáo dục, tự rèn luyện của sinh viên diễn ra và đạt kết quả cao.

- Hướng dẫn cho sinh viên cách thức, biện pháp tổ chức các hoạt động đó nhằm vận dụng, phát huy kết quả của hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện và bồi dưỡng ĐĐNN cho bản thân.

*Bước 2: Thực hiện việc tự giáo dục, tự rèn luyện, trải nghiệm ĐĐNN.*

- Các hoạt động giáo dục cần tổ chức theo hướng nâng dần yêu cầu cao trong điều kiện, hoàn cảnh khác nhau và đòi hỏi sinh viên phải tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm ĐĐNN của bản thân ở mọi nơi, trong mọi lúc.

- Có thể áp dụng biện pháp trải nghiệm qua hoạt động rèn luyện NVSP cho sinh viên, cụ thể chúng tôi áp dụng cho SV thông qua kĩ năng trình bày bảng.

Quy trình dạy học qua trải nghiệm gồm 5 bước khép kín:

**Bước 1: Trải nghiệm**

- GV điều hành lớp;
- SV thực hành các kĩ năng (cơ sở phát sinh các dữ kiện để phân tích).

**Bước 2: Chia sẻ**

- GV hỏi SV về cảm giác, phản ứng của họ;
- SV chia sẻ về những điều quan sát, cảm nhận được qua phần thực hành của mình hay của bạn.

**Bước 3: Phân tích**

SV cùng thảo luận, phân tích cả quá trình trải nghiệm (Cần thực hiện những gì? Thực hiện như thế nào? Cái nào được? Cái nào chưa được? Nguyên nhân và giải pháp…)

**Bước 4: Khái quát hóaí**

SV đúc kết kinh nghiệm sau quá trình trải nghiệm (Nội dung, phương pháp, phương tiện, cách thức tổ chức hoạt động, cách trình bày…) và tự rút ra bài học.

**Bước 5: Áp dụng**

SV áp dụng những kinh nghiệm thu nạp được qua quá trình trải nghiệm vào thực tiễn học tập mới.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Để rèn luyện ĐĐNN một cách vững chắc thông qua tự giáo dục, đòi hỏi mỗi sinh viên phải có kỹ năng tự giáo dục, tự rèn luyện bản thân.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo, tự lập, tự chủ của sinh viên vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc giáo dục. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đang đòi hỏi phải đào tạo cho được một thế hệ yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức trách nhiệm công dân cao thì việc phát huy tính năng động, sáng tạo trong học tập, rèn luyện ở sinh viên là một nguyên tắc cần được quán triệt trong mọi hoạt động.

- Để tự giáo dục, rèn luyện ĐĐNN, trải nghiệm của sinh viên có hiệu quả, nhà giáo dục cần có quan điểm khách quan, toàn diện, trung thực, thẳng thắn trong khắc phục những sai lầm, khuyết điểm của sinh viên. Phải giúp họ ý thức rõ mục tiêu, yêu cầu đào tạo, ý thức yêu cầu, sự cần thiết phải có và nội dung các chuẩn mực ĐĐNN của người giáo viên, lấy đó làm chuẩn mực để đánh giá, so sánh và phấn đấu rèn luyện bản thân.

- Tập thể sư phạm quan tâm, coi trọng phát triển ĐĐNN, cần đầu tư trí tuệ và kinh phí cho hoạt động trải nghiệm này.

- Sinh viên hiểu được ý nghĩa, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm ĐĐNN mà nhà trường, khoa, Đoàn TN, Hội SV phát động.

- Mỗi giáo viên phải xác định mục đích phấn đấu rõ ràng, xây dựng động cơ tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN đúng đắn, có quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện mục tiêu đã xác định. Sinh viên phải xây dụng cho mình kế hoạch tự rèn luyện bản thân, tập trung vào rèn luyện những chuẩn mực ĐĐNN của người giáo viên.

- Cần phát huy tính tích cực rèn luyện của sinh viên, tạo nên sự thuần thục trong thói quen, hành vi của họ, đồng thời qua đó tiếp tục củng cố nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, ý chí cho người học, giúp họ tự tin hơn vào khả năng phấn đấu để trở thành người giáo viên tương lai.

- Để tích cực hóa hoạt động giáo dục của sinh viên, thầy cô giáo cần đề cao vai trò của người học, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho quá trình tự giáo dục của sinh viên tạo ra sự phối hợp thống nhất giữa các lực lượng giáo dục trong thực hiện mục tiêu đào tạo đã xác định.

- Thường xuyên xây dựng ý chí quyết tâm cho quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của sinh viên sư phạm.

- Nhà giáo dục cần tin tưởng vào khả năng tự bồi dưỡng, tự giáo dục của mỗi sinh viên trong quá trình phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mục tiêu, yêu cầu đào tạo.

- Tích cực, chủ động tự quán triệt mục tiêu, yêu cầu đào tạo, xác định cho mình kế hoạch tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN một cách tích cực, thường xuyên liên tục.

**Nhóm biện pháp bổ trợ**

***3.2.7. Xây dựng một số hoạt động tư vấn về nghề dạy học cho sinh viên tại các trường cao đẳng sư phạm***

**a. Mục đích**

- Giúp SV CĐSP nâng cao nhận thức, hiểu biết về nghề dạy học, tìm hiểu các đặc điểm và yêu cầu của xã hội đối với nghề dạy học

- Giúp SV tháo gỡ những khó khăn, vượt qua những rào cản tâm lý trong quá trình học nghề từ đó nâng cao hứng thú nghề nghiệp, rèn luyện các phẩm chất đạo đức người giáo viên.

**b. Nội dung biện pháp**

- Nội dung tư vấn về nghề cho SV đa dạng, liên quan đến toàn bộ cuộc sống học tập và rèn luyện nghề nghiệp của SV.

- Tư vấn cho SV về những khó khăn khi học tập trên lớp ở trường CĐSP, khó khăn trong các mối quan hệ giao tiếp ảnh hưởng đến quá trình học nghề.

- Tư vấn cho SV về những khó khăn trong việc rèn luyện các kĩ năng nghề dạy học như kĩ năng nói, kĩ năng nghe, kĩ năng viết, kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm, kĩ năng thiết kế các hoạt động sư phạm,...

- Cung cấp những hiểu biết, thông tin về nghề dạy học và một số ngành nghề khác cho SV.

**c. Tổ chức thực hiện.**

*Bước 1: Chuẩn bị*

- Lên kế hoạch cho các hoạt động tư vấn.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị
- Thành lập tổ tư vấn nghề.

- Xác định chức năng của hoạt động tư vấn
- Cung cấp thông tin về nghề cho SV.
- Chia sẻ, đồng cảm với SV.

*Bước 2: Tổ chức*

- Tư vấn cho SV trước và trong quá trình tham gia TTSP ở trường phổ thông, nhằm trang bị cho SV những kiến thức cần thiết, các thông tin cơ bản về trường phổ thông mà SV tham gia thực tập, giúp các em tự tin, chủ động và đạt kết quả tốt nhất khi thâm nhập vào các hoạt động thực tế ở trường phổ thông.
- Tư vấn cho SV khi gặp những rắc rối, mâu thuẫn, khó khăn trong các mối quan hệ liên quan đến việc rèn luyện nghề, ví dụ trong mối quan hệ với các giảng viên, cán bộ quản lư giáo dục, bạn bè.
- Tư vấn cho SV khi các em có nhu cầu nâng cao năng lực nghề.
- Tư vấn cho SV khi các em còn có những băn khoăn về việc lựa chọn nghề dạy học của bản thân, những động cơ, hứng thú nghề nghiệp.
- Tư vấn cho SV khi các em chuẩn bị ra trường, tạo tâm lý vững vàng trong các kì thi tốt nghiệp, làm khóa luận, tạo cho các em tâm thế tự tin, sẵn sàng tham gia vào các hoạt động nghề nghiệp, sự năng động khi tìm việc làm, sự sáng suốt trong các tình huống di chuyển nghề.

*Bước 3: Đánh giá hiệu quả*

- Giúp SV có thể kết nối với các chuyên gia cố vấn nghề nghiệp, hướng dẫn thực hành những công việc thực tế, đưa ra những lời khuyên hữu ích để có kế hoạch cho tương lai
- Có thể giới thiệu, tạo cơ hội việc làm cho SV đồng thời trang bị cho họ những kĩ năng nghề nghiệp cơ bản nhất để không bỡ ngỡ khi ra trường.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Cần có văn bản quy định trong trường CĐSP về việc thành lập hoạt động tư vấn về nghề cho SV, quy định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, nhân sự với các chế độ kinh phí cụ thể đảm bảo cho hoạt động tư vấn.
- Lựa chọn và bố trí nhân sự phù hợp với từng bộ phận.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động tư vấn (phòng tư vấn, tài liệu, máy tính, điều hòa, bàn ghế, tủ đựng thiết bị tài liệu, các trắc nghiệm tâm lý cần thiết,...).

- Những người tư vấn phải có năng lực chuyên môn về tư vấn, đồng thời phải có hiểu biết sâu sắc về nghề dạy học.

- SV chủ động, hợp tác trong quá trình tham gia tư vấn.

***3.2.8. Phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên cao đẳng sư phạm với các giáo viên phổ thông trong công tác thực tập sư phạm cho sinh viên***

**a. Mục đích:**

- Giúp SV thích ứng nhanh với thực tế dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trong các đợt TTSP và khi ra trường.

- Tạo mối liên hệ thường xuyên gắn kết giữa quá trình giáo dục ở trường CĐSP với quá trình giáo dục ở trường phổ thông ở mọi phương diện.

- Là cơ hội để SV nhanh chóng thích nghi với nghề nghiệp khi ra trường.

**b. Nội dung biện pháp**

- GV CĐSP cùng các giáo viên phổ thông xây dựng và triển khai kế hoạch cho SV tìm hiểu và tham gia thực tế, nghe những báo cáo kinh nghiệm giáo dục ở trường như:

+ Kinh nghiệm về tổ chức hoạt động dạy học một số môn học cho HS tiểu học và THCS

+ Kinh nghiệm về soạn giáo án, thiết kế bài giảng,

+ Kinh nghiệm về việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực

+ Kinh nghiệm về giáo dục học sinh cá biệt, công tác chủ nhiệm lớp...

- Tổ chức các nhóm dự giờ ngoài thời gian thực tập để SV có điều kiện học hỏi thêm.

- Hướng dẫn SV thiết kế và tham gia tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.

- Giáo dục, khơi dậy tâm huyết nghề nghiệp, lòng yêu nghề, lý tưởng nghề nghiệp cho SV .

**c. Tổ chức thực hiện.**

*Bước 1: Chuẩn bị*

- GV CĐSP kết hợp với các giáo viên ở phổ thông lên kế hoạch cụ thể cho nội dung báo cáo.

- Lên kế hoạch nội dung thực tế cho SV.

*Bước 2: Tổ chức*

- Các giáo viên phổ thông viết báo cáo.

- SV nghe báo cáo.

- Sau khi nghe báo cáo, SV có thể trao đổi, chia sẻ cùng các giảng viên và các giáo viên phổ thông để tìm hiểu thêm về chủ đề của báo cáo và các vấn đề thực tiễn trong giáo dục ở trường phổ thông.

- SV có thể nói lên những cảm nhận của mình, những kinh nghiệm thu được, những xúc cảm được hình thành sau khi được nghe trao đổi, chia sẻ.

- Với nội dung đi dự giờ và tham gia các hoạt động thực tế: tổ chức cho SV tự kiểm tra, đánh giá kết quả của mình, hoàn thiện, bổ sung cho các lần hoạt động sau.

- Tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề với sự tham gia của một số giáo viên và cán bộ quản lí trường phổ thông theo chủ đề rõ ràng, tập trung vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông.

- Mặt khác, giảng viên sư phạm dự giờ giảng mẫu của giáo viên phổ thông để cùng giáo viên phổ thông góp ý kiến rút kinh nghiệm cho sinh viên, từ đó cùng nhau nói tiếng nói chung trong đào tạo giáo viên.

Một số giảng viên tham dự nhiều tiết dạy thử nghiệm sử dụng phương pháp "Bàn tay nặn bột", dạy học theo mô hình trường học mới (VNEN), dạy học theo hình thức liên môn, tích hợp,… Qua đó, giảng viên nắm bắt được khó khăn, khuyết điểm, những tình huống sư phạm mà giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thường gặp. Đây là cơ sở giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học sát với thực tế phổ thông.

Đa dạng các kỹ thuật dạy học hiện đại, phù hợp nội dung kiến thức và bối cảnh cụ thể, giúp sinh viên rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát huy tối đa tính tích cực sáng tạo, chủ động, làm giàu tri thức.

- Các tiết tập giảng được GV và giáo viên phổ thông bố trí vào các buổi học phụ để không ảnh hưởng tới các giờ học chính của HS.

- Yêu cầu SV viết báo cáo thu hoạch về các buổi đi dự giờ và tham gia giảng dạy.

*Bước 3: Đánh giá hiệu quả*

- Việc đổi mới giáo dục phổ thông vào năm 2018 đòi hỏi các trường sư phạm và các trường phổ thông cùng phải vào cuộc, cùng bắt tay nhau đưa đội ngũ nhà giáo đạt những yêu cầu cao hơn về phẩm chất năng lực theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Đào tạo giáo viên cần đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng vì thế việc phối hợp giữa nhà trường sư phạm và trường phổ thông là điều tất yếu.

**d. Điều kiện thực hiện**

- Cán bộ quản lý giáo dục, các GV ở trường CĐSP, giáo viên trường phổ thông, các SV cần hiểu được vai trò của trường phổ thông đối với kết quả rèn luyện NVSP thường xuyên

- Cần nhận thức rõ việc giáo dục nghề cho SV CĐSP có ý nghĩa chiến lược đối với chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông trong tương lai, từ đó tích cực tham gia vào quá trình giáo dục SV.

- Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa GV CĐSP và các giáo viên phổ thông trong tổ chức các hoạt động cho SV.

**Mối quan hệ giữa các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm**

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là quá trình lâu dài, đòi hỏi nhà giáo dục và sinh viên phải kiên trì, bền bỉ. Để hình thành, duy trì và phát triển đạo đức nghề nghiệp nhà giáo dục phải xác định mục tiêu, xây dựng nội dung phù hợp. Biện pháp giáo dục là một hệ thống đa dạng, không có biện pháp nào là vạn năng mà phải vận dụng các biện pháp trên một cách linh hoạt, có hệ thống và đồng bộ.

Trong 8 biện pháp trên, biện pháp "dạy học lồng ghép, tích hợp vào các môn học cơ bản" có ý nghĩa trong việc đưa nội dung giáo dục ĐĐNN thành nội dung chính thống không thể thiếu trong việc đào tạo giáo viên sư phạm. Biện pháp " Đa dạng hóa các hình thức tổ chức RLNVSPTX để bồi dưỡng

tình cảm, thái độ, niềm tin ĐĐNN cho SV" mang ý nghĩa then chốt, để đạt được mục tiêu giáo dục đặt ra. Đồng thời thông qua RLNVSP sinh viên sẽ trưởng thành hơn, chững chạc, tự tin hơn khi ra nghề. Biện pháp ''Nêu gương sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gương sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo" là cơ sở tạo dựng hình ảnh về ĐĐNN tốt nhất cho sinh viên. Biện pháp ''Rèn luyện và trải nghiệm" có ý nghĩa trong việc phát triển kĩ năng hành vi cho sinh viên.

Các biện pháp khác cũng vô cùng quan trọng vì chúng tạo điều kiện tốt nhất để CB, GV phát huy được sức mạnh tổng hợp, thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục đặt ra. Các biện pháp chúng tôi đề xuất đều mang một ý nghĩa riêng không tồn tại một cách độc lập mà có mối quan hệ khăng khít, tạo thành một hệ thống các biện pháp giáo dục nói chung và giáo dục nhà trường nói riêng.

Dựa trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn nghiên cứu giáo dục, các thầy cô giáo nên sử dụng phối hợp các biện pháp trong quá trình giáo dục sinh viên, và sử dụng vào những tình huống cụ thể. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp trong các giờ học, nhằm phát huy tối ưu hiệu quả của việc GDĐĐNN cho sinh viên trong lớp học, trường học.

Điều quan trọng nữa đối với các thầy cô giáo khi sử dụng các biện pháp giáo dục là phải biết phát huy hiệu quả giáo dục của nó, nhưng không nên lạm dụng vào một biện pháp nào, vì mỗi biện pháp đều có ưu, nhược điểm cần phải sử dụng một cách linh hoạt, sáng tạo. Đó cũng chính là thể hiện nghệ thuật sư phạm trong quá trình giảng dạy của người giáo viên.

## 3.3. Thực nghiệm sư phạm

### *3.3.1. Mục đích thực nghiệm*

Khẳng định những biện pháp giáo dục ĐĐNN nói trên có thể nâng cao được nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN cho SVSP và có thể triển khai trong thực tiễn đào tạo.

### *3.3.2. Mẫu khách thể thực nghiệm, địa bàn và thời gian thực nghiệm*

*3.3.2.1. Mẫu khách thể thực nghiệm*

Chúng tôi chọn mẫu nghiệm thể là 2 lớp mầm non gồm 89 SV của trường CĐSP Thái Bình.

+ Lớp mầm non 3b là lớp thực nghiệm.

+ Lớp mầm non 3c là lớp đối chứng.

Chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 2 lớp sinh viên của ngành sư phạm mầm non trường CĐSP Thái Bình bởi 2 lớp này có số lượng điểm chuẩn đầu vào tương đương, điểm học lực có sự chênh lệch không đáng kể.

- Đối với lớp đối chứng: đảm bảo các điều kiện khách quan về môi trường học tập và sinh hoạt tương đồng với lớp thực nghiệm.

- Trước và sau thời điểm áp dụng thực nghiệm, chúng tôi điều tra tính toán các số liệu, tiêu chí, cho điểm để có cơ sở phân tích sự thay đổi của các lớp thực nghiệm, sự khác nhau giữa kết quả của các lớp thực nghiệm với kết quả của các lớp đối chứng về các biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp (nhận thức, thái độ, hành vi).

*3.3.2.2. Thời gian thực nghiệm*

- Thực nghiệm lần 1: từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 11 năm 2014.

- Thực nghiệm lần 2: từ tháng 2 năm 2015 đến tháng 5 năm 2015.

Đây là khoảng thời gian diễn ra rất nhiều hoạt động và sự kiện của sinh viên sư phạm. Ví dụ, tổ chức ngày 20/11, 22/12, chuẩn bị các công việc cho đợt thực tập của SV năm thứ 2 và thứ 3.

***3.3.3. Nội dung thực nghiệm***

Từ những biện pháp trên chúng tôi lựa chọn biện pháp: *Tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để rèn luyện các hành vi ĐĐNN cho SV ở trường CĐSP tiến hành thực nghiệm.*

***3.3.4. Tiêu chí đo, thang đo kết quả thực nghiệm***

**- Đánh giá về nhận thức**

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - nhận thức hoàn toàn đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - nhận thức hầu hết là đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - cơ bản nhận thức được các yêu cầu, quy định của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 1- 2 điểm: Loại yếu - nhận thức phần lớn là chưa đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém - nhận thức hoàn toàn sai về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

**- Đánh giá về thái độ**

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - SV hoàn toàn nghiêm túc, hào hứng, ủng hộ các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - SV ủng hộ, tán thành hầu hết các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - SV ủng hộ, nhất trí với các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 1 - 2 điểm: Loại yếu - SV không ủng hộ, không tán thành phần lớn các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém – SV chống đối lại các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo

**- Đánh giá về hành vi**

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - SV thực hiện nghiêm túc và có chất lượng các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - SV thực hiện đúng hầu hết các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - SV thực hiện đúng các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ trên 1 - 2 điểm: Loại yếu - SV thực hiện chưa đúng đối với phần lớn các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém - SV không thực hiện đúng các yêu cầu, quy định của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

***3.3.5. Phân tích kết quả thực nghiệm***

*3.3.5.1. Thực trạng hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trước thực nghiệm*

Để đánh giá được một cách rõ ràng và chính xác, chúng tôi xây dựng một bộ câu hỏi mới dựa trên việc chọn lọc các câu hỏi có sẵn ở chương 2 và những câu hỏi xây dựng mới. Sau khi xử lí phiếu, số liệu thống kê được thể hiện qua bảng sau:

***Bảng 3.1: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN***

| Nội dung đánh giá | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Điểm TB | ĐLC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| Nhận thức | ĐC | 12 | 13,5 | 18 | 20,2 | 28 | 31,5 | 21 | 23,6 | 10 | 11,2 | 2,6 | 1,22 |
| | TN | 11 | 12,4 | 17 | 19,1 | 27 | 30,4 | 22 | 24,7 | 12 | 13,4 | 2,98 | 1,243 |
| Thái độ | ĐC | 3 | 3,4 | 11 | 12,4 | 17 | 19,1 | 35 | 39,3 | 23 | 25,8 | 2,3 | 1,15 |
| | TN | 2 | 2,3 | 10 | 11,2 | 18 | 20,2 | 35 | 39,3 | 24 | 27 | 2,42 | 1,136 |
| Hành vi | ĐC | 6 | 6,7 | 18 | 20,2 | 19 | 21,3 | 32 | 36 | 14 | 15,7 | 2,3 | 1,09 |
| | TN | 4 | 4,5 | 10 | 11,2 | 24 | 27 | 34 | 38,2 | 17 | 19,1 | 2,46 | 1,056 |

Qua bảng số liệu cho thấy đa số sinh viên ở cả nhóm TN và ĐC chưa có nhận thức tốt khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo. Cụ thể:

**- Về nhận thức**

Điểm trung bình đo nhóm TN là 2,98 trong đó chỉ có 31,5% SV đạt điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt. 68,5% SV có điểm nhận thức từ mức độ kém đến trung bình.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,6, trong đó điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt là 33,7%. Điểm nhận thức từ kém đến TB là 66,3%.

***Biểu đồ 3.1: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC trước TN***

**- Về thái độ**

Nhóm TN: Có 13,5% sinh viên đạt điểm đo thái độ ở mức độ khá và tốt, tuy nhiên có 86,5% sinh viên có điểm đo từ kém đến trung bình, điểm trung bình thái độ đạt 2,42 điểm.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,3. Điểm thái độ mức độ khá và tốt là 15,8%. Mức độ kém đến TB là 84,2%.

Điều này cho thấy sinh viên ở cả 2 nhóm chưa có thái độ đúng đắn với các yêu cầu, quy định đạo đức NN nhà giáo.

***Biểu đồ 3.2: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trước TN***

**- Về hành vi**

Điểm trung bình nhóm TN: đạt 2,46 điểm, trong đó chỉ có 13,4% SV đạt điểm đo hành vi ở mức độ khá và tốt. Nhưng có 82% SV có điểm từ mức độ kém đến trung bình khi thực hiện các yêu cầu, quy định của nhà giáo.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,3. Có 15,7% SV đạt điểm hành vi mức độ khá và tốt, và 84,3% SV ở mức độ kém đến TB.

***Biểu đồ 3.3: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN***

*3.3.5.2. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp lần 1*

***Bảng 3.2: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 1***

| Nội dung đánh giá | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Điểm TB | ĐLC | Hệ số p |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | | |
| Nhận thức | ĐC | 12 | 13,5 | 17 | 19,1 | 27 | 30,4 | 21 | 23,6 | 12 | 13,5 | 2,98 | 1,243 | 0,005 |
| | TN | 18 | 20,2 | 24 | 27 | 30 | 33,7 | 14 | 15,7 | 3 | 3,4 | 3,47 | 1,088 | |
| Thái độ | ĐC | 19 | 21,3 | 12 | 13,5 | 4 | 4,5 | 34 | 38,2 | 20 | 22,5 | 2,42 | 1,136 | 0,001 |
| | TN | 25 | 28,1 | 15 | 16,9 | 8 | 9 | 29 | 32,6 | 12 | 13,5 | 2,78 | 1,175 | |
| Hành vi | ĐC | 25 | 28,1 | 10 | 11,2 | 4 | 4,5 | 34 | 38,2 | 16 | 18 | 2,46 | 1,056 | 0,019 |
| | TN | 28 | 31,5 | 14 | 15,7 | 5 | 5,6 | 31 | 34,8 | 11 | 12,4 | 2,7 | 1,081 | |

**- Về nhận thức**

Phân tích bảng số liệu cho thấy có sự thay đổi về giá trị điểm trung bình nhận thức đo được so với thời điểm trước thực nghiệm. Điểm trung bình tăng từ (2,98 lên 3,47 điểm). Độ lệch chuẩn giảm từ (1,243 xuống còn 1,088%). Số sinh viên mức độ kém và yếu giảm từ (37,1% xuống còn 19,1%). Số sinh viên có điểm khá và tốt tăng (từ 32,6% lên 47,2%). Hệ số p = 0,005. Những kết quả này rất phù hợp với nghiên cứu lí luận và chứng tỏ các biện pháp đưa ra TN đã đạt được hiệu quả. Kết quả nhận thức của SVSP sau TN lần 1 thể hiện qua biểu đồ sau:

***Biểu đồ 3.4: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1***

**- Về thái độ**

Từ bảng số liệu cho thấy điểm trung bình của nhóm TN và ĐC tăng từ (2,42% lên 2,78%), tức là thái độ của SVSP dần dần phù hợp hơn với yêu cầu xã hội và ĐĐNN. Sinh viên đã có thái độ tích cực, nghiêm túc hơn khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nhà giáo so với trước thực nghiệm. Để thể hiện kết quả, chúng tôi sử dụng biểu đồ sau:

***Biểu đồ 3.5: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1***

**- Về hành vi**

Kết quả bảng số liệu cho thấy vẫn còn sinh viên có những biểu hiện hành vi ở mức độ yếu, kém. Cụ thể số sinh viên có điểm yếu là 38,2%, điểm kém 18%. Độ lệch chuẩn có sự thay đổi chưa đáng kể (trước thực nghiệm là 1,056, sau thực nghiệm là 1,081).

Tuy nhiên, sau thực nghiệm lần 1 thì việc thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo của sinh viên có sự cải thiện nhất định. Số sinh viên đạt điểm khá và tốt tăng từ 39,3% lên 47,2%. Kiểm định T-test p = 0,019.

Kết quả trên đây chứng tỏ biện pháp thực nghiệm đã có tác động làm thay đổi hành vi khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo của sinh viên. Để thấy rõ sự khác biệt chúng tôi đã so sánh điểm trung bình giữa lớp ĐC và TN sau thực nghiệm lần 1 qua biểu đồ dưới đây:

***Biểu đồ 3.6: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1***

*3.3.5.3. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN của SV sau TN lần 2.*

***Bảng 3.3: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 2***

| Nội dung đánh giá | | Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | | Điểm TB | ĐLC | Hệ số p |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | | |
| Nhận thức | ĐC | 17 | 19,1 | 25 | 28,1 | 24 | 27 | 14 | 15,7 | 9 | 10,1 | 3,47 | 1,088 | 0,00 |
| | TN | 28 | 31,5 | 46 | 51,7 | 10 | 11,2 | 5 | 5,6 | 0 | 0 | 4,11 | 0,790 | |
| Thái độ | ĐC | 7 | 7,8 | 16 | 18 | 24 | 27 | 30 | 33,7 | 12 | 13,5 | 2,78 | 1,175 | 0,00 |
| | TN | 16 | 18 | 25 | 28,1 | 34 | 38,2 | 14 | 15,7 | 0 | 0 | 3,51 | 0,967 | |
| Hành vi | ĐC | 6 | 6,7 | 13 | 14,6 | 27 | 30,3 | 32 | 36 | 11 | 12,4 | 2,7 | 1,081 | 0,00 |
| | TN | 13 | 14,6 | 24 | 27 | 33 | 37 | 19 | 21,4 | 0 | 0 | 3,37 | 0,981 | |

**- Về nhận thức**

Nhìn bảng số liệu cho thấy có sự khác biệt rất lớn về nhận thức của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Nhóm TN: Độ lệch chuẩn giảm còn 0,79. Số sinh viên có điểm khá và tốt tăng nhanh. Cụ thể 31,5% sinh viên có điểm tốt, 51,7% sinh viên có điểm nhận thức ở mức độ khá, số sinh viên có điểm trung bình là 11,2%, mức độ yếu là 5,6%, không có sinh viên nào nhận thức về hành vi đạo đức ở mức độ kém. Điều này khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN. Kết quả nhận thức của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 2 thể hiện qua biểu đồ sau:

***Biểu đồ 3.7: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2***

**- Về thái độ**

Phân tích kết quả bảng số liệu cho thấy: Điểm trung bình về thái độ của nhóm TN và ĐC đều tăng so với thực nghiệm lần 1 (X = 3,51), không có sinh viên ở mức độ kém, 15,7% sinh viên ở mức độ yếu. Có thể thấy sự khác biệt

ngày càng lớn của thực nghiệm lần 1 so với thực nghiệm lần 2. Sinh viên có thái độ tích cực hơn rất nhiều đối với việc thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo.

***Biểu đồ 3.8: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2***

**- Về hành vi**

Sau thực nghiệm lần 2, dưới tác động của biện pháp thực nghiệm, nhóm ĐC có sự thay đổi lớn về giá trị trung bình là 3,37. Không còn SV có biểu hiện kém về hành vi. Độ lệch chuẩn giữa lớp TN và lớp ĐC là 0,981. Như vậy cho thấy biện pháp tác động đến sinh viên sư phạm thực sự mang lại hiệu quả và ý nghĩa giáo dục.

***Biểu đồ 3.9: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2***

Dựa vào mục tiêu, nội dung thực nghiệm và các tiêu chí đã xác định, chúng tôi nhận thấy sau thực nghiệm sinh viên đã dần dần có sự chuyển biến tương đối rõ và vững chắc về nhận thức và tính tích cực rèn luyện ĐĐNN của người giáo viên so với trước khi TN. Tinh thần học tập trong lớp rất hăng hái, sinh viên luôn trong tâm thế phấn khởi, thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, tu dưỡng rèn luyện đạo đức nhà giáo. Quá trình thực tập sư phạm luôn thể hiện phong cách tự tin, làm chủ tiến trình bài giảng, xử lí linh hoạt các tình huống sư phạm… Chúng tôi cũng thấy rằng việc đo kiểm và quan sát vẫn còn có những hạn chế nhất định song đó là sự cố gắng lớn trong rèn luyện ĐĐNN của sinh viên rất đáng được biểu dương khích lệ.

*Đánh giá sự tương quan giữa hành vi ĐĐNN và tính tích cực rèn luyện sau TN lần 2.

Correlations

| | | Hành vi ĐĐNN | Tính tích cực rèn luyện |
|---|---|---|---|
| Hành vi ĐĐNN | Pearson correlation | 1 | 883** |
| | Sig. (2-tailed) | | 000 |
| | N | 89 | 89 |
| Tính tích cực rèn luyện | Pearson correlation | 883** | 1 |
| | Sig. (2-tailed) | 000 | |
| | N | 89 | 89 |

Correlation is significant at the 0.01level ( 2- tailed).

Có thể thấy hệ số tương quan Pearson R= 0,883 với trị số p-value: p= 0,000.<0,001. Kết luận mối tương quan giữa hành vi đạo đức nghề nghiệp của SV lớp TN với tính tích cực rèn luyện ĐĐNN là tương quan tuyến tính, có ý nghĩa chặt chẽ. Hay nói cách khác dưới tác động của biện pháp giáo dục đã làm thay đổi hành vi, tăng tính tích cực rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của SV. Kết quả này cũng khẳng định mối quan hệ biện chứng, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau của các mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

# KẾT LUẬN THỰC NGHIỆM

Từ kết quả của TN, chúng tôi nhận thấy sinh viên đã nhận thức đúng đắn sự cần thiết của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp và việc hình thành hành vi, thói quen đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường. Sinh viên đã nêu ra được phần nào thực trạng sử dụng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường hiện nay và hiệu quả của chúng, từ đó cho thấy cần có một hệ thống các biện pháp giáo dục phù hợp là nhu cầu cấp thiết trong hầu hết các nhà trường cao đẳng sư phạm hiện nay. Điều này cho thấy các biện pháp chúng tôi đề xuất sẽ góp phần mang lại hiệu quả sử dụng trong thực tiễn, và đánh giá được mục đích TN của chúng tôi thành công.

Qua TN cho thấy SV có sự chuyển biến tương đối rõ ràng về nhận thức thái độ và hành vi sau khi được tác động bằng biện pháp giáo dục phù hợp, tuy nhiên việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức cũng như hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên phải là cả một quá trình lâu dài, kiên trì, bền bỉ, lặp lại thường xuyên, có hệ thống. Đồng thời, để áp dụng thành công, hình thành nét đẹp về hành vi đạo đức trong nhà trường sư phạm sinh viên cần phải tự giác, tích cực, chủ động để đáp ứng yêu cầu của thời đại, cũng như cần có sự chuyên tâm đầu tư thích đáng về mặt thời gian, công sức, nhiệt tình, tâm huyết của cán bộ, giáo viên trong nhà trường trong việc bồi dưỡng người học đạt mục tiêu giáo dục đề ra.

Kết quả TN đã chứng minh biện pháp giáo dục chúng tôi đưa ra là đúng đắn và hết sức quan trọng. Tuy nhiên, để kiểm chứng được chính xác hơn, chúng tôi còn phải nghiên cứu chuyên sâu hơn và có quá trình thực nghiệm lâu dài để tìm ra mặt ưu, nhược điểm của từng biện pháp và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

## Kết luận chương 3

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm là quá trình diễn ra lâu dài, có nhiều khó khăn, phức tạp đòi hỏi sự nỗ lực cao của các lực lượng giáo dục và đối tượng giáo dục. Việc nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, chuẩn mực đạo đức nhà giáo và rèn luyện tính tích cực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình đào tạo là rất quan trọng.

Căn cứ vào những nguyên tắc mang tính khoa học, dựa trên các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, chúng tôi đã xây dựng 8 biện pháp cụ thể nhằm giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm. Các biện pháp trên đều dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn xác định. Tuy nhiên khi thực hiện các biện pháp cần chú ý đến điều kiện thực tiễn, đó là đặc điểm tâm lý, nhân cách và hoàn cảnh của sinh viên cao đẳng sư phạm, sinh viên học ở đây chủ yếu là sống ở khu vực nông thôn, khả năng giao tiếp, các kĩ năng sống, nhận thức và tính thích ứng còn nhiều hạn chế. Do vậy các biện pháp thực hiện cần triển khai với các hình thức, cách tổ chức tinh tế sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lý của SV ở các địa phương.

- Trong giai đoạn hiện nay, các biện pháp đề cập đều mang tính cấp thiết. Lồng ghép tích hợp các nội dung dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để giáo dục đạo đức nghề nghiệp là những nội dung quan trọng mang tính đặc thù trong công tác đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. Vì vậy, việc đa dạng hóa, phong phú các hoạt động sẽ giúp SV nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tay nghề trong tương lai.

Để đáp ứng tốt những yêu cầu, thay đổi của giáo dục phổ thông, đồng thời có những chia sẻ, hợp tác toàn diện với giáo dục phổ thông trong rèn luyện các kĩ năng thực hành nghề cho SV, trường CĐSP cần có mối liên hệ thường xuyên, gắn kết chặt chẽ với các trường phổ thông giúp SV trong rèn luyện các kĩ năng thực hành nghề nghiệp, làm quen với thực tế hoạt động nghề. Là mối liên hệ chủ đạo nhằm tạo điều kiện tối ưu cho SV nhanh chóng thâm nhập vào thực tiễn, dễ dàng thích nghi với mọi điều kiện hoàn cảnh ở giáo dục phổ thông sau này.

- Mặt khác, với sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế tri thức, với những yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ngày càng cao nếu SV không có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện thì sẽ khó có thể đáp ứng được yêu cầu của hoạt động học tập ở trường chuyên nghiệp và của xã hội.

- Bên cạnh đó, hiện nay các trường CĐSP chưa có nhiều hoạt động tư vấn nghề hiệu quả trong khi nhu cầu tư vấn nghề của các em ở nông thôn, ở các địa phương rất lớn. Qua các hoạt động có thể giúp SV vững vàng, tự tin hơn với nghề dạy học mà mình đã lựa chọn, định hướng được hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp của bản thân.

Như vậy với các biện pháp mà chúng tôi đã đề xuất và thực nghiệm ở trên có ý nghĩa lí luận và thực tiễn cao trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, phù hợp với giả thuyết khoa học của luận án đã đề ra.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn đạo đức cũng như công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các trường CĐSP, chúng tôi nhận thấy:

Giáo dục là nhiệm vụ cách mạng và là nhiệm vụ lâu dài của toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp phát triển đất nước. Cùng với sự nghiệp phát triển giáo dục nói chung, giáo dục đạo đức nói riêng có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội. Không thể có sự tồn tại xã hội mà không có đạo đức, nhất là trong điều kiện hiện nay, vấn đề đạo đức không chỉ là vấn đề của một đất nước mà là vấn đề "mang tính toàn cầu của thời đại, là điều kiện quan trọng để bảo vệ sự sống còn và tương lai của loài người" (Aurello Peuei).

Có thể nói, nhân cách sinh viên thể hiện trước hết ở bộ mặt đạo đức. Vì thế giáo dục đạo đức cho sinh viên là một bộ phận cực kì quan trọng của quá trình sư phạm. Để giáo dục những nét phẩm chất đạo đức, cần giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề nhằm giúp sinh viên có ý thức về phẩm chất đó, có thái độ tích cực và có thói quen hành vi tương ứng.

Việc giáo dục đạo đức đòi hỏi sinh viên không những biết và thừa nhận sự cần thiết, tính tất yếu của các phẩm chất đạo đức, mà còn phải thực hiện hành vi đạo đức đó, làm mọi việc theo sự hiểu biết của mình cùng với động cơ và tình cảm tích cực. Việc tổ chức quản lý giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói chung và sinh viên các trường CĐSP nói riêng là nhiệm vụ trọng tâm của ngành học trước mắt cũng như lâu dài. Trong quá trình đó muốn công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp đạt hiệu quả phải thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục.

Nghiên cứu thực trạng về tình hình đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục các nhà nghiên cứu đã nêu ra nhiều nguyên nhân và giải pháp để khắc phục những tồn tại xung

quanh vấn đề đạo đức sinh viên trong các trường ĐH, CĐ. Đặc biệt, giáo dục đạo đức nghề nghiệp và lối sống sinh viên sư phạm, những người thầy cô giáo tương lai càng cần thiết hơn bất kì nghề nào, bởi đây là nghề đặc thù trong xã hội, "nghề giáo dục con người". Vì vậy mà đạo đức người thầy giáo hay đạo đức sư phạm là một loại hình của đạo đức nghề nghiệp đã được định hình khá vững chắc trong đời sống xã hội, do đó sự vi phạm phẩm chất đạo đức người thầy giáo là không thể chấp nhận được trong quan niệm xã hội chúng ta. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một nội dung quan trọng, cần quán triệt trong mọi hoạt động của trường sư phạm.

Nhìn chung công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp và kết quả rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm là tương đối tốt. Tuy nhiên trong hoạt động rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của sinh viên còn một số hạn chế như:

- Sinh viên có nhận thức chưa đúng, chưa sâu sắc về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chưa xác định đúng vai trò rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong cấu trúc nhân cách.

- Hầu hết các em coi trọng hoạt động học tập hơn rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

- Nhà trường chưa tổ chức nhiều hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên để các em có cơ hội được trải nghiệm trong thực tiễn.

- Đặc biệt còn không ít thầy cô giáo chưa nhiệt tình chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động giảng dạy, một hoạt động chủ yếu của nhà trường.

- Mặc dù các trường sư phạm đã cố gắng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp và kết quả đạt được tương đối tốt nhưng so với yêu cầu của mục tiêu nhân cách người thầy giáo còn có khoảng cách cần vươn tới.

## 2. KIẾN NGHỊ

### 2.1. Đối với lãnh đạo các trường cao đẳng sư phạm

- Các trường CĐSP cần quán triệt hơn nữa mục tiêu đào tạo, chú trọng đến nhiệm vụ giáo dục đạo đức trong mọi hoạt động, mọi lực lượng, tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- Phải có sự chỉ đạo sát sao, cụ thể, thống nhất từ Ban giám hiệu, Đảng uỷ đến các phòng, ban, khoa ở các nhà trường tạo thành sự thống nhất đồng bộ trong các hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói riêng.

- Tăng cường sự chỉ đạo và đầu tư kinh phí hoạt động cho tổ chức Đoàn thanh niên, đây là hoạt động của tổ chức nòng cốt thu hút đông đảo sinh viên tham gia, vì vậy rất có ưu thế cho công tác giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên. Để hoạt động của các tổ chức Đoàn phát huy hiệu quả hơn nữa, các trường cần bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ hoạt động cho các cán bộ Đoàn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Đoàn cơ sở trong toàn trường.

- Các trường sư phạm cùng với cấp khoa chỉ đạo cụ thể và chặt chẽ hơn nữa hoạt động của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm để lực lượng này thực hiện hết chức năng giáo dục của mình, đặc biệt là thực hiện vai trò liên kết các lực lượng giáo dục trong nhà trường nhằm giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Theo chúng tôi, các trường sư phạm nên có tiêu chuẩn đánh giá công tác chủ nhiệm lớp cho các giáo viên chủ nhiệm, gắn kết quả rèn luyện của lớp chủ nhiệm với kết quả xếp loại hằng năm của các giáo viên đó.

- Trong việc xây dựng nội dung kiến tập, thực tập sư phạm cần tăng cường nội dung RLNVSP, hướng vào việc nâng cao chất lượng dạy nghề sư phạm cho sinh viên. Rèn luyện những kĩ năng hoạt động giáo dục và giảng dạy cho sinh viên, đồng thời là dịp để sinh viên rèn luyện và thể hiện những phẩm chất đạo đức người thầy giáo khi đi vào thực tế phổ thông.

- Tổ chức các hoạt động NGLL một cách đa dạng nhằm giúp sinh viên được rèn luyện một cách thường xuyên, đảm bảo được từ lí thuyết đến thực tế, từ thực tế trở lại bổ sung và hoàn thiện lí thuyết. Cần đảm bảo tính toàn diện cân đối giữa nội dung chính khoá với ngoại khoá bởi những nội dung này đóng góp một phần rất quan trọng vào việc giáo dục lí tưởng và tình yêu nghề nghiệp cho sinh viên, đồng thời là những biện pháp giáo dục nghề nghiệp rất tự nhiên, sinh viên sẽ cảm nhận một cách thoải mái nhẹ nhàng mà không bị sự gò ép.

- Tổ chức hợp lí các hoạt động chính trị xã hội, giao lưu văn hoá, văn nghệ hội thảo khoa học, ngoại khoá góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

- Các trường và khoa cần quan tâm tới việc phát huy tính tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cần chú trọng tới việc phát huy vai trò giữa giáo dục với tự giáo dục, vai trò chủ thể cũng như năng lực tự quản của sinh viên nhằm góp phần giáo dục đạo đức cho các em ngày càng sâu sắc hơn.

- Hoàn thiện nội quy, quy chế trong các hoạt động của trường sư phạm nhằm đưa sinh viên vào nề nếp tạo điều kiện rèn luyện hành vi thói quen đạo đức cho sinh viên. Đồng thời với việc xây dựng chuẩn đánh giá xếp loại đạo đức định kì và xét tốt nghiệp cho sinh viên, các trường sư phạm cần tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nhằm có những căn cứ xếp loại, đánh giá một cách chính xác nhất thúc đẩy sinh viên tích cực rèn luyện tu dưỡng

- Cải tiến công tác quản lí kí túc xá, công tác tổ chức quản lí sinh viên, giảm bớt sự cồng kềnh, phiền hà về thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập chăm lo cải thiện các điều kiện ăn ở, mua sắm trang thiết bị phục vụ đời sống văn hoá, tinh thần, vật chất cho sinh viên. Đổi mới đội ngũ cán bộ quản lí KTX và quản lí sinh viên, coi đây là một thành phần trong quá trình giáo dục sinh viên.

**2.2. Đối với giảng viên**

- Về phía các giáo viên chuyên môn, cần nâng cao ý thức tự giác, tích cực kết hợp nội dung giáo dục đạo đức với nội dung bài giảng chuyên môn, coi đây là nhiệm vụ không thể thiếu trong mỗi bài giảng. Đặc biệt coi trọng vị trí của một số bộ môn đặc trưng có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị đạo đức cho sinh viên như môn Chính trị, Tâm lí học, Giáo dục học, Đạo đức học...

- Cần có những chính sách ưu tiên hấp dẫn hơn đối với nhà giáo để thu hút những người thực sự có năng lực vào giảng dạy lâu dài, có chính sách đãi

ngộ thỏa đáng nhằm động viên họ yên tâm gắn bó với nghề. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến một số nhà giáo chưa tâm huyết với nghề, trong đó có vấn đề về phát huy vai trò, sở trường của họ trong các lĩnh vực hoạt động, chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp theo chức danh khoa học, học vị...

- Các giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp phải có khả năng thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ, kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tình cảm của sinh viên. Có khả năng phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể giúp các em có những hoạt động lành mạnh, bổ ích tạo điều kiện để các em rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp.

- Giáo viên cần tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động dạy học trải nghiệm, đây là một phương pháp tích cực trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho SV.

GV sẽ là người hỗ trợ, huấn luyện viên, người đánh giá để thực hiện chức năng cao nhất của người thầy là khơi dậy tư duy, khuyến khích sinh viên yêu kiến thức và chủ động mưu cầu kiến thức. Khi đó SV sẽ phát huy tối đa khả năng sáng tạo, tính năng động, tính thích ứng, phát triển năng lực thực hiện, sự tự tin, học hỏi được nhiều điều, việc học trở nên thú vị, tích cực, chủ động hơn. Tuy nhiên để dạy học qua trải nghiệm thực sự là một PPDH tích cực trong RLNVSP thì người GV dạy NVSP cần có chuyên môn giỏi, kĩ năng sư phạm tốt, có tinh thần tự học và phải luôn cập nhật kiến thức mới. GV cũng cần có tính sáng tạo cao, có tính kiên nhẫn và cái nhìn cởi mở tích cực khi xem xét, đánh giá các sản phẩm thực hành của SV.

- Các giảng viên trực tiếp giảng dạy phải thực sự mô phạm từ lời ăn tiếng nói, trang phục, hành vi, xem nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên liên tục và không thể thiếu được trong các giờ lên lớp.

**2.3. Đối với sinh viên**

- Phải nhận thức đầy đủ sâu sắc vai trò, vị trí rất được trân trọng của nghề dạy học đối với xã hội, để từ đó phải nỗ lực biến quá trình giáo dục và

đào tạo thành quá trình tự giáo dục, tự đào tạo, tiến bước kịp với sự phát triển chung của xã hội.

- Bên cạnh đó cần phải có động cơ phấn đấu đúng đắn, tích cực học tập, rèn luyện, phấn đấu của mỗi sinh viên làm cho cái tâm thêm sáng và nâng cao tầm nhận thức về chính trị, chuyên môn.

- Cần tích cực hóa hơn nữa quá trình tự tu dưỡng, tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của bản thân. Đấu tranh phê bình và tự phê bình đối với những biểu hiện thiếu văn hóa trong cách ứng xử, giao tiếp của sinh viên.

Một số kiến nghị trên với mong muốn hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm nói riêng ngày càng đổi mới, đem lại nhiều kết quả tốt đẹp đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.

# CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Bùi Thị Tuyết Mai (2013), Biện pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay, Tạp chí Giáo dục.
2. Bùi Thị Tuyết Mai (2013), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí Quản lí giáo dục.
3. Bùi Thị Tuyết Mai (2013), Vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay, Tạp chí Giáo chức.
4. Bùi Thị Tuyết Mai (2015), Những yêu cầu đặt ra đối với việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên CĐSP trong nền kinh tế hội nhập và toàn cầu hóa, Tạp chí Giáo dục.
5. Bùi Thị Tuyết Mai, Tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh hiện nay, Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế kỉ niệm 50 năm thành lập khoa Tâm lí - Giáo dục học Trường ĐHSPHN.
6. Bùi Thị Tuyết Mai (2016), Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## I. Tiếng Việt


1. Hoàng Chí Bảo (2010), *Văn hóa và con người Việt Nam trong đổi mới và hội nhập quốc tế,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Thạc (1982), *Tâm lí học đại học, Những đặc điểm hoạt động của sinh viên và cán bộ giảng dạy đại học,* Thư viện trường ĐHSPHN
3. Nguyễn Ngọc Bảo (2000), *Hoạt động dạy học ở trường THCS,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bảo, Ngô Hiệu (1995), *Tổ chức hoạt động dạy học ở trường trung học,* Vụ Đại học, Bộ giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
5. Lê Khánh Bằng (2006), *Một số hướng đổi mới việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập các khoa học giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên,* Tạp chí giáo dục số 129.
6. Nguyễn Thanh Bình (2006), *Lí luận giáo dục học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Xác định hệ thống các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên Việt Nam hiện nay*. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà (2014), *Giáo dục kĩ năng sống,* NXB Đại học Sư phạm.
9. Lê Thị Bừng, Hải Vang, *Tâm lí học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lí học nhân cách,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ giáo dục và đào tạo (1996), *Định hướng giáo dục giá trị đạo đức trong các trường đại học,* kỉ yếu hội thảo, Hà Nội.
12. Phạm Khắc Chương (1995), *Một số vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục đạo đức ở trường phổ thông,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

13. Phạm Khắc Chương, *142 tình huống giáo dục gia đình,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (2001), *Đạo đức học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Phạm Khắc Chương (1997), *J.A. Cômenxki - Ông tổ của nền sư phạm cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Phạm Văn Đồng (1974), *Công tác giáo dục và người thầy XHCN*, NXB Sự thật, Hà Nội.
17. Trần Thanh Đạm (1990), *Bí quyết thành công của người thầy vĩ đại,* NXB Sự thật, Hà Nội.
18. Đỗ Ngọc Đạt (2000), *Bài giảng lí luận dạy học hiện đại,* NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
20. Quang Đạm (1994), *Nho giáo xưa và nay,* NXB Văn hóa, Hà Nội.
21. Đảng cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Tư Ban chấp hành Trung ương khóa Bảy,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Hai Ban chấp hành Trung ương khóa Tám,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành Trung ương khóa Tám,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ Chín*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển con người Việt Nam toàn diện thời kì CNH, HĐH,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục nhân cách theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, tạp chí NCGD, số 9.
28. Ngô Công Hoàn, Trịnh Dân, Đinh Văn Vang (1996), *Tâm lí học và giáo dục học trẻ em,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

29. Nguyễn Thanh Hoàn (2010), *Đạo đức giáo viên qua bộ luật đạo đức nghề nghiệp của một số nước*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt.
30. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Sinh Huy, Hà Thị Đức (1995), *Giáo dục đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
31. Đặng Vũ Hoạt (1984), *Những vấn đề về giáo dục học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
32. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ (1989), *Giáo dục học tập 1,2,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
33. Đặng Vũ Hoạt (chủ biên), Hà Thị Đức (2008), *Lí luận dạy học đại học,* NXBĐHSP, Hà Nội.
34. Trần Bá Hoành (1998), *Người giáo viên trước thềm thế kỉ XXI,* Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, (số 11), tr. 1,5.
35. Trần Bá Hoành (2006), *Vấn đề giáo viên những nghiên cứu lí luận và thực tiễn,* NXBĐHSP, Hà Nội.
36. Lê Văn Hồng (1995), *Tâm lí học lứa tuổi sư phạm,* NXB Giáo dục, Hà Nội
37. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng (2001), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Phạm Minh Hùng (1994), *Các biện pháp giáo dục tính kỉ luật trong hoạt động học tập trên lớp cho học sinh đầu bậc tiểu học,* luận án Tiến sĩ khoa học sư phạm tâm lí, trường ĐHSPHN, Hà Nội.
39. Phạm Minh Hùng (1995), *Giáo dục tình cảm nghề nghiệp trong sinh viên sư phạm*, kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Tâm lí - Giáo dục học.
40. Bùi Văn Huệ (1998), *Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm,* Tạp chí Nghiên cứu giáo dục (số 11).
41. Bùi Văn Huệ (1993), *Bản sắc sư phạm trong quá trình đào tạo giáo viên*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục tháng 1.
42. Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2006), *Quản lí giáo dục,* NXBĐHSP, Hà Nội.
43. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển giáo dục,* NXB Từ điểm bách khoa, Hà Nội.

44. Bùi Minh Hiền (2013), *Lịch sử giáo dục thế giới,* NXB Đại học sư phạm.
45. Bùi Minh Hiền (2014), *Lịch sử giáo dục Việt Nam,* NXB Đại học sư phạm.
46. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền ( đồng chủ biên) (2015), Quản lí và lãnh đạo nhà trường , NXB Đại học sư phạm.
47. Hội thảo khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam (2008), *Giáo dục đạo đức học sinh, sinh viên ở nước ta, thực trạng và giải pháp,* kỷ yếu hội thảo khoa học Đồng Nai
48. J.A.Cômenxki (1999), *Thiên đường của trái tim,* NXB ngoại văn (Tài liệu dịch).
49. V.A.Xukhômlinxki (1991), *Giáo dục con người chân chính như thế nào?* NXB Giáo dục, Hà Nội.
50. Trần Hậu Kiểm (1997), *Đạo đức học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
51. Trần Hậu Kiểm, Đoàn Đức Hiếu (2004), *Hệ thống phạm trù đạo đức và giáo dục đạo đức cho sinh viên,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
52. Khung chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm (2012)
53. Nguyễn Kỳ (1997), *Đôi điều suy nghĩ về đổi mới đào tạo giáo viên*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục ( số 4 ).
54. Lênin V.I. (1971), *Bàn về vấn đề học tập trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
55. Nguyễn Lân (1958), *Lịch sử giáo dục dục học thế giới,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
56. Nguyễn Lân (2002), *Từ điển từ và ngữ Hàn Việt*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
57. Phan Huy Lê (1994,1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay* ( KX07).
58. Nguyễn Văn Lê (1998), *Nghề thầy giáo,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
59. Nguyễn Văn Lê (1998), *Đạo đức và lãnh đạo,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
60. Nguyễn Văn Lê (2001), *Tâm lý học và Giáo dục học trong đổi mới đào tạo giáo viên,* Tạp chí Giáo dục, số 16

61. Nguyễn Văn Lê (2009), *Học sinh sinh viên với văn hóa đạo đức trong ứng xử xã hội,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
62. Nguyễn Hiến Lê (2006), *Khổng Tử,* NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
63. *Luật giáo dục,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Phan Ngọc Liên (1999), *Thuật ngữ đạo đức giáo dục công dân,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
65. Nguyễn Thanh Long (2006), *Phương pháp học đại học,* NXB Giáo dục, Hà Nội
66. Phan Thanh Long (2006), *Lí luận giáo dục,* NXB ĐHSP, Hà Nội.
67. Phan Thanh Long (2011), *Xây dựng nội dung và biện pháp giáo dục hành vi văn hóa học đường cho sinh viên đại học sư phạm,* Hà Nội.
68. Hồ Chí Minh (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Cảnh Minh (1985), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ*, Thông báo khoa học số 2.
70. Hà Thế Ngữ (Chủ biên) (1990), *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
71. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học, một vấn đề lí luận và thực tiễn,* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
72. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1998), *Giáo dục học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
73. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học những vấn đề lí luận thực tiễn,* Viện khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Đài (2003), Quan *niệm về nho giáo về giáo dục con người,* NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng (1987), *Từ điển triết học giản yếu*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
76. Phạm Đình Nghiệm (2004), *Giáo dục lí tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

77. Hà Nhật Thăng (1998), *Hoạt động giáo dục ở trường THCS*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

78. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử Giáo dục thế giới,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

79. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

80. Hà Nhật Thăng (2007), *Đạo đức và Giáo dục đạo đức,* NXBĐHSP, Hà Nội.

81. Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý (2004), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

82. Phạm Trung Thành (chủ biên) (2004), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

83. Trần Quốc Thành (2000), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm,* Tạp chí nghiên cứu giáo dục Hà Nội.

84. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng (1995), *Tổ chức hoạt động Giáo dục,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

85. Đặng Hùng Thắng (1999), *Thống kê và ứng dụng,* NXB Giáo dục Hà Nội.

86. Trần Trọng Thủy (1993), *Một số khía cạnh tâm lí học trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông trung học,* Tạp chí Nghiên cứu giáo dục

87. Trần Trọng Thủy (1996), *Về những phẩm chất tâm lí đạo đức của người giáo viên* (Kỷ yếu hội thảo khoa học Trường CĐSP Hà Nội).

88. Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị (1992), *Tâm lý học sư phạm đại học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

89. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

90. Thái Duy Tuyên (2013), *Triết học giáo dục Việt Nam,* NXB Đại học Sư phạm.

91. Nguyễn Cảnh Toàn, *Bàn về giáo dục Việt Nam,* NXB Lao Động, Hà Nội

92. Nguyễn Cảnh Toàn (1991), *Đặt đúng vị trí nghề dạy học ngành sư phạm và cải tạo tâm lí xã hội đối với vấn đề này,* Tạp chí Nghiên cứu giáo dục

93. Lê Khánh Tuấn (2004), *Các biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên THCS trong giai đoạn CNH-HĐH ( phân tích thực tiễn tại Thừa Thiên Huế),* luận án Tiến sĩ.

94. Nguyễn Anh Tuấn (2008*), Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, luận án Tiến sĩ.

95. Phan Thị Hồng Vinh ( 2010), *Phương pháp dạy học giáo dục dục học,* NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

96. Phạm Viết Vượng (2005), *Lí luận giáo dục,* NXBĐHSP, Hà Nội.

97. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học,* NXBĐHSP, Hà Nội.

98. Phạm Viết Vượng (2006), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

99. Qui định về đạo đức nhà giáo, *Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

100. Vũ Ngọc Pha, Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (1997), *Triết học,* NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

101. Vũ Ngọc Ruẩn, *Báo Thế giới và Việt Nam*

102. Hoàng Phê (chủ biên) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

103. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2007), *Giáo dục học tập 1,2,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

**II. Tiếng Anh**

104. Bassey Ubong (2011), National philosophies of education and impact on national development, Proceedings of the 1st International Technology, Education and Environment Conference (c) African Society for Scientific Research (ASSR).

105. Education in China (2002), Ministry of Education The Peoples Republic of China

106. Mortimer R.Feinberg, Robert Tanofsky, John J. Tarrant (1975). The new Psychology for managing people. Prentice Hall, Inc. Englewood Cliffs, N. J.

107. School phobia, a Vietnamese case study Hanoi 2015, Marie – Claude Cassier Super D. E., & Knasel E. G. (1981), "Career development in adulthood: Some theoretical problems and a possible solution", *British Journal of Guidance & counselling(* 9), pp.194-201.

108. Fred N. Kerlinger (1951), The Modern Origin of Morals Instruction in Japanese Education, History of Education Journal Vol. 2, No. 4 (Summer, 1951), tr. 119-120.

# PHỤ LỤC

# Phụ lục 1

## PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN SINH VIÊN

*Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, chúng tôi rất mong bạn cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng mà bạn xem là phù hợp nhất hoặc điền thêm vào chỗ trống.*

***Xin chân thành cảm ơn!***

**Mục đích**

**Câu 1: Theo bạn, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm nhằm mục đích gì?**

| TT | Mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp | Ý kiến của bạn | |
|---|---|---|---|
| | | Đồng ý | Không đồng ý |
| 1.1 | Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề dạy học | | |
| 1.2 | Giúp SV định hướng và phát triển các hành vi khác | | |
| 1.3 | Giúp SV có lối sống trung thực giản dị | | |
| 1.4 | Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | | |
| 1.5 | Giúp SV có thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ | | |
| 1.6 | Góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm | | |
| 1.7 | Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập | | |
| 1.8 | Định hướng giá trị học tập cho SV trước bối cảnh đổi mới giáo dục | | |
| 1.9 | Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên | | |

**Câu 2: Vì sao bạn chọn nghề dạy học?**

| STT | Lí do | Ý kiến của bạn | |
|---|---|---|---|
| | | Đồng ý | Không đồng ý |
| 2.1 | Do bạn bè rủ rê | | |
| 2.2 | Do truyền thống và mong muốn của gia đình | | |
| 2.3 | Do kinh tế và sự thuận lợi khi ra nghề | | |
| 2.4 | Do yêu nghề và khả năng của cá nhân với nghề dạy học | | |
| 2.5 | Do yêu quí trẻ em | | |
| 2.6 | Do không đỗ trường khác | | |

**Nội dung**

**Câu 3. Bạn vui lòng đánh giá mức độ cần thiết của các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên được liệt kê trong bảng dưới đây.** *(Rất cần thiết: 5 điểm, cần thiết:4 điểm, chưa thật cần thiết:3 điểm, rất không cần thiết:2 điểm, không cần thiết:1 điểm)*

| STT | Nội Dung GD | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3.1 | Giáo dục lòng yêu nghề | | | | | |
| 3.2 | Giáo dục lòng yêu trẻ | | | | | |
| 3.3 | Giáo dục lòng vị tha nhân ái | | | | | |
| 3.4 | Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong học tập | | | | | |
| 3.5 | Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị | | | | | |
| 3.6 | Giáo dục thế giới quan khoa học | | | | | |
| 3.7 | Giáo dục lối sống trung thực giản dị | | | | | |
| 3.8 | Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | | | | | |
| 3.9 | Kính trọng, yêu mến thầy cô | | | | | |
| 3.10 | Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn | | | | | |
| 3.11 | Giáo dục tính kiên trì, chịu khó. | | | | | |
| 3.12 | Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt. | | | | | |
| 3.13 | Chống thái độ trông chờ, ỷ lại. | | | | | |
| 3.14 | Chống lối sống thực dụng giả tạo. | | | | | |

**Câu 4: Theo bạn, nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên có phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp sau này không?** *(Rất phù hợp:5 điểm, phù hợp:4 điểm, chưa thực sự phù hợp:3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp:1 điểm)*

| STT | Nội Dung GD | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4.1 | Giáo dục lòng yêu nghề | | | | | |
| 4.2 | Giáo dục lòng yêu trẻ | | | | | |
| 4.3 | Giáo dục lòng vị tha nhân ái | | | | | |
| 4.4 | Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong học tập | | | | | |
| 4.5 | Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị | | | | | |
| 4.6 | Giáo dục thế giới quan khoa học | | | | | |
| 4.7 | Giáo dục lối sống trung thực giản dị | | | | | |
| 4.8 | Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | | | | | |
| 4.9 | Kính trọng, yêu mến thầy cô | | | | | |
| 4.10 | Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn | | | | | |
| 4.11 | Giáo dục tính kiên trì, chịu khó. | | | | | |
| 4.12 | Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt. | | | | | |
| 4.13 | Chống thái độ trông chờ, ỷ lại. | | | | | |
| 4.14 | Chống lối sống thực dụng giả tạo. | | | | | |

**Câu 5: Bạn hãy đánh giá mức độ quan trọng của những phẩm chất, năng lực mà người giáo viên cần có dưới đây: (***Rất quan trọng:5 điểm, quan trọng: 4 điểm, chưa thật quan trọng: 3 điểm, ít quan trọng: 2 điểm, không quan trọng: 1 điểm*)

| STT | Các phẩm chất | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5.1 | Có lòng yêu nghề, mến trẻ | | | | | |
| 5.2 | Có trình độ văn hóa cao | | | | | |
| 5.3 | Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi | | | | | |
| 5.4 | Có lí tưởng nghề nghiệp | | | | | |
| 5.5 | Tôn trọng nhân cách học sinh | | | | | |
| 5.6 | Có niềm tin sư phạm | | | | | |
| 5.7 | Có hiểu biết rộng và sâu | | | | | |
| 5.8 | Có tinh thần ham học hỏi | | | | | |
| 5.9 | Có năng lực giảng dạy | | | | | |
| 5.10 | Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng | | | | | |
| 5.11 | Tận tụy với công việc | | | | | |
| 5.12 | Có trách nhiệm cao với công việc được giao | | | | | |
| 5.13 | Có khả năng giao tiếp tốt | | | | | |
| 5.14 | Trung thực, giản dị | | | | | |
| 5.15 | Khiêm tốn, lịch sự | | | | | |
| 5.16 | Cởi mở dễ hòa nhập với mọi người | | | | | |
| 5.17 | Biết làm giàu chính đáng | | | | | |
| 5.18 | Có uy tín trước học sinh | | | | | |

**Phương pháp**

**Câu 6: Bạn đã thực hiện việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp khi học ở trường sư phạm như thế nào?** *( Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm)*

| TT | Các hành vi | | Mức độ thực hiện | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 1 | **Tự học** | 6.1. Ham học hỏi, tìm tòi suy nghĩ | | | | | |
| | | 6.2. Thường xuyên đọc sách báo, tạp chí | | | | | |
| | | 6.3. Tự học ở mọi lúc mọi nơi | | | | | |
| 2 | **Tham gia hoạt động, phong trào học tập, rèn luyện** | 6.4. Tích cực tham gia các hoạt động củ nhà trường | | | | | |
| | | 6.5. Tham gia sinh hoạt đoàn thể | | | | | |
| | | 6.6. Tham gia các buổi ngoại khoá | | | | | |
| | | 6.7. Rèn luyện tay nghề thường xuyên | | | | | |
| | | 6.8. Thực hành đầy đủ ở trường | | | | | |
| | | 6.9. Nỗ lực phấn đấu thi đua với bạn bè | | | | | |
| 3 | **Thực hiện nghiêm túc nội qui, quy định** | 6.10. Chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên | | | | | |
| | | 6.11. Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt | | | | | |
| | | 6.12. Thực hiện nội qui kí túc xá . | | | | | |
| | | 6.13. Giữ gìn trật tự an ninh ở trường. | | | | | |
| | | 6.14. Không tiếp khách trong giờ tự học. | | | | | |
| | | 6.15. Có ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh | | | | | |
| 4 | **Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra** | 6.16. Nghiêm túc trong giờ kiểm tra, giờ thi | | | | | |
| 5 | **Đề ra mục tiêu, kế hoạch và phương pháp học tập** | 6.17. Biết đặt ra mục tiêu, kế hoạch trong học tập | | | | | |
| | | 6.18. Tích cực tranh luận, thảo luận | | | | | |
| | | 6.19. Tích cực đi thư viện | | | | | |
| | | 6.20. Lập kế hoạch học tập cho bản thân. | | | | | |
| | | 6.21. Học tập gương các thầy cô giáo | | | | | |
| | | 6.22. Độc lập, chủ động sáng tạo trong công việc. | | | | | |

**Câu 7: Bạn hãy xếp theo thứ tự quan trọng dần các phương pháp mà nhà trường đã sử dụng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.**

| **Phương pháp** | **Thứ tự (Đánh số)** |
|---|---|
| Phương pháp động viên, khen thưởng | |
| Phương pháp trách phạt | |
| Phương pháp thuyết phục | |
| Phương pháp giáo dục cá biệt | |
| Phương pháp tổ chức hoạt động để tập luyện, rèn luyện | |
| Phương pháp giao việc | |

**Câu 8: Theo bạn hiện nay nhà trường đã kết hợp các phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên có hiệu quả chưa?**

A. Rất hiệu quả ☐

B. Hiệu quả ☐

C. Rất không hiệu quả ☐

D. Chưa thật hiệu quả ☐

E. Không hiệu quả ☐

**Hình Thức**

**Câu 9: Theo bạn, Nhà trường đã tổ chức những hoạt động sau đây ở mức độ như thế nào?***(Rất thường xuyên: 5 điểm ,thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm)*

| TT | Nội dung giáo dục | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 9.1 | Tổ chức các ngày lễ truyền thống: 20/11 | | | | | |
| 9.2 | Tổ chức câu lạc bộ học tập | | | | | |
| 9.3 | Nói chuyện chuyên đề liên quan đến giáo dục đạo đức cho SV | | | | | |
| 9.4 | Giáo viên tư vấn chia sẻ kinh nghiệm học tập cho SV | | | | | |
| 9.5 | Tọa đàm về phẩm chất của sinh viên sư phạm | | | | | |
| 9.6 | Qua hội thi nghiệp vụ sư phạm | | | | | |
| 9.7 | Tổ chức học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh | | | | | |
| 9.8 | Thông qua hoạt động văn hóa, thể thao | | | | | |
| 9.9 | Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên | | | | | |
| 9.10 | Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh | | | | | |
| 9.11 | Tổ chức cho SV tham gia nghiên cứu khoa học | | | | | |
| 9.12 | Qua hoạt động sinh viên tình nguyện | | | | | |
| 9.13 | Thông qua lao động | | | | | |
| 9.14 | Khen thưởng và kỷ luật | | | | | |
| 9.15 | Qua quá trình tự rèn luyện của bản thân | | | | | |

**Câu 10: Bạn đánh giá như thế nào về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục sau đây?**

| TT | Hình thức | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Rất cao | Cao | Trung bình | Thấp | Không có |
| 10.1 | Dạy các môn học chuyên ngành | | | | | |
| 10.2 | Hoạt động giáo dục NGLL | | | | | |
| 10.3 | Hoạt động rèn luyện NVSP | | | | | |
| 10.4 | Tổ chức chế độ học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV | | | | | |
| 10.5 | Xây dựng môi trường văn hóa học đường trong nhà trường | | | | | |
| 10.6 | Tổ chức cho SV tự giáo dục | | | | | |
| 10.7 | Tổ chức câu lạc bộ học tập | | | | | |
| 10.8 | Biểu dương vinh danh cá nhân, tập thể sinh viên rèn luyện tích cực | | | | | |

**Câu 11: Bạn có thái độ như thế nào khi thấy những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong trường sư phạm?**

| TT | Các hành vi | Thái độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đồng tình | Lên án | Góp ý nhẹ nhàng | Coi thường | Không quan tâm |
| 11.1 | Gian lận trong thi cử | | | | | |
| 11.2 | Vô lễ với giáo viên | | | | | |
| 11.3 | Trộm cắp, đánh nhau | | | | | |
| 11.4 | Đối phó trong học tập | | | | | |
| 11.5 | Quan hệ nam nữ bất chính | | | | | |
| 11.6 | Trốn học, trốn tiết | | | | | |
| 11.7 | Quần áo, đầu tóc không phù hợp | | | | | |
| 11.8 | Vi phạm luật giao thông, | | | | | |
| 11.9 | Nói tục, chửi thề | | | | | |
| 11.10 | Vi phạm nội quy, quy định của trường | | | | | |
| 11.11 | Xúc phạm bạn bè | | | | | |
| 11.12 | Xả rác bừa bãi | | | | | |
| 11.13 | Lãng phí thời gian học tập | | | | | |

**Câu 12: Bạn hãy cho biết mức độ vi phạm đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm hiện nay như thế nào?** *(Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2điểm, chưa bao giờ: 1điểm*)

| TT | Hành vi | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 12.1 | Trao đổi bài trong phòng thi | | | | | |
| 12.2 | Sử dụng tài liệu trong phòng thi | | | | | |
| 12.3 | Lãng phí thời gian học tập | | | | | |
| 12.4 | Cãi nhau, đánh nhau với bạn bè | | | | | |
| 12.5 | Cắm quán, vay nợ tiền | | | | | |
| 12.6 | Xin điểm | | | | | |
| 12.7 | Nói tục, chửi thề | | | | | |
| 12.8 | Thiếu tôn trọng, cãi lời thầy cô giáo | | | | | |
| 12.9 | Ăn mặc phản cảm | | | | | |
| 12.10 | Giao tiếp thiếu văn hóa với thầy cô và bạn bè | | | | | |

**Kết quả**

**Câu 13: Bạn đánh giá như thế nào về hiệu quả công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mà nhà trường đã thực hiện trong thời gian qua?** *( Rất cao: 5 điểm, cao:4 điểm, trung bình: 3 điểm, thấp: 2 điểm, rất thấp:1 điểm)*

| TT | Nội dung đánh giá | Hiệu quả | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 13.1 | Nâng cao nhận thức cho SV về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp | | | | | |
| 13.2 | Giúp SV yêu quí nghề dạy học | | | | | |
| 13.3 | Nâng cao ý thức giữ gìn và xây dựng môi trường sư phạm | | | | | |
| 13.4 | Sinh viên gần gũi, thân thiện, yêu mến giảng viên | | | | | |
| 13.5 | Tăng cường tình đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập | | | | | |
| 13.6 | Sinh viên thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh sau này | | | | | |
| 13.7 | Phương tiện, cơ sở vật chất, cảnh quan của nhà trường được bảo vệ, giữ gìn | | | | | |
| 13.8 | Bồi dưỡng ý thức học tập cho sinh viên | | | | | |

**Câu 14: Bạn hãy đánh giá tính hiệu quả của các lực lượng khi tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?***(Rất hiệu quả : 5, hiệu quả: 4, ít hiệu quả: 3, chưa thật hiệu quả: 2, không hiệu quả: 1)*

| STT | Lực lượng tham gia | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 14.1 | Ban giám hiệu nhà trường | | | | | |
| 14.2 | Ban chủ nhiệm khoa | | | | | |
| 14.3 | Ban quản lý ký túc xá | | | | | |
| 14.4 | Giáo vụ khoa | | | | | |
| 14.5 | Đoàn thanh niên | | | | | |
| 14.6 | Đảng ủy trường | | | | | |
| 14.7 | Giáo viên chủ nhiệm | | | | | |
| 14.8 | Giáo viên giảng dạy | | | | | |
| 14.9 | Tập thể lớp và chi đoàn | | | | | |
| 14.10 | Phòng đào tạo | | | | | |
| 14.11 | Phòng công tác chính trị | | | | | |
| 14.12 | Hội sinh viên | | | | | |

**Câu 15: Bạn cảm thấy như thế nào sau thời gian học ở trường sư phạm?**

| STT | Cảm nhận sau khi học ở trường sư phạm | Ý kiến của bạn | |
|---|---|---|---|
| | | Đồng ý | Không đồng ý |
| 15.1 | Tự hào về nghề sư phạm | | |
| 15.2 | Hài lòng và thích trở thành giáo viên | | |
| 15.3 | Vui vẻ | | |
| 15.4 | Yêu nghề hơn | | |
| 15.5 | Nâng cao trình độ chuyên môn. | | |
| 15.6 | Rèn luyện tay nghề tốt hơn. | | |
| 15.7 | Vận dụng kiến thức vào thực tế phổ thông. | | |
| 15.8 | Có ý thức trách nhiệm với công việc hơn. | | |
| 15.9 | Yên tâm với nghề đã chọn. | | |
| 15.10 | Mạnh dạn, tự tin, năng động hơn. | | |
| 15.11 | Thất vọng về nghề sư phạm | | |
| 15.12 | Không muốn theo nghề dạy học | | |
| 15.13 | Chưa thật yêu nghề | | |
| 15.14 | Không yêu nghề | | |
| 15.15 | Muốn được đi thực hành nghề nhiều hơn | | |
| 15.16 | Trưởng thành và tự tin hơn | | |
| 15.17 | Rất thiết thực | | |
| 15.18 | Lo lắng và mất tự tin | | |

**Câu 16: Bạn hãy cho biết mức độ ảnh hưởng của những yếu tố sau đây đến việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?** *(Rất ảnh hưởng: 5 điểm, ảnh hưởng: 4 điểm, ảnh hưởng nhiều: 3 điểm, ảnh hưởng ít: 2 điểm, không ảnh hưởng: 1 điểm)*

| TT | Yếu tố ảnh hưởng | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 16.1 | Lực lượng giáo dục | | | | | |
| 16.2 | Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học. | | | | | |
| 16.3 | Các văn bản có tính pháp quy | | | | | |
| 16.4 | Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp. | | | | | |
| 16.5 | Môi trường kinh tế xã hội: | | | | | |
| 16.6 | Kiểm tra, đánh giá | | | | | |
| 16.7 | Nội dung, chương trình | | | | | |
| 16.8 | Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...). | | | | | |

**Câu 17: Tự đánh giá mức độ tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp của mình theo các tiêu chí sau:** *(Rất tích cực: 5 điểm, tích cực: 4 điểm, ít khi tích cực: 3 điểm, đôi khi:2 điểm, không bao giờ:1 điểm)*

| TT | Hoạt động giáo dục | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 17.1 | Thực hiện các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp theo nội qui, qui định của nhà trường | | | | | |
| 17.2 | Tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp do nhà trường, khoa tổ chức | | | | | |
| 17.3 | Ủng hộ, khuyến khích những hành vi văn hóa trong nhà trường | | | | | |
| 17.4 | Đấu tranh ngăn chặn phê phán những hành vi thiếu văn hóa trong ứng xử, trong học tập | | | | | |
| 17.5 | Tự giáo dục, tự rèn luyện để nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp | | | | | |
| 17.6 | Tuyên truyền vận động để các bạn khác cùng thực hiện rèn luyện đạo đức nghề nghiệp | | | | | |

**Câu 18: Theo bạn các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường đã phù hợp với sinh viên chưa?** *( Rất phù hợp: 5 điểm, phù hợp: 4 điểm, chưa thực sự phù hợp: 3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp: 1 điểm)*

| TT | Các con đường | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 18.1 | Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm | | | | | |
| 18.2 | Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp | | | | | |
| 18.3 | Thông qua hoạt động tự quản của tập thể | | | | | |
| 18.4 | Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV | | | | | |
| 18.5 | Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | | | | | |
| 18u.6 | Thông qua việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội | | | | | |

***Xin bạn vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:***

***Bạn là sinh viên năm thứ: …..... , khoa .....***

***Giới tính: Nam / nữ***

***Cảm ơn sự hợp tác của bạn!***

**Phụ lục 2**

**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

**Về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm**

**( Dành cho giảng viên, CBQLGD)**

*Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, đồng chívui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây bằng cách trả lời câu hỏi hoặc đánh dấu (x) vào lựa chọn phù hợp với ý kiến của đồng chí.*

***Xin chân thành cảm ơn!***

**Mục đích**

**Câu 1: Theo đồng chí, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm nhằm mục đích gì?**

| TT | Mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp | Ý kiến của đồng chí | |
|---|---|---|---|
| | | Đồng ý | Không đồng ý |
| 1.1 | Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề dạy học | | |
| 1.2 | Giúp SV định hướng và phát triển các hành vi khác | | |
| 1.3 | Giúp SV có lối sống trung thực giản dị | | |
| 1.4 | Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | | |
| 1.5 | Giúp SV có thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ | | |
| 1.6 | Góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm | | |
| 1.7 | Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập | | |
| 1.8 | Định hướng giá trị học tập cho SV trước bối cảnh đổi mới giáo dục | | |
| 1.9 | Góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và phát triển nhân cách người giáo viên tương lai. | | |

**2. Theo đồng chí, tại sao phải giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?**

A. Là nghề cao quý ☐
B. Nghề liên quan đến tương lai đất nước ☐
C. Nghề liên quan đến thế hệ trẻ ☐
D. Nghề được cả xã hội tôn vinh kính trọng ☐
E. Do yêu cầu của xã hội đối với nghề thầy giáo ☐

**Nội dung**

**3. Đồng chí vui lòng đánh giá mức độ cần thiết của các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên được liệt kê trong bảng dưới đây.** *(Rất cần thiết: 5 điểm, cần thiết: 4 điểm, chưa thật cần thiết: 3 điểm, ít cần thiết: 2 điểm, không cần thiết: 1 điểm)*

| TT | Nội Dung GD | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3.1 | Giáo dục lòng yêu nghề | | | | | |
| 3.2 | Giáo dục lòng yêu trẻ | | | | | |
| 3.3 | Giáo dục lòng vị tha nhân ái | | | | | |
| 3.4 | Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong học tập | | | | | |
| 3.5 | Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị | | | | | |
| 3.6 | Giáo dục thế giới quan khoa học | | | | | |
| 3.7 | Giáo dục lối sống trung thực giản dị | | | | | |
| 3.8 | Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng | | | | | |
| 3.9 | Kính trọng, yêu mến thầy cô | | | | | |
| 3.10 | Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn | | | | | |
| 3.11 | Giáo dục tính kiên trì, chịu khó. | | | | | |
| 3.12 | Chấp hành nội qui, nề nếp học tập tốt. | | | | | |
| 3.13 | Chống thái độ trông chờ, ỷ lại. | | | | | |
| 3.14 | Chống lối sống thực dụng giả tạo. | | | | | |

**Câu 4: Đồng chí hãy đánh giá mức độ quan trọng của những phẩm chất mà người giáo viên cần có dưới đây:** (*Rất quan trọng: 5 điểm, quan trọng: 4 điểm, ít quan trọng: 3 điểm, chưa thật quan trọng: 2 điểm, không quan trọng: 1 điểm*)

| TT | Các phẩm chất | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4.1 | Có lòng yêu nghề, mến trẻ | | | | | |
| 4.2 | Có trình độ văn hóa cao | | | | | |
| 4.3 | Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi | | | | | |
| 4.4 | Có lí tưởng nghề nghiệp | | | | | |
| 4.5 | Tôn trọng nhân cách học sinh | | | | | |
| 4.6 | Có niềm tin sư phạm | | | | | |
| 4.7 | Có hiểu biết rộng và sâu | | | | | |
| 4.8 | Có tinh thần ham học hỏi | | | | | |
| 4.9 | Có năng lực giảng dạy | | | | | |
| 4.10 | Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng | | | | | |
| 4.11 | Tận tụy với công việc | | | | | |
| 4.12 | Có trách nhiệm cao với công việc được giao | | | | | |
| 4.13 | Có khả năng giao tiếp tốt | | | | | |
| 4.14 | Trung thực, giản dị | | | | | |
| 4.15 | Khiêm tốn, lịch sự | | | | | |
| 4.16 | Cởi mở dễ hòa nhập với mọi người | | | | | |
| 4.17 | Biết làm giàu chính đáng | | | | | |
| 4.18 | Có uy tín trước học sinh | | | | | |

**5. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của những chuẩn mực đạo đức nhà giáo cần giáo dục cho sinh viên?** *( Rất cần thiết: 5 điểm, cần thiết:4 điểm, chưa thật cần thiết: 3 điểm, ít cần thiết:2 điểm, không cần thiết:1 điểm)*

| TT | Các phẩm chất | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5.1 | Yêu quí sự nghiệp "trồng người" | | | | | |
| 5.2 | Sự mẫu mực, tính mô phạm trong lối sống, tác phong | | | | | |
| 5.3 | Tinh thần đấu tranh với các quan điểm sai trái | | | | | |
| 5.4 | Có lý tưởng cao đẹp, thế giới quan khoa học | | | | | |
| 5.5 | Có trình độ văn hoá cao | | | | | |
| 5.6 | Lối sống trung thực, giản dị, chan hoà với mọi người | | | | | |
| 5.7 | Có ý chí vươn lên, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ. | | | | | |
| 5.8 | Say mê nhiệt tình với công việc; | | | | | |
| 5.9 | Uy tín của nhà giáo đối với người học | | | | | |
| 5.10 | Có chí hướng nghề nghiệp rõ ràng ổn định | | | | | |

**Phương pháp**

**6. Đồng chí hãy xếp theo thứ tự quan trọng dần các phương pháp mà nhà trường đã sử dụng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.**

| Phương pháp | Thứ tự (đánh số) |
|---|---|
| Phương pháp động viên, khen thưởng | |
| Phương pháp trách phạt | |
| Phương pháp thuyết phục | |
| Phương pháp giáo dục cá biệt | |
| Phương pháp tổ chức các hoạt động để tập luyện, rèn luyện | |
| Phương pháp giao việc | |

**7. Theo đồng chí, hiện nay nhà trường đã kết hợp các phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên có hiệu quả chưa?**

A. Rất hiệu quả ☐

B. Hiệu quả ☐

C. Rất không hiệu quả ☐

D. Chưa thật hiệu quả ☐

E. Không hiệu quả ☐

**8. Theo đồng chí, các phẩm chất đạo đức của người thầy giáo được hình thành chủ yếu trong thời gian nào dưới đây**

| STT | Thời gian | Ý kiến của bạn | |
|---|---|---|---|
| | | Đồng ý | Không đồng ý |
| 8.1 | Trước khi vào trường sư phạm | | |
| 8.2 | Trong quá trình học tập ở trường sư phạm | | |
| 8.3 | Khi đã ra công tác | | |
| 8.4 | Khi tham gia hoạt động xã hội | | |

**Hình thức**

**9. Theo đồng chí, Nhà trường đã tổ chức những hoạt động sau đây ở mức độ như thế nào?** *(Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm)*

| TT | Nội Dung GD | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 9.1 | Tổ chức các ngày lễ truyền thống: 20/11 | | | | | |
| 9.2 | Tổ chức câu lạc bộ học tập | | | | | |
| 9.3 | Nói chuyện chuyên đề liên quan đến giáo dục đạo đức cho SV | | | | | |
| 9.4 | Giáo viên tư vấn chia sẻ kinh nghiệm học tập cho SV | | | | | |
| 9.5 | Tọa đàm về phẩm chất của sinh viên sư phạm | | | | | |
| 9.6 | Qua hội thi nghiệp vụ sư phạm | | | | | |
| 9.7 | Tổ chức học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh | | | | | |
| 9.8 | Thông qua hoạt động văn hóa, thể thao | | | | | |
| 9.9 | Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên | | | | | |
| 9.10 | Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh | | | | | |
| 9.11 | Tổ chức cho SV tham gia nghiên cứu khoa học | | | | | |
| 9.12 | Qua hoạt động sinh viên tình nguyện | | | | | |
| 9.13 | Thông qua lao động | | | | | |
| 9.14 | Khen thưởng và kỷ luật | | | | | |
| 9.15 | Qua quá trình tự rèn luyện của bản thân | | | | | |

**10. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục sau đây?**

| TT | Hình thức | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Rất cao | Cao | Trung bình | Thấp | Không có |
| 10.1 | Dạy các môn học chuyên ngành | | | | | |
| 10.2 | Hoạt động giáo dục NGLL | | | | | |
| 10.3 | Hoạt động rèn luyện NVSP | | | | | |
| 10.4 | Tổ chức chế độ học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV | | | | | |
| 10.5 | Xây dựng môi trường văn hóa học đường trong nhà trường | | | | | |
| 10.6 | Tổ chức cho SV tự giáo dục | | | | | |
| 10.7 | Tổ chức câu lạc bộ học tập | | | | | |
| 10.8 | Biểu dương vinh danh cá nhân, tập thể sinh viên rèn luyện tích cực | | | | | |

**11. Đồng chí có thái độ như thế nào khi thấy những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong trường sư phạm?**

| TT | Các hành vi | Thái độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đồng tình | Lên án | Góp ý nhẹ nhàng | Coi thường | Không quan tâm |
| 11.1 | Gian lận trong thi cử | | | | | |
| 11.2 | Vô lễ với giáo viên | | | | | |
| 11.3 | Trộm cắp, đánh nhau | | | | | |
| 11.4 | Đối phó trong học tập | | | | | |
| 11.5 | Quan hệ nam nữ bất chính | | | | | |
| 11.6 | Trốn học, trốn tiết | | | | | |
| 11.7 | Quần áo, đầu tóc không phù hợp | | | | | |
| 11.8 | Vi phạm luật giao thông, | | | | | |
| 11.9 | Nói tục, chửi thề | | | | | |
| 11.10 | Vi phạm nội quy, quy định của trường | | | | | |
| 11.11 | Xúc phạm bạn bè | | | | | |
| 11.12 | Xả rác bừa bãi | | | | | |
| 11.13 | Lãng phí thời gian học tập | | | | | |

**12. Đồng chí hãy cho biết mức độ vi phạm đạo đức nghề nghiệp của sinh viên hiện nay như thế nào? (***( Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1 điểm***)**

| STT | Hành vi | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 12.1 | Trao đổi bài trong phòng thi | | | | | |
| 12.2 | Sử dụng tài liệu trong phòng thi | | | | | |
| 12.3 | Lãng phí thời gian học tập | | | | | |
| 12.4 | Cãi nhau, đánh nhau với bạn bè | | | | | |
| 12.5 | Cắm quán, vay nợ tiền | | | | | |
| 12.6 | Xin điểm | | | | | |
| 12.7 | Nói tục, chửi thề | | | | | |
| 12.8 | Thiếu tôn trọng, cãi lời thầy cô giáo | | | | | |
| 12.9 | Ăn mặc phản cảm | | | | | |
| 12.10 | Giao tiếp chưa văn hóa với thầy cô và bạn bè | | | | | |

**Kết quả**

**13. Theo đồng chí đánh giá hiện nay đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm đã thực sự tốt chưa?**

A. Rất tốt ☐

B. Tốt ☐

C.Chưa tốt ☐

D. Đang xuống cấp ☐

E. Không tốt ☐

**14. Đồng chí đánh giá như thế nào về hiệu quả công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mà nhà trường đã thực hiện trong thời gian qua?** *(Rất cao: 5 điểm, cao:4 điểm, trung bình: 3 điểm, thấp: 2 điểm, không có:1 điểm)*

| TT | Nội dung đánh giá | Hiệu quả | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 14.1 | Nâng cao nhận thức cho SV về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp | | | | | |
| 14.2 | Giúp SV yêu quí nghề dạy học hơn | | | | | |
| 14.3 | Nâng cao ý thức giữ gìn và xây dựng môi trường sư phạm hơn | | | | | |
| 14.4 | Sinh viên gần gũi, thân thiện, yêu mến giảng viên | | | | | |
| 14.5 | Tăng cường tình đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập | | | | | |
| 14.6 | Sinh viên thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh sau này | | | | | |
| 14.7 | Phương tiện, cơ sở vật chất của nhà trường được bảo vệ, giữ gìn tốt hơn | | | | | |
| 14.8 | Bồi dưỡng ý thức học tập cho sinh viên | | | | | |

**15. Đồng chí hãy đánh giá tính hiệu quả của các lực lượng khi tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?***(Rất hiệu quả : 5 điểm, hiệu quả:4 điểm, ít hiệu quả:3 điểm, chưa thật hiệu quả:2 điểm, không hiệu quả:1 điểm)*

| TT | Lực lượng tham gia | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 15.1 | Ban giám hiệu nhà trường | | | | | |
| 15.2 | Ban chủ nhiệm khoa | | | | | |
| 15.3 | Ban quản lý ký túc xá | | | | | |
| 15.4 | Giáo vụ khoa | | | | | |
| 15.5 | Đoàn thanh niên | | | | | |
| 15.6 | Đảng ủy trường | | | | | |
| 15.7 | Giáo viên chủ nhiệm | | | | | |
| 15.8 | Giáo viên giảng dạy | | | | | |
| 15.9 | Tập thể lớp và chi đoàn | | | | | |
| 15.10 | Phòng đào tạo | | | | | |
| 15.11 | Phòng công tác chính trị | | | | | |
| 15.12 | Hội sinh viên | | | | | |

**16. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng của những yếu tố sau đây đến việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?** *( Rất ảnh hưởng: 5 điểm, ảnh hưởng: 4 điểm, ảnh hưởng nhiều: 3 điểm, ảnh hưởng ít: 2 điểm, không ảnh hưởng: 1 điểm)*

| TT | Yếu tố ảnh hưởng | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 16.1 | Lực lượng giáo dục | | | | | |
| 16.2 | Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học. | | | | | |
| 16.3 | Các văn bản có tính pháp quy | | | | | |
| 16.4 | Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp. | | | | | |
| 16.5 | Môi trường kinh tế xã hội: | | | | | |
| 16.6 | Kiểm tra, đánh giá | | | | | |
| 16.7 | Nội dung, chương trình | | | | | |
| 16.8 | Các phương tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...). | | | | | |

**17. Theo đồng chí các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường đã phù hợp với sinh viên chưa?** *( Rất phù hợp: 5 điểm, phù hợp: 4 điểm, chưa thực sự phù hợp: 3 điểm, ít phù hợp: 2 điểm, không phù hợp:1 điểm)*

| TT | Các con đường | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 17.1 | Thông qua hoạt động dạy và học các môn trong chương trình đào tạo của nhà trường sư phạm | | | | | |
| 17.2 | Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp | | | | | |
| 17.3 | Thông qua hoạt động tự quản của tập thể | | | | | |
| 17.4 | Thông qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV | | | | | |
| 17.5 | Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | | | | | |
| 17.6 | Thông qua việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội | | | | | |

**18. Theo đồng chí hiện nay công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm có thuận lợi gì?**

……

……

**19. Theo đồng chí hiện nay công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm có khó khăn gì?**

……

……

**20. Đồng chí có đề xuất gì trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm?**

……

……

***Cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!***

# Phụ lục 3

# PHIẾU KHẢO SÁT TRƯỚC THỰC NGHIỆM

**1. Thông tin sinh viên:**

Họ và tên:

Lớp:

**2. Câu hỏi khảo sát:**

**Câu 1: Theo bạn, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm có ý nghĩa như thế nào?**

*(Hoàn toàn đồng ý: 5 điểm, phần lớn là đồng ý: 4 điểm, phân vân: 3 điểm, phần lớn là không đồng ý: 2 điểm, hoàn toàn không đồng ý: 1 điểm)*

| TT | Nhận thức | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 1.1 | Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên | | | | | |
| 1.2 | Nhằm góp phần xây dựng và phát triển văn hóa trong trường sư phạm. | | | | | |
| 1.3 | Đánh giá nghiêm túc việc rèn luyện đạo đức trong quá trình học tập, thực tập. | | | | | |
| 1.4 | Xây dựng bầu không khí tâm lí trong quá trình học tập | | | | | |
| 1.5 | Tạo lập mối quan hệ tốt đẹp giữa giáo viên với sinh viên | | | | | |
| 1.6 | Định hướng giá trị học tập cho SV trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. | | | | | |

**Câu 2: Bạn đánh giá như thế nào về nghề dạy học?**

Nghề dạy học là nghề cao quí và sáng tạo ☐

Nghề nhàn hạ ☐

Nghề khó khăn ☐

Nghề bình thường như các nghề khác ☐

**Câu 3: Theo bạn chất lượng giáo dục đạo đức NN cho SVSP hiện nay phụ thuộc vào những yếu tố:**

*(Hoàn toàn đúng: 5 điểm, phần lớn là đúng: 4 điểm, phân vân: 3 điểm, phần lớn là không đúng: 2 điểm, không đúng: 1 điểm)*

| TT | Yếu tố | Ý kiến | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3.1 | Động cơ, hứng thú học tập của SV | | | | | |
| 3.2 | Uy tín của GV, CBQL, SV | | | | | |
| 3.3 | Thầy cô giáo phải là người vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ | | | | | |
| 3.4 | Thầy cô giáo phải là người tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc, công bằng trong đánh giá SV. | | | | | |
| 3.5 | Nhận thức của SV về giao tiếp, ứng xử | | | | | |
| 3.6 | Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi SV | | | | | |
| 3.7 | SV phải sống lành mạnh, giản dị, hòa đồng với mọi người | | | | | |
| 3.8 | SV phải có lí tưởng nghề nghiệp, niềm tin sư phạm | | | | | |

**Câu 4: Theo bạn để trở thành người giáo viên cần phải có những phẩm chất đạo đức nào?**

a. Có thế giới quan khoa học ☐

b. Có lòng yêu nghề, yêu trẻ ☐

c. Có lòng vị tha nhân ái ☐

d. Có tác phong mẫu mực mô phạm ☐

e. Có phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị ☐

f. Có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng ☐

**Câu 5: Bạn vui lòng cho biết thái độ của bản thân khi thực hiện việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp**. *(Rất nghiêm túc: 5 điểm, nghiêm túc: 4 điểm, bình thường: 3 điểm, không nghiêm túc: 2 điểm, chưa bao giờ nghiêm túc: 1 điểm)*

| TT | Biểu hiện | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5.1 | Không tiếp khách trong giờ tự học | | | | | |
| 5.2 | Không quay cóp khi kiểm tra, thi | | | | | |
| 5.3 | Đi học đúng giờ | | | | | |
| 5.4 | Thực hiện đúng nội quy thư viện, phòng thực hành | | | | | |
| 5.5 | Thực hiện đúng nội quy kí túc xá | | | | | |
| 5.6 | Ăn ở gọn gàng, sạch sẽ vệ sinh | | | | | |
| 5.7 | Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong giờ học | | | | | |
| 5.8 | Phê phán những hành vi thiếu văn hóa trong ứng xử, trong học tập | | | | | |
| 5.9 | Bảo quản, giữ gìn sách vở, đồ dùng, phương tiện phục vụ học tập. | | | | | |
| 5.10 | Tự giác nghiêm túc trong học tập | | | | | |
| 5.11 | Độc lập, chủ động sáng tạo trong công việc. | | | | | |

**Câu 6: Bạn có thái độ như thế nào khi thấy một giáo viên trù dập học sinh?**

a. Phẫn nộ ☐

b. Coi thường ☐

c. Không cảm thấy gì ☐

d. Cảm thông ☐

**Câu 7: Sau thời gian kiến tập sư phạm, bạn có thái độ như thế nào về nghề dạy học?**

a. Yêu nghề dạy học hơn ☐

b. Coi thường nghề dạy học ☐

c. Không yêu mà cũng không coi thường nghề dạy học ☐

d. Thích thú với công việc dạy học ☐

e. Có niềm tin với nghề dạy học ☐

f. Chững chạc và trưởng thành hơn ☐

**Câu 8: Khi thiếu bài kiểm tra điều kiện và không được dự thi học phần bạn có thái độ:**

a. Thành khẩn nhận lỗi với giáo viên và xin làm bài khác để nộp ☐

b. Chấp nhận quyết định của giáo viên ☐

c. Coi đó là chuyện bình thường của sinh viên ☐

d. Dùng tiền để mua chuộc giáo viên ☐

**Câu 9: Bạn thực hiện việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp sau đây như thế nào?** *(Rất thường xuyên: 5 điểm, thường xuyên: 4 điểm, đôi khi: 3 điểm, hiếm khi: 2 điểm, chưa bao giờ: 1điểm)*

| TT | Hành vi | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 9.1 | Không tiếp khách trong giờ tự học | | | | | |
| 9.2 | Không quay cóp khi kiểm tra, thi | | | | | |
| 9.3 | Đi học đúng giờ | | | | | |
| 9.4 | Thực hiện đúng nội quy thư viện, phòng thực hành | | | | | |
| 9.5 | Thực hiện đúng nội quy kí túc xá | | | | | |
| 9.6 | Ăn ở gọn gàng, sạch sẽ vệ sinh | | | | | |
| 9.7 | Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong giờ học | | | | | |
| 9.8 | Phê phán những hành vi thiếu văn hóa trong ứng xử, trong học tập | | | | | |
| 9.9 | Bảo quản, giữ gìn sách vở, đồ dùng, phương tiện phục vụ học tập. | | | | | |
| 9.10 | Tự giác, nghiêm túc trong học tập | | | | | |
| 9.11 | Độc lập, chủ động sáng tạo trong công việc. | | | | | |

**Câu 10: Bạn vui lòng cho biết kết quả thực hiện các hành vi rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của bản thân: (***Rất tốt: 5 điểm, phần lớn là tốt: 4 điểm, bình thường: 3 điểm, phần lớn là không tốt: 2 điểm, chưa tốt: 1 điểm)*

| TT | Hành vi | Mức độ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 10.1 | Không tiếp khách trong giờ tự học | | | | | |
| 10.2 | Không quay cóp khi kiểm tra, thi | | | | | |
| 10.3 | Đi học đúng giờ | | | | | |
| 10.4 | Thực hiện đúng nội quy thư viện, phòng thực hành | | | | | |
| 10.5 | Thực hiện đúng nội quy kí túc xá | | | | | |
| 10.6 | Ăn ở gọn gàng, sạch sẽ vệ sinh | | | | | |
| 10.7 | Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong giờ học | | | | | |
| 10.8 | Phê phán những hành vi thiếu văn hóa trong ứng xử, trong học tập | | | | | |
| 10.9 | Bảo quản, giữ gìn sách vở, đồ dùng, phương tiện phục vụ học tập. | | | | | |
| 10.10 | Tự giác nghiêm túc trong học tập | | | | | |
| 10.11 | Độc lập, chủ động sáng tạo trong công việc. | | | | | |

***Xin bạn vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân!***

***Bạn là sinh viên khoa …… Trường ……***

***Giới tính : Nam/nữ …..***

***Xin chân thành cảm ơn bạn!***

**Phụ lục 4**

**PHIẾU QUAN SÁT**

**1. Mục đích:** Thu thập thông tin về việc thực hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp của SV.

**2. Thời gian quan sát:**

**3. Người quan sát:**

**4. Nội dung quan sát:**

| **Đối tượng QS** / **Hành vi** | | **Lớp:….. (Tổng số SV:...)** | **Lớp:….. (Tổng số SV:...)** | **Lớp:….. (Tổng số SV:...)** |
|---|---|---|---|---|
| Thực hiện nghiêm túc các qui định của nhà trường | Thực hiện đầy đủ nội quy ở lớp, nhà trường | | | |
| | Bỏ tiết, bỏ buổi học | | | |
| | Quay cóp, sử dụng tài liệu trái phép khi thi, kiểm tra | | | |
| Tự học | Thường xuyên đọc sách báo tạp chí | | | |
| | Tự học ở mọi lúc mọi nơi | | | |
| | Không thường xuyên đọc sách báo | | | |
| Các hoạt động trên lớp | Tích cực tranh luận thảo luận | | | |
| | Không tích cực tranh luận thảo luận | | | |
| | Sử dụng điện thoại trong giờ học | | | |
| | Nỗ lực phấn đấu thi đua | | | |

| Đối tượng QS / Hành vi | | Lớp:….. (Tổng số SV:...) | Lớp:….. (Tổng số SV:...) | Lớp:….. (Tổng số SV:...) |
|---|---|---|---|---|
| | với bạn bè | | | |
| | Không nỗ lực phấn đấu thi đua với bạn bè | | | |
| | Độc lập, chủ động sáng tạo trong học tập | | | |
| | Chưa độc lập, chủ động sáng tạo trong học tập | | | |
| Các hoạt động NGLL | Tham gia các buổi ngoại khóa | | | |
| | Tích cực tham gia các hoạt động của trường | | | |
| | Không tích cực tham gia các hoạt động của trường | | | |
| | Không thường xuyên tham gia sinh hoạt đoàn thể | | | |
| Trong ứng xử với thầy cô, bạn bè | Học tập gương các thầy cô giáo | | | |
| | Thiếu tôn trọng, cãi lời thầy cô giáo | | | |
| | Nói tục, thiếu lễ độ với giáo viên | | | |
| | Vui vẻ, hòa nhã lịch sự trong ứng xử | | | |

## Phụ lục 5

## BÀI TẬP TÌNH HUỐNG ( DÙNG TRONG THỰC NGHIỆM )

*Bạn vui lòng đọc các tình huống sau và đánh dấu vào phương án bạn cho là phù hợp với suy nghĩ và hành động của bạn nhất. Chân thành cảm ơn bạn!*

**Tình huống (TH) 1: Khi học sinh xé bài kiểm tra.**

Trả bài kiểm tra một tiết học cho học sinh xong, bạn quay lên bục giảng để bắt đầu bài mới thì bỗng "roạc", "xoạt, xoạt", hình như là tiếng xé và vò giấy. Bạn quay lại thì thấy Tiến đã xé tan bài làm được một điểm của mình trước sự ngơ ngác của các bạn trong lớp. Khi được hỏi tại sao em xé bài, thì Tiến trả lời tỉnh queo: "Bài của em thì em xé". Trước sự việc đó, bạn phải giải quyết ra sao?

1. Bạn không nói gì, quay trở lại bục giảng để bắt đầu bàng giảng của mình.

2. Bắt em đó phải đứng dậy, phê bình gay gắt và ghi vào sổ đầu bài vì thiếu ý thức tôn trọng giáo viên.

3. Bạn tạm thời bỏ qua và nhanh chóng bắt đầu vào bài giảng của mình. Sau đó cuối giờ bạn gọi em học sinh đó lại để hỏi han, tâm sự và giải thích cho em hiểu về sự đúng sai với hành động của mình.

4. Bạn dành ra một vài phút xuống chỗ em đó và nhẹ nhàng nhắc nhở em, để em nhận ra khuyết điểm của mình và động viên em lần sau cố gắng.

**TH 2: Em ước được nghỉ tiết học của cô**

Sau khi giảng bài xong, cô giáo Lan hỏi vui:

- Nếu cô cho các em một điều ước trong khả năng của cô, các em sẽ ước gì?

Cả lớp cười, bỗng cô nghe thấy cuối lớp có học sinh đáp:

Thưa cô, em ước được nghỉ tiết học của cô ạ.

Là cô giáo Lan, bạn ứng xử thế nào?

1. Lờ đi coi như không nghe thấy câu nói đó và " đánh trống lảng" sang khác

2. Tự ái, phê bình em học sinh đó về ý thức học tập.

3. Vẫn thái độ vui vẻ, bạn giải thích cho em hiểu bạn không thể đáp ứng được điều ước đó của em, nhưng cũng rút kinh nghiệm trong việc nói chuyện vui vẻ với các em vào những lần sau để tránh bị học sinh đẩy vào tình huống khó xử.

**TH 3: Bức thư của cô giáo trẻ**

Thưa thầy, thế là em ra trường đã được một năm rồi. Nhà trường đã trang bị cho chúng em biết bao kiến thức, nhưng dường như cả kho hành trang này còn quá ít ỏi so với thực tế thầy ạ.

Suốt một năm qua em giảng dạy và chủ nhiệm ở một lớp 6. Có những lúc em cảm thấy bất lực trước một số học sinh. Ở lớp em có một học sinh gái. Em đó có một tính xấu và biệt tài là nói điêu, dựng chuyện. Dường như khi lừa dối được mọi người và nhất là cô giáo chủ nhiệm là niềm vui của em ấy. Em đã gặp riêng, chỉ rõ tác hại của việc nói dối nhưng vẫn chứng nào tật ấy. Em đã cho học sinh trong lớp sưu tầm mẩu chuyện về nói dối để đọc trong các buổi sinh hoạt và người đọc chính là học sinh đó, nhưng vẫn không có tác dụng gì. Em đã tới gia đình, gặp bố mẹ  để trao đổi, thế mà học sinh đó vẫn không thay đổi Thầy ạ.

Vậy có biện pháp nào giáo dục cho học sinh đó tính trung thực nữa không thưa thầy?

**TH 4:  Học sinh đi học muộn**

Bạn đang say sưa giảng bài thì một học sinh đi học muộn xin vào lớp làm cắt ngang bài giảng của bạn. Lúc này giờ học đã bắt đầu được 15 phút. Bạn bực mình vì bị mất hứng. Vậy bạn xử lí như thế nào?

1. Bạn hỏi "Tại sao bây giờ mới đến, có biết vào học từ mấy giờ không?" rồi mới nói với giọng bực tức: "Vào đi"

2. Nhất định không cho học sinh vào lớp, phạt đứng ngoài cửa lớp đến hết tiết học mới được vào lớp.

3. Nhẹ nhàng ra hiệu cho học sinh vào lớp, tiếp tục giảng bài bình thường rồi hết tiết học mời học sinh lên, tìm hiểu nguyên nhân đi học muộn của em ấy rồi nhắc nhở.

**TH5: Tại sao em không chào cô**

Khi bạn bước vào lớp, cả lớp đều đứng lên rất ngay ngắn chào cô. Nhưng khi nhìn xuống cuối lớp, bạn phát hiện ra một em học sinh vẫn ngồi. Trước hiện tượng đó, bạn sẽ xử lí ra sao?

1. Bạn lờ đi coi như không biết và cho cả lớp ngồi xuống rồi bắt đầu giảng.

2. Bạn nhìn thẳng và gọi trực tiếp học sinh đó đứng lên chào giáo viên khi vào lớp.

3. Bạn cho cả lớp ngồi xuống, sau đó bạn đi xuống chỗ học sinh đó để tìm hiểu nguyên nhân vì sao em lại không thể đứng lên chào cô như các bạn, nếu không thấy học sinh trình bày được lý do gì chính đáng, bạn nghiêm khắc yêu cầu em lần sau phải đứng dậy và có ý thức nghiêm chỉnh khi giáo viên bước vào lớp.

**TH6:. Khi cô giáo ghi nhầm đầu bài**

Sau khi kiểm tra bài cũ, cô giáo ghi đầu bài của tiết học lên bảng. Em An cặm cụi, cẩn thận ghi đầu bài của mình.

Bỗng cô giáo phát hiện ra mình đã ghi nhầm đầu bài bèn thông báo cho học sinh và ghi lại đầu bài lên bảng. Em An cảm thấy bực xé ngay trang vở vừa viết và càu nhàu nói: "Viết như vậy mà cũng viết". Cô giáo cũng nghe thấy. Ở vào tình huống này bạn xử lí sao đây?

1. Lờ đi coi như không nghe thấy câu nói của An.

2. Quay sang hỏi em học sinh nào mà đã nói câu đó và phê bình em đó trước lớp.

3. Nhận sự sơ suất của mình trước các em, nhưng cũng đồng thời phân tích cho các em hiểu những sai sót của em An. Cô nói cho các em hiểu rằng trong cuộc sống đôi khi mọi người cũng có lúc nhầm lẫn.

**TH7: Khi cô giáo đến lớp muộn**

Một lần vì có việc bận đột xuất nên bạn đã đến muộn 10 phút. Khi vừa bước đến cửa lớp bạn đã nghe rõ tiếng học sinh trong lớp reo hò vì tưởng cô giáo không đến dạy. Gặp tình huống này bạn xử lí thế nào?

1. Bạn lờ đi coi như chưa nghe thấy và vẫn vào lớp bắt đầu bài giảng như bình thường.

2. Bạn bước vào lớp với thái độ bực bội và cho cả lớp nghe một bài giảng về thái độ thiếu tôn trọng thầy cô.

3. Bạn vào lớp, xin lỗi các em về việc mình đã đến muộn. Đồng thời cũng nhẹ nhàng nhắc nhở học sinh về thái độ vừa rồi và nhanh chóng bắt đầu bài giảng.

**TH 8: Khi học sinh thắc mắc vì giáo viên cho điểm thấp**

Trong một lần trả bài kiểm tra lớp của thầy Việt, có một học sinh đứng lên thắc mắc với thầy về kết quả điểm thầy chấm với lí do: "Bài của em làm giống y hệt bài của bạn Thắng, sao bạn ấy lại được 8 điểm mà em chỉ được có 5?". Đặt vào tình huống của thầy Việt, bạn xử lí ra sao?

1. Trả lời qua loa vào bài giảng mới ngay.

2. Yêu cầu học sinh đó xem lại và không được thắc mắc vì thầy đã chấm rất kỹ không có chuyện nhầm lẫn.

3. Yêu cầu em đó ngồi xuống bình tĩnh xem lại bài của mình. Sau đó bạn có thể thu lại hai bài làm đó để xem xét cho kỹ. Nếu khi kiểm tra thấy mình đã làm đúng thì nên giải thích cặn kẽ cho em đó hiểu về kết quả của mình.

**Phụ lục 6**

**MÔ HÌNH NỘI DUNG THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP 4**

***Tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để rèn luyện các hành vi ĐĐNN cho SV ở trường CĐSP***

**HOẠT ĐỘNG: Kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.**

**I. Yêu cầu giáo dục**

Giúp sinh viên:

- Nhận thức được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.
- Có thái độ trân trọng, yêu quý và luôn nghi nhớ công ơn các thầy cô giáo.

**II. Nội dung và hình thức hoạt động**

**1. Nội dung**

- Tóm tắt ý nghĩa ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.
- Vị trí, vai trò của các thầy cô giáo trong sự nghiệp giáo dục, xây dựng và phát triển đất nước.
- Lòng biết ơn đối với thầy cô giáo của các thế hệ học sinh.

**2. Hình thức hoạt động**

- Tặng hoa, chúc mừng thầy cô giáo.
- Trao đổi, thảo luận, tâm sự những kỉ niệm thầy trò.
- Văn nghệ chúc mừng thầy cô giáo.

**3. Về phương tiện hoạt động**

- Dụng cụ để trang trí.

4. Tiến hành hoạt động

a. Khởi động

- Giới thiệu đại biểu.
- Giới thiệu chương trình lễ kỉ niệm mừng các thầy cô giáo nhân ngày nhà giáo Việt Nam.

b. Lễ kỉ niệm và chúc mừng

- Người dẫn chương trình đọc bản tóm tắt ý nghĩa lịch sử ngày 20-11.
- Phát biểu của ban giám hiệu nhà trường

- Đại diện sinh viên đọc lời chúc mừng các thầy cô, ghi nhớ công ơn thầy cô đã dạy dỗ và hứa với thầy cô giáo sẽ cố gắng học tập và rèn luyện tốt.

- Một số sinh viên có thành tích lên tặng hoa các thầy cô giáo

- Đại diện thầy cô phát biểu ý kiến.

c. Thảo luận và văn nghệ

- Người dẫn chương trình lần lượt nêu các vấn đề cần thảo luận

- Người dẫn chương trình tóm tắt các ý kiến và kết luận.

- Trong quá trình thảo luận, nên giới thiệu xen kẽ các tiết mục văn nghệ, các lời phát biểu cảm tưởng, những tâm sự hoặc những câu chuyện cảm động về thầy cô giáo.

5. Kết thúc hoạt động

- Phát biểu của một số thầy cô giáo

- Nhận xét kết quả hoạt động và phát động thi sáng tác theo đề tài " Biết ơn thầy cô giáo".

## MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG: Những tấm gương học tốt.

### I. Yêu cầu giáo dục

- Giáo dục cho sinh viên tính hiếu học, sự ham hiểu biết và tinh thần vượt khó để vươn lên chiếm lĩnh tri thức và đạt kết quả cao trong học tập.

- Rèn luyện kĩ năng, phương pháp học tập tốt, rèn luyện các phẩm chất, ý chí, năng lực học tập, năng lực tư duy sáng tạo theo các tấm gương học tập tốt.

### II. Nội dung và hình thức hoạt động

#### 1. Nội dung

- Tư liệu về các tấm gương học tốt, ham học, hiếu học, những tấm gương vượt khó vươn lên để học tốt, sưu tầm được trong sách báo và trong đời sống thực tế dưới dạng các mẩu chuyện, bài thơ, tranh ảnh, người thật việc thật.

- Các hiện tượng tự nhiên, các câu đố khoa học có liên quan để rèn luyện năng lực nhận thức, năng lực tư duy sáng tạo.

**2. Hình thức hoạt động**

- Thi tìm hiểu, thi kể chuyện
- Văn nghệ xen kẽ.

**3. Chuẩn bị hoạt động**

a. Về phương tiện hoạt động

- Các tư liệu liên quan đến chủ đề hoạt động.
- Hệ thống các câu hỏi, câu đố…
- Bảng quy định điểm chuẩn và thang chấm điểm cũng như đáp án (nếu có).
- Phần thưởng.
- Các lá cờ nhỏ hoặc chuông.

b. Về tổ chức

- Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm :

+ Nêu nội dung, hình thức tổ chức hoạt động cho cả lớp và hướng dẫn sinh viên sưu tầm, tìm hiểu các tư liệu liên quan. Nêu kế hoạch chuẩn bị và thời gian tiến hành.

- Phân công chuẩn bị các phương tiện cho hoạt động.
- Mỗi tổ cử một đội dự thi (từ 3-5 người).
- Cử một ban giám khảo (mỗi tổ 1 người).
- Cử người dẫn chương trình.
- Cử nhóm trang trí lớp.
- Mời đại biểu.
- Nhiệm vụ của sinh viên

+ Thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Sinh viên trong đội tuyển dự thi trong mỗi đội trao đổi, bàn bạc, chuẩn bị tư liệu và nội dung sẵn sàng cho cuộc thi.

**4. Tiến hành hoạt động**

a. Khởi động

b. Cuộc thi

- Người dẫn chương trình lần lượt nêu câu hỏi hoặc câu đố

- Đội nào có câu trả lời trước sẽ đánh tín hiệu xin trả lời (rung chuông hoặc cắm cờ), nếu không, người dẫn chương trình sẽ gọi lần lượt từng đội.

- Ban giám khảo chấm điểm. Điểm được công bố ngay và thư kí giám khảo sẽ ghi lên ô điểm của từng đội lên bảng.

- Trong tình huống một câu hỏi nào đó không có đội nào trả lời được, người dẫn chương trình sẽ hỏi các cổ động viên, cổ động viên trả lời đúng sẽ có phần thưởng và được tính điểm. Điểm đó được tính vào ô điểm của đội nhà.

- Ban giám khảo công bố tổng số điểm của từng đội và công bố đội đạt giải nhất, nhì, ba.

- Người dẫn chương trình mời giáo viên chủ nhiệm hoặc đại biểu lên trao giải thưởng cho các đội.

**5. Kết thúc hoạt động**

# Phụ lục 7
# PHIẾU KHẢO SÁT NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN SAU THỰC NGHIỆM LẦN 1

**1. Thông tin sinh viên:**

Họ và tên:

Lớp:

**2. Nội dung khảo sát:**

**Câu 1:** Bạn vui lòng cho biết ý nghĩa của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm ?

……

……

**Câu 2:** Bạn hãy liệt kê những nội dung giáo dục đạo đức nghề nhiệp cho sinh viên sư phạm?

……

……

**Câu 3:** Theo bạn, để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên có hiệu quả cần đảm bảo những yêu cầu nào ?

……

……

**Câu 4:** Để thực hiện tốt các yêu cầu, qui định đạo đức nghề nghiệp nhà giáo sinh viên cần có những kĩ năng cơ bản nào?

……

……

# Phụ lục 8
# PHIẾU KHẢO SÁT NHẬN THỨC CỦA SV SAU THỰC NGHIỆM LẦN 2

**1. Thông tin sinh viên:**

Họ và tên:

Lớp:

**2. Nội dung khảo sát:**

**Câu 1:** Trong bối cảnh chung, bạn thấy những phẩm chất đạo đức nhà giáo có ý nghĩa như thế nào đối với quá trình rèn luyện nghề nghiệp của bản thân?

……

……

**Câu 2:** Bạn cần làm gì để rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân?

……

……

**Câu 3:** Theo bạn phẩm chất nào quan trọng nhất đối với nghề dạy học?

……

……

**Câu 4:** Để lập kế hoạch rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân, bạn cần có những kĩ năng gì?

……

……

## Phụ lục 9

### *Phiếu phỏng vấn sinh viên*

*Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm, xin bạn vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:*

***Bạn là sinh viên năm thứ: ..... , khoa .....***

***Giới tính: Nam / nữ***

***Xin chân thành cảm ơn bạn!***

1. Theo bạn, tại sao phải giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm ?

……

……

2. Bạn hãy kể ra các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đặc trưng của người giáo viên theo thứ tự quan trọng dần.

……

……

3. Theo bạn, công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường sư phạm hiện nay có ưu điểm và hạn chế gì?

**Ưu điểm:**

……

……

**Hạn chế:**

……

……

4. Bạn vui lòng cho biết một số kiến nghị của bản thân để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm hiện nay?

……

……

# Phụ lục 10
# CÁC VĂN BẢN CÓ TÍNH PHÁP QUI

**- Qui định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non**

Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22-1- 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

Theo Quy định này, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non gồm ba lĩnh vực: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức và kỹ năng sư phạm. Mỗi lĩnh vực gồm có 5 yêu cầu cụ thể, tuy nhiên chúng ta tìm hiểu các yêu cầu thuộc lĩnh vực đạo đức:

***A. Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống***

1. Nhận thức tư tưởng chính trị, thực hiện trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Tham gia học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước;

b. Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ;

c. Giáo dục trẻ yêu thương, lễ phép với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, thân thiện với bạn bè và biết yêu quê hương;

d. Tham gia các hoạt động  xây dựng bảo vệ quê hương đất nước góp phần phát triển đời sống kinh tế, văn hoá, cộng đồng.

2.Chấp hành pháp luật, chính sách của nhà nước. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Chấp hành các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước

b. Thực hiện các quy địnhcủa địa phương;

c. Giáo dục trẻ thực hiện các quy định ở trường, lớp, nơi công cộng;

3. Chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động. Gồm các tiêu chí sau:

a. Chấp hành quy định của ngành, quy định của nhà trường;

b. Tham gia đóng góp xây dựngvà thực hiện nội quy hoạt động của nhà trường;

c. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

d. Chấp hành kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhóm lớp được phân công.

4. Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu, được đồng nghiệp, người dân tín nhiệm và trẻ yêu quý;

b. Tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, khoẻ mạnh và thường xuyên rèn luyện sức khoẻ;

c. Không có biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống, trong chăm sóc, giáo dục trẻ;

d. Không vi phạm các quy định về các hành vi nhà giáo không được làm.

5. Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Trung thực trong báo cáo kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b. Đoàn kết với mọi thành viên trong trường; có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ;

c. Có thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cha mẹ trẻ em;

d. Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo.

**- Qui định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

***A. Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống***

1. Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, góp phần phát triển đời sống văn hoá cộng đồng, giúp đỡ đồng bào gặp hoạn nạn trong cuộc sống;

b. Yêu nghề, tận tụy với nghề; sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh;

c. Qua hoạt động dạy học, giáo dục học sinh biết yêu thương và kính trọng ông bà, cha mẹ, người cao tuổi; giữ gìn truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam; nâng cao ý thức bảo vệ độc lập, tự do, lòng tự hào dân tộc, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội;

d. Tham gia học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước.

2. Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

b. Thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương;

c. Liên hệ thực tế để giáo dục học sinh ý thức chấp hành pháp luật và giữ gìn trật tự an ninh xã hội nơi công cộng;

d. Vận động gia đình chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

3. Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Chấp hành các Quy chế, Quy định của ngành, có nghiên cứu và có giải pháp thực hiện;

b. Tham gia đóng góp xây dựng và nghiêm túc thực hiện quy chế hoạt động của nhà trường;

c. Thái độ lao động đúng mực; hoàn thành các nhiệm vụ được phân công; cải tiến công tác quản lý học sinh trong các hoạt động giảng dạy và giáo dục;

d. Đảm bảo ngày công; lên lớp đúng giờ, không tùy tiện bỏ lớp học, bỏ tiết dạy; chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy và giáo dục ở lớp được phân công.

4. Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Không làm các việc vi phạm phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; không xúc phạm danh dự, nhân phẩm đồng nghiệp, nhân dân và học sinh;

b. Sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu; được đồng nghiệp, nhân dân và học sinh tín nhiệm;

c. Không có những biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống, trong giảng dạy và giáo dục;

d. Có tinh thần tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ chính trị chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên rèn luyện sức khoẻ.

5. Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. Bao gồm các tiêu chí sau:

a. Trung thực trong báo cáo kết quả giảng dạy, đánh giá học sinh và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b. Đoàn kết với mọi người; có tinh thần chia sẻ công việc với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

c. Phục vụ nhân dân với thái độ đúng mực, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của phụ huynh học sinh;

d. Hết lòng giảng dạy và giáo dục học sinh bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo.

**- Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông** ( Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT – Ngày 22 -10-2009) Bộ giáo dục đào tạo ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học gồm 6 tiêu chuẩn với 25 tiêu chí, được đánh giá trên thang điểm 100.

Theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo, sẽ có 2 mức xếp loại, gồm mức đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học. Giáo viên sẽ tự đánh giá trên 6 tiêu chuẩn gồm: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực hoạt động chính trị xã hội, năng lực phát triển nghề nghiệp.

***Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống***

1. Tiêu chí 1. Phẩm chất chính trị

Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; thực hiện nghĩa vụ công dân.

2. Tiêu chí 2. Đạo đức nghề nghiệp

Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học; chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh, là tấm gương tốt cho học sinh.

3. Tiêu chí 3. Ứng xử với học sinh

Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt.

4. Tiêu chí 4. ứng xử với đồng nghiệp

Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.

5. Tiêu chí 5. Lối sống, tác phong

Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

***Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục***

1. Tiêu chí 6. Tìm hiểu đối tượng giáo dục

Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

2. Tiêu chí 7. Tìm hiểu môi trường giáo dục

Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

***Tiêu chuẩn 3: Năng lực dạy học***

1. Tiêu chí 8. Xây dựng kế hoạch dạy học

Các kế hoạch dạy học được xây dựng theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

2. Tiêu chí 9. Đảm bảo kiến thức môn học

Làm chủ kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lý các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn.

3. Tiêu chí 10. Đảm bảo chương trình môn học

Thực hiện nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ được quy định trong chương trình môn học.

4. Tiêu chí 11. Vận dụng các phương pháp dạy học

Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học và tư duy của học sinh.

5. Tiêu chí 12. Sử dụng các phương tiện dạy học

Sử dụng các phương tiện dạy học làm tăng hiệu quả dạy học.

6. Tiêu chí 13. Xây dựng môi trường học tập

Tạo dựng môi trường học tập: dân chủ, thân thiện, hợp tác, cộng tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh.

7. Tiêu chí 14. Quản lý hồ sơ dạy học

Xây dựng, bảo quản, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

8. Tiêu chí 15. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bảo đảm yêu cầu chính xác, toàn diện, công bằng, khách quan, công khai và phát triển năng lực tự đánh giá của học sinh; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

***Tiêu chuẩn 4: Năng lực giáo dục***

1. Tiêu chí 16. Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục

Kế hoạch các hoạt động giáo dục được xây dựng thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

2. Tiêu chí 17. Giáo dục qua môn học

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp các nội dung giáo dục khác trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Tiêu chí 18. Giáo dục qua các hoạt động giáo dục

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.

4. Tiêu chí 19. Giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội... theo kế hoạch đã xây dựng.

5. Tiêu chí 20. Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục

Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

6. Tiêu chí 21. Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh

Đánh giá kết quả rèn luyện đạo dực của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.

***Tiêu chuẩn 5: Năng lực hoạt động chính trị, xã hội***

1. Tiêu chí 22. Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng

Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường.

2. Tiêu chí 23. Tham gia hoạt động chính trị, xã hội

Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

***Tiêu chuẩn 6: Năng lực phát triển nghề nghiệp***

1. Tiêu chí 24. Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện

Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục.

2. Tiêu chí 25. Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục

Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới trong giáo dục.

Việc đánh giá giáo viên phải căn cứ vào các kết quả đạt được thông qua xem xét các minh chứng. Việc nâng cao chất lượng giáo dục được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đất nước ta trong thời kì hội nhập, trong đó yếu tố then chốt là nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Bởi giáo viên là người trực tiếp truyền đạt kiến thức cho học sinh, vì thế đòi hỏi trước tiên là người thầy phải đạt trình độ chuẩn. Chuẩn nghề nghiệp ra đời sẽ là thước đo và là đích tới để người giáo viên tự đánh giá về năng lực phẩm chất cá nhân đồng thời là cơ sở để đánh giá xếp loại, xây dựng kế hoạch đào tạo giáo viên trung học hàng năm.

# KHUNG CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
# KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM
# ( DO BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO QUI ĐỊNH )

Khung chuẩn đầu ra gồm 8 tiêu chuẩn

***Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức***

Tiêu chuẩn 1 gồm 3 tiêu chí:

1. Phẩm chất chính trị;
2. Trách nhiệm công dân;
3. Đạo đức nghề nghiệp.

***Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục***

Tiêu chuẩn 2 gồm 5 tiêu chí

1. Năng lực tìm hiểu cá nhân người học;
2. Năng lực tìm hiểu tập thể lớp;
3. Năng lực tìm hiểu môi trường nhà trường;
4. Năng lực tìm hiểu môi trường gia đình;
5. Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội. .

***Tiêu chuẩn 3: Năng lực giáo dục***

Tiêu chuẩn 3 gồm 9 tiêu chí

1. Năng lực giáo dục qua dạy học môn học;
2. Năng lực tổ chức và phát triển tập thể lớp;
3. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;
4. Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm;
5. Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi;
6. Năng lực đánh giá kết quả giáo dục;
7. Năng lực tư vấn và tham vấn;
8. Năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường;
9. Năng lực xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ giáo dục.

***Tiêu chuẩn 4: Năng lực dạy học***

Tiêu chuẩn 4 gồm 9 tiêu chí

1. Kiến thức các khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng;
2. Kiến thức, kĩ năng môn học sẽ dạy ở phổ thông;
3. Năng lực phát triển chương trình môn học;
4. Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn;
5. Năng lực dạy học phân hóa;
6. Năng lực dạy học tích hợp;
7. Năng lực lập và thực hiện kế hoạch dạy học;
8. Năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập;
9. Năng lực xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học

***Tiêu chuẩn 5: Năng lực giao tiếp***

Tiêu chuẩn 5 gồm 3 tiêu chí

1. Năng lực giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;
2. Năng lực giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội;
3. Năng lực giao tiếp với học sinh.

***Tiêu chuẩn 6: Năng lực đánh giá trong giáo dục***

Tiêu chuẩn 6 gồm 3 tiêu chí

1. Năng lực tổ chức đánh giá trong giáo dục;
2. Năng lực thiết kế các công cụ đánh giá kết quả giáo dục;
3. Năng lực sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá.

***Tiêu chuẩn 7: Năng lực hoạt động xã hội***

Tiêu chuẩn 7 gồm 3 tiêu chí

1. Năng lực tham gia các hoạt động xã hội;
2. Năng lực vận động người khác tham gia hoạt động xã hội;
3. Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội.

***Tiêu chuẩn 8: Năng lực phát triển nghề nghiệp***

Tiêu chuẩn 8 gồm 3 tiêu chí

1. Năng lực tự đánh giá;
2. Năng lực tự học;
3. Năng lực nghiên cứu khoa học.